

895.922 80

ĐC

B 510 H

ĐÌNH GIANG

23430

# Bùi Hữu Nghĩa

## CON NGƯỜI VÀ TÁC PHẨM



NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



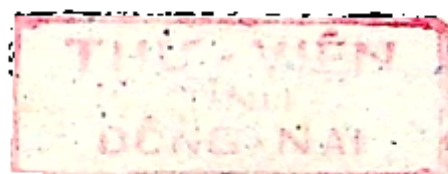
***BÙI HỮU NGHĨA — CON NGƯỜI VÀ TÁC PHẨM***



895. 322. 80  
B 510 H.

BẢO ĐỊNH GIANG

# BÙI HỮU NGHĨA CON NGƯỜI VÀ TÁC PHẨM



2018/ĐC/VV

00001408



NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
1988

## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tiếp theo các sách đã xuất bản về thân thế và sự nghiệp thơ, văn của Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Hữu Huân, Phan Văn Trị, Nguyễn Thông... những nho sĩ, văn gia đã làm rạng danh "hào khí Đồng Nai" trong cuộc đấu tranh chống phong kiến triều Nguyễn và thực dân Pháp xâm lược nước ta hồi cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, nhân dịp kỷ niệm 180 năm ngày sinh của nhà thơ Bùi Hữu Nghĩa (1807-1987), Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh cho ra mắt bạn đọc quyển sách "Bùi Hữu Nghĩa — con người và tác phẩm" do Bảo Định Giang biên soạn.

Bùi Hữu Nghĩa, hiệu là Nghi Chi, sinh năm 1807 ở Long Xuyên, Cần Thơ nay là tỉnh Hậu Giang, trong một gia đình làm nghề chài lưới.

Ông đã đỗ đầu cuộc thi hương (1835), đậu cử nhân dưới triều Minh Mạng, và được bổ làm tri phủ Phước Long, Biên Hòa (Đồng Nai) và sau đó làm tri huyện Trà Vinh (Trà Vinh — tỉnh Cửu Long ngày nay). Về sau, ông làm quan trấn đồn Vĩnh Thông, Châu Đốc (An Giang) đến khi mất (1872).

Sinh thời ông là người cương trực, liết tháo, trọng đạo nghĩa, giàu lòng yêu nước, thương dân, một văn quan liêm khiết, có nhân cách, ghét bọn cường quyền phong kiến nhũng nhiễu dân, và căm thù sâu sắc bọn thực dân Pháp xâm lược. Ông lên tiếng tố cáo bọn chúng với những mưu mô xảo quyệt, gian hiểm của chúng, đề cao nghĩa khí, phẩm hạnh của người dân và san sẻ, cảm thông với mọi nỗi thống khổ của đồng bào.

Các sáng tác của ông gồm thơ, văn, phú, văn tế, và vở tuồng Kim, Thạch kỳ duyên... đều thể hiện một lòng yêu nước, thương dân sâu sắc, ca ngợi ý chí bất khuất, quật cường, tinh thần đoàn kết dân tộc, tình nghĩa gần bó tộc họ, xóm giềng, giữ gìn phẩm cách, đạo lý thủy chung của những dân ấp, dân



lân trong cuộc đấu tranh chống thiên tai, địch họa ở vùng Đồng Nai, Lục tỉnh.

Ông ra sức bênh vực quyền lợi cho dân nghèo, những người cùng đinh; thấp cổ bé họng, chịu bao sự áp bức bất công của mọi tầng quan lại phong kiến thực dân, tỏ nỗi cảm thông và xót thương thân phận tội đời của người dân mất nước.

Sự nghiệp văn chương của Bùi Hữu Nghĩa phong phú, đa dạng, sắc nét trong mỗi thể loại; mỗi áng văn đều nét bi, hùng và tinh trử tình, lời lẽ trau chuốt quyền chắt khi ông đề cao khí tiết, sống đêc độ và lòng xả thân cứu nước của người dân Nam Kỳ lục tỉnh, cũng như khi ông vạch mặt bọn vua quan triều Nguyễnươn hèn, bán nước, m tay sai cho Tây bang.

Ông là một nho sĩ mà tài vừa thắm đậm tính uyên bác, thông tuệ trong kiến thức vừa mang sắc thái dân gian được thấm trong các bài thơ, văn do cuộc sống gần gũi và gần bó giữa ông với dân chúng.

Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa được người đương thời mến mộ, truyền tụng là một trong bốn "Rồng vàng" của thi đàn Đồng Nai, Gia Định. Tài văn thơ của ông được đánh giá là tác giả hàng đầu, tiêu biểu cho kẻ sĩ tài Nam Kỳ.

Do vậy, khi ông mất, kẻ nhỏ sĩ khuyết danh đã làm bài thơ điệu, trong đó có câu:

Thanh danh cội nòi đạt đơn trì  
Khỏi thủ văn chương hỏi nội tri...

**địch nghĩa** (Tiếng tăm liền lấy tay chực thầu đến tại vua  
Nhưng văn chương bậc thủ khoa, bốn bề đều biết tiếng).

Tìm hiểu thân thế và sự nghiệp thơ văn của Bùi Hữu Nghĩa cũng là một dịp ôn lại truyền thống yêu nước, thương dân của bậc tiền nhân, giúp lớp cháu con của vùng đất "Chín Rồng" chúng ta thêm sức, đồng lòng đem tài đức góp sức cùng nhau xây dựng và bảo vệ đất nước.

Trân trọng giới thiệu quyển sách **Bùi Hữu Nghĩa — con người và tác phẩm** với bạn đọc, và mong được sự góp ý phê bình.

NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

## CÙNG ĐẠM ĐỘC

Năm 1961 trong quá trình biên soạn cuốn *Thơ văn yêu nước Nam Bộ nửa cuối thế kỷ XIX*, khi viết đến phần tiền sử Bùi Hữu Nghĩa, tôi có chừa một câu như sau: « Theo yêu cầu nhất định của quyển sách này, chúng tôi chỉ trích một số bài. Chúng tôi dự định sẽ soạn riêng một quyển về Bùi Hữu Nghĩa mới có thể giới thiệu thơ văn của ông một cách đầy đủ hơn »

Như dự định cuối năm 1962, nhờ sự giúp đỡ của Nhà xuất bản Văn học — tiền thân của Nhà xuất bản Văn học ngày nay — tôi bắt tay vào việc biên soạn quyển sách về Bùi Hữu Nghĩa và sự nghiệp văn học của ông. Nhà xuất bản cử anh Hồ Như Sơn chuyển viên trong tờ văn học cơ, cần đại giúp tôi và cùng tôi liên lạc với em Phạm Trọng Diễm yêu cầu em giúp chú thích vở *Kim Thạch kỳ duyên*. Cụ vui vẻ nhận lời. Chúng tôi phân công như sau: Cụ Phạm Trọng Diễm dịch phần chữ Hán và chú thích các điển cố trong tác phẩm, anh Hồ Như Sơn phụ trách phần đối chiếu khảo dị, tôi lo phần chú thích các từ ngữ địa phương và dẫn giải « ý tác giả muốn nói » cốt để các bạn trẻ dễ tiếp thu tác phẩm. Công việc khó nhọc này, chúng tôi làm cả năm mới xong. Dù công việc do ba người hợp tác, nhưng người góp nhiều công lao là em Phạm Trọng Diễm. Là người có trình độ Hán học cao lại là người rất quý Bùi Hữu Nghĩa qua vở tuồng *Kim Thạch kỳ duyên*, nên em rất say sưa tiến hành công việc một cách đầy trách nhiệm và không biết mệt mỏi.

Đóng lý quyển sách về Bùi Hữu Nghĩa được ra đời từ lúc đó nhưng tôi cứ chần chờ, mong phát hiện thêm được nhiều tác phẩm của Bùi Hữu Nghĩa, nhất là các vở tuồng *Thy Du*, *Mộu Tông* mà các sách viết về Bùi Hữu Nghĩa và các vị cao niên ở Nam Bộ thường nhắc tới.

Sau ngày miền Nam giải phóng, tôi vẫn tiếp tục theo đuổi công việc bấy lâu từng ôm ấp, nhưng ngoài một vài bài thơ, tôi chẳng nêu làm được gì thêm về sáng tác của Bùi Hữu Nghĩa — mà tôi cho là có sự mất mát đáng tiếc.

Cho mãi những năm gần đây công việc giới thiệu con người và tác phẩm của Bùi Hữu Nghĩa đã chậm rãi, nhưng khi định xuất bản thì gặp phải khó khăn về giấy in khan hiếm, nên phải in cũ ở trường Kim, Thạch kỳ duyên, có hủ thích. Trong khi chờ đợi thực hiện được ý định ban đầu của anh, tôi thỏa thuận với Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh trước mắt cho trích một phần về Kim, Thạch kỳ duyên, trong lần in này. Nếu có điều kiện, lúc nào đó sẽ in trọn để bảo tồn một di sản văn học mà tôi cho là rất quý giá.

Dù chưa phải là một công trình nghiên cứu, biên soạn có chất lượng như sự mong muốn, nhưng tôi vui và cảm động trước sự khuyến khích của Nhà xuất bản Văn ra ở Hà Nội trước đây và Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh hiện nay.

Tôi không bao giờ quên cụ Ca Văn Hỉnh, nhà nghiên cứu văn học lão thành, luôn nhắc nhở và chú ý những ý kiến sâu sắc về một thể hệ liên nhân ở miền đất Lũy Thủ Khoa Huân, đã có công lao to lớn như thế nào đối với sự độc lập, tự do của Tổ quốc; rằng phẩm chất cao cả của họ là những tấm gương cực kỳ trong sáng, mãi mãi bồi dưỡng tinh thần chúng ta trong bước đi lên hiện nay và các thế hệ mai sau. Tôi cảm ơn bạn Hoài Anh đã đóng góp những ý kiến bổ ích xung quanh vấn đề đánh giá sự nghiệp văn học của Bùi Hữu Nghĩa, Ngọc ra, tôi cũng xin cảm ơn cụ Nguyễn Quang Tuấn đã giúp tôi phân biệt những phần khác nhau giữa các văn bản trên một số bài thơ văn.

Khi quyền sách này ra đời, tôi muốn nhắc một lần nữa cụ Phạm Trọng Diễm, một người dẫu đầy công việc vẫn luôn dành thời gian chú thích về trường Kim, Thạch kỳ duyên. Trước hương hồn cụ, tôi xin thắp một nén nhang thơm. Lật xem các cụ tình thông Hán học ra đi, là những mất mát không thể bù đắp đối với chúng ta, khi chúng ta muốn khai thác di sản văn hóa của ông cha trong kho tàng Hán — Nôm rất phong phú của đất nước.

Dù thời gian trải qua khá lâu, nhưng công việc của tôi trong quyền sách này chắc còn nhiều thiếu sót. Tôi mong được sự đóng góp ý kiến chân thành của các bạn đọc để tôi sửa chữa khi được dịp in lại.

NGUYỄN BIÊN SOẠN



**PHẦN I**  
**CON NGƯỜI VÀ TÁC PHẨM**

## CON NGƯỜI VÀ TÁC PHẨM

Ông Bùi Hữu Nghĩa, tức Thủ khoa Nghĩa, hiệu Nghi Chi, sinh năm Đinh Mão (1807) tại làng Long Xuyên, Cần Thơ (Hậu Giang). Thân sinh Bùi Hữu Nghĩa là Bùi Hữu Vi, làm nghề chài lưới. Tuy nhà nghèo, nhưng thấy con thông minh và ham học, để con tiếp tục được học hành, ông đưa con lên Biên Hòa, gửi ở nhờ nhà ông Nguyễn Văn Lý, bậc đàn hộ trưởng (chức vụ chuyên thu thuế những người làm nghề chài là buôn) tại làng Mỹ Khánh, tổng Mỹ Thượng để theo học với ông Đỗ Hoàng, một yếu nhân của Lê Văn Khôi.

Qua những tháng, năm đèn sách miệt mài, Bùi Hữu Nghĩa vượt hẳn các bạn đồng học, được thầy khen, bạn mến.

Tháng hai năm Ất Mão, 1835, nhằm năm Minh Mạng thứ 16 sau khi dẹp xong cuộc khởi nghĩa của Lê Văn Khôi, triều đình cho mở khoa thi hương tại Gia Định, Bùi Hữu Nghĩa dự thi và đậu giải nguyên (đầu đầu cử nhân). Ông nổi tiếng từ ấy.

Ít lâu sau, ông kết duyên với bà Nguyễn Thị Tôn, con gái của ông Nguyễn Văn Lý ở Biên Hòa, người đã đùm bọc ông suốt thời gian học tập. Ông được bổ làm tri huyện Trà Vàng (tức Trà Vinh), thuộc Long Hồ (Vĩnh Long), tổng sự dưới quyền Tổng đốc Trương Văn Uyên và Bố chánh Truyền. (Có người nêu lúc Bùi Hữu Nghĩa làm tri huyện Trà Vàng, quan đầu lĩnh không phải là Uyên và Truyền).

Thanh liêm và cương trực. Bùi Hữu Nghĩa được lòng dân bao nhiêu thì trái lại, ng bị đám quan lại trên ông ghét bấy nhiêu. Do ý thù em vợ của Bô chánh Truyền, một tên công tử tỏ raxác lảo với ông, bị ông cho một trận đòn nên thân, từ đó Bùi Hữu Nghĩa chuốc oán vào mình, đám quan lại mnh rình chờ cơ hội để hãm hại ông. Và cơ hội ấy đã đến với chúng qua cuộc tranh chấp đồ máu để giành quyền lợi cá ở Láng Thè, giữa một bên là địa chủ người Hoa kiều, một bên là thổ dân, người Kho-me.

Nguyên trước đó, trong lúc thất thế, Nguyễn Ánh chạy đến vùng này có hàm ân dân địa phương trong việc giúp đỡ lương thực. Khi lên ngôi vua, để trả nghĩa, Gia Long xuống chiếu vĩnh viễn tha thuế thủy lợi đối với thổ dân Láng Thè. Tham lam trước nguồn lợi cá to lớn, bọn địa chủ Hoa kiều muốn độc quyền được hưởng nên lo lót với các quan liêu tỉnh mua phần thủy lợi ấy. Uất ức, mẹ Sóc và người thiếu số Kho-me kéo nhau đến huyện kiện với Bùi Hữu Nghĩa. Bùi Hữu Nghĩa nghe qua biết được giữa đám man đầu tỉnh và bọn địa chủ có mối thông đồng bắt chửi đẩy dân nghèo lâm vào cảnh khó khăn, bèn bảo với họ rằng: «Rạch Láng Thè từ trước đến giờ được đức mế tổ tha thuế lợi vĩnh viễn cho các người, thì các người cứ chiếm lấy. Nay nếu có ai lớn hơn Thế tổ phệchầu tự bán rạch ấy thì các người phải cam chịu, còn nếu ai nhỏ hơn Thế tổ, đứng bán rạch ấy thì có chém nó đứt đầu cũng chẳng sao!».

Nghe lời như cửi tấm lòng, những thổ dân kéo ra rạch bừa đập, phá rọ. Bọn địa chủ Hoa kiều cây giấy tờ có đủ, hề nhiau đàn áp thổ cư. Hai bên đánh nhau, kết cục gần chục mạng, tron đó có tên cầm đầu, bị



thổ dân chém chết. Được phi báo, quan đầu tỉnh cho lính đến Lũng Thề bắt những thổ dân liên can trong vụ đồ mau đưa về giam ở Vĩnh Long.

Quan lời khai của thổ dân, dễ hả lòng thù hận bấy lâu, nhân dịp may hiếm có, bọn quan đầu tỉnh quy tội giết người do Bùi Hữu Nghĩa xúi giục, bắt Bùi Hữu Nghĩa giam ở Vĩnh Long, sau đó giải về Gia Định, lên án tử hình, dâng sớ về triều chờ triều đình phê chuẩn.

Những ngày bị giam ở Vĩnh Long, ông làm thơ chỉ trích bọn «khi nhân, ích kỷ» bất tài, thừơng hay dùng thủ đoạn, hành vi ách muội, xấu xa của chúng để bại người; em nhem không cho trên biết.

*Nhượng chàng là nhượng kẻ cày voi  
Lục đục thường tài cũng một môi  
Mù mịt bởi mây che bóng nguyệt  
Ám thâm vì trống lấp hơi còi...*

Bùi Hữu Nghĩa có kết hợp, nhằm chỉ trích khéo Tự Đức trong bài này không, chưa rõ? Kẻ cày voi trong bài thơ là vua Thuấn. Vua Nghiêu, Thuấn xưa nay đều được coi là vua hiền. Chỉ nhượng vua Thuấn thôi, chứ không nhượng vua nói chung. Bùi Hữu Nghĩa có ý tứ gì cũng cần bỏ dấu hỏi? Theo tôi là có.

Trước hiên cô không lường trước, không còn cách nào khác, để cứu chồng ra khỏi án tử hình đang treo lơ lửng trên đầu, bà Tồn, vợ ông nhất quyết ra tận để dờ để mỉnh oan cho Bùi Hữu Nghĩa.

Theo Nguyễn Văn Nghĩa trong cuốn *Văn chương và lịch sử cụ Thủ khoa Nghĩa và con là Bùi Hữu Tài* thì, bà Nguyễn Thị Tồn trong lúc gặp rút chầu bị len đường, sợ bản án đã vào tới, khi bà chưa kịp đến nơi, nên có cây người em bạn dì của Bùi Hữu Nghĩa là quân



Kiểm, tổ chức việc đánh cấp chiếu chỉ của tâu đình giấu đi. Để làm được việc đó, quân Kiểm phải tu nhiều trí mưu, công sức, lăn lộn với các trạm và lính trạm từ Huế vào.

Tính chu đáo của bà Nguyễn Thị Tồn gì không thừa. Quân Kiểm đã lấy cấp được chiếu chỉ nhờ đó bản án xử tử hình Bùi Hữu Nghĩa mặc nhiên coi như tạm gác. Dù vậy, theo tác giả — sách đã dẫn — vẫn còn nhiều giả thuyết xung quanh vấn đề này.

Việc giấu nhem chiếu chỉ cho phép bà Nguyễn Thị Tồn có đủ ngày giờ « quá giang » ra Huế trên một chiếc ghe bầu rồi bến từ Mỹ Tho.

Tôi để đó, bà đi tìm tới dinh Phan Thanh Giản lúc bấy giờ giữ chức Lại bộ thượng thư, trình bà liệt các sự việc xảy ra và tỏ ý muốn đòi sơ kêu oan trước triều đình. Phan Thanh Giản nghe xong có lời an ủi bà và giúp bà thảo ra tờ sớ. Một đêm, vào lúc canh năm, mọi người còn đang an giấc, bà đến trước sự chầu, đánh ba hồi trống làm kinh động cả tam cung, ๔ viện.

Nghe trống đánh loạn, Tự Đức làm triều, gọi đình thần, nghe bà biện bạch nỗi oan ức của chồng. Nghe xong, Tự Đức giao cho Bộ hình xét xử. Sau khi thẩm định, Bộ hình tâu án :

« Tha cho Bùi Hữu Nghĩa khỏi tử hình, nhưng phải quân tiền hiệu lực, đại tội lập công » nghĩa là phải ra trận, lập công chuộc tội.

Lúc bấy giờ, nghe được tin có người đàn ông ở đất Đồng Nai lặn lội ra Huế minh oan cho chồng bà Từ Dũ, tức Nghi thiên chương hoàng hậu, cho vời đến gặp bà. Bà Nguyễn Thị Tồn vào yết kiến và tâu mọi việc. Tự Đức cảm động và tặng một tấm biển bốn

chữ vàng «Liệt phụ khả gia». Thời gian ở Huế, bà Nguyễn Thị Tồn được vợ các quan triều tiếp đón ân cần và tổ lòng mến phục. Sau chuyến đi dài ngày, bà trở về quê hương trong lúc Bùi Hữu Nghĩa đã bị đưa đi trấn đồn Vĩnh Thông (Châu Đốc) — nơi giáp với nước Cam-pu-chia, lúc bấy giờ còn gọi là Cao Miên. Tình hình nơi này thường xuyên không ổn định, bởi các cuộc nổi dậy chống triều đình. Vì sự đời thay đổi không theo ý muốn, bà Nguyễn Thị Tồn đành phải xa chồng về ở nơi chốn cũ — Biên Hòa — đến khi lâm bệnh và mất tại đó.

Lúc bà Nguyễn Thị Tồn mất, Bùi Hữu Nghĩa phải trấn đồn ở xa không về được. Khi ông trở lại Biên Hòa để lo tang vợ, tình thời gian từ khi xa cách đến ngày trở lại thì:

*Đã chẵn ba năm mới được thăm  
Mắt loan đầu vắng bật hơi tằm...*

Đây là câu thơ vĩnh biệt của một người chồng, vốn mang nặng tình nghĩa với vợ, diễn ra trong một hoàn cảnh rất đặc biệt. Bài tế là một trong những áng văn khóc vợ còn đọng lại trong lòng người đọc mãi đến ngày nay. Tôi sẽ trở lại vấn đề này ở phần sau.

Khỏi tội chết, bị đưa đi trấn giữ một đồn biên giới lẻ loi cách đất nước Cam-pu-chia khoảng 1.000 mét, trước mắt là con rạch nhỏ, xung quanh là những hòn núi Cỏ Tò, núi Dài, núi Tượng, núi Nước... bao bọc. Với Bùi Hữu Nghĩa, cuộc ra đi này, khác nào một cuộc lưu đày. Ông chẳng vui sướng một chút nào khi bị bắt buộc làm người chỉ huy trưởng một đội quân khoảng trăm người ấy:

... Mò sắc sờ gian ỵ trúc ầy  
Ca thanh nhất đạo tải bồ huyễn.  
Tu mi tự đắc bách phu trởng  
Tải thượng ta đã niên hụ nĩn.

(Vĩnh Tòng: đồn trấn)

<... Có mấy gian nhà nường lữ trư buổi chiều tà  
Từ con thuyền mũi tranh long, bát vang trên  
sông.

Nâu mày mà lại tự băng băng được « đứng  
đầu lữ người » sao ?

Thế mà phải ở lẫn lữ này sang năm  
khá trên diên hải ! >

Một cái đồn lẻ mọc lên giữa vùng hoang dã làm  
nhiệm vụ đàn áp các cuộc nổi dậy củaluđ dân và người  
bên kia nước lang giềng luôn chống lại triều đình, đồn  
phải là lý tưởng của binh sĩ, kể cả người chỉ huy nhận  
chức một cách bất đắc dĩ. Thế là, trong một cuộc chạm  
trán, quan trong đồn bị giết và bị 11 khá nhiều. Bùi  
Hữu Nghĩa nằm trong số bị bắt đó. Vì việc này, có tài  
liệu cho rằng: Do thấy Bùi Hữu Nghĩa có tướng mạo  
phương phi, mặt rộng, trán cao, râu dài, nên phía đối  
phương tâu lên vua của họ là Ông-Long xin thả ông.  
Chẳng những vua nhận lời mà còn ch thuyền đưa ông  
về Ba Nam và đưa tiếp về Tĩnh Biê.

Trong quyển *Thơ văn yêu nước Nam: Bộ phận sáu  
thế kỷ VI-V*, trong phần viết về Bùi Hữu Nghĩa lời cho  
rằng: không phải như thế, không phải do tướng tốt mà  
người Khơ-me tha chết cho ông, đối đãi với ông tử tế  
như vậy, mà chính là do cách nhìn do tấm lòng của  
Bùi Hữu Nghĩa đối với người Khơ-me, nhất là đối với  
số phận của người nghèo khổ khiến người Khơ-me



cảm kích, nên mới có hành động này. Vu Lãng Thê, một vụ đưa lời ăn lử bình một vị tri huyện đương chức. hầy còn nóng bỏng đó và từ Trà Vàng (địa điểm xảy ra đổ máu vì tranh chấp nguồn lợi cá) lời Vĩnh Thông (Tri Tôn) chẳng phải xa xôi gì lắm, khiến người ta không biết tới. Trái lại, đây là một vụ chấn động lớn chẳng những trong một vùng mà khắp Nam kỳ và tận Huế cũng biết đến. Vì nó gắn với tên tuổi một tri thức lớn, một vị «thủ khoa», một người làm quan nổi tiếng thanh liêm và cương trực.

Cách nhìn và tấm lòng của Bùi Hữu Nghĩa từ lâu đối với số phận của người nghèo khổ, trong đó có người Khơ-me chân lấm tay bùn, từng làm ông xúc động, hồi hồi khi có dịp qua Hà Âm, nơi triều đình, dưới thời Minh Mạng, đã xua quân đàn áp dã man các cuộc khởi nghĩa của người thiểu số Khơ-me chắc hẳn có liếng vang.

Thời điểm ra đời của bài thơ *Cảm tác khi qua Hà Âm* giúp ta có một nhận thức đầy đủ về tư tưởng và tình cảm nhất quán của Bùi Hữu Nghĩa đối với dân tộc Khơ-me và người thiểu số Khơ-me sống tập trung ở miền tây Nam Bộ :

*Mit mit mây đen kéo tới sấm*

*Đau lòng thuở nọ chốn Hà Âm*

*Đống xương vô định sương phơi trắng*

*Giọt máu phí thường cả nhuộm thắm...*

Từ vụ Lãng Thê, một bước ngoặt lớn mở ra trong cuộc đời Bùi Hữu Nghĩa. Cái đúng, cái đẹp mà ta thấy ở Bùi Hữu Nghĩa không được chế độ phong kiến suy tàn triều Nguyễn thừa nhận và nó luôn bị bưng bít bởi nhiều lớp rác của những đả ốc lâu lâu, tham quan

ô lại, cường hào ác bá giằng mắc mọi nơi dày đặc, đến nỗi những trí thức lớn, có lên luồn và vị trí quan trọng trong xã hội, được nhân dân yêu mến như các ông Nguyễn Thông, Bùi Hữu Nghĩa... càng đành chịu bỏ tay.

Từ vụ Lãng Thê và sau vụ sang Thê, Bùi Hữu Nghĩa hầu như mất tất cả. Trong mọi mất mát, việc bà Nguyễn Thị Lồn qua đời sau một tháng ngày vất vả đường trường, bao nhiêu tinh lực dồn hết vào cuộc chạy đua với lũ thần cứu người lờng — là nỗi đau lớn, nỗi hận lớn đối với Bùi Hữu Nghĩa.

Để chệch trước cuộc sống và chôn chút ít vui thú ở đời là trở về làng cũ mở trường dạy học theo lối « tiến vi quan, thoái vi sư » của những người bất đắc chí, ngày trước. Muốn được thế, luật cương quyết rút ra khỏi chức phán nhỏ nhoi còn lại. Bùi Hữu Nghĩa đã thực hiện được nguyện vọng này sau khi được bề trên của ông chấp nhận. Việc xé và chấp nhận cho Bùi Hữu Nghĩa rút lui đối với cấp trên của ông chắc không có điều gì phải phân vân cân nhắc. Từ trên tới dưới, dân quân, thần triều Nguyễn không còn có ai hiểu được và đánh giá đúng một con người của Bùi Hữu Nghĩa. Và do đó, Bùi Hữu Nghĩa ra đi cũng chẳng may may lắm họ luyến tiếc. Dưới một phong kiến nói chung và triều đại nhà Nguyễn nói riêng, có biết bao người có chí, có tài làm vào cái nghề « không đất dụng võ » như vậy. Ngoài việc dạy học, làm thuốc thiết thực giúp đời, họ còn tiêu sấu hầu câu thơ, chén rượu và đi câu cá. Có người đi câu cá thật để tiêu khiển, để giết thời giờ, nhưng có người hằng ngồi câu bao giờ, họ chỉ mượn đề tài câu cá để học lộ làm sự, giải bày nỗi uẩn khúc của mình trước thời cuộc và đồng thời cũng gửi vào đó một chút ý vọng, mơ ước về

liền đỗ. Nói đúng ra, họ không phải là hạng người yếm thế, chủ làm quay lưng với cuộc đời mà mong muốn đất nước có người «cầm cân nảy mực», những «vua sáng» biết họ, đánh giá đúng đắn về họ.

Về một Lã Vọng thời xa xưa ở Trung Quốc, ngồi câu ở sông Vị được Văn Vương hỏi ra biết là người có tài, đón lên xe về phong làm tể tướng, trở thành đề tài muốn thuở về cuộc gặp nhau giữa «mình quách, lương tể». Trong mối quan hệ khác, Nghiêm Tử Lăng xử sự khác với Lã Vọng. Là bạn đồng-học với Hán Quan Vũ, Nghiêm Tử Lăng lần vào núi Phú Xuân cây ruộng, câu cá ở sông Đông Giang, Hán Quan Vũ sai đi tìm, mời mãi Nghiêm Tử Lăng mới đến. Hán Quan Vũ lấy tình bạn đối đãi rất thân mật và mời ông làm quan, nhưng Nghiêm Tử Lăng nhất định từ chối.

Qua bài thơ Câu cá, Phan Văn Trị — người bạn thơ gần gũi của Bùi Hữu Nghĩa — dựa vào sự Uch cũ đề khẳng định dứt khoát chủ trương của mình không ra làm quan dưới triều nhà Nguyễn như Nghiêm Tử Lăng không nhận ra làm quan trước thái độ đối đãi và lời mời mọc ân cần của Hán Quan Vũ :

*Người hỏi Nghiêm Lăng có biết chăng?*

*Lòng ta ý gả đổ ai bằng!*

*Nửa cần thú vị trời trời nước*

*Một sợi kinh luân gió gió trăng...*

(Câu cá)

Che chán triều vua này, mơ tưởng một triều vua khác, yêu cầu chính của Phan Văn Trị là có được một Châu Văn Vương đề phò lá, chứ không phải được bổng lộc bằng bất cứ giá nào :



*Thao lược đã đánh ngàn am bủa  
Giang sơn lóm rốc một tayphương  
Xưa nay cũng một lòng sỏq Vĩ  
Mơ tưởng te Chấn biểng m nđng.*  
(Chân cđ)

Niềm hy vọng của ông uber ngợđem dđu lo lổi  
đy bỗng phut lất hần khi thực đđn hđp xđm lược —  
đo cuộc đđu hàng của triều đđnh nhà Huyển, một triều  
đđnh mà ông không bao giờ tđn nhiệm—đđ xđm chiểu  
đđi Nam Kỳ, trong đđ có vùng quê tđg :

*Linh đđnh bẻo nước biểt lổiđđu ?  
Đđu bến An Giang tđđy nhđng sđđu  
... Có rau nỏi quđnh đđn trđh mđt  
Không trđi bđn khỏ khđ bđđđu  
Xem hết cđnh tđnh rồi nghđngđi  
Thủ vui chỉ có một cđn cđi*

(An Giang)

Bỏ mặc một triều đđnh thđch xđyđng tđm ; quyểt  
đ tay tđn đđet một dòng họ khđc đđ lo vể ngđi vđng  
cho riểng mình ; không quđn tđm giểngđđi đđng rỏp  
rđnh trước ngổ và mỏt sỏm giểm gỷ đđnh lỏn đđt  
nước mình, trước một triều đđnh nhđ vđy, khđ nhiểu  
trđ thức chđn chđnh trước sđu đđu ở đđi hoặc rút lui vể  
lđng. Tđn tuổi họ — do gđn liển vớivđn nước — trở  
thđnh bđt tử dưới bầu trời tđm lổi của đđ nước. Trước  
hđi gỏg kểm : triều đđnh bđn nước và thđ đđn xđm lược,  
chđnh lòng yẻu nước sđn có trong tđng ngườ đđ đđa  
họ lỏn vị trđ vinh quđng của đđn lỏc. Hồ Huđn Nghđp  
Phđn Vđn Trđ, Bủi Hủu Nghđđ, Ngủễn Hủu Huđn  
Ngủễn Đđnh Chiểu v.v..., những ông đđ nhđn, tđ tđi,  
những ông chiểm giểi nguyển trong cđ khỏn thđ, mỏi

người một vẻ, đều lập sự nghiệp trên bước vòng vèo của lịch sử, như thế cả. Khi những tháng, năm mất nước đầy thảm khốc đã sang trang, vua chúa u mê và đám quan lại chuyên xu nịnh, chuyên hại người có tài, có đức và đám dân lành đã biến thành tro bụi hết cả thì những nạn nhân của chúng vẫn sống mãi muôn đời bởi những đóng góp lịch sử của họ cho nền độc lập, tự do của đất nước. Lịch sử đã trả lại cho họ nguyên vẹn những gì họ có mà hình sinh họ cũng không biết trước. Lịch sử chẳng những công bằng mà còn nghiêm khắc hơn bất cứ một thứ uy quyền giả tạo nào:

Cũng như Phan Văn Trị, Bùi Hữu Nghĩa về vườn «câu cú» với tâm trạng chán chường:

*Danh lợi máng bao chốn cửa hầu  
Thanh nhàn quen thú một căn cầu  
... Khỏi nước năm hồ tỉnh củ đẹp  
Gió trăng kho cũ cảnh riêng màu  
Bá vương hội cả đâu chưa gặp  
Thao lược này ai biết đứng đầu!*

Nguyễn Thông bị vu cáo và bị triều đình đánh trượng, bị giáng chức, nhưng cuối đời vẫn có phần thanh thản hơn Bùi Hữu Nghĩa. Từ sự biến Lăng Thê, ông bị triều đình và bọn lưu thần vùi dập, bất bèn lẽ khổ, cộng với nỗi buồn riêng về gia đình, vợ và con gái thân yêu đều khuất bóng, ai trợ trợ hơn ông trong lúc này?

*... Cao tho loạn điệu phong tự chiến  
Lạc hoa bất tự thủy như bồn  
Biển châu nhất trạo tri hà vãng  
Tháp thượng đàm tâm liễu mãn lôn*

(Thu cầm)

(... Cây cao gió thổi loạn như đánh nhau  
Hoa rụng nước chảy xiết không tự được  
Xuống con một mãi biết về đâu  
Trên giường tâm sự với bầu rượu đầy)

Tuổi càng chồng chất, tâm sự càng nặng nề. biết  
ai san sẻ? Chỉ có thơ và rượu làm ông khuấy khỏa  
phần nào:

*Tu mi thối ngũ lão  
Cơn phũ hương thùng trần  
... Thế lộ nê đồ thạm  
Cuồng ca thả độn trần*

..

*... Mạn lời huyền chầm điểm  
Oa cò náo hoàng hôn  
Sương mấn thương trỉ mộ  
Tiêu sầu tửu nhất lôn.*

(Tự thuật)

(Rầu rầu thức cái già lời gấp  
Gan ruột biết ngổ cùng ai?  
... Đường đời lầy lội lắm  
Cứ bál trần và uống rượu cho say

..

*... Quanh gối đệm năm tuổi kêu như sấm  
Tiếng ếch như trống vang cả chiều hôm.  
Tóc đã điểm sương thương tuổi già  
Chỉ mượn chén rượu liêu sầu)*

Tai họa đến thỉnh linh và liên tục như thế, từ thể  
xác đến tinh thần ề ảm đến thế, thật là, ngồn ngang



trăm mối tơ lòng, nhưng Bùi Hữu Nghĩa vẫn gương  
dậy, đứng vững, không xiêu ngã. Ông lo cho cái già  
tới gấp không còn thời gian thi thố những điều có lợi  
ích cho đời, chứ không phải nuối tiếc công danh. Với  
khả năng ông có, ông muốn làm điều gì đó có ý nghĩa  
hơn chứ không cam lùm đôn trưỡng đứng đầu một  
nhùm lùm trùng « ở lần nữa hết năm này sang năm  
khác trên biên ải »

Thương nước, yêu dân, sống có tình, có nghĩa,  
coi trọng đạo đức, nhân phẩm, dù bị vu oan giá họa,  
đi đầy vào đường cày, ông vẫn tự trọng, luôn giữ  
cho mình cuộc sống thanh cao :

*Nhượng-chăng là nhượng kẻ cày voi  
Lục lục thường tài cũng một mối  
Mù mịt bởi mây che bóng nguyệt  
Ám thẫm vì trống lấp hơi còi  
Kìa câu ich kỷ kinh còn tạc  
Nợ kẻ khi nhân thánh hỡi roi  
Lên thần hết suy rồi đến thời  
Ngày qua, tháng lại bước đường thôi*

(Bị giam ở Vĩnh Long)

Với ông, vua hiền như ông Thuận mới đáng đề  
g khám phục. Ngoài ra, cũng đều là đám « lục lục  
thường tài » có gì để ông coi trọng? Quan lại đầu lĩnh  
Vĩnh Long, kẻ bắt ông giam cầm để chờ ngày xét xử  
quả là đám « lục lục thường tài » ấy; chúng là « mây  
che bóng nguyệt » là « trống lấp hơi còi ». Điều này Bùi  
Hữu Nghĩa, qua bài thơ, nói quá rõ, còn Tự Đức có  
phải là « kẻ cày voi » — ông Thuận — không? Ai hiểu  
được ý tứ không chút lộ liễu, khó nắm bắt này?

Tiếc là liếc « há vương hội cả dầu chưa gặp, thao lược này ai biết dạng dầu? », nhưng thế thái nhân tình đã ra có sự ấy thì, « không nên cán búa » cũng còn dùng làm « dưa bếp » được. Không chỉ cán búa rồi có tác dụng, còn dưa bếp là đồ bỏ đi :

*Đỡ đã không nên cán búa!  
Đỡ làm dưa bếp cũng ra m  
Sở lộ ngũ danh chi sớ nớ  
Khuyến vạc tam thái chẳng r cỏi...*  
(dưa bếp)

Vua chúa, bọn gian nịnh trong triều, ngoài quận có thể đánh giá thấp Bùi Hữu Nghĩa, nhưng ông không bao giờ tự hạ mình, tự coi thường mình. Ngay những tháng, ngày trên giường bệnh, sắp ra đời, khó khăn vẫn chưa qua khó khăn mới kéo đến (nạn Pháp xâm lăng), nhà thơ của xứ sở Bình Tuy, Long Xuyên vẫn lĩnh lao tự đánh giá con người mình :

*Ngân vàng khôn dễ sánh tình này  
Sanh có ngày đau thác có ngày  
Non nước hãy còn đang im ả  
Đất trời sao nữa khiến lay lay...*  
(Ngâm thơ trên giường bệnh)

Con người chỉ có một lần sinh ra và một lần mất. Thân con người không quý sao được! Vàng quý, khi cả cuộc đời đã được thử nghiệm, cân đo. Sống đúng hay không đúng? Được nuôi dưỡng bởi tình khi hay là làm? Bùi Hữu Nghĩa tự nói về mình cũng có thể ông nói hộ cho người khác về phẩm giá con người, về những gì họ không thấy hồ thẹn và tự hào làm! Từ sự suy gẫm, đánh giá về mình, ông tự nhẹ nhàng và hứng thú về cảnh giới, trạng có sự trong tạo vật

hường lối vô cùng và tự hào so sánh mình như cây tùng, cây tùng còn sống sót, vẫn lên xanh giữa một vườn cây lá hoang tàn vì thời tiết.

Trong thế kỷ XIX, nhất là nửa sau thế kỷ này, ít có nhà thơ, nhà văn nào ở Nam Bộ, trong khi bưng ngòi bút của mình ca ngợi chính nghĩa mà lại « quên » sạch mặt bọn ăn trên, ngồi trước phi nghĩa, sâu một dân, bọn vô ích cho xã hội. Khi Pháp đặt chân đến đất này, chúng xuất hiện với bộ mặt liều nhân đê tiện, cam lâm trâu ngựa cho giặc, phản giống, hại nòi Bùi Hữu Nghĩa mượn cây bần cây vông để ám chỉ chúng với ông, đó là hạng « uồng sanh trong thế » chúng nên lịch sự gí:

*Lá xanh tự liễu nhánh thừa thớt  
Bông bạc đường mai nhụy sượng sần  
Quyển luyến bầy cò bay sập sấn  
Chiều quy đàn khỉ tới dần lân  
Rừng soi, cột trở chưa nên mặt...*

(Cây bần)

Bùi Hữu Nghĩa lớn hơn Nguyễn Đình Chiểu 15 tuổi. Và lớn hơn Phan Văn Trị những hai mươi ba tuổi. Ông thuộc lớp đàn anh, được nhiều người biết đến trước khi xuất hiện những ngòi bút lớn, tên tuổi của họ gắn liền với cuộc chiến đấu oanh liệt « tha chết không hàng » của nhân dân và sĩ phu yêu nước.

Thân thế của Bùi Hữu Nghĩa và hoạt động văn học của ông tạo cho ông có một uy tín lớn trong xã hội, tiếc thay, khi Pháp nỗ lực xâm lược đất nước ta, ông đã nhiều tuổi và đã trải qua nhiều sóng gió trong cuộc đời. Sự hiệp đáp của triều đình và bọn quan lại địa phương (bọn có quyền cao, chức cả trên ông) và

những biến cố của gia đình dồn dập đã tác của ông biết bao sinh lực Ở người khác, có thể dẫn tới sự lẩn rui âm thầm không để lại tiếng vang nào. Bùi Hữu Nghĩa không như thế. Ở ông, đất nước và nhân dân bao giờ cũng là hình ảnh thiêng liêng, cao quý. Lòng ông có thể giá lạnh với triều đình, với bọn tham quan ô lại, nhưng lòng yêu dân, yêu nước, yêu xứ sở quê hương là than hồng luôn luôn sưởi ấm đời ông, tạo cho ông một nghị lực mới, linh hồn mới, xông lên trận tuyến kẻ thù.

Trước đây, khi viết « Bùi Hữu Nghĩa, tôi vẫn đánh giá cao một trong bốn « Rồng vàng » ở đất Đông Nai trên phương diện sáng tác văn học. Nhưng lúc bấy giờ tôi chưa đánh giá đầy đủ ông với tư cách là người chiến sĩ trên mặt trận chống xâm lược. Đại thể tôi viết về ông như sau : « khi Phê xâm lược Nam Kỳ, Bùi Hữu Nghĩa đã già, tuy ông không trực tiếp đứng ra đánh giặc như số đông sĩ phu khác ở Nam Bộ, nhưng ông vẫn đặc biệt theo dõi các chiến đấu chống xâm lăng. Và nhà của ông chính là nơi gặp gỡ luận bàn việc nước của các chí sĩ yêu nước ». Viết như thế, không có gì sai, nhưng chưa đủ, chưa thấy hết những giá trị đóng góp của Bùi Hữu Nghĩa. Thế nào là « không trực tiếp đứng ra đánh giặc » ? Có phải người cầm gươm, cưỡi ngựa tung hoành trên hạ mạt ở tuyến trước là trực tiếp còn người cầm bút ở máu tim trên trang giấy ở tuyến sau là không trực tiếp ? Không hẳn là như vậy. Viết một câu như thế, tôi cảm thấy mình có lỗi với tiền nhân ; tôi ra không thấy cảm đầy đủ hoàn cảnh cực kỳ khốn khổ, phức tạp cả thế hệ Bùi Hữu Nghĩa trải qua. Đó là thời điểm lịch sử ngàn cân treo sợi tóc, khi giặc Pháp ồ ạt đổ vào, vua chúa hết nhân nhượng này đến nhân nhượng khác, sau cùng là đầu hàng giặc



ra mặt, đẩy nhân dân ta vào cảnh khổ đau chưa từng có.

Về Bùi Hữu Nghĩa, ông gạt mọi nỗi ưu phiền do chế độ vua quan - một chế độ mà ông và những tri thức đương thời hàng ngày vun đắp - đã quất lên đời ông những đòn roi đau đớn, gây nên một vết thương lòng không bao giờ lành lặn. Vậy mà, trong cuộc chiến đấu giữ nước, giữ nhà, Bùi Hữu Nghĩa đã đứng lên từ buổi đầu, hướng ngòi bút vốn sắc sảo của ông vào trận địa mới chưa được chuẩn bị trước :

*Ai khiến thằng Tây tới vậy à?  
Đất bâng bồng chốc dặng phong ba.*

Ông lưu ý về một tình hình với thái độ phê phán :

*Hỏi hỏi ít mất đền ơn nước  
Nhào nhac nhiều tay bạn nổi nhà.*

Và xúc động biết bao từ miệng một cụ già, tuổi suýt soát sáu mươi, cuộc đời bao phen tắm gội phong trần, nói ra với thế hệ trẻ như một lời cam kết và nhắn nhủ với nước non về tấm lòng trước sau như một của mình :

*Sắt đá óm lòng cam với trẻ  
Nước non có mất thấy cho già  
Nam-Kỳ chỉ thiếu nợ đời trung nghĩa  
Báo quốc cần vương há một ta*

(Ai xui Tây đến)

Tự khẳng định, đồng thời biểu thị lòng tin tưởng về tinh thần khẳng khái cứu nước của số đông người trên phần đất đang bị giặc giày xéo, Bùi Hữu Nghĩa từ thực tế đã khái quát đúng đắn con người trên phần đất cực nam của Tổ quốc. Trong một thời điểm nhất định, lời của ông có giá trị động viên là dường nào.

Khoảng năm 1868, bị coi là người chống Pháp, giặc bắt giam ông ở Gia Định. Đỗ Hữu Phương — tên bản nước đầu số — giả nhân, giả nghĩa xin với quân cướp nước thả ông ra, cốt để lấy lòng. Bài thơ để lại gọi là « tạ án » kể giúp ông thoát cảnh giam cầm của giặc là bài học như đời đối với bọn phản quốc cầu vinh. Toàn bài lời lẽ mới nghe qua như nhẹ nhàng, nhưng là những cú đánh hiểm hóc, vạch trần chân tướng xấu xa của đấng con hoang. Mở đầu bài, Bùi Hữu Nghĩa tỏ vẻ như là người lần đầu được cái hạn hạnh lời « cửa rồng ». Cửa rồng là chỗ nhà vua, Bùi Hữu Nghĩa thừa hiệu định nghĩa ấy. Được coi là người trong « cửa rồng », Đỗ Hữu Phương chắc sung sướng đến phát điên, nhưng cái cửa cao sang lọt bực chỉ dành cho vương giả ấy, lại là cửa quân đội viễn chinh Pháp dựng lên cho dòng họ Đờ. Chẳng hóa ra họ Đờ là tên bản nước số một dưới mắt Bùi Hữu Nghĩa đây sao !

*Cửa rồng mình được một phen lên  
 Trên trong cảm bằng khách bực trên  
 Một, một chẳng từng non nước lạ  
 Rêu, mây sánh với ruộng vườn quen*

(Gửi Đỗ Hữu Phương)

Hắn hạnh được dịp lên « cửa rồng » và được sự ưu đãi, đặc biệt của người trong cửa, nhưng nơi này là vùng địch, cảnh trí lạ mắt chưa từng nhìn, chỉ quen với ruộng vườn. « Non nước lạ », « ruộng vườn quen », chỉ bằng ấy mấy chữ mà nói ra rõ được ranh giới giữa ta và địch, nói rõ được sự thay đổi của lòng người.

*Riêng vui mấy trắng hiềm khôn lặn  
 Chung đợi trời xanh để dấm quên  
 Người, là hỡi còn khi gặp gỡ  
 Dẫn lòng vàng đá : hãy cho bền !*

(Như trên)

Dù cảnh ngộ khác nhau, đó có cuộc sống khác đây (bên ra làm quan với giặc, bên vào đảng theo việc nước) vẫn chung đời trời, còn có cơ hội gặp lại. Khuyên đó đừng thay lòng đổi dạ. Lời khuyên khác nào lời cảnh cáo!

Từ một người tù ở trong thế hoàn toàn bị động trước một thế lực không vừa, Bùi Hữu Nghĩa chủ động tiến công không thương tiếc bọn cầu hàng giặc. Đứng ở phía chính nghĩa, trên lập trường yêu nước quang minh, chính đại, Bùi Hữu Nghĩa đứng ngồi bứt sức nhơn của mình đâm thẳng vào tim gan Đỗ Hữu Phương. Kiểu «tạ ân nhân» như thế chắc cũng làm cho tên bán nước mất nhiều đêm ngủ nghĩ.

Kẻ sách vở dọa nạt, vũu dư đồ, mua chuộc chỉ làm kẻ địch và tay sai tởn công một cách vô ích trước tình thần bất khuất, tinh kiên định của những người yêu nước. Bùi Hữu Nghĩa là một trong những tấm gương cao cả, trong sáng đó:

... Chén rượu anh em keo gắn chặt  
Tấm son tôi chúa được chong cao,  
Theo rồng đức nhóm mây trời Hán  
Xướng ngựa đầu thắm bạc đất Tào...

(Quan Công thất thủ Hạ Bì)

Mượn sự lịch cũ ở Trung Quốc: Quan Công thất thủ Hạ Bì, được kẻ thù nổi tiếng gian hùng là Tào Tháo đưa về, hết lòng hậu đãi, mong sao Quan Công bỏ Hán đầu Tào. Thừa dịp, Quan Công phò hai chị dâu — vợ của Lưu Bị — vượt qua năm cửa ải, chém sáu tướng Tào, mở đường quay về với Lưu Bị, không quên chén rượu kết nghĩa vườn đào mà ba anh em Lưu, Quan, Trương đoàn thệ lúc mới bắt tay xây dựng

lại cơ đồ nhà Hán. Quan Công dưới con mắt của người viết sử thời sau ở Trung Quốc như thế nào là một việc. Ở nước ta, tác giả Đào Tấn qua võ luông nổi tiếng *Trường Phỉ thủ cò thành* có cách nhìn, cách đánh giá về những nhân vật thời Tam Quốc mang những khía cạnh khác không như đông đảo người đọc truyện ở Trung Quốc và ở nước ta. Ở nước ta, từ lâu Quan Công được coi là người có tiết nghĩa, có thủy chung, được thử thách đặc biệt qua lần thua trận, bị Tào Tháo bắt.

Trước âm mưu mua chuộc hiểm độc của giặc Pháp trong quá trình xâm lược nước ta, trước tiên là Nam Kỳ, thông qua tay sai đặc lực là Hồ Hữu Phương, Tôn Thọ Tường... chúng không tiếc công sức, tiền của tung ra mong lung lạc nhân tâm, trước hết là đội ngũ trí thức có uy tín trong nhân dân. Trước sau, kẻ thù xâm lược và bán nước đều thất bại, trừ cả biệt, đông đảo người cầm gươm, cầm bút đều một lòng với Tổ quốc, quê hương. Nhiều sĩ phu cam chết trận giữa ngỗn quân; không ít người trong khi chiến đấu không may rơi vào tay giặc và sắp chịu chết dưới máy chém, vẫn đứng vững trước mọi cám dỗ. Cũng như vậy, Bùi Hữu Nghĩa đã xác lập cho mình chỗ đứng không lay chuyển giữa những ngày u ám của đất nước:

*Hạ Bi ngày, nọ chẳng màng nào  
Gương sáng chỉ làm chước lung thao  
Chén rượu anh em keo gắn chặt  
Tăm son tôi chưa được chong cao...*

(Quan Công thất thủ Hạ Bi)

Cũng vận dụng sự lịch cũ của Trung Quốc, Bùi Hữu Nghĩa sáng tác hai bài liên về Thán Báo Tư và Ngũ Tử Tư trong mối quan hệ bè bạn khăng khít giữa họ với nhau. Mối quan hệ này được đặt trong bối cảnh



dất nước xảy ra việc binh đao. Mỗi người đứng ở mỗi phía. Tuy không nói trắng ra, nhưng người đọc của Bùi Hữu Nghĩa thấy rõ ông muốn nói gì và nói với ai qua hai bài thơ này.

Thần Bao Tử và Ngũ Tử Tư là hai bạn thân cùng làm quan nước Sở. Cha của Ngũ Tử Tư là Ngũ Sa, anh là Ngũ Thượng bị Sở Bình Vương giết. Ngũ Tử Tư chạy sang nước Ngô để giúp vua Ngô lập mưu đánh Sở báo thù. Khi chia tay ly biệt, Thần Bao Tử có nói với Ngũ Tử Tư rằng: « Nếu anh mà đánh nước Sở thì tôi sẽ dựng lại nước Sở. Nếu anh định diệt nước Sở thì tôi sẽ làm cho nước Sở vẫn tồn tại ».

Ngũ Tử Tư sang nước Ngô, giúp vua Ngô đem quân về đánh Sở, vua Sở bị thua to. Nước Sở nằm trong tình hình nguy ngập. Thần Bao Tử không còn cách gì chống lại, bèn sang nước Tần xin quân cứu viện. Đi gấp không kể ngày đêm, chân bị thương vẫn bỏ thuốc mà đi. Sang đến nước Tần, Thần Bao Tử đứng khọc bảy ngày đêm không ăn uống. Vua Tần thấy thế cảm động cho quân sang cứu Sở, đánh lui được quân Ngô.

Tiếng súng xát lược của thực dân Pháp nổ ra ở Gia Định đã gây ra biết bao cuộc tan đàn, xẻ nghé.

Chùa Cây Mai — nơi lập hợp nhiều cây bút nổi tiếng của Bến Nghé. Đồng Nai — đã chứng kiến cuộc chia tay đau lòng, không hẹn trước. Là một trong những cuộc chia tay làm như nhói nhiều người trong cuộc, tình cảm đó còn đọng lại trong thơ văn. Nguyễn Thông là người rời quê hương, từ cuộc « lị địa » lịch sử, ông ra miền Trung, bao năm vẫn hướng về chùa Cây Mai nơi có những cây mai nở đầy hoa trắng từng trổ hừng cho nhiều nhà thơ ấy :

*Thập niên mã thủ vọng Mai Đình*

«Mười năm quay đầu ngựa tưởng nhớ chùa Cây Mai» là nhớ cảnh, nhưng kỳ thực là nhớ người, nhớ bạn bè tương thân, tương đắc trong những lần ngậm vịnh.

Trong cuộc sống Bùi Hữu Nghĩa cũng có nhiều bầu bạn trong giới cầm bút và cầm gươm. Trong số này không tránh khỏi có người vì lợi ích riêng chạy sang phía địch. Từ hình tượng Quan Công đến Thân Bao Tư, Bùi Hữu Nghĩa khéo chọn những «hình mẫu» rất đặc để nói lên ý chí kiên định của mình. Không muốn mất bạn, nhưng không thể không chống lại bạn nào đã thay lòng, đổi dạ trong lúc Tổ quốc lâm nguy:

*Vì ai nên nổi mực xa voi*

*Vườn Sở hoang lương đã thấy mới*

*... Thù nhà dốc báo dai con vác*

*Nợ nước làm đèn giờ ngọn rọi*

*Nửa phần thương vua, phần mến bạn*

*Chia lòng vẫn vít giống đực thoi*

(Thân Bao Tư tiến Ngũ Tử Tư)

Nhìn nhận ở một phía có việc thù nhà, làm con phải trả, đồng thời cũng nhìn nhận ở phía khác có vấn đề «nợ nước» phải đền bồi. Bùi Hữu Nghĩa đã gửi gắm tâm sự và tìm lối ra cho mình qua nhân vật Thân Bao Tư và qua những lời thơ ngắn, ông tỏ ra là người vừa rộng lượng, am tường sâu sắc về thế thái, nhân tình, vừa có lập trường vững chắc đối với Tổ quốc.

Tiếp theo bài *Thân Bao Tư tiến Ngũ Tử Tư* là bài *Ngũ Tử Tư thối sáo*. Bài trước—như đã nói—là bài khẳng định chỗ đứng bất di bất dịch của những người có lòng yêu nước. Bài thứ hai là bài đề cập đến số phận của



người bỏ Tổ quốc ra đi. Đi với mục đích báo thù. Liên hoàn với bài trước, nói về nhân vật Ngũ Tử Tư. Bài Hữu Nghĩa tả cái cảnh cô quạnh, nỗi buồn lẻ thê của số phận con người khi đã trái chân lý bước, gửi thân ở chốn quê người với một ống sáo

*Lạc loài nước bước dạ trăm-chiều,  
Ngọ ngàn quê người một ống tiêu  
Trời Sở oán theo mây cuộn cuộn  
Đất Ngô buồn giu gở hiu hiu  
Chín ơn tơ tóc sự dày mỏng  
Ngàn dặm non sông cảm ít nhiều...*

(Ngũ Tử Tư thổi sáo)

Nói cho đúng ra, Ngũ Tử Tư không phải chỉ có nỗi buồn khi ở đất Ngô mà còn có nỗi oán mang theo từ nước Sở. Việc trả oán rồi cuộc chẳng xong mà chủ tình còn lại với non sông cũng lắt cạt. Nỗi oán xưa và lòng buồn mới xen kẽ trông làm trạng của một con người khi phải bỏ xứ, lìa quê thật ngổn ngang và không bao giờ có lối thoát.

Bài *Ngũ Tử Tư thổi sáo* bổ sung cho bài *Thân Báo Tư tiên Ngũ Tử Tư* mang trong lòng nó dòng tư tưởng vô ý tứ thâm trầm của Bài Hữu Nghĩa. Rõ ràng với hai bài này, ông không dừng lại ở một câu chuyện mang tính tiết hấp dẫn ngày xưa mà chính là ông muốn nói về ông và về những ai đó — một Tôn Thọ Trường hay một Phan Hiền Đạo chẳng hạn — cam lâm quày lưng lại xứ sở, quê hương, rút bỏ tình xưa nghĩa cũ.

Không quá thẳng, quá mạnh vào mặt quai bán nước, hại nỗi như Phan Văn Trị đã làm, thơ yêu nước của Bài Hữu Nghĩa mang cả linh và phong cách của riêng ông. Chúng là đồng suối róc rách, là mạch nước

ngầm tuôn chảy ngày đêm không dứt và như thế, tình hiện quả của chúng là điều không phải xét.

Trong quá trình nghiên cứu và đặc biệt trong lần viết bài này, phần giới thiệu những bài thơ yêu nước của Bùi Hữu Nghĩa, tôi muốn có sự phân tích kỹ một bài tôi hằng cho là tiêu biểu nhất, mang ý nghĩa khái quát và tập trung tư tưởng và tình cảm của nhà thơ đối với đất nước — mà phần đất Nam Kỳ là nơi sớm chịu và sớm gánh vác những thử thách nặng nề của lịch sử. Tôi muốn đề cập bài thơ « họa » lại một trong 10 bài liên hoàn *Tự thuật* của tên mang lối nhà văn Tôn Thọ Tường.

Sau cái ngày bán mình một cách vô liêm sỉ, Tôn Thọ Tường cho xuất hiện giữa cộng chúng và làng văn hàng loạt bài. Hẳn tưởng rằng, văn chương có ma lực muốn lôi kéo ai theo hướng nào cũng được, dẫu trắng thay đen thế nào cũng được. Thanh minh, giấu giếm tội lỗi, che dầy bản chất xấu xa, lịch kỳ của mình cũng là yêu cầu của kẻ cầm viết trong nội tiếng văn hay chữ lối ngày nào ở thị xã Bạch Mai (Gia Định). Do tình hình đất nước đang đảo lộn lớn bởi nạn xâm lăng, thơ phú tác của thời bình không còn chỗ đứng giữa thời cuộc đang biến động từng ngày. Từ bài *Tôn phu nhân quy Thục*, *Từ Thử quy Tào* đến 10 bài liên hoàn *Tự thuật*, không một bài nào mà Tường không bị đánh trấu. Trong đời ngũ các nhà thơ yêu nước, Phan Văn Trị là người xông lên mở đột phá khẩu, giáng những đòn sấm sét vào tận sâu huyết của quân thù. Riêng cái gọi là « văn Từ Thử » do Tôn sử dụng làm bài *Từ Thử quy Tào*, cũng là mục tiêu cho nhiều ngòi bút — thuộc nhiều thế hệ — tập trung đánh tới.

Về 10 bài liên hoàn *Tự thuật* của Tôn, cho tới nay ta biết trước sau ít nhất có 5 người « họa » lại trong đó có những cây bút đầy uy lực.



Trần Bửu Nghĩa, các ông Phan Văn Trị, Nguyễn Đình Chiểu, Lê Quang Chiểu, Phan Châu Trinh đều «họa» đủ 10 bài, sát tiếng vận mà kẻ «xương» đã gieo. Vì sao Bửu Nghĩa chỉ có một bài? Do tác giả cố ý hay do mắt mắt không sưu tầm được? Nhưng dù là một bài, tác giả cũng nói lên đầy đủ những gì ông muốn nói, cần nói, trong tình hình đất nước đang lâm nguy, mọi người đều cảm thấy nhức nhối không chịu được. Nếu lên thiên này, người viết không có ý cho các bài «họa» khác có sự dân trái. Không phải thế, «họa» cả 10 bài, các tác giả đứng từ nhiều góc độ khác nhau để bác bỏ, vạch trần từng điểm một mà tên cáo già Tôn Thọ Tường đã tung hỏa mù, lấy xảo ngữ nguy trang cho hành vi đẩy tội lỗi của hắn.

Với 10 bài «họa» của Phan Châu Trinh, thay vì đánh điểm vạch mặt Tôn Thọ Tường, ông đánh gộp các hạng bán nước của thời ông. Ông coi chúng là «một lũ hoang» đang sa vào vòng danh lợi, không có dạ quan hoài đến nước nhà. Sách *Tân ước* nổi tiếng của Lư Thoa (Rousseau) được Phan Tây Hồ nhắc tới nhằm mục đích truyền bá tư tưởng dân chủ, dân quyền là điều mới mẻ, so với các bài «họa» trước, cách ông gần nửa thế kỷ. Là người của trào lưu mới, Phan Tây Hồ thấy

*Tìm người học đạo còn mong thuở*

*Kiểm chủ thuế công để mấy ngày.*

điều mà thế hệ ông cha ta ở nửa sau thế kỷ XIX không thể hình dung được. Lịch sử không cho phép họ vượt qua giới hạn nền quân chủ đã được thiết lập bền vững ngàn năm. Do đó, họ không có một khái niệm nào về một nền dân chủ, dù trên thực tế, họ rất yêu dân, gần dân và đề cao dân trong rất nhiều trường hợp. Từ thực tiễn, Nguyễn Đình Chiểu đã phản ánh trung thực



sự kiện bất chấp lệnh triều đình của nông dân ở Gò Công với thái độ tán đồng. Điều đó là cả một sự tiến bộ vượt bậc. Ở phương diện này và riêng phương diện này, không thể đòi hỏi gì ở ông cha ta hơn nữa. Không tin nhiệm vua cắt đất cầu hòa, nếu được thay vua là điều rất ứng, nhưng đạp đổ nền quân chủ thì ông cha ta ở thời điểm này không khứng.

Trong phạm vi bài này, tôi không bàn toàn bộ 10 bài «xương, họa» mà chỉ đề cập bài thứ nhất, bài mở đầu. Trong khi ba tỉnh miền Đông, bằng một hiệp ước nhục nhã của triều đình, đã lọt vào tay giặc, vì động cơ tìm cho mình cuộc sống sung sướng riêng lẻ, Tôn Thọ Tường cấp bút chạy theo quân xâm lược. Để gỡ thế diện và để gây lộn xộn trong nhận thức nhiều người, hắn viết:

*Giang sơn ba tỉnh hãy còn đây*

*Trời đất xui chi đến nỗi này*

Đất đã mất thế mà hắn lại nói «hãy còn» có lạ không? Luận điệu nguy hiểm đó lập tức bị Phan Văn Trị bẻ lại. Ông bảo cho Tôn Thọ Tường — người ở bên kia chiến tuyến — biết rằng: tình hình chưa ngã ngũ, việc hơn thua chưa quyết định trước sức chống giặc của nhân dân:

*Hơn thua chưa quyết đó cùng đây*

*Chẳng đã nên ta mới thế này*

Nếu quyết tâm đi tới và khẳng định ý chí sắt thép không lay chuyển của mình, hai câu 7, 8 trong bài đầu của Phan Văn Trị là tiếng nói của mọi người ở mọi nơi và mọi chỗ, ở các chiến trường và ở ngay trong vùng địch chiếm. Khinh suất và ngạo mạn, Tôn Thọ Tường viết:

*Mệnh còp hàm rồng chưa dễ chộp  
Khuyến đàn con trẻ chó thấy lay*

Phan Văn Trị trên tư thế quang minh, chính đại, đập lại lời đe dọa của kẻ bèn; khác nào một nhát búa tạ, bổ lên đầu quân bán nước:

*Đừng mượn hơi hùm rung nhát khi  
Lông ta sắt đá há lung lay*

Dược khơi dậy hơi ngọn lửa căm thù. Phan Văn Trị nêu vào mặt tên bán nước những câu dịch đáng, có tác dụng làm thức tỉnh những ai còn nuôi dưỡng lý tưởng trong lúc nước nhà đang gặp hồi nghiêng ngửa. Lời thơ mang tinh chiến đấu cao của Phan Văn Trị có giá trị to lớn và lâu bền, người đời hàng trăm năm sau còn nhắc tới, tượng trưng cho tinh thần kháng khái, kiên định của nhân dân trước mọi áp lực của quân thù.

Trong bài «họa» của Nguyễn Đình Chiểu — mà có người cho là loại bài «họa» lần thứ hai của Phan Văn Trị — ông tỏ ra rất thấm trầm trong ý thơ, lời thơ, thể hiện qua lời văn vừa trang nghiêm, vừa trang nhã và rất sâu lắng. Nhà thơ viết:

*Vãn ngoại, trăm năm há mới đây  
Tan tành ai khiến nước non này  
... Khi suy những tướng còn khi thịnh  
Cội nước đương bền dễ đã lay*

Nguyễn Đình Chiểu đã bấm sâu vào lòng chúng ta về phần đất Nam Kỳ mà ông cho là lịch sử gây dựng đã trải qua khá dài chứ không phải chỉ mới có trăm năm. Với ông, cái suy của đất nước bây giờ chẳng qua là tạm thời, có ngày sẽ thịnh lại, nhờ vào «cội nước



Bài «họa» của Bùi Hữu Nghĩa nói cụ thể hơn, chỉ dùng tên sự vật hơn. Sở cứ vào khả năng và tinh thần, rút ra từ sự quan sát thực tiễn ở Nam Kỳ, ông khẳng định:

*Anh hùng sáu tỉnh thiếu chi đây  
Đầu đề giang sơn đến nỗi này  
... Một góc cảm thương dân nước lửa  
Đền Nam trụ cả đề lung lay*

Trước sức tấn công từ nhiều phía của giặc và sự rút lui vô điều kiện của triều đình, hết kỳ hiệp ước đến dâng thành, tình hình này còn trông cậy vào ai nữa, nếu không đánh giá đúng đắn lực lượng tại chỗ; dựa vào lực lượng tại chỗ để cứu vãn nhân dân ra khỏi cơn lửa hồng, nước sôi. Phần đất Nam Kỳ — «một góc» của đất nước — nơi nhân dân đang chìm ngập trong đau khổ, đã gây nên niềm «cảm thương» vô hạn đối với nhà thơ. Do lòng yêu dân nên Bùi Hữu Nghĩa tự đặt cho mình trách nhiệm trước dân càng cao. «Trụ cả» là biểu tượng của tinh thần trách nhiệm ấy.

Không phải lần đầu Bùi Hữu Nghĩa mới nói đến «Anh hùng sáu tỉnh thiếu chi đây» mà ông đã từng chỉ ra «Nam Kỳ chi thiếu người trượng nghĩa» qua bài thơ «Ai xui Tây đến». Đúng là anh hùng ở Đồng Nai, Bến Nghé không thiếu, nhưng thiếu một cái gì đó để đẩy tới sự phát triển sự nghiệp anh hùng. Đang lúc Tổ quốc cần một ngọn cờ chung thì Tự Đức đã tự tay bẻ gãy nó. Các cuộc khởi nghĩa đã dấy lên rộng khắp từ miền Đông đến miền Tây, kể cả đảo xa. Những nơi này anh hùng có tên và không tên mọc lên như nấm, nhưng vì triều đình cam chịu nhục bại nên các cuộc khởi nghĩa gặp nhiều khó khăn. Từ hành động bán nước dẫn tới hành động ngăn chặn công cuộc cứu



nước, một bước không xa: kháng chiến hóa ra là cãi lệnh, mà lệnh đây là lệnh của thiên tử. Tội lỗi to lớn của triều đình nhà Nguyễn là ở chỗ này. Khi ngọn cờ chung cấp toàn quốc bị vứt bỏ thì, những ngọn cờ trong tay các sĩ phu yêu nước ở các địa phương không thể vượt ra khỏi phạm vi cục bộ, dù có tụ lại thành rừng cờ chẳng nữa cũng không phát cao lên được. Sống trong bi kịch ấy, có người nói ra, có người không nói, «sống để đả, chết mang theo» nhưng, chắc không ai không nghĩ về nó, về một triều đình phân bội.

Do không còn dựa được vào vua thì phải dựa vào hàng sĩ phu, tôn sĩ phu là người lãnh đạo, tiếp tục cuộc kháng chiến tới cùng. Nhập đàn tự nghĩa ngày càng đông đảo, đứng dưới cờ của sĩ phu lòng vâng, quyết tâm đánh đuổi giặc. Được đàn tin cậy, sĩ phu dốc hết sức mình chiến đấu không biết mỏi mệt nhằm tiêu diệt kẻ thù chung.

Không phải người cầm quân nào trong hàng sĩ phu cũng giỏi võ, tinh thông binh pháp. Nhiều người trong họ, ra từ cửa Khổng, sân Trình, chỉ biết cầm bút lông, chưa hề cầm kiếm sắt. Vậy mà, họ không nao lòng, không chùn bước. Giáo lý mà họ vừa tiếp thu hôm qua, do vua chúa ra mặt cầu hàng, hôm nay không còn giá trị. Tuyệt đối «trung quân» thì phải bỏ dân, mà đối với dân thì họ không bỏ được. Hơn bao giờ hết, lúc này họ sống dưới sự cầm đạo của tư tưởng yêu nước, yêu nhà, sống với mồ mã tổ tiên; sống với truyền thống vẻ vang của ngàn đời dân tộc; sống với chính nghĩa, không may mắn bận bịu đối riêng, chỉ lẫn xả vào cuộc chiến đấu và thanh thản chấp nhận hy sinh trong chiến đấu.

Xúc động trước những tấm gương sáng ngời, có

biết bao lời ca ngợi đẹp đẽ về một thế hệ : « Hào khí  
Đồng Nai », Sĩ khí Nam Trung » vang lên bốn phương  
trời của Tổ quốc, nhằm vào những « dũng sĩ » đứng ở  
đầu sóng, ngọn gió phía cực nam. Những câu ca ngợi  
ấy là kết quả của sự quan sát, thẩm định qua một quá  
trình lịch sử mang tính khách quan và công bằng, chỉ  
có tác dụng làm tăng thêm niềm tự hào và tự tin đối  
với người trong cuộc đang sống và chiến đấu trên một  
vùng đất xa xôi, cắt đứt mọi sự chi viện :

*Anh hùng sáu tỉnh thiếu chi đây*

*... Đền Nam trụ cả dẽ lung lay*

câu thơ của Bùi Hữu Nghĩa làm nổi bật, sáng tỏ điều  
mà cả nước đã nói. Niềm tự hào và tự tin lúc này cần  
cho sĩ phu và nghĩa quân biết bao nhiêu, hơn bất cứ  
cái gì hết. Nhấn mạnh về « anh hùng sáu tỉnh », về  
« đền Nam trụ cả » trong hoàn cảnh lực lượng kháng  
chiến đang gặp vô vàn khó khăn có giá trị động  
viên lớn.

*Một góc cảm thương dân nước lửa*

Bùi Hữu Nghĩa đã dùng hình tượng « một góc » để  
chỉ sáu tỉnh Nam Kỳ. Nói đến « một góc » là nói về  
không gian thu nhỏ, dồn lại, có phần cô lẻ và biệt lập.  
Dùng từ đơn giản, Bùi Hữu Nghĩa gây xúc động sâu xa  
về một vùng đang ngột ngạt trong nước lửa gọi người  
ta nghĩ đến tình cảnh bị bỏ rơi. Từ hình tượng « một  
góc », Bùi Hữu Nghĩa chuyển sang hình tượng « đền  
Nam » làm nổi lên trên mặt bằng hạn hẹp này một cái  
gì rất đồ sộ và uy nghiêm, được thiết lập và luôn được  
bồi đắp qua nhiều đời, suốt chiều dài và chiều sâu của  
lịch sử, trở thành chốn thiêng liêng đối với mọi người.  
« Đền Nam » với những « trụ cả » là sự vật chiph. thể  
bền vững, không « dẽ lung lay » được.

Câu thơ bảy chữ tóm gọn được mối quan hệ hữu cơ giữa sự vật này với sự vật khác, từ vật chất mà ra, nhưng khi đã thành «đền» thì nó trở thành một vật thể mang tính tôn nghiêm, bất khả xâm phạm.

Trên một trăm năm trôi qua, ngôi đền trừu tượng, vô hình ấy vẫn sừng sững trước mắt ta, tiếp tục nuôi dưỡng tâm hồn ta, gắn ta với thể hệ liên nhân — những người từng đổ mồ hôi nước mắt, kẻ cả dòng máu nóng, để giữ gìn và tô điểm làm đẹp non sông gấm vóc này. Ngôi đền ấy qua các cuộc chiến đấu lâu dài và đầy gian khổ dưới sự lãnh đạo của Đảng ta — nhân dân miền Nam anh hùng — in đậm bộ phận của nhân dân cả nước, được tiếp tục xây dựng ngày càng cao thêm, ngậy ngà, tráng lệ hơn.

Qua bài thơ «họa» gồm tám câu ngắn ngủi, ta thấy được vẻ đẹp tâm hồn, ý chí và phẩm chất tuyệt vời của Bùi Hữu Nghĩa. Liên theo những đức Linh quý báu đó là tài thơ của ông. Tài và tình quện chặt nhau. Tình chỉ đạo tài, tài giúp cho tình phát triển. Sự tương ứng của nội dung và hình thức đã tạo ra giá trị của bài thơ và cho tới bây giờ nó vẫn còn nguyên giá trị.

Từ 10 bài «xướng», Bùi Hữu Nghĩa chỉ chọn một bài để «họa». Bài «họa» này vì phỏng theo đi bốn câu giữa, chỉ giữ lại bốn câu phá, thừa, thúc, kết (tức là các câu 1, 2, 7, 8) thì bài thơ vẫn đứng vững, vẫn không mất đi phần linh túy của nó.

Ta hãy đọc lại :

*Anh hùng sáu lĩnh thiếu chi đây  
Đầu đề giang sơn đến nỗi này  
... Một góc cảm thương dân nước lửa  
Đền Nam trụ cả để lung lay*



Gái riêng biệt mang dấu ấn của Bùi Hữu Nghĩa nằm ở phần này, trong bốn câu này; cặp trạng và luận tuy không có gì đặc biệt, nhưng cũng là những câu hay: vừa chỉ ra cảnh giặc tàn phá, vừa cảnh cáo bọn bán nước (ở đây là Tôn Thọ Tường) rất sắc. Mạch thơ đi rất khỏe

*Ngọn lửa Tam Tần phừng đất cháy  
Chóm cây Ngũ Quát lấp trời bay  
Hùm nương non rậm con chó thuở  
Cáo loan vườn hoang chết có ngày*

Tôi còn thích phần này trong bài «họa» của Nguyễn Đình Chiểu:

*Phá ngàn, lũ cáo tung lang mùa  
Vỡ tổ, bầy chim đảo đảo bay  
Mấy dặm thành, ao oan nửa khắc  
Muôn binh gió, hạc thềm ghe ngày*

Lời thơ bình dị ẩn chứa những ý sâu lắng về tình hình đang diễn ra ở Nam Kỳ. Tác giả sử dụng hình tượng «mấy dặm thành, ao», «muôn binh gió, hạc» rất đặc.

Với bốn câu: gồm hai câu đầu và hai câu cuối trong bài «họa» của Bùi Hữu Nghĩa, tôi vừa ghép lại, đọc lên, nghe phảng phất khẩu khí của Lý Thường Kiệt với bài «Nam quốc sơn hà...» và loát lên trạng khí của Nguyễn Đình Chiểu với những câu trong bài Văn tế Nghĩa dân chết trận Cần Giuộc:

*Một mối-xe thư đồ sộ, há để ai chém rần, đuổi  
hươu: hai vầng nhật nguyệt chói lòa, đâu dung lũ treo  
đé bán chó.*

Anh hùng, hào kiệt và những làm hồn lớn xưa, nay thường gặp nhau trong ý nghĩ, việc đó không có gì lạ. Ở đây lại còn có vấn đề thừa hưởng di sản giữa các thế hệ và ảnh hưởng qua lại giữa những người cùng thời.

Về 10 bài «họa» của Lê Quang Chiêu, trước hết, ông làm cho người đọc xúc động về tấm lòng trung thực trong việc ông nổi bước những nhà văn bậc đàn anh bồi đắp những đôn đầu vào tên hồi bút, nhưng do làm sau, sau những nhà văn lớn và vì thiếu những ý, từ mới, nên chẳng mang lại tiếng vang rộng rãi. Dù vậy, những bài của ông, nhất là những bài của Phan Tây Hồ, rất có tác dụng hâm nóng tinh thần yêu nước, thương giống nòi, thù ghét quân xâm lược và tày sai trong người đọc.

Tuy đã nói ở trên, nhưng tôi vẫn không rõ: Nguyễn Đình Chiểu, Phan Văn Trị Bùi Hữu Nghĩa ai là người «họa» trước tiên 10 bài liên hoàn *Tứ thuật* của Tôn Thọ Tường? «Họa» trước hay sau, không có vấn đề gì cần phải đặt ra. Điều tôi muốn nhấn mạnh ở đây là, hành động phản bội xấu xa này ra từ tư tưởng ám muội, nhớp nháp của Tôn, thể hiện qua văn chương có văn, có điệu, niêm luật giữ chặt chẽ, không làm sao che đậy nổi chân tướng tồi tàn, mặt ruộng bên trong của hắn. Vì thế, hắn chỉ còn chuốc lấy thất bại thảm hại mà chính hắn cũng không lường trước, trước sức phản công như vũ bão của nhiều cây bút. Thắng lợi này, vinh quang trước hết thuộc các ngòi bút yêu nước và chỉ có ngòi bút yêu nước mới đánh bại, bẻ gãy được «cán bút gian».

Thơường họa ở Nam Bộ từ đây phát triển nhưng không còn giữ nguyên bộ mặt như cũ. Trên văn



đàn, nó là vũ khí giao tranh của hai phía, hai luồng tư tưởng, hai lập trường đối địch. Nó gây trống đồng đảo người đọc một sức lôi cuốn mới, từ đó họ cảm thấy nhát nhẽo đối với các cuộc xướng, họa mang tính chất tài tặc, rỗng tuếch về nội dung, sáo mòn về câu chữ.

Do nội dung mang tính thời sự nóng hổi, việc sáng tác thơ văn nói chung và việc xướng, họa thơ nói riêng có sức lôi cuốn mạnh mẽ người đọc, người nghe. Dù sách báo lúc bấy giờ còn hạn chế, thậm chí chưa có, nhưng qua chép tay và truyền miệng, dòng văn học yêu nước khác nào một dòng thác ào ào đổ xuống, có sức cuốn phăng những rác rưởi. Cuộc «họa» thơ Tôn Thọ Tường mà nhiều cây bút lớn ở Nam Kỳ tham gia là một hiện tượng đặc biệt trong lịch sử văn học, diễn ra đột xuất, nhưng đã đem lại âm vang lớn, hỉ hả lớn đối với nhiều người khi mây mù đang ùn ùn kéo tới trên bầu trời lục tỉnh.

Không hẹn mà gặp, những cây bút lớn nhất của thời đại — cũng là những tâm hồn đẹp nhất — đã tập trung mũi nhọn ngòi bút «đám mây thẳng gian» giành thắng lợi vẻ vang trên phương diện tư tưởng, văn hóa, đạo đức, tinh thần, buộc đối phương dù tạm thời thắng thế cũng phải kiêng nể. Riêng công việc này, thế hệ tiền nhân ta, trong lịch sử bảo vệ dân tộc, đã có những cống hiến mang ý nghĩa rất to lớn.

Trong lịch sử văn học cận đại của cả nước nói chung, Nam-Bộ nói riêng, chưa có lúc nào một mùa hoa văn học nở rộ như thế, xuất hiện nhiều đóa hoa đẹp như thế. Bi kịch đất nước diễn ra sau ngày tư tưởng cầu hòa ở triều đình chiếm ưu thế, đặc biệt, sau ngày Tự Đức hạ chiếu chỉ cho bề tôi cân thân thay mặt nhà vua ký hiệp ước đầu hàng, đã đẩy nhân dân



ta, trước tiên là ở Nam Kỳ, lâm vào thảm cảnh chưa từng có. Chính lúc ấy, dưới bầu trời tối mịt của « một góc » đất nước, lại lóe lên những ánh sáng xa kỳ diệu, có sức làm sáng lên, tưới tỉnh lại mọi tâm hồn đang sống oằn oại trong đau khổ và những hào quang muôn thuở của nó còn góp phần xua tan bóng tối xuất hiện bất thường đầu đó.

Như đã nói, việc bà Nguyễn Thị Tôn qua đời là một tổn thất lớn không thể bù đắp đối với Bùi Hữu Nghĩa. Bình thường, không ai không khổ sở, buồn đau trước cảnh tử biệt, sinh ly. Trong lúc việc chung còn ngổn ngang lắm thứ, lòng ông như tờ vò, thao thức suốt năm canh, thì lần lượt hai con người, hai hình ảnh thân yêu nhất trong gia đình : Vợ và con gái đầu lòng — Bùi Thị Xiêm — ra đi..., Bùi Hữu Nghĩa không xót xa sao được !

Bất đắc dĩ phải đi trấn đồn, lòng luôn ngán ngấm « ở lần nữa hết năm này sang năm khác trên biên ải » thì Bùi Hữu Nghĩa được tin, vợ mất. Mãi lâu sau ông mới về được nhà tổ chức lễ tang. Không rõ « đã ba năm mới đăng thăm » như lời thơ ông viết là bắt đầu từ lúc nào ? Lúc ông rời bà ra đi trấn đồn ở Vĩnh Thông, hay lúc bà già từ ông sau những ngày « bỗng trẻ xuống thuyền lặn mọc quyết tâm nơi chiến địa » ? Dù thời gian nào, « đã chẵn ba năm » đúng là những tháng năm dài. Ông còn có cách nào để thu ngắn hơn nữa !

*Đã chẵn ba năm mới đăng thăm  
Màn loan đâu vắng bắt hơi tâm  
... Chồng nhớ vợ lòng tơ bối rối  
Con thương mẹ lụy ngọc tuôn dầm  
Có linh chín suối đừng xao lãng  
Thỉnh thoảng về thăm lúc tối tăm*

(Khóc vợ)



Tương thơ xưa ít có bài thơ khóc vợ nào đa diết đến thế, ý tứ và lời lẽ mặn nồng, mới mẻ như thế.

Ngoài bài thơ Đường luật ông còn làm những câu đối liên và một bài văn tế. Câu đối liên chữ Hán, ông viết:

*Ngã chi bản, khanh độc năng trợ, ngã chi oan  
khanh độc năng minh, triều quận giai xưng khanh  
thị phụ;*

*Khanh chi bình, ngã bất đắc dưỡng, khanh chi  
tử ngã bất đắc táng, giang san ưng tiếu ngã phãi phụ.*

Nguyễn Văn Nghĩa dịch:

(Tớ nghèo mình lo giúp, tớ oan mình lo kêu,  
triều, quận đều khen mình đáng vợ ;

Mình đau tớ chẳng nuôi, mình mất tớ chẳng  
táng, giang san then mắt tớ làm chồng).

Câu đối liên chữ Nôm, ông viết:

*Đất chẳng phải chồng, bao nữ thịt xương gửi đó ;  
Trời mà mất vợ, thử xem gan ruột mần răng.*

Câu này có bản chép là:

*Đất chẳng phải chồng, bao nữ thịt xương hòa  
với đất ;*

*Trời mà mất vợ, thử xem gan ruột thử cho trời.*

Từ câu đối liên chữ Hán đến chữ Nôm, với ngàn  
ấy chữ cô đọng, Bùi Hữu Nghĩa khái quát mối quan  
hệ vợ chồng chí tình, chí nghĩa; bà ra bà, ông ra ông,  
cách xử lý từng bên có khác nhau, nhưng gặp nhau  
trong lý tưởng cao đẹp và tình cảm thâm đượm mặn mà.  
Cũng như bài thơ Đường luật, xuất phát từ tình yêu  
vợ mãnh liệt, trong đối liên, Bùi Hữu Nghĩa có những  
câu: Đất chẳng phải chồng... trời mà mất vợ... sao mà



thăm thiết đến thế. Cách đây hơn một trăm năm, có nhà nho nào dám dùng chữ tào bạo, trung thực với lòng mình như thế, làm xúc động những người đồng thời và đời sau đến thế?

Khuôn khổ văn tế cho phép viết dài hơi hơn. Và cũng dễ khiến người đọc mau nhàm chán đối với những bài lệ thể sáo rỗng, ý cũ, lời mòn. Bắt nguồn từ hiện thực, Nguyễn Đình Chiểu bằng những bài văn tế của mình, nhất là bài *Văn tế Nghĩa dân chết trận Cần Giuộc*, đã cho dòng dõi người đọc của ông thuộc nhiều thể hệ những áng văn đầy xúc động.

Lời văn sử dụng cho thể loại phú viết ra dưới hình thức biền ngẫu gò bó, chặt chội dường nào, người ta dễ đưa vào đây những chuyện xưa, những điển cố được lắp ghép sẵn, tạo ra những bài văn trống rỗng không thực. Văn chương không ra từ cái thực thì không gây được sự xúc động nào.

Thơ, đối liên và văn tế vợ của Bùi Hữu Nghĩa được nhiều người nhắc tới, ngợi khen là vì, chúng gắn bó mật thiết với cuộc sống, với đối tượng miêu tả như thực tế đã diễn ra.

Qua tình cảm nồng thắm của mối quan hệ vợ chồng, bài *Văn tế vợ* của Bùi Hữu Nghĩa giúp ta hiểu sâu hơn những tình huống, những tình tiết éo le của ông và bà từ sau ngày nhà thơ gặp đại nạn. Chẳng hạn như việc bà Nguyễn Thị Tồn trong lúc bưng mang, dạ chưa vãn một mực đòi theo ông đến Vĩnh Thới. Vì lẽ gì đó, cuộc đi không thành, mãi đến khi sinh nở, bà mới «bồng trẻ xuống thuyền» quyết lòng ra đi tìm thăm ông — nơi thường xảy ra những cuộc đánh chác giữa ta và người Khơ-me ở vùng giáp ranh, heo lánh.



Ơn vũ lộ lộng khơi mùa búa xuống, tay chống  
chờ đời làm đồng vác, khi ấy hãy mang con trong  
dạ, bèn bịu xin theo chốn sa trường :

Cuộc phong lôi tin tức hãy chưa thông, quế phi  
dung lưỡng thụ nắng mưa, cơn chừ đánh bổng trẻ  
xuống thuyền lặn mọc quyết lăm nơi chiến địa.

Hiệp tan khi ấy rất gay go

Ấn ái đoạn này thêm thắm thía...

Bài văn tế nhắc lại ngày bà Nguyễn Thị Tồn ra  
Huế, tới giữa triều đình mình oan cho chồng :

Nơi kinh quốc ba hồi trống gióng, biện bạch này  
oan, nọ یت, đáng hiền lương mắt thấy thấy đau lòng :

Chốn tỉnh đường một tiếng hét vang, hân hoi lễ  
chánh, lời nghiêm, lũ bâng đảng tai nghe đều hết یت...

Búi Hũu Nghĩa nhắc lại buổi về thăm, cảm động  
trước phút chia tay, vợ sụt sùi bên liễn, nay bỗng được  
lìn vợ mất, không về được, chỉ còn cách ngửa mặt lên  
trời than thở. Đoạn văn thật nào nằng :

Lúc anh vụt về thăm cha mẹ, để lời dặn em  
đừng rùn chít, việc ở ăn lo đã sẵn cả, mới trở lưng  
xuống bến sụt sùi :

Nay sao đành bỏ cả chồng con, nghe đặng lìn  
anh xiết kinh hoàng, nỗi tới lui không biết đường  
bao; lưỡng ngửa mặt lên trời van vỉ...

Suốt bao năm gian khổ vì chồng, hy sinh tất cả cho  
chồng; hết lo âu này đến lo âu khác, làm sao bao lồi  
được sức khỏe. Bài Hũu Nghĩa quy cái chết của vợ  
do ông gây ra, làm ta vô cùng xúc động :

Anh để nắng chẳng bằng liễn, vung cửa mặt  
bằng cái từ lương

Anh giết nàng chẳng bằng gươm bằng dao, mà bằng cái khờ luy.

Ôi!

Gươm ăn ai không nướ mà lếm 'lếm, người ta mận nồng chồng vợ, bao đánh dirt mỗi tình duyên:

Ngựa quang âm không dạm bổng đùng đùng, người ta mắc cuộc khi tại nân, bao nữ dirt đường sanh tử.

Phụng lìa đôi chích mác, đưng nói sửa sang giếng mới, khi lũng thiếu mạnh quần tằm áo, biết lấy ai mà cậy nhờ

Gà mứt mẹ chít chiu, đưng nói nhắc biểu học hành, khi lạt thêm miếng bánh, đưng hàng, biết theo ai mà tỏ thể.

Máy nhờ có ngoại gia nương cậy, sống đặng nhờ thác cũng đặng nhờ:

Luôn trông cuộc thế xong xuôi, sớm chẳng thấy, mai đều chẳng thấy...

Với những lời bình dị, do nội tâm thúc đẩy mà những cảnh thật, tình thật đọng lại trên trang giấy, người ngoài cuộc nghe xong cũng thấy xao xuyến, bồi hồi.

Là một áng văn đi vào lòng người, được truyền tụng, qua cái tình lớn và tài lớn, Bùi Hữu Nghĩa chẳng những nói rõ được khúc nói của mình mà còn làm sáng danh một người vợ phi phạm, hiếm có trong xã hội, được người đời không ngớt ca tụng suốt trăm năm. Sự nghiệp văn học của Bùi Hữu Nghĩa cao đến đâu, con người của Bùi Hữu Nghĩa đẹp như thế nào thì tâm vóc của bà vợ mẫu mực cao đến đấy, đẹp đến đấy. Phụ nữ Nam Bộ vừa dăm đang, vừa anh hùng

xuất hiện trong điệp ở khắp phố phường, vườn dứa, ruộng lúa miền Nam trong cuộc chiến đấu từ sinh đẻ giành tự do cho con người và độc lập của xứ sở không lách khỏi truyền thống cao đẹp của thế kỷ trước để lại. Bà Nguyễn Đình Chiêu, bà Nguyễn Hữu Huân trong mối quan hệ với chồng ở những mặt nào đấy cũng là những tấm gương sáng. Sự nghiệp bất tử của những nhân vật kể trên có sự trợ thủ đắc lực của các bà vợ. Chắc ai cũng thấy rõ điều đó và như thế là công bằng.

Cùng với cái tình lớn và tài lớn, mang cá tính và phong cách riêng biệt, bài Văn tế con gái của Bùi Hữu Nghĩa cũng là một áng văn hay, người đời thường nhúc nhích liếp liền với bài Văn tế vợ

*Phải căn số ít duyên, ít phúc, thì không phải cho rồi ;*

*Đang thân hình nên vẽ, nên vai, mà mặt như vậy đứng.*

*Giận bấy lâu kiên khôn bạc ác, chồng chộc hẳn không vì ;*

*Hiềm theo con tạo quá trớ trêu, mon men là muốn mắng...*

và

*Khi nào biết làm giọng anh, giọng e mà dúi tó, có giận thì la còi giống nọ lợn rông*

*Đời nào hay cầm cái vọt mà đánh em, có giận thì mắng cái thang sao nó rần.*

*... Nhớ lời tiếng con cười, lời con thốt, càng thêm chưa, thêm xót đời con ;*

*Nhớ đến cách con đứng, dáng con ngồi, lưỡng đề nhớ, đề thương từng chặng.*



*Đường ra; ngổ vào còn đó, con đi đâu cho rêu  
cỏ mọc xanh;*

*Thúing may, rồ vá còn đây, con đi đâu cho  
móc meo đóng trắng.*

Sử dụng lối tả thực, phản ánh tình thương đứa con gái đã mất, không riêng các đoạn trích mà từng câu trong toàn bài nối nhau như nước tuôn chảy trên dòng suối, vang lên lời ca ngợi đức tính của con, nhắc tới những sinh hoạt bình thường của con diễn ra hằng ngày. Bài văn của Bùi Hữu Nghĩa có sức truyền cảm mạnh. Đọc sách *Cổ vấn của Hoàng Quốc*, người ngày trước bình về các bài văn *Tiền*, *hậu xuất sư biểu* và *Trần tình biểu* đại ý như sau:

Đọc *Hàng Vĩ* mà không rơi nước mắt không phải là bề tôi ngay. Đọc *Lý Mạt* mà không rơi nước mắt không phải là con thảo. Nhà bình luận liệt những áng văn trên là những áng văn « chí tình » trong thiên hạ, viết ra từ sâu thẳm của đáy lòng. Nếu lời bình này là chí lý, thì bài *Vấn lễ vợ* và bài *Vấn lễ con gái* của Bùi Hữu Nghĩa là những bài thuộc loại « chí tình » ấy; từng tác động sâu sắc đến người đọc nhiều thời. Lâu chưa có dịp đọc lại, nay giở ra đọc, tôi vẫn thấy xúc động như khi đọc lần đầu. Càng về già, tuổi lớn, có nhiều con cháu, tôi càng quý những bài nói trên; « chí tình » đúng rồi, nhưng lời viết bình thường cũng không thể có những bài văn hay như vậy, dù quan niệm về sự sống, chết ngày nay có nhiều thay đổi. Nhưng dù cho thay đổi như thế nào, mối quan hệ tình cảm giữa chồng vợ, cha con, anh em, bầu bạn xưa nay vẫn đậm đà và vẫn đọng lại trong các tác phẩm lâu bền, được người đọc nhắc nhở. Các câu đối liễn, thơ, văn lễ khóc vợ và con gái của Bùi Hữu Nghĩa; bài thơ *Giã vợ đi làm quan* của Phan

Thanh Giản; bài Văn tế Quý Hòa (khóc em trai) của Nguyễn Thông; bài thơ bốn câu, có câu nhắc về mẹ già của Hồ Huân Nghiệp trước khi ông lên máy chém. đều là những áng văn gắn liền với tên tuổi của các tác giả. Bên cạnh những áng văn có giá trị khác mà họ đã cống hiến cho đời.

Những ngày tháng cuối đời, nghĩ về Tổ Quốc thân yêu, ước ao nước nhà được sống trong cảnh tự do, độc lập, Bùi Hữu Nghĩa luôn băn khoăn về cái giá đã trả gấp trong khi «đường đời còn lầy lội»:

Vọng tri đồng xuân nhật  
Đoan.cư lại Bắc thần  
Hôn mai phong kỷ độ  
Bánh bái vô kinh tuần...

(Tự thuật)

(Mong cuộc tri bình, chờ đợi với ngày xuân  
Ở yên một chỗ, nung nhớ sao Bắc đẩu  
Mấy trận gió to bụi tung mù mịt  
Củ lều mưa lớn nước ngập tràn trề)

Cũng với nỗi lo âu và nỗi ước mơ ấy, tâm linh ông càng khắc khoải:

... Kính môn ngẫu đối tu thiêm bạch  
Hoa.cảnh nhà khan diện đời hồng  
An đắc sơn hà y cựu nhất  
Cần khôn túy lý nhất tao ông

(Chợt lờ gương soi thấy râu thêm bạc  
Đạo xem vườn hoa, mặt thấy ánh vẽ hồng  
Mong được non sông nguyên vẹn như cũ  
Giữa đất trời say khướt một tài ông)

Trên giường bệnh, ông đau lòng vẽ đứt nước sang gặp hồi lặn dần, nhưng với một đút nước gió, trắng vô tận và vườn cúc, từng (ở đây tượng trưng cho ý kiên định của con người) không hề biết lặn tạ trước thời tiết bất thường. Những ý, tứ của bài thơ ông làm trong những ngày cuộc sống không còn kéo dài được bao lâu, làm tạ thêm cảm kích về tình yêu quê hương, xứ sở của ông.

*Nước non có mắt thấy cho gió*

*... Nam Kỳ chi thiếu người trung nghĩa*

những câu thơ đầy tâm huyết ứa một lần nữa lại đến với tôi, khiến người viết bài này càng bồi hồi tưởng đến hiền nhân, để lớn biết bao công sức vun đắp nước non này, để lại đời sau những tình cảm đẹp này. Qua ông cha, ta thấy được chiều dài và bề dày của lịch sử vinh quang của dân tộc.

Trong phần thơ văn chống xâm lược Pháp và tay sai, Nguyễn Đình Chiểu, Phan Văn Trị, Bùi Hữu Nghĩa... từ nghịch cảnh, đã đập phá hàng rào kiên cố làm cương, ngũ thường, trước hết là quan hệ vua tôi «quân xử thần tử, thần bất tử bất trung» để đi với dân, cùng dân kháng chiến, không cam làm nô lệ. Tư tưởng và tình thần cao cả của những cây bút đó đã đưa họ lên vị trí vinh quang nhất của đất nước. Bằng những hoạt động và sáng tác liên tục không biết mệt mỏi, bất chấp sự đe dọa tính mệnh, các tác phẩm văn học mang tư tưởng căm thù sâu sắc bọn giặc và tay sai, lòng yêu nước nồng bỏng, được nhân dân đón nhận như vật báu trong đời, như trời hạn gặp mưa.

Dưới ánh sáng thời cuộc, tư tưởng và tình cảm của những trí thức chân chính có sự chuyển biến mang



ý nghĩa bước ngoặt. Là bước ngoặt chứ không phải đột xuất, nhưng nhân vật Lục Văn Tiên, Kiều Nguyệt Nga của Nguyễn Đình Chiểu, Kim, Ngọc, Thạch Vô Hà của Bùi Hữu Nghĩa xuất hiện trước hoặc sau cao trào chống Pháp hồi ấy đều được khai triển lâu dài trong mỗi tác giả, là ước mơ của họ giữa cuộc đời trải ngang không lối thoát. Vì vậy, muốn hiểu tư tưởng tác giả sâu sắc và cơ hệ thống không thể không nghiên cứu những tác phẩm ra đời trong những thời kỳ khác nhau như *Kim, Thạch kỳ duyên* chẳng hạn.

Về *Kim, Thạch kỳ duyên*, tôi cố gắng tự vượt lên khả năng mình, kiên nhẫn lần theo từng câu, từng đoạn, theo sát từng nhân vật để tìm hiểu ý đồ và nghệ thuật của tác giả. Dù không tiếc công sức và thì giờ nhưng nhiều lúc tôi cũng ngập ngừng trước trở ngại khá lớn. Tỷ lệ chữ Hán được tác giả sử dụng khá nhiều, so với chữ Nôm, trong *Kim, Thạch kỳ duyên*, quả là một bức tường khó vượt, dù tôi có ít vốn liếng về văn tự này. Qua đó, tôi suy đoán rằng, các bạn trẻ ngày nay càng gặp khó khăn. Dường như tác giả viết vở tuồng này để đọc chứ không phải để diễn, nhưng đọc cũng đã khó. Mọi hiện tượng hơi lạ là, đi đôi với việc sử dụng Hán văn, tác giả sử dụng ngôn ngữ dân gian không ít và rất đặc. Dịch một bài thơ chữ Hán của tác giả không phải dụng công quá nhiều như dịch những đoạn chữ Hán trong một vở tuồng, viết xen kẽ với chữ Nôm. Trước hết không phải do độ dài của tác phẩm mà do dịch khó đạt được mong muốn. Dịch như thế nào cho tương xứng với phần khác của tác phẩm về nội dung cũng như hình thức là điều không dễ. Chỉ dựa vào lời chú thích để hiểu nội dung rất khó tạo ra sự hào hứng trong quá trình thưởng thức tác phẩm.

Tất cả những điều nói trên cất nghĩa vì sao một tác phẩm văn học có tầm cỡ như thế không đi vào quần chúng sâu rộng như *Lục Vân Tiên*. Vì vậy, không có con đường nào khác: muốn tiếp thu di sản của tiền nhân, nằm trong kho tàng Hán Nôm, mỗi người trong chúng ta ngày nay cần có sự cố gắng, cố gắng đọc và không ngừng khuyến khích các công trình nghiên cứu, phiên dịch, giới thiệu. Nếu không, thì khoảng cách với các thế hệ nhà văn ngày trước với chúng ta ngày nay càng rộng.

Vở tuồng *Kim, Thạch kỳ duyên* gồm rất nhiều nhân vật và mớ rất nhiều tình tiết, nhưng cốt chuyện vẫn xoay quanh cái trục chính là mối « duyên lạ » giữa một người trai có đức, tài và một người gái có hạnh kiểm hiếm có. Duyên nợ giữa họ được xây dựng từ một sự tình cờ, không hẹn trước. Kim Ngọc bị cướp đón vợ về và Thạch Vô Hà bị sức ép phải ăn ở với một người chồng mang bệnh phong đòn mìn con gái gia chủ giàu sang đã chế không thêm lấy.

Từ ước mơ dẫn đến hiện thực, qua những bước đoạn trường, *Lục Vân Tiên* và *Kiều Nguyệt Nga* tái ngộ trong bối cảnh đất nước không còn nạn ngoại xâm, các thế lực gian tà, tàn bạo không còn chi phối xã hội. Không như các nhân vật của Nguyễn Đình Chiểu, những nhân vật của Bùi Hữu Nghĩa, con đường dẫn đến hạnh phúc của họ bắt đầu từ một cuộc trả hôn diễn ra không bình thường. Cái « duyên lạ » này hay đầu lại là một tấm gương soi làm sáng rõ những bộ mặt đẹp cũng như những bộ mặt linh ma, quỷ quái trong đời.

Cuộc trả hôn trong *Lục Vân Tiên* và cuộc trả hôn trong *Kim, Thạch kỳ duyên* khác nhau về động cơ và

do đó hệ quả đưa lại cũng khác nhau. Trong *Lục Vân Tiên*, ngộ hiền từng quyền, Kim Liên tự nguyện thay Nguyệt Nga cống Hồ để bảo toàn gia đình Kiều công trước cơn giận dữ của nhà vua — việc có thể xảy ra. Thạch Vô Hà thay Ái Châu về làm vợ cho Kim Ngọc chẳng qua vì bị ép uổng.

Là đầy tớ. Thạch Vô Hà phải làm theo ý muốn của chủ. Có lần Ái Châu cho gọi thầy coi tướng tới nhà, bắt Thạch Vô Hà đóng giả Ái Châu, còn mình thì đóng giả Thạch Vô Hà để xem thầy tướng đoán định ra sao? Không ngờ Ái Châu giả lại được thầy coi tướng khen không tiếc lời từ lảnh lỉnh đến bước đường vinh hiển..., còn Thạch Vô Hà giả lại bị thầy coi tướng chê là con người khố bạc, sau này nếu không làm nghề dè tiện ở lầu xanh thì ắt lấy chồng ăn mày. Chủ trương thay ngôi thứ giữa hai người, không phải Ái Châu muốn chơi trò đùa nghịch trước thầy coi tướng mà chính là để xem thầy coi tướng có tài không? và tự kiến tướng rằng, dù giả làm người ở đợ, nhưng dung nhan của mình làm sao Thạch Vô Hà có thể so sánh được, rồi cuộc thầy coi tướng cũng sẽ nói lời về mình thôi. Không ngờ qua tướng linh xuất hiện lộ lộ ra đó, lại là người xuất hiện trong đám đầy tớ, thầy coi tướng không ngại gì không nói những điều ông ta nhận xét.

Kết quả việc coi tướng làm Ái Châu phần nộ, sai giá lý hành hung thầy coi tướng và hành hạ Thạch Vô Hà, cho rằng, cha mẹ Thạch Vô Hà mách nước với thầy coi tướng nhục mạ mình. Nếu không có lời can ngăn của Trương thị — mẹ Ái Châu — thì Thạch Vô Hà còn bị nhiều roi vọt hơn nữa. Tình kiêu căng và khắt nghiệt của Ái Châu bộc lộ qua lần coi tướng ấy.



Ái Châu là con gái đầu lòng của một gia đình, cha thì:

*Phủ hộ trẻ với đời, Lâm Vương khoe danh mỗ  
Như ta, nhờ hơi kếm nghiệp nên đồ sộ  
Còn, kẻ dài đồng bạn cũng hẳn hoi  
... Chớ như con gái lớn tôi là dung mạo tái  
linh rất lịch*

*Lại thêm cầm kỳ thi họa đều thông  
Thời, gái thuyền duyên đương lầy kén chồng  
Ai ngờ lúc nay, trai văn vật khéo xui gặp lứa*

Mẹ thì:

*Ông nông nả làm cho đặng ngọc  
Mẹ phép phòng sợ những uông châu  
Ông sui đã khoa hoạn cái đầu  
Chàng về ắt trăm anh nối gót*

Ra từ một gia đình như thế ấy, lại sắp sửa về làm dân nhà quan, Ái Châu càng học lộ linh kiêu càng, tự phụ:

*Thiếp Ái Châu tốt bực hồng quân  
Cha Lâm Vương nên trang cự ti  
Như tôi là, kiêu diễm Tây Thi khá vi  
Còn thông minh Đạo Vần chỉ hơn  
Cho nên, vi trần châu báu lạ không nhường  
Cùng Kim Ngọc duyên lành mới gá  
Như cha chồng tôi, đồ tể thi ra chân dân xã  
Còn chồng tôi, liếng thần đồng đủ nức hương lân  
Có phải, rõ ràng một mặt phu nhân, cao tốt  
phò loài phàm nữ*

Sống sung sướng, ăn không ngồi rồi, Ái Châu bưng  
mơ tưởng đến cảnh nguyệt hoa :

*Tịch mịch hương khuê kỷ độ xuân  
Quá tường phong điệp tự tàn phần  
Cao đường vãn vũ tam canh mộng  
Độc chầm có phòng nào sát nhàn*

(Âm thầm ở trong buồng hương đã mấy năm qua  
Ngoài tường ong bướm cứ tự ý dập dìu bay lượn  
Ba trống canh năm mộng thấy mây mưa ở chốn  
cao đường

Một mình nằm trong buồng vắng vẻ sâu nào  
đến chết người).

Bỏ người chồng sắp cưới đang làm bịnh gán cho  
người đầy tớ chắt phúc là Thạch Vô Hà, Ái Châu thuận  
linh làm vợ Ái Lang, con của Lợi Đồ đang làm tri phủ.  
Ái Lang là tên ăn chơi nổi tiếng. Hãy nghe hắn nói về  
cha và bản thân hắn :

*Cậu Ái Lang tên đặt, cha tri phủ quan sang  
Như nhà cụ nì, cửa nhà chán chở bạc vàng  
Còn hầu thiếp hẳn nhớn như điều đồ  
...Cậu chơi hoài hoài, hoang thiên, hoang  
thiên chỉ hoang*

*Sướng để sướng để chỉ sướng.  
Trẻ lớn, diều dầy đòi ba thành cho vlah cường  
Ấy a, áo quần năm, bảy sức xư xư  
Làm sao ra bợm nhà quan, mới để chưng tuồng  
ve gù*

Khi chừa bỏ Kim Ngọc, để chuẩn bị về nhà chồng,  
Ái Châu nhờ người đi tìm một người tớ gái hợp với ý  
mến của y :

Số là trẻ ở với lời cũng năm bảy đời  
Nhưng mà, xem nó lì mấy già, chẳng vừa mắt  
mọt con

Tôi muốn, tìm một người má phấn, môi son  
Lại nhiều ít bút nghiên cho biết cách  
Đặng mà, khi xuất giá sửa đờn, soạn sách  
Còn, lúc tại gia hân vãn thuốc, pha trà...

Là con gái người thầy thuốc có tài và có hạnh,  
không nỡ để cha là Thạch Đạo Toàn bị khổ sở vì tai  
vạ ập đến đình linh, Thạch Vô Hà quyết đi ở dợ để  
đủ mấy mươi lượng bạc chuộc tội cho cha. Thương  
chồng, nhưng người mẹ cũng bối rối trước ý định của  
con gái:

Con ôi! như mẹ con ta chừ  
Nước không một gáo, lửa có muốn xe  
Như gia đạo người ta, nát giở hãy còn tre  
Chừ như gia đạo mẹ con ta, rán sánh sao ra mỡ  
Thời, việc không nên một thuở, họa ập đến  
nghìn đời

Ngóng cổ kêu, kêu chẳng thấu trời  
Còn, ôm bụng tỉnh, tỉnh không ra nước

Khi nghe biết được chủ trương của con gái, Châu  
thị không kìm chịu. Thạch Vô Hà không còn cách  
nào, phải nói thẳng với mẹ:

Thưa mẹ, gặp con tráo chắc, sao đặng vuông tròn  
Như con là, tóc tơ chưa trả nợ nước non  
Son phấn quyết giẫy nơi gió bụi,  
Nếu lắm lời riêng tôi, thêm đau độ buổi bông.  
Con nói thiệt, mẹ đâu chẳng ung lòng  
Con nguyện không thấy mặt.



Đi ở cho gia đình Lâm Vượng, hầu hạ Ái Châu, làm Ái Châu giả vờ với Kim Ngọc, một bước ngoặt lớn mở ra trong cuộc đời Thạch Vô Hà.

Hết lòng chăm sóc chồng, không chút ngại ngần vì chồng mắc bệnh phong, da lở loét gây lạnh hời, khó chịu. Thạch Vô Hà hết lòng chăm sóc chồng, ngoài ra còn mời cha đến chẩn đoán và học thuốc cho Kim Ngọc. (Vì dòng Ái Châu giả, trước mặt Kim Ngọc, Thạch Vô Hà buộc phải gọi Thạch Đạo Toàn là cha nuôi). Nghĩa cử và sự hy sinh cao cả của vợ khiến Kim Ngọc vô cùng cảm động:

*Thương những vợ phong tư, gặp lúc chồng  
lại bệnh*

*Hồ bầy mắt dày, mày dạn, tiếc thay mình ngọc,  
vóc ngà*

*Ấ, tanh hủi này che mũi khôn qua, cực khổ bầy  
dạn tay chẳng gờm*

*Xác lập trách nhiệm đối với chồng:*

*...Chồng đau vợ dễ tiếc chỉ còn*

*Thuốc linh may dặng an mình ngọc*

*Gặp nước nhờ khi cá hóa rồng*

Chẳng những cảm động mà còn biết ơn sâu sắc về những gì Thạch Vô Hà đã đem đến cho mình, Kim Ngọc thốt ra:

*Hồ phận chồng khó nổi cảm lòng*

*Thương thân vợ càng thêm nể mũi*

*Chứng ấy dầu an vóc ngọc*

*Ơn kia dưng đức nhà vàng*

Nuôi chồng khỏi bệnh lại ra sức giúp chồng học hành. Cảm hứng, có một đêm khuya Kim Ngọc vào

luồng vợ. Thạch Vô Hà không bằng lòng với lý do là chồng cần phải tri chữ học hành, việc ăn ai còn chờ ngày khế. Nghe vợ nói, Kim Ngọc càng nể và cũng đánh giá cao Thạch Vô Hà:

*Xảy nghe lời thực nữ, thêm nể mặt trương phơ  
Phước này họa mấy kiếp tu, giá ấy dễ ngàn  
vàng đổi*

Cần cù học tập. Kim Ngọc ứng thi đầu Trạng nguyên. Từ cái mốc này, tình kịch của vở càng cao. Kim Ngọc sai Dũ Đức về Hà Nam đón Ái Châu (tới đây Kim Ngọc vẫn không hay biết việc trả hôn ngày trước). Lâm Vượng, Trương thị (cha mẹ vợ), Thạch Đạo Toàn, Châu thị và Thạch Hữu Quang (cha, mẹ và em trai Thạch Vô Hà). Thạch Đạo Toàn (danh nghĩa là cha nuôi của vợ người đã có công chữa bệnh cho Kim Ngọc, khiến Kim Ngọc vẫn nhớ ơn và mong muốn được báo đáp) cùng gia quyến theo Dũ Đức đến kinh đô. Lâm Vượng và Trương thị vì xé thủy không tiện, nên ở lại.

Ở đây xin nói qua về Dũ Đức, vai trò của Kim Ngọc.

Người đọc *Lục Vân Tiên* xúc động dường nào về Tiêu Đồng, người đọc cũng xúc động về Dũ Đức — người tở tuyệt đối trung thành với Kim Ngọc, đem lại lòng hơi thở, sự ấm áp cho một con người từ cổ vô thân đang sống dở, chết dở trên bước đường đời. Bằng nghĩa cử cao cả, chẳng những những con người xuất thân từ nghèo khổ ấy góp phần quan trọng trong việc cứu mạng cho Lục Vân Tiên. Kim Ngọc — những nhân vật anh hùng, có vai trò cứu nguy lớn nhất đối với dân tộc — mà còn là người an ủi từng phút, từng giờ,

không thể thiếu vắng đối với người không may gặp phải nạn lớn. Tri thức giữa họ dù có một khoảng cách, nhưng đạo nghĩa ở đời của những người «tò», qua thư thách, có sự chinh phục cả «thầy»

Ngoài Kiều Nguyệt Nga, Thạch Vô Hà, nhân vật nào trong *Lục Vân Tiên*, *Kim, Thạch kỳ duyên* có thể so sánh với Tiểu Đồng. Dĩ Đức — trong việc họ động viên, giúp đỡ những tài năng. Ở đây Nguyễn Đình Chiểu và Bùi Hữu Nghĩa «gặp» nhau trong suy nghĩ, cách đánh giá đúng đắn những con người mang số phận bầm biau, cực nhọc trong xã hội. Đảng hành động cụ thể họ đã đem lại bộ mặt đẹp cho xã hội.

Những thầy Ngang, thầy Pháp... chỉ biết vùi tiền, coi thường sinh mệnh của con người, xuất hiện trong lúc Lục Vân Tiên mù mắt khiến ta coi khinh và chán ghét như thế nào thì hình ảnh những Tăng Chủng, Đạo Chuối, Đạo Oản, hòa thượng Hư Vô, nhất là hòa thượng Hư Vô, xuất hiện trong lúc Kim Ngọc đã «tắt thở», càng làm cho ta thêm bức bối về lễ thái, nhân tình. Bóng đen của một chế độ phong kiến hồi tàn tạ đang trùm lên xã hội, kể cả nhà chùa là một nét đáng lưu ý trong *Kim, Thạch kỳ duyên*. Nói đúng ra, Bùi Hữu Nghĩa không có khuynh hướng chống đạo giáo, nhất là Phật giáo. Bỏ tiền ra để tu chỉnh chùa chiền là một trong những công việc quan tâm của Kim Ngọc, sau khi chiến thắng ngoại xâm, chứng minh điều ấy.

Khi Dĩ Đức công Kim Ngọc vào chùa, trước thái độ đứng đưng, lạnh nhạt của Tăng Chủng, vì thương thầy được Dĩ Đức phải gào to:

*Là, lẽ là quá lẽ, người chẳng thương người  
Cậu ơi, cậu đã chẳng còn hơi, thầy cho nhớ  
chút lửa*



Tiếng gào của Dữ Đức đi vào giữa khoảng không,  
vì hột hương Hư Vô vốn là một con người — như hòn  
thượng đế :

Nương cửa Phật dãi màu tăng  
Lần chuỗi bồ đề để kiếm an  
Nhằm mỗi lăm dìm lòng tưởng nhớ  
Mở kinh thì thực tụng tụng những  
Như ta, nghề nghiệp chẳng ai bằng, tu hành  
nhiều kẻ mắc

Bất trí rày nương cửa Phật, Hư Vô vốn thiết  
tên thầy

Dầm dề mùi đạo như say, thông thả màu thiền  
để dỗi

Những tháng ngày nương tựa chùa. dù đã thoát  
que con chết, nhưng tin tức của cha sau ngày gặp trời  
chưa rõ, lại thêm căn bệnh phong hành hạ, khiến Kim  
Ngọc đau đớn cả linh thần lẫn thể xác. Chính lúc ấy  
Dữ Đức đã hết lòng lo cho Kim Ngọc ; trở thành nguồn  
an ủi độc nhất đối với người đang lâm cảnh không  
may. Thời gian khổ sở này kéo dài ba năm, không  
phải là khoảng ngắn của hai người :

Từ thuở giang tàn thoát tử, bấy lâu sơn tự dung  
thần

Nhờ thuốc tiên cứu vãn tinh thần

Nhưng mà, mang nặng quỷ thần cùng nhân vật  
Song thân ỏi, hai thân khó hỏi hạn miền thủy  
quốc

Một tờ nhờ nuôi dưỡng chốn vân am

Kề lần hồi tinh đã ba năm, mộng thơ thần chưa  
lành một tấc

Như đã nói vở tuồng gồm nhiều nhân vật và rất giản tinh liết, nhưng ngôi bút của tác giả tập trung mô tả về phía chính diện là Kim Ngọc, Thạch Vô Hà và Dữ Đức, Giải thị, Thạch Hữu Quang, Ngạn Yêm; về phía phản diện là Ái Châu, Lâm Vương, Lợi Đồ, Lư Khải Phong.

Vai Tổng Vương trong vở là vô lịch sử, một bóng mờ; chỉ cần đề tấn phong bề tôi có công và xử đoán gian thần khi sự việc đã bày ra quá rõ, ai cũng biết. Nguyễn Đình Chiểu và Bùi Hữu Nghĩa lại «gặp» nhau trong việc xử lý nhân vật nhà vua trong tác phẩm. Vua có như không có. Việc họ làm ai làm cũng được. Từ việc đối phó với giặc ngoài đến việc sửa sang xã hội bên trong, không thấy hai nhà vua có vai trò gì? Một dấu hỏi cần đặt ra, để chúng ta trong quá trình nghiên cứu tình hình chính trị, xã hội thời nhà Nguyễn, nhất là nửa sau thế kỷ XIX, xem mối quan hệ giữa nhà vua và trí thức đương thời (một bộ phận là nhà văn) như thế nào? Trước khi thực dân Pháp xâm lược nước ta — trước tiên là ở Nam Kỳ — trí thức Nam Kỳ nghĩ gì về triều Nguyễn? Nguyên nhân vì sao hàng loạt trí thức ở địa phương này không ra làm quan, sống mai danh ẩn tích nơi làng mạc heo lánh?

Lư Khải Phong nhân vật tiêu biểu nhất cho đám gian thần ở triều đình Tổng Vương là một tên xảo quyệt và tàn bạo. Khi Kim Ngọc đổ Trạng nguyên, hán muốn gả con gái để hán được một chàng rể xứng đến «bốn biển anh hùng vấp dạ»,

Cuộc gặp mặt đầu tiên, chưa kịp nói chuyện gả con, hán đã bị Kim Ngọc cho một bài học về hồn phách làm tới con trong một nước. Rõ ràng như nước với lửa, hai tình cách nhân vật là sự đối đầu của hai người trên hai trận tuyến đối địch: Lư Khải Phong nói:

Ai chẳng chê dè Tào, Mãng, người đẽu khen bấy  
Y, Châu

Ta nghĩ lại, khen chê chẳng vào đâu, nghị luận  
nghe rất nề

Trên có Võ, Thang thành tri, ai chẳng Y, Châu.  
Chớ như,

Dưới từ Ai, Hiến hôn ngu, biều đưng Tào, Mãng,  
cho đưng

Nghĩ cho xác đáng, chẳng khá chê khen

Y, Châu cũng rừa, Tào, Mãng cũng rừa

Kim Ngọc trả lời không chút ngần ngại

Tôi uống một hai chén, nói có thất lạt một  
hai lời

Xin thương quan đưng có chếp, thời lới mới  
đàm nói dạ, dạ

Đời Thang, Võ mà Y, Châu tể cấp, tể cấp, vạn tể  
lưu hình

Chớ như vua Ai, Hiến mà Tào, Mãng tung  
hoành, tung hoành, cho lắm đi nữa, thời cũng bách  
niên đi xử

Giả suy, kiểu chủ nhà ra về, hai phia có nhậu  
xéi về nhau. Lư Khải Phong nói về Kim Ngọc:

Cái thằng con nể chanh ranh, khéo kiếm lời  
nói cần.

Kim Ngọc nói về Lư Khải Phong:

Cái thằng mần răng, cáo dơi lốt hùm mầu mặt,  
còn gả đeo lọng phụng khoe mầu

Tôi những lăm lạp Y, Châu, ai dẽ nổi lăm sắn  
Tào Mãng



Theo sử sách cũ của Trung Quốc. Tào Tháo, Vương Mãng là gian thần của thời Đông Hán, Tây Hán. Vua của hai nước này là Hiến đế và Tây đế bị Tào Tháo, Vương Mãng tiếm hết quyền hành. Y, Châu tức Y Doãn và Châu Công Đán là hai người hiền thần đời Ân Thương và Thành Châu.

Trong cuộc gặp này, Lư Khải Phong không giấu tâm địa xấu xa và ý đồ phản trắc của hắn trước Kim Ngọc.

*Gặp đời Y. Cháu ta làm theo Y, Cháu, gặp đời Tào, Mãng ta làm theo Tào, Mãng*

*Cha cháu làm ông Tào, Mãng để làm sao ?*

*Ước làm chàng rể ông Tào, ông Mãng, thời cũng làm con, làm rể các ông mới ứng dụng cho chứ*

Chỗ đứng của hai phía đã rõ. Với Kim Ngọc, tuy có bất bình, nhưng cũng là dịp để cho vị tân trạng nguyên — sắp được giao trọng trách bảo vệ quốc gia — hiểu được tình hình tráo nội để có sự đề phòng cần thiết.

Giặc Hứa Long gây hấn tiến đánh Tây An, dịp tốt để Lư Khải Phong trả thù Kim Ngọc, đẩy Kim Ngọc ra trận, đồng thời gửi mật thư cho giặc nguyên làm nội ứng cho chúng. Cuộc thắng trận của Kim Ngọc và Thạch Hữu Quang chẳng những đem lại vinh dự cho hai người mà còn lật lọng phản quốc của Lư Khải Phong, khiến y phải cúi đầu nhận tội. Qua trận này, Kim Ngọc được tái ngộ với cha mẹ qua bao ngày xa cách, vì bị Hứa Long bắt giữ. Thuần Cương và mẹ là Giải nương cũng thoát khỏi tay kẻ thù, lập được công lớn.

Bị xử tam ban triều đình, nhưng hậu họa của Lư

Khải Phong chưa hết. Đỡ trả thù cho anh, Lư Đầu Đà chiêu binh, rồi mới đánh Đại Loan để báo thù.

Kim Ngọc lại phải cầm quân đi đánh dẹp một lần nữa và đã giành chiến thắng sau khi đã diệt bọn Lư Đầu Đà, Lư Hùng, Lư Hồ. Với chiến công sau cùng, chẳng những Kim Ngọc được tấn phong Bình Định Vương, Thạch Vô Hà được tấn phong Vương hậu mà nhiều người khác cũng có sự thăng tiến với Kim Ngọc cũng được tấn phong. Về lòng kết thúc ở đây.

Đọc *Kim, Thạch ký*, duyên tôi thấy tác giả cho kết thúc một cách « có hậu » như nhiều lòng cổ của ta đã trình diễn là hợp lý, làm thỏa mãn lòng mong muốn xem lòng của nhiều người luôn luôn hướng về cái thiện, về lẽ phải, ghét xu nịnh, hạc ác gian là... Song theo thiên ý của tôi, vấn đề gay gắt, mang tính phức tạp nhất mà ngôi bút Bùi Hữu Nghĩa tập trung vào là cảnh đời thoại giữa ba người: Kim Ngọc, Thạch Vô Hà và Ái Châu trước khi Ái Châu rời dinh Kim Ngọc đến ở lầu xanh và trước khi Kim Ngọc kéo quân đánh bọn Lư Đầu Đà.

Theo Nguyễn Văn Nghĩa thì, người ta truyền rằng, sau khi người chánh thất qua đời, cụ Thủ khoa có chỉ nói cô gái thứ của ông xã Lưu Vưu Dục ở An Giang. Dạm hỏi và ưng hứa xong, cụ bỗng gặp lúc có việc công, phải đi phát lịch qua Xiêm. Trời ngày thành hôn, cụ vắng mặt, ở nhà chỉ cả cụ là bà hai Thừa đi rước dâu, thế.

Chẳng rõ ông xã Dục nghĩ lẽ nào mà khi hứa thì hứa có gái thứ, đến khi đưa dâu lại đưa cô trưởng là Lưu Thị Hoán. Còn người mà cụ Thủ khoa bằng lòng thì lại hờ hững cho quan đề đốc Đinh... (Văn chương và lịch sử cụ Thủ khoa Nghĩa và con là Bùi Hữu Tài, Văn hóa thơ xưa xuất bản — 1936).

Đúng là, sau khi bà Nguyễn Thị Tồn qua đời, Bùi Hữu Nghĩa có cưới người vợ kế tên là Lưu Thị Hoán. Còn việc dang gài có trả hôn hay không là một vấn đề khác. Nếu có, thì tâm sự nấy của tác giả không khỏi không đưa vào tác phẩm. Đó là việc thường xảy ra đối với một nhà văn. Nếu không, cũng không hạn chế một nhà văn khi họ bỏ nhiều công quan sát sự vật, và biểu thị thái độ trước sự vật, về nỗi yêu và ghét của mình.

Có điều rất rõ là: Hơn bất cứ nhân vật nào khác trong vở, Bùi Hữu Nghĩa tập trung miêu tả nhân vật Ái Châu, song song với nhân vật Thạch Vô Hà. Với Kim Ngọc, nhân vật lý tưởng của tác giả, tuy ông quan tâm «chăm sóc» nhiều, vẫn chưa đậm nét bằng hai nhân vật trên, nhất là Ái Châu. Và với ba nhân vật chính này, phải đợi đến cảnh cuối cùng mới bật ra hết bản chất và tính cách của từng người, bằng những nét khắc họa công phu của tác giả.

Thạch Vô Hà trước sau vẫn là người đôn hậu, thuần phác và có tấm lòng vị tha đến mức độ «quên mình» như việc Thạch Vô Hà thả thỏ bên chông, mong Kim Ngọc nhận Ái Châu làm vợ — mà lại là vợ lớn nữa kia, còn mình thì tự nguyện làm vợ thứ. Cách xử sự lạ lùng này khi đọc *Kim, Thạch kỳ duyên* lần đầu, tác giả đã gây trong tôi sự phản ứng khó chịu đối với nhân vật Thạch Vô Hà. Như mọi người đọc vở tuồng đã rõ khi thấy gia đình phía Kim Ngọc đang gặp khó khăn; Kim Ngọc mang chứng bệnh nan y, nuốt lời hai bên từng hứa hẹn, Ái Châu đồng tình với mẹ, đưa người ở dợ thay mình làm vợ Kim Ngọc. Khi sẵn tiền tài, thế lực, gia đình Ái Châu bắt buộc kẻ «xấu số» phải làm theo ý mình: Ái Châu từng thề thốt trước tâm trạng phẫn uất của Thạch Vô Hà, trước lúc người dầy tớ này về làm vợ Kim Ngọc:



*Em ơi! chỉ một lời đã nhắc, em muốn việc  
chớ kình*

*Em không tin thì chị thề cho em nghe:*

*Kim Ngọc dầu tới đứng hiên nhà, chị nói thiệt  
Ái Châu quyết không lòng phiến hối, em à*

Vậy mà nay Ái Châu lại còn vác mặt đến, toan  
đem nhan sắc cầu nử Kim Ngọc, người mình phụ  
rẫy ngày xưa và nghĩ xấu, nói xấu Thạch Vô Hà, một  
con người đầy lòng vị tha chẳng những cư xử êm đẹp  
với chồng mà còn đẹp cả với gia đình Ái Châu, nhất  
là với bản thân Ái Châu.

Khi Thạch Vô Hà nêu ra với Kim Ngọc việc lấy  
thêm vợ (ý định giới thiệu Ái Châu, nhưng chưa nói  
thẳng) thì Kim Ngọc lập tức bác bỏ:

*Phu nhân! thôi*

*Công danh như bão ảnh, còn phú quý lợ phù  
vân, nữa mà*

*Niệm lại quan bản, bịnh chí thân, ai ngờ may  
còn lại đây là:*

*Tạ hiền phụ thành toàn chỉ lực*

*Nay hạ quan đã lộp thê rồi: chấm tịch thê vô  
nhị đĩc*

Ý Kim Ngọc: công danh chẳng qua là cái bọt trên  
mặt nước, cái bóng ở trong gương, đám mây nổi trên  
trời. Tự xét mình, trước đây vừa nghèo, vừa đau ốm,  
nhờ cọng sức vợ hiền chăm sóc chu đáo, nên nay thì  
chẳng ăn ở hai lòng.

Vô Hà nói:

*Thưa, nay khác xưa khác mà*

Kim Ngọc nói:

*Ấy thôi, khước môn thỉnh vật hư đàm*

*Phu nhân dầu phạm sự tất tam, hạ quan cũng  
xuất môn bất tái*

Ý nói: Việc buông thả xin chờ hàn luận viên xong. Dù nàng đã suy nghĩ kỹ, nhưng lời đã nói ra, là một mực không thay đổi. Thạch Vô Hà tin rằng: dần dần chồng sẽ thuận lình, cần phải kiên nhẫn:

*Khó cha chả! Mà không can chi*

*Muốn qhe thẳng vô vòm không sái*

*Thời, phải chèo xuôi theo nước mới êm*

*Đặt một phen mà lòng sắt chưa mềm*

*Chừ ta phải chờ đã, uốn nhiều chuyển mắt cày  
phải dần..*

Sau cùng thấy yêu cầu của mình không được chấp nhận, lại nghe Kim Ngọc lên án Ái Châu mắc những mười tội, không thể tha thứ, trong đó có tội mưu toan chia rẽ vợ, chồng trong lúc Thạch Vô Hà đối đầu hết sức tồi với Ái Châu khiến Thạch Vô Hà thất vọng. Mười tội đáng chém của Ái Châu mà Kim Ngọc nghiêm khắc lên án, không tách rời những đức tính tận tụy, hy sinh hiếm có của Thạch Vô Hà từ khi về làm đầy tớ cho Ái Châu «trước vì cha cừu nạn, sau vì chủ đổi hôn». Dù được đề cao, Thạch Vô Hà vẫn không phẫn khởi.

Tình tình của Thạch Vô Hà rất khiêm nhường, lại H nói, nhưng nay trước lời buộc tội của chồng, có nguy cơ dẫn tới sự trừng phạt nặng nề đối với Ái Châu, Thạch Vô Hà cương quyết đứng lên bênh vực, bác bỏ ba điều trong mười điều chồng đã vạch.

Vô Hà nói:

Như tiều thớt, tôi đã ưng đến chục, mà tình chẳng  
thỏa cả ba

Vả thương quan Kim chẳng lá: Vốn sai khi  
hoàng gia

Đỡ má, rần tham ô quan lợi, kia chớ!

Có đâu, đem triều đình danh khí mà xử theo  
phần nữ lưu.

Cái kẻ yên dụng nguỵ đạo, còn xa trước hà tu  
châu dạn.

Tôi tiều thớt đã đáng, nhưng mà tướng công  
cùng tiều thớt vốn là nguyên phối, bởi vậy tình giải  
ngạch nên tha.

Huống chi tướng công tự thuở đang khea,

Viên ngoại cũng hết tình chiều cổ:

Kinh đình ra công phủ là vì duyên cớ có tiều  
thớt.

Nay tướng công giận một việc tư là, nữ quên  
tình nhân ngãi.

Ấy là hai điều chưa thỏa, tại khi tiều thớt

Phiêu lĩnh nối quận ngoại, tôi qui tập lại gia  
trung

Nay, phạm tội với tướng công, có phải à khởi  
đoan vì tiện tiện.

Miệng thế ai hầu xét nét, mình tôi chịu tiếng  
ghen tương.

Thưa, dầu giận cũng nghiệm tướng, ấy ba điều  
chưa thỏa xác

Trước sự ca quyết của Kim Ngọc, Thạch Vô Hà rất  
buồn, xin với Kim Ngọc giao nhà cửa lại, đi tu. Kim  
Ngọc vốn qui vợ, không xử chém Ái Châu « nhưng mà  
phải đuổi nó đi ».



Vừa xấu hổ vừa thấy rõ tấm lòng bao dung của Thạch Vô Hà. Ái Châu có phần hối hận, nhưng đã muộn mất. Rồi như Thạch Vô Hà ra đi, một lần nữa và cũng là lần sau cùng, Ái Châu không thể không cảm động trước một con người trần phần đẹp đẽ. Cho tới lúc này, Thạch Vô Hà vẫn giữ cách xưng hô như cũ và thay vì « cho », Thạch Vô Hà vẫn nói « đừng » như trước còn lăm lăm tay tỏ cho Ái Châu :

*Vậy thôi, bạc trăm lượng đừng có hành lộ  
Vàng ngàn năm bụng tỏ nào sai  
Cảm thương cô thân gái lạc loài  
Con đất khách muôn trùng điệp vơi*

Dưới ngòi bút của Bùi Hữu Nghĩa, nhân vật Thạch Vô Hà bao giờ cũng hiện ra một cách rất đáng yêu. Khi hay tin Kim Ngọc đồ trang nguyên, Lâm Vượng và Diêu Thị (cha, mẹ Ái Châu) đều buồn cho con gái « mất phần bà trang » vẫn bàn với nhau : ông qua trước dọn dẹp nhà cửa, từ đường, bà qua sau đem theo mấy người lý tãi để giúp việc và mấy rương y phục, một tráp đựng đồ trang điểm tặng Thạch Vô Hà. Thạch Vô Hà liếp bà rất lịch sự và không thay đổi cách xưng hô :

*Thưa con mừng mẹ*

Rồi nàng liếp :

*Thưa mẹ, đường xa đi mệt, giường kê nghỉ an  
Hềm nghèo chẳng có tráp thang, lều lác tận dùng  
nước vủ*

Trả lời Trương Thị về việc Trương Thị giục « thay đổi áo xiêm », « sửa sang gương lược » Thạch Vô Hà nói

*Rực rỡ đứng giữa phần nước, sạch trong dốc  
Đục gương nhà*

*Đâu dám phụ luyến, đã quen bề bỏ mãi, rồi  
mẹ à.*

Nghe thế, Trương Thị cho rằng, Thạch Vô Hà  
không nhận của cho, liền tỏ ra phật ý :

*Của tôi đem qua, bỏ tư hay mần rảnh ?*

Thạch Vô Hà không trả lời thẳng mà chỉ nhỏ nhẹ  
thừa :

*Thưa của này là của tiền thờ tôi đây.*

Thật là khéo và cũng rất dễ thương.

Dù đối đãi chang ra gì, nhưng khi Kim Ngọc đã  
đổ, đặt, vĩnh qui, Thạch Vô Hà vẫn không quên người  
cũ, cho Dữ Đức đi tìm Lâm Vương và vợ (cha, mẹ của  
Ái Châu). Dù không tìm được, nhưng hành động của  
Thạch Vô Hà khác hẳn thái độ của Ái Châu. Lúc Ái  
Châu còn làm dâu con của Lợi Đồ (cha Ái Lang), Lâm  
Vương tìm đến thăm nhà sui, Ái Châu không cho vào,  
dù Lợi Đồ đã lo lót quân giữ cửa. Lâm Vương về nhà  
không người tức giận về con gái :

*Bờ mự! xấu hổ dù nên xấu hổ, sự cố sung  
quá đối sự cố sung*

*Lẽ vật đứng chẳng đứng vào trong*

*Trình nghĩ phát bất ngồi ngoài cửa*

*Nó nói, mình áo trắng, đàn đen nên nó chẳng  
cho vào*

Nghe liều thuật lại, Trương Thị càng tức giận :

*Khắc bạc nay đã tỏ rõ, bản cùng sự hay mư  
máng*

*Bờ Ái Châu này! giàu sang mĩ giữ mặt giàu  
sang.*

*Cổn hèn hạ tao cam bề hèn hạ, đây nư à*

Thạch Vô Hà, Ái Châu: hai con người, hai lối sống khác biệt nhau không thể dung hòa, dù trong cuộc sống hàng ngày giữa họ với nhau chưa hề có cuộc đụng độ trực tiếp nào. Đặc biệt ở Thạch Vô Hà, với tấm lòng vị tha hiếm có, bỏ qua tất cả tội lỗi do Ái Châu gây ra, chỉ giữ lại một bình ảnh lột đối với người con gái hư thân, mất nết này. Sự tha thứ vô điều kiện và không giới hạn này chỉ có một con người duy nhất là Kim Ngọc phủ định. Cái riêng và cái chung ở đây không có khoảng cách. Người ta không cần biết Kim Ngọc nhận danh ai đứng ra xử lý vụ án đầy xấu xa mang tính vô luân, đồi phong, bại tục này? Nhưng người ta vẫn chấp nhận sự trừng phạt nặng nề của Kim Ngọc dành cho Ái Châu. Việc đuổi Ái Châu ra khỏi nhà thay vì chém đầu kẻ lang băm là hợp lý. Với như vật Ái Châu, tác giả Kim, Thạch kỳ diệu đã trút tất cả sự phẫn nộ lên đầu ngọn bút, nhưng ông không để Ái Châu mất đầu bởi tay Kim Ngọc mà để Ái Châu tự định đoạt số phận mình (sau đó), là cách xử lý không tạo sơ hở.

Bình sinh Bùi Hữu Nghĩa rất ghét bọn ác bá, cường hào tham quan, ở lại Ngôi tên gian nịnh phan nước đầu sỏ là Lư Khải Phong, tác giả còn phác họa một số bộ mặt khác ở khác trong xã hội Với Lợi Đồ:

*Tàn thặng trí huyện, mỗ biện Lợi Đồ. Như ta  
Đương khoa mục không nợ, việc việc ợ thù là  
quá kỹ, chờ*

*Người ta, thấy quan thượng lý, người tương  
tôi, cho nên*

*Thấy tình quý thì cho rằng quý  
Chớ không khôn ngoan, dẫu dễ, kiếm dẫu quan  
Rất dối là, đứng chức việc trong làng  
Thời cũng, phải nhân tình với Tông c:*



Từ tri huyện, Lợi Đồ được thăng chức quản đạo, hẳn càng vinh vào, lên mặt:

Như ta, quan đã đăng làm to, còn lại thêm có phước

Ta đã nhẹ chơn quan lộc, trẻ thêm đẹp khoản thất gia

Giàu sang đã hiệp một nhà, sung sướng linh đa đủ nước

Họ thấy tôi làm vậy, miệng thiên hạ thấy khen là phước

Mắt nhận gian dễ thấy đăng tài, « ở nhà » chẳng những làm quan, mà lại có tài làm sui nữa

Như anh sui tôi là:

Của trăm ngàn mà chẳng có con trai

Sáu muôn một chắc về tay chàng rề

Khi tuần án Tăng Sư Vọng — một ông quan nổi tiếng thanh liêm — về thanh tra, dân làng đưa đơn kiện, kể tội Lợi Đồ thì tên này quả là hiện thân của loài sâu mọt trong xã hội.

Thôn trưởng nói:

Từ khi ông quản đạo tới trị hạt ta cho đến nay là:

Hương sư mất một sở vườn, thủ bồn mất mười sở ruộng

Bắt một gái của con thôn trưởng, ăn hai thoi bạc chủ cầu dương

Cha con quản đạo thiệt ngang...

Thôn trưởng di tố cáo người tham nhũng nhưng chính hắn cũng là người tham nhũng trong vụ dâm loạn bất chính của Ái Châu:

*Ai ơi, dám bỏn nó dám cả gan*

*Quyết bắt lữ hòa gian, may kiếm tiền hối lộ*

Lợi Đồ và đám vợ lớn, vợ bé của hắn, Ái Lang—lên công tử ăn chơi — con của hắn là đối tượng đá kịch của Hải Hưu Nghĩa.

Lâm Vương — cha của Ái Châu — tuy không có quyền thế như ông sui, nhưng hắn là một tên trọc phú. Một bên có quyền thế, một bên sẵn bạc tiền, chúng lợi dụng nhau làm những điều phi pháp. Lâm Vương nghe lời Lợi Đồ về trấn nhậm Tô Châu, hắn rất mừng:

*Xưa ông ở bên kia chẳng nói làm chi*

*Nay ông ngồi xit mình cũng nhờ cái tiếng*

*Cáo mượn đuôi hùm lấy tiếng, ruồi bu đuôi ngựa nhờ hơi*

*Qui phong đủ lớn một ông sui, thế diện rạng danh chàng rể*

*Chức thời, tôi nhớn như lấy thế về khoe khoe với làng*

Sui trai và sui gái thường gặp nhau trong cùng một ý nghĩ. Lợi Đồ thì:

*Dành lợi nhiều lạng đặng phải theo*

Lâm Vương thì:

*Mặc dầu lòng chác lợi, mua danh*

Thế mà có lần Lâm Vương cảm thấy bị nhục khi hắn đồ đường đi thăm thăm ông sui, lời nói bị linh gài công của Lợi Đồ chặn lại dè dặt liền:

*Thế ông ở xa ông không biết đó thế*

*Quan lớn tôi là: không kỳ quen lạ, miễn nhiều quả, nhiều mấm*



*Dầu tình nghĩa cho thắm, không lẽ vẫn cũng bạc  
Chẳng những là quan lớn tôi, chớ còn trong lý  
Ai tôi nói không với chúng tôi cũng không  
Được mà*

Ở Tô Châu, nơi Lợi Đồ trấn nhậm, chẳng những Lợi Đồ là loại «hạm to» mà quan chức các cấp cũng là loại «hạ: nhỏ»; chúng thay nhau bóc lột, hãm hại dân lành. Ngay như một chức việc nhỏ nhoi như là Trưởng ấp cũng trở thành một mối đe dọa đối với dân cư. Trăm Việt tự giới thiệu:

*Lành tờ cử giữa làng, trăm ấp xung chức nhỏ  
Như ta, nghe quan đến rút cớ, thấy lệ tôi lể đầu  
Biền tình thời tôi giả nói đau, đóng thuế lại  
mở rằng chưa mạnh.*

*Ở dưới làng, cảnh ngoạn, lên đến tình bản từ  
Linh nói chẳng dám ừ, lệ kêu thì phải dạ  
Ấy là, việc quan, chớ việc ve tôi thời giới  
thời mậ:*

*Chẳng chừa con mẹ góa, nào luận gái có chồng  
Chứng máu dè người đã tỏ lòng  
Sanh bụng chó chúng đều biết mặt*

*Còn việc xử kiện tôi, thời: Đan phán thừa vất,  
nhất xử kiện là*

*Sợ những kẻ cu cò, khiếp mấy người gấu ngựa*

Xã hội nông thôn thời Bối-Hữu Nghĩa thật tối tăm và bị dốt. Trong Kim, Thạch kỳ duyên, tác giả đã vẽ chân dung của bọn quan, làng vô học, lợi dụng chức vụ mưu lợi riêng, quý dục và làm bầy bá xóm làng, thậm chí nhà chùa cũng trở thành nơi chứa chấp bọn phạm tặc.



Mặc nẫu sồng, nhưng Đạo Chuối vẫn :

*Sớm lán la Cái Muối, chiều thơ thẩn Gò Dưa*

*Nhớ Bến Nghé ngày xưa, thêm thết trầu nhều dùi..*

Qua cuộc cãi vã giữa họ với nhau ta mới rõ lai lịch của những người vào chùa. Đạo Oản nói :

*Bờ chữ Chuối, khéo dành phách làm người bộ giới*

*Chẳng xét thân như chuối chín cây*

*Như anh em ta cũng một đoan trốn thuế, làm thầy*

*Không biết phận lại ngồi nói tương*

*Phải không kiên nghiệp chương*

*Đéo hỏa thử, tao loan nhất thiết cùng đường*

Trong Kim, Thạch ký duyên, Bùi Hữu Nghĩa đã dựng những hình tượng nhân vật xuất hiện trên nhiều lĩnh vực khác nhau, vị trí xã hội khác nhau rất sinh động, tạo ra sự hấp dẫn trên nhiều màn, lớp.

Yêu nước, yêu dân — nhất là dân nghèo, coi trọng tiết nghĩa bảo vệ nhân phẩm con người; chống cường quyền tham quan, ô lại và các tệ đoan khác trong xã hội là tư tưởng chủ đạo của vở tuồng Kim, Thạch ký duyên. Là người đã trải qua đau khổ, tích lũy nhiều kinh nghiệm sống và nhạy cảm đối với những vấn đề nảy sinh trong cuộc sống, cộng với tài viết văn sắc sảo, Bùi Hữu Nghĩa đã cống hiến cho đời một vở tuồng có giá trị về nội dung tư tưởng và nghệ thuật. Không phải ngẫu nhiên mà tác phẩm này được đánh giá cao trong nhiều thập kỷ trong dòng đạo tri thức ở Nam Bộ. Cùng với các tác phẩm khác: sáng tác trong nhiều thời kỳ, Kim, Thạch ký duyên là một bộ phận cấu thành quan trọng trong sự nghiệp sáng tác của Bùi Hữu Nghĩa.

Cả nọai lại làm văn của Bùi Hữu Nghĩa, người đương thời ở Nam Bộ thường truyền tụng:

*Đồng Nai có bốn rông vàng*

*Lộc họa, Lễ phủ Sảng đàn, Nghệ thi*

Và:

*Đồng Nai có cặp rông vàng*

*Nhất Bùi Hữu Nghĩa, nhì Phan tuần thần*

Những tài hoa khác, vì không có gì làm bằng cớ, cho đến nay, ta không rõ họ là ai? Chỉ biết rằng, trước khi giặc Pháp xâm lược Nam Kỳ, giữa thế kỷ XIX, Bùi Hữu Nghĩa, Phan Thanh Giản là những cây bút được đánh giá cao; được coi là những tác giả hàng đầu, tiêu biểu nhất về sáng tác thơ, văn ở Lục tỉnh.

Cao trào chống thực dân Pháp cướp nước và triều đình bán nước nửa sau thế kỷ XIX, song song với các sĩ phu cầm gươm ra trận chiến đấu quên mình cùng với nghĩa quân chống kẻ thù chung, một loạt người làm văn cũng lập tức đứng lên, dùng ngòi bút lòng, sắc như gươm, đánh địch bằng ngòi; cổ vũ mạnh mẽ nhân dân tiến lên giành độc lập cho Tổ quốc.

Qua cuộc chiến đấu thần thánh này, Nguyễn Đình Chiểu, Phan Văn Trị nổi lên như những ngôi sao sáng trên bầu trời quê hương, đất nước. Nhiều áng văn nóng bỏng tình cảm yêu dân gây xúc động sâu xa trong lòng dân quân chúng có những bài bất hủ với thời gian. Với số lượng và chất lượng tác phẩm, Nguyễn Đình Chiểu trở thành chim đầu đàn, chẳng những tiêu biểu cho vùng đất Bến Nghé. Đồng Nai mà còn là một đóa hoa bên những đóa hoa đẹp nhất trong vườn hoa văn học yêu nước của cả nước. Tuy số lượng các bài thơ mang đề tài chống kẻ thù xâm lược và bán nước không

nhều so với các ngòi bút kể trên, nhưng tính tư tưởng và tính nghệ thuật các bài thơ của Bùi Hữu Nghĩa là những bài có giá trị. Riêng những bài này ông là một nhà văn có tầm vóc lớn trong những nhà văn có tầm vóc lớn; bộ phận đầu đầu bằng quân cầm bút kháng chiến.

Là một bộ phận khăng khít trong toàn bộ sáng tác văn học của ông gồm những tác phẩm ra đời trước đó và về sau, trong bối cảnh xã hội đầy mâu thuẫn gay gắt, thêm khói lửa chiến tranh ùn ùn thổi lờn lan tràn khắp quê hương ông, Bùi Hữu Nghĩa đã cống hiến cho đời ngàn ấy tác phẩm có giá trị văn học như thế là lớn, mang ý nghĩa lâu dài.

Nét về phương diện nghệ thuật, từ một bài thơ Đường luật tám câu ngắn ngủi đến một vở tuồng có nhiều màn, nhiều lớp, từ những bài viết bằng chữ Nôm đến những bài viết bằng chữ Hán, từ những bài thật hay đến những bài thơ cẩu, không bài nào của ông kém về nghệ thuật. Phải chăng thiên từ bẩm sinh cùng với sự tu dưỡng đặc biệt đã tạo ra một ngòi bút tài hoa Bùi Hữu Nghĩa? Đúng là một «rồng vàng», hay nói một cách khác, là một tài năng văn học hiếm có, nổi lên một cách bất thường ở miền sông, nước đầy sóng gió ở Nam Kỳ thế kỷ trước.

Trần Nguyễn Đình Chiểu với bài *Văn tế Nghĩa dân chết trận Cần Giuộc*, được coi là kiệt tác văn học, không một nhà văn nào ở Nam Kỳ, xuất hiện cùng thời với Bùi Hữu Nghĩa, vượt qua ông về chất lượng nghệ thuật thể hiện trên hàng loạt tác phẩm.

Viết về Nguyễn Đình Chiểu, nhân kỷ niệm năm thứ 75, Ngày mất của nhà thơ lớn, đồng chí Phạm Văn Đồng đã đánh giá khá chuẩn xác đời với tác giả cuốn *Lục*



Văn Tiên. Đồng chí nói : « Về văn của Lục Văn Tiên phải đề ý đây là một truyện « kể », truyện « nói », Tác giả cố ý viết một lối văn « nôm na », dễ hiểu, dễ nhớ, có thể truyền bá rộng rãi trong dân gian. Có người hay hạch những chỗ lời văn không hay lắm ; ở đây phải nhớ rằng Nguyễn Đình Chiểu vì mù nên chỉ có thể đọc cho người khác viết, và như vậy, thật khó sửa chữa và duyệt lại nguyên bản... Dẫu sao đòi chỗ sơ sót về văn chương không thể làm giảm giá trị văn nghệ của bản trường ca thật là hấp dẫn từ đầu đến cuối ».

(Tạp chí Văn học tháng 7-1963)

Ngoài áng văn bất hủ, mang tính tư tưởng và tình nghệ thuật cao là *Văn tế nghĩa dân chết trận Cần Giuộc* và khá nhiều bài thơ, những đoạn trong các bài *Văn tế Trương Định*, *Văn tế nghĩa sĩ Lạc Lĩnh trận rọgo*, những đoạn trong *Dương Từ, Hà Mậu*, trong *Thiên ý thuật vấn đáp*, « Nguyễn Đình Chiểu vì mù nên chỉ có thể đọc cho người khác viết, và như vậy, thật khó sửa chữa và duyệt lại nguyên bản », do đó « đòi chỗ sơ sót về văn chương » là diễn khó tránh. Và khi toàn tập thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu được phổ biến rộng rãi trong quần chúng, người đọc có dịp nghiền ngẫm những tác phẩm mang dòng máu vêu nước nóng hổi của nhà thơ thông cảm đầy đủ nhất hoàn cảnh mù lòa của người cầm bút « chỉ có thể đọc cho người khác viết » thì tình hình « có người hay hạch những chỗ lời văn không hay lắm » trong *Lục Văn Tiên* và những tác phẩm khác của Nguyễn Đình Chiểu không như thời gian trước đó.

Đọc *Bài Hữn Nghĩa*, sự « sơ sót về văn chương » hầu như ít thấy. Vốn văn chương bác học và dân gian, kể cả vốn chữ Hán, mặt nào ông cũng tích lũy khá

phong phú, vừa có tài, vừa bỏ nhiều công sức, nên hẳn hết tác phẩm ông đều không có sự « sơ sót » đáng liếc, trái lại ông rất vững tay nghề. Nói như thế, không phải bài nào của ông cũng hay, có sức lôi cuốn người đọc. Vì một tác phẩm văn học có sức sống mạnh mẽ còn phụ thuộc nhiều yếu tố, chứ không phải chỉ có mặt văn hay.

Văn tả cảnh Bù-Hữu Nghĩa có bản sắc riêng, mang tình độc đáo. Tả tiếng muối kêu ở vùng núi Sập và nước chảy xiết ở Vàm Nao, ông viết:

*Núi Sập sấm rền vang tiếng muối  
Vàm Nao nước chảy đút đuôi xà*

(Đi thuyền qua núi Sập)

Tả cảnh mùa thu vùng sông nước Châu Đốc, ông viết:

*Thiên biên nọat nhat hoành không lộ  
Giang thượng song song phá lãng đồn  
Cao thấp loạn diêu phong tự chiến  
Lạc họa bất tự thủy như bồn*

(Thu cầm)

(Bên trời hay ngang lưng còn nhận  
Trên sông cả nước lướt song song  
Cây cao gió thổi loạn như đánh nhau  
Hoa rụng nước chảy xiết không tự lại được)

Tả cảnh trước mặt đồn Vĩnh Thông:

*Giang biên phạm quá có thôn vô  
Cảnh ngoại xa hồi vĩnh thọ yên  
Mộ sắc sờ gian y trúc lũy  
Ca thanh nhất đạo tải bồ thuyền*

(Vĩnh Thông đồn trấn)

(Bến sông một cánh buồm qua thôn vắng dưới  
mưa

Ngoài chân núi xe về, bàng cây xa khơi phủ  
Có mấy gian nhà nường lầy tre buổi chiều là  
Từ con thuyền mũi tranh liếng hát vang lên  
trên sông)

Tả nơi ở sau trận mưa lớn, thủy triều dâng lên :

*Thề lợ né dờ thậm  
Viên trung thảo mẩn phồn  
Màn tời huyệt chầm điểm  
Oa cồ náo hoảng hờn*

(Đường đời lầy lội lắm  
Trong vườn cỏ mọc um tùm  
Quanh gỏi muối kêu như sấm  
Tiếng ếch như trống vang cả chiều hôm).

Không chỉ những bài thơ tả cảnh quanh mình.  
Trong những bài thơ mượn chuyện xưa để giải bày  
tâm sự, Bùi Hữu Nghĩa cũng đưa vào những câu thơ  
tả cảnh rất hay, chứng tỏ sự xúc cảm của tác giả là  
vô cùng tinh tế:

*Trời Sở oan theo mây cuộn cuộn  
Đất Ngô buồn giục gió hiu hiu*

Nhạc điệu của câu thơ bám chặt lấy ý thơ mỗi  
lúc lan tỏa đến vô cùng, đã gợi được âm thanh tiếng  
sáo mà Ngũ Tử Tư thổi. Đó là những câu thơ sống,  
vừa tượng hình, vừa tượng thanh, khiến người ta  
không những hình dung được cảnh người thổi sáo  
mà còn dường như được cả tiếng sáo ngân nga  
trong không trung, quện cùng mây gió.



Đến bài *Tức sự thi cảnh* — tình - ý quện chặt với nhau tưởng không thể tách rời ra được nữa, trong cảnh có tình trong tình gửi ý, thật là bàm súc:

*Kỷ khúc ca tàn liên dạ vũ*

*Nhất hồ chước bãi mẫn giang phong*

(Khúc hát ngâm vang, qua mấy trận mưa to  
thâu đêm đã ngớt)

Hũ rượu rót cạn trải bao cơn gió mát trên  
sông vava lán)

gợi cho ta nhớ đến câu thơ Nguyễn Thông (trong bài  
*Châu giang dạ bạc* (Đầu thuyền ở bến dò Châu Phê)  
cũng có cái man mác như vậy:

*Ngâm ông khúc tận tàn đồ tàn*

*Độc ngọa hàn giang nguyệt mẫn thiên*

(Nhà thơ rời chỗ chia tay khách

Sông lạnh nằm trơ dải ánh trăng)

Riêng hai câu

*Kính môn ngẫu đối tu thêm bạc*

*Hoa cảnh nhân khan diện đới hồng*

(Chợt thấy gương soi thấy râu thêm bạc

Đạo xem vườn hoa, mặt thấy ánh vè hồng)

qua cảnh mà rọi được nỗi vui từ trong lòng hiện lên  
trên sắc mặt dù tuổi tác có già thêm. Ở đây thiên  
nhiên và con người có sự hài hòa và thiên nhiên cũng  
góp phần đem lại sức sống cho nhà thơ

Về tả tình, thơ Bùi Hữu Nghĩa không da diết như  
Nguyễn Đình Chiểu và sôi nổi như Phan Văn Trị. Từ  
các bài *Di thuyền qua núi Sập, Thu cảnh, Cảm tác khi*  
*qua Hà Âm* đến các bài *Bị giam ở Vĩnh Long, Vĩnh*

*Thông đồn trần, Tự thuật, Tức sự, Ai xui Tây đến, Gửi Đỗ Hữu Phương, Thân Báo Tư tiên Ngũ Tử Tư, Ngũ Tử Tư thời sao*, nét đặc trưng của thơ Bùi Hữu Nghĩa là sâu lắng, tinh tế. Đọc thơ ông, tôi có cảm giác như nhà thơ tự ức chế, không bộc lộ hết những ý nghĩ và tình cảm mình. Ngay cả những bài *Ai xui Tây đến, Gửi Đỗ Hữu Phương, Bùi Hữu Nghĩa* dù rất cảm thụ quân xâm lược và bán nước, ông vẫn «tĩnh táo» trước đối phương. Ý lý trong thơ và lời thơ của ông đi với nhau nhịp nhàng, tạo thành một phong cách, một cá tính riêng biệt không thể lẫn lộn.

Riêng bài thơ họa nguyên vận bài đầu trong 10 bài «Tự thuật» của Tôn Thọ Tường, âm hưởng có khác nhiều những bài vừa nói, tinh hùng hồn của bài thơ nổi hẳn lên so với cách diễn đạt hàng ngày của một Bùi Hữu Nghĩa «trầm lắng». Không có gì lạ. Sự đối đáp trước kẻ bán nước mà ông mang lòng thù ghét, tạo ra dáng dấp riêng biệt của bài thơ.

Hai bài *Văn tế khóc vợ và con gái*, nhất là bài *Văn tế khóc vợ*, là những áng văn đặc thù ra đời từ một hoàn cảnh riêng biệt, khiến người trong cuộc đời khổ không còn «tĩnh tuồng» cân nhắc từng chữ mà lời biền ngẫu đòi hỏi. Sự phá cách thông thường này bất ngờ dẫn đến những áng văn hay ngoài ý nghĩ của tác giả. Như mưa nguồn, được suối, từ sâu thẳm đáy lòng, lời vẫn cứ thế mà tuôn ra, không có gì ngăn cản được.

Vở tuồng *Kim, Thạch ký duyên* được Bùi Quang Nhơn phiên âm lần đầu tiên năm 1895, đề tên tác giả là Bùi Quang Nghĩa. Xét các tài liệu nhắc đến Bùi Hữu Nghĩa từ trước đến nay chỉ có *Việt Nam sử yếu* của Dương Quảng Hàm ghi ông nhất danh là Quang Nghĩa. Phải chăng vì người sưu tầm phiên âm lần đầu

tiên là Bùi Quang Nhơn có sự nhầm lẫn hay cố ý sửa chữ lót, cốt để cho người đọc có thể liên tưởng mình là con cháu của tác giả: vì cùng họ Bùi Quang? Các sách Văn chương và lịch sử Thủ khoa Nghĩa và con là Bùi Hữu Tú của Nguyễn Văn Nghĩa, Danh nhân nước nhà của Đào Văn Hội, Huỳnh Mẫn Đạt phụ lục Bùi Hữu Nghĩa và Thủ khoa Huân của Nhất Tâm và các tập Miscellanées (Thông loại khóa trình) của Trương Vĩnh Ký, Quốc âm thi tập của Huỳnh Tịnh Của, Quốc âm thi hợp tuyển của Lê Quang Chiêu, đều chép tên Bùi Hữu Nghĩa. Và lại theo gia phả họ Bùi, thì thân sinh của Bùi Hữu Nghĩa là Bùi Hữu Vị, các con của Bùi Hữu Nghĩa là Bùi Hữu Vang, Bùi Hữu Tú v... đều lót bằng tiếng Hữu cả. Như vậy là rõ.

Được P.Midan dịch ra tiếng Pháp với nhan đề: L'union merveilleuse de Kim et Thạch - Saigon BSEI, số 1 - 2, tháng 1 - 6, năm 1934, càng rõ về Kim, Thạch kỳ diệu là một tác phẩm nghiên học có tiếng vang lớn.

Ngoài tình tiết chính đã đề cập, có những tình tiết phụ nhưng hết sức quan trọng, như tình tiết hai vợ của Lợi Đỗ, vì ghen tuông, vợ cả ốm, Thạch Đạo Toàn đến chữa bệnh, vợ thứ lên bỏ thuốc độc cho vợ cả chết. Thạch Đạo Toàn bị đưa ra tụng đình, con trai của Thạch Đạo Toàn là Thạch Hữu Quang phải nhờ thầy học Lý Thiệu Cơ, quan võ ở Tô Châu can thiệp cho, trong khi con gái là Thạch Vô Hà phải bán mình làm thiếp cho Ái Châu để lấy tiền chuộc tội cho cha.

Ngoài giá trị hiện thực, phản ánh được bộ mặt xã hội thối nát, tình tiết này còn quan trọng, ở chỗ nó dẫn đến nhân duyên Kim, Thạch sau này

Ngoài tình tiết chính của vợ tuông, còn nhiều tình tiết phụ giăng dịt với nhau, dệt nên nhân duyên kỳ lạ giữa Kim Ngọc và Thạch Vô Hà,



Những tình tiết phụ ấy hết sức hiện thực, ngoài sự phản ánh bộ mặt xã hội thối nát thời phong kiến, tình tiết này còn quan trọng ở chỗ nó dẫn đến nhân duyên Kim, Thạch do sự tráo hôn sau đó.

Tình tiết hôn nhân Ái Lang — Ái Châu có tính chất đối chọi để càng làm nổi bật cái đẹp, sự cao cả của mối tình Kim, Thạch, do đó hết sức cần cho cốt chuyện.

Một tình tiết rất có giá trị nữa, đó là tình tiết Giải thị, Tiêu Hóa Long. Tình tiết Giải thị cứu con và báo thù cho chồng gắn liền với tình tiết Tiêu Hóa Long, tương đương sông ở vùng Đại Lư Sơn.

Tiêu Hóa Long, cách nhiều năm về trước, đón bắt thuyền của Thiết Đình Quý trên đường đi nhậm chức tri phủ Tây An, cướp lấy vợ Thiết Đình Quý là Giải thị đã có mang, theo lời chồng dặn trước khi tử tiết, cả nhân nhục sống để cứu con. Tiêu Hóa Long sau đó lại đón bắt thuyền Kim Ngạn Yêm (cha của Kim Ngọc) trên đường đi nhậm chức Bồ Châu. Giải thị xin cho Ngạn Yêm khỏi bị giết để ở lại dạy học cho con là Thiết Thuần Cương.

Tiêu Hóa Long sau lại nổi loạn đánh chiếm trấn Tây An, Tổng đốc Từ Luân Kiệt phải tự vẫn. Vua sai Kim Ngọc đi bình Tây. Giải thị âm mưu với con là Thiết Thuần Cương và với Ngạn Yêm làm nội công cho Kim Ngọc, chuốc rượu say cho Tiêu Hóa Long rồi giết đi. Giải thị chặt đầu Tiêu Hóa Long làm lễ tế chồng rồi nhảy xuống sông tự vẫn. Thiết Thuần Cương về theo Kim Ngọc lập được công danh.

Tình tiết này rất cần cho cốt truyện vì đưa tới việc Giải thị cứu sống cho vợ chồng Ngạn Yêm, việc Ngạn Yêm làm nội công cho Kim Ngọc và cuộc đoàn tụ của gia đình họ Kim.

Sau cùng là tình tiết anh em Lư Khải Phong, kẻ thù chính của Kim Ngọc, nhân vật phản diện chủ yếu trong *Kim, Thạch kỳ duyên*. Tình tiết này là then chốt vì nó dẫn đến sự nghiệp công danh của Kim Ngọc cũng như sự thất bại hoàn toàn của kẻ địch.

Các lớp của các tình tiết phụ lẫn lộn xen vào tình tiết chính. Các tình tiết bổ sung cho nhau, soi sáng lẫn cho nhau, có mối quan hệ nhân quả vô cùng khăng khít. Kể về tuồng thì tình tiết như thể quả là có rậm rạp. Cũng do chỗ có quá nhiều tình tiết phụ được diễn ra như những tình tiết độc lập, xuyên qua tình tiết chính chỗ nêu sự tập trung của cốt truyện và sự nhất quán về động tác bị giảm đi. Do các lớp của những tình tiết phụ xen lẫn vào nhau thành một liên tục, độc giả thường thức từng lớp tuồng không thấy được cái nhất quán của toàn vở. Chính vì kết cấu của vở tuồng thiếu chặt chẽ, nên không lạ gì khi thấy người ta chỉ thường thức *Kim, Thạch kỳ duyên* về mặt văn học mà không đưa được lên sân khấu.

Chỉ khi nắm được dụng ý của Bùi Hữu Nghĩa, ta mới hiểu được tình tiết, nhân vật cũng như tư tưởng chủ đề của vở tuồng. Theo tôi, vở tuồng được viết ra với hai mục đích: một mặt tố cáo xã hội phong kiến thời nát dẫn tới cái họa giặc giã, mặt khác, ca ngợi những con người trung thành, nghĩa khí góp phần vào sự nghiệp chống giặc cứu nước. Ngoài những mục đích chính đó, việc đề cao tiết nghĩa, thủy chung trong tình chồng vợ, hạn hè, giàu sang không quên nhau, nghèo khó không bỏ nhau cũng là một yêu cầu lớn của vở.

Về mặt tố cáo xã hội phong kiến thời nát, vở tuồng đã dựng lên một loạt chân dung nhân vật điển hình cho cái xã hội ấy, đã đề cập ở phần trên. Về phần ca



ngợi những con người trung thành, nghĩa khí đã góp phần vào sự nghiệp chống giặc cứu nước, lúc giả đã dựng được nhiều nhân vật chính diện tích cực, tiêu biểu cho tư tưởng này.

Nhân vật trung tâm là Kim Ngọc. Tấm lòng trung thành, nghĩa khí, đầy dũng cảm hy sinh của Kim Ngọc đã giúp Kim Ngọc chiến thắng huy hoàng và tạo được hạnh phúc vững bền. Có thể coi Kim Ngọc là một nhân vật được Bùi Hữu Nghĩa xây dựng lên để gửi gắm lý tưởng của chính mình. Việc Kim Ngọc đi *Bình Tây* thắng lợi cũng là để thể hiện tư tưởng yêu nước của Bùi Hữu Nghĩa. Ý ấy đã từng được gửi gắm trong những bài thơ của ông khi thực dân Pháp xâm lược Nam kỳ.

*An đắc sơn hà y cứu nhật*

*Cần khôn tủy lý nhất tạo ông*

(Mong được non sông nguyên vẹn như cũ

Giữa đất trời say khướt một thì ông)

Trong vở tuồng, ý đó được bình tượng hóa có chiều sâu hơn. Ước mơ cao nhất của Kim Ngọc đã được thể hiện trong câu hát:

*Đế tọa huy hoàng, vân ngũ sắc*

*Cửu tiên giáp lục lầy Thiên hà*

(Chỗ hoàng đế ngồi có năm sắc mây chiến sáng rực rỡ

Đem áo giáp vẩy bụi bặm lên tận chín tầng mây tới sông Thiên hà mà giặt rửa)

Các nhân vật chính diện khác tiêu biểu cho tư tưởng chống giặc cứu nước như Thạch Hữu Quang, Lý Thiệu Cơ, Kim Tổ Thành Trai cũng là các trượng



thần tốc lòng chống giặc. Tất cả nhân vật ấy đều chung một chí nguyện:

*Trường đồ mã sấu vạn thiên lý  
Cò quốc sơn hà nguyệt nhất luân  
Đồng lực, đồng tâm cộng tổ nhất phương chi  
bảo chương*

*Vì nha, vì thảo, thác khai vạn lý chi phong cương*  
(Ngàn dặm mây che đường dài, trên ấy ngựa  
bón bốn chạy)

Nhìn về nước cũ, chỉ thấy non xa ngậm bóng  
trắng tròn.

Hiệp sức đồng lòng, cùng nhau chống giữ ngàn  
một phương làm nhanh, làm vượt, ra sức mở mang  
bờ cõi muôn dặm)

Nhân vật Từ Tuân Kiệt bị giặc bắt, tự vẫn gọi lên  
khí liệt của những liệt sĩ anh hùng ở Nam Kỳ trong  
cuộc chống Pháp, tha chết chứ chẳng đầu hàng:

*Ngã binh sinh nan dĩ thân đương  
Quyết nhất tử, dĩ thù quốc trái  
Ngộ trùng yêu phương hãm trận trung  
Khởi tương thành bại luận anh hùng  
Xuất sư vị tiếp thân tiên tử  
Xích tiếp ngộ tath hận bất chung*

(Ta lấy hết sức binh sinh cũng khó đem thân  
này mà đương cự)

Quyết đem một chết để trả xong nợ nước.

Ta làm tá thuật của bọn yêu đạo nên chịu vạ  
khôn trước trầu

Có lẽ nào lại lấy thành bại mà luận anh hùng  
Cất quân đánh giặc chưa báo được tin thắng  
trận mà bản đã thối rồi

Gỗ cây chèo lòng ta ồm hặn không người)

Câu «Thắng bại anh hùng mạc tức luận» trong bài thơ diễm Nguyễn Trung Trực của Huỳnh Mẫn Đạt và câu «Anh hùng mạc há doanh, thần luận» của người đương thời diễm Nguyễn Hữu Huân cũng tương tự như câu «Khởi tương thành bại luận anh hùng» của Bùi Hữu Nghĩa.

Nếu trong thơ Nôm, Bùi Hữu Nghĩa đã tìm được nhân vật Tô Định cùng Lưu Côn gọi giặc chờ sáng để gửi gắm lý tưởng của mình, thì ở đây ông lại mượn hai nhân vật Tô Định và Gia Cát Lượng, để thể hiện hai ý đồ.

Nhưng không phải Bùi Hữu Nghĩa chỉ dừng lại ở chỗ mượn diễm cổ trong sử sách để gửi gắm tâm sự. Thông qua nhân vật Kim Ngọc, lòng yên nước nồng nàn của tác giả còn thể hiện thành khúc ca hùng tráng mà chỉ có những người tự chủ, nắm chắc vận mệnh của Tổ quốc mới có thái độ tự tin vào tiền đồ tươi sáng của đất nước như vậy.

*Kị khai long hồ bình Tây khấu*

*Hải tịch kinh nghệ quán Bắc đảo*

*Tào đảng phân ai, khai khoát cửa tiêu chi  
nhật nguyệt*

*Tức bình tiếm loạn, quách thanh vạn lý chi  
bồng cao*

*(Mở cờ long hồ quyết dẹp giặc Tây*

*Đánh đuổi loài kinh nghệ chạy trốn về Bắc  
Hải cho biển lặng sóng êm*

Quét sạch bụi bặm để mở rộng chín lũng mây  
cho mặt trời, mặt trăng rọi sáng.

Diệt trừ cho hết quân liếm loạn, quét sạch  
muôn dăm dốt đầy cỏ rác để giữ bờ cõi nước nhà).

Lời Thạch Hữu Quang nói với Thiết Thuần Cương  
(khi chưa biết Thuần Cương là con Thiết Đình Quý  
một vị quan đã tử tiết, vẫn tưởng là con tướng giặc  
Tiêu Hòa Long) là tinh thần bất khuất của Nguyễn  
Trung Trực, Hồ Huân Nghiệp Trương Định, Nguyễn  
Hữu Huân khi đối diện với quân thù sau đó:

*Tao nói thiệt Loài Táy khẩu quân trung*

*Chém giết ỉh! báy chém! Tao nói thiệt:*

*Hữu đoạn đầu tướng quân*

*Vô khuất tất tráng sĩ*

(Mọi thằng trung dăm mẩy đưa giặc Tây kia,  
có ông tướng quân chia cắt đầu chó không có  
người tráng sĩ chịu quý gỏi)..

Trong *Kim, Thạch kỳ duyên* có hai nhân vật phụ  
nữ chiếm vị trí quan trọng. Đó là Thạch Vô Hà và  
Giải thị. Xây dựng Thạch Vô Hà tác giả tạo ra trong  
người đọc lòng quý trọng, mến yêu một phụ nữ ra từ  
một gia đình nghèo khổ trải qua biến cố, đưa đầy lời  
cuộc sống bất thường, thế mà, vẫn vươn lên, không  
chùn bước những khó khăn dường như không vượt  
qua nổi. Nhưng đức tính hiếu hạnh, thủy chung và  
lấm lòng vị tha đặc biệt của nàng, liên biến cho giới  
phụ nữ Việt Nam, xuất hiện khắp các làng xa, ngõ  
hẻm. Chỉ có điều tác giả để cho Thạch Vô Hà quá tột  
bụng, cả với kẻ ác độc như Ái Châu, lúc nào cũng  
mؤمن nhường ngôi vợ cả cho thị, ngay khi đã phát  
giác sự xấu xa đáng lên án của thị; khiến người đọc



có cảm giác nhân vật Thạch Vô Hà được dự tưởng hóa một cách không chân thực. Không phải Bùi Hữu Nghĩa vụng về trong nghệ thuật xây dựng nhân vật, mà chứng tỏ ông đã dựng được nhân vật Ái Châu có cá tính và sống động. Lòng kiêu ngạo, ích kỷ, tình ghen luôn luôn dấy khởi trong thi; cái lớp thi trâm hình để người ta xem lường, thi dùng lời nguyệt hơn đề toàn cướp lại Kim Ngọc, thi cãi vã với Kim Ngọc, chửi kẻ nội tâm cũng thi giữa phòng khuê những đêm vắng một mình... thật là sống động như trên đời thật. Nhưng Ái Châu cũng chủ động bao nhiêu thì càng nổi lên hình ảnh thụ động của Thạch Vô Hà bấy nhiêu, điều đó chứng tỏ khi xử lý nhân vật chính của mình, Bùi Hữu Nghĩa còn bị ràng buộc phần nào bởi tư tưởng phong kiến, nên xây dựng nhân vật Thạch Vô Hà theo mẫu mực của tư tưởng của luân lý Nho giáo trên ra trên, dưới ra dưới, phần duy lớn không được đặt trên chủ, nhất là Kim Ngọc ngay trước đã đính ước với Ái Châu, cần phải tôn trọng lời giao ước giữa đôi bên cha mẹ.

Với nhân vật Giải thị thì Bùi Hữu Nghĩa đã vượt lên một tầm cao mới so với quan niệm lễ giáo thông thường. Theo quan niệm này thì người phụ nữ thà chết chứ không chịu thất tiết. Chử Hy nhà Lý học đời Tống có nói: «Chết đói là việc nhỏ, thất tiết là việc lớn». Giải thị bị bai không chịu chết ngay một cách vô ích. Làm theo lời dặn dò của chồng trước phút hạ sinh, hén lòng chịu đựng, sống chung với giặc, hơn thế, còn lấy giặc làm chồng, nhẫn nhục nuôi hạt máu của chồng khôn lớn nên người; sau đó lại động viên con trả thù cho cha, làm nội ứng cho bên mình liên diệt giặc. Khi đã cắt đầu giặc tử chồng, Giải thị mới gieo mình xuống nước tự vẫn. Điều đó chứng tỏ Giải thị vì nghĩa lớn

không chấp nê những điều tiêu tiết, thể hiện quan niệm rộng rãi về chữ trịnh của Bùi Hữu Nghĩa.

Việc Giải thi ngâm hờn, nuốt nhục bao nhiêu năm, chờ cơ hội trả thù giặc, có khi phải đợi ở thế hệ tương lai, phải chăng Bùi Hữu Nghĩa đã phải bước qua ngưỡng cửa của tin điều luân lý cứng nhắc, để cho nhân vật của mình hành động một cách có suy nghĩ, sáng suốt, hợp lý, hợp tình. Nếu Kim Ngọc là phần thắng hoa của lâm hồn, tư tưởng Bùi Hữu Nghĩa mang tính chất ước mơ, thì Giải thi là nhân vật mà Bùi Hữu Nghĩa đã gửi gắm tâm sự u uất của mình về thời cuộc và trạng thực tế. Cho nên lời Giải thi nói là những câu đau xót giàu xúc động hơn cả — trong *Kim, Thạch kỳ duyên*

*Oan kết theo hồn linh vạ  
Lụy rơi hòa huyết đỏ quầng  
Mệnh mỏng sông thăm bữa đầu thuyền  
Lại lúng gió sâu vào mặt nước  
Mặt nước tới ngày khuyết biệt  
Dưới suối vắng ai biết cho chúng?  
« Tồn, cô » chữ dặn kháng kháng  
Vì ai nên lỗi đạo hằng với ai  
Than ôi! Kia đất nọ trời  
Ấy sông thế thủy, nào lời mình oan*

Trả được thù nhà, cũng có nghĩa là đền xong nợ nước Giải thi trước phút gieo mình tự tử theo chồng còn nói nên lời khiến ta vô cùng cảm động:

*Chàng ngâm cười chln suối  
Thiếp hống thăm ngàn ngày  
Nước oan thù thấm thoát từ đây  
Sóng ly biệt lao vào thuở nọ...*

Quốc chiến đấu chống Pháp không thành, sĩ phu và nghĩa quân hy sinh hết lớp này đến lớp khác, bộ máy thống trị của địch đã giăng bủa khắp Nam kỳ. Bùi Hữu Nghĩa cảm thấy có lẽ hết đời mình sự nghiệp cứu nước chưa xong, nên muốn gửi gắm chí nguyện bình sinh vào lớp hậu tiến, như Giải thi cổ ngữi còn là Thiệt Thuần Cương từ thuở lọt lòng đề sau này lớn lên rửa hận. Ý trông mong vào thế hệ tương lai, cũng đã có lần thể hiện trong thơ Bùi Hữu Nghĩa:

*Sắt đá óm lòng cam với trẻ*

*Nước non có mắt thấy cho già...*

« Kim, Thạch ký duyên » ra đời trước khi thực dân Pháp đánh Gia Định vài ba năm. Trong quá trình lịch sử thành và hoại chính tác phẩm trước tình hình mới không rõ tác giả có bổ sung gì thêm? Theo chủ quan của tôi là có. Nếu không đưa vào một thực tế xã hội bấy giờ, khó mà tạo ra những đoạn văn thống thiết mang tính bi tráng cao như thế, làm rung động lòng người sâu sắc đến thế.

Như đã nói, về văn chương vở *Kim, Thạch ký duyên* tác giả sử dụng quá nhiều chữ Hán nên khá phổ biến rộng rãi. Nhưng riêng về mặt chữ Hán, thì lời trong vở rất tao nhã, chải chuốt, người biết chữ Hán đọc lên thấy vô cùng thú vị. Lâm Ái Châu kiêu hãnh xưng

*Vạn ban kiều điểm vạn ban xuân*

*Bến ngọc hồn vô bán điểm trần*

*Thanh điều cện lại truyền hêo-la*

*Hồng lai ngâm bình vọng thương thần*

(Muôn phần tươi thắm, muôn phần xuân tình)



bầm giá như băng như ngọc; hoàn toàn không có chút bụi.

Ít lâu nay, có chim xanh mách tin tốt đẹp

Ở chốn lâu hồng ngâm vịnh luống hao tổn  
tinh thần).

Tương cướp sông Tiêu Hóa Long nghênh ngang  
lên mặt:

*Thần cung nhất bả, quái phò tang*

*Thiên hạ anh hùng mạc cảm đang*

*Sử ngã cửa phàm, kinh ngạc tiếm bôn bắc hải*

*Huy ngộ bửu kiếm, li hươu diên tích nam san*

(Một cái gươm thần treo trên cây gỗ thần

Anh hùng trong thiên hạ không ai dám đối địch

Buồm gấm của ta kéo lên, thì cả kinh, cả ngạc  
phải náu mình dưới bệ bả.

Gươm báu của ta chỉ đến thì con tì con hươu  
phải ăn bông dưới núi nam).

Giải thí với mọi thù chông không nguôi:

*Mịch la nhất biệt kết thanh oan*

*Vì báo thâm cừu tử giả nan*

*Thiết thạch thử tâm, thiên địa bạch*

*Đoạn sầu duy hữu kiếm phong mang*

(Một lần ly biệt trên-sông Mịch La hồn oan  
kết lại

Chưa trả được thù sáu ấy, thù mình cũng khó  
lòng mà chết đi được

Lòng sắt đá này có thể tỏ rõ cùng trời đất

Chặt đứt được mối sầu nhờ có thanh gươm  
sắc ma tiên phụ để lại).

Thiên-Cơ trên đường đi trần nhậm chốn xa :  
Vân bản thiên chương ứng sứ tinh  
Trường khủ tì hồ phủ biên minh  
Điều trọng hoàng oai, viên bắc môn chi tỏa  
thực

Đảng bình xú lô, tăng quang nam quốc chi  
cải thành

(Giảng ngàn điệu nhạc hộ vệ lá cờ vua ban  
cho sứ thần .

Thông lĩnh đạo quân mạnh như hùm beo đi  
vô về dân chúng nơi biên tái.

Trên đội ơn vua vinh viên giữ chốt then ngoài  
cửa Bắc

Đẹp tan giặc lớn vũiing vàng thêm thành quách  
ở phương nam).

Kim Ngọc trước cảnh trắng lên khi tinh thần đang  
phấn chấn :

inc linh phù tích nhưt luân viên

Hoặc tại quang hà, hoặc tại huyền

Thiên hạ hàm ngưng quang chiếu giám

Tiền giao xuân dạ bảo châu miên

(Ánh sáng trong suốt rồi lênh đênh ở giữa  
bầu trời tròn như một bánh xe

Hoặc chiếu lòng sông, hoặc chiếu khoang thuyền

Thiên hạ đều mong được ánh sáng soi thấu

Đêm xuân này con giao long ở dưới biển ôm  
hạt châu ngủ một cách ngon lành).

Không phải vì Bối-Hữu Nghĩa không giỏi nôm mà  
phải dùng nhiều chữ Hán, ngược lại, ông dùng văn

nôm rất lời linh Trong Kim, Thạch kỳ duyên ông có  
- những câu văn nôm rất điêu luyện :

- Nhánh dương mấy dặm đàng đằm  
Tơ dài ngàn liễu khôn cầm bó câu
- Mấy lời đó dặn, vâng trao  
Tuy xa cách một tiếng rao lằng lờng
- Nào khi bướm dơi, ong chơ  
Rày ra cả ủa, mướp xơ một mình
- Nực cười hạt thà tiền gian  
Hay đâu vậy cái hoa tàn mà chơi
- Thà rằng liễu một thân còn  
Hoa dầu lia cội lá còn xanh cây
- Dòng quyền lẳng lẽ như tờ  
Tiếng ca rang núi, ngọn cờ chói sông
- Ngồi thầy từ chuyện vầy loan phụng  
Mão đề trông chợn, dép để đầu
- Khuôn linh đủ đức anh hùng  
Dầu ra gan chuột, cànhr trùng quẩn bao
- Đục trong ai cũng như ai  
Tuy thay duyên cũ còn dài tình xưa
- Cảnh buồn phớt nhẹ gió đưa  
Táy thành lời đó trao lơ, ngổ lời

Hoặc :

- Gió bụi từng quen lúc đổi thay  
Nét mày như nguyệt, tóc như mây  
Soi gương mình lại yêu mình bấy  
Chấp mối tơ duyên thế cũng ngày

Vân vân...



Đặc biệt có những câu phỏng theo Kiều hoặc mượn bản nguyên văn Kiều, chứng tỏ Bùi Hữu Nghĩa có nghiên cứu nghệ thuật của Nguyễn Du. Nhưng đặc điểm của văn chương Nam Bộ vẫn thể hiện ở vở tuồng này với những câu rất sống, giàu sức tạo hình :

*Nghĩ chẳng ra cái cóc  
Cứ đeo mãi như sam  
Mình nghĩ giận cầm gan  
Đưa thiệt nên treo lưôi*

Cóc và sam là hai tên vật, gan và lưôi là tên hai bộ phận trong cơ thể, đối nhau rất chỉnh; và văn thể hiện được tâm lý, tính cách nhân vật một cách sinh động. Có những câu còn mang tính hành động rất phong phú :

*Đàn bá hung quá ngựa quá ngựa  
Thầy tướng chạy dăm bò dăm bò  
Mau nhẹ gót, cho khỏi loai khắc bạc khắc bạc  
Nếu chậm chạp, mắc phải lũ hổ đồ hồ đồ*

**hay** những câu đầy hình tượng :

*Cong lưng lôm bưng mãi bưng mãi  
Chùm chơn chó dăm ngay dăm ngay  
Nợ chín kiếp, đời nào đề lại đề lại  
Khấn ba heo, thoát khỏi trận này trận này*

Phép đối đã, được Bùi Hữu Nghĩa sử dụng rất linh hoạt và vững vàng. Tài chơi chữ của ông thể hiện trong mấy cách

1 — *Lấy giả đối thật* : Lấy tiếng có nghĩa bóng, nghĩa bất thường câu sau đối với, tiếng có nghĩa thật nghĩa thường câu trước như :

- Nóng ruột khéo gây nên chuyện  
Sinh tai nghĩ cũng thương tình
- Ngóng chờ kêu, kêu chẳng thấu trời  
Ôm bụng tình, tình không ra nước

2— Lấy thật đối giả. Lấy tiếng có nghĩa thật, nghĩa thường câu sau đối với tiếng có nghĩa bóng, nghĩa bất thường câu trước như:

- Dầu bát cày mấn răng  
Của ít nhiều (ta) trăm miệng
- Nhờ hơi kềm, nghiệp nên đồ sợ  
Két dải đồng, bạn cũng hận hời

3— Lấy giả đối giả: Lấy tiếng của nghĩa bóng, nghĩa bất thường câu sau đối với tiếng có nghĩa bóng, nghĩa bất thường câu trước như:

- Hiềm nghèo chẳng có trả thang  
Lếu lạo lặn dùng nước vô. (Vô là Vũ đọc theo giọng Nam Bộ. Thang, Vô là lên hai ông vua thời xưa).

- Vươn lê lừa núp bóng

Thơ ngọc sẽ trao chùng. (Sẽ là đọc theo giọng Nam Bộ, Lừa và Sẽ là lên hai giống vật).

Nhưng tài tình nhất là Bùi Hữu Nghĩa vận dụng rất nhiều phương ngôn, tục ngữ vào trong vở tuồng của mình như:

- Từng thấy nhiều tham đồ, bỏ dưng
- Hãy đề vạy chẻ tre, nghe lóng
- Thần cày da, da cũng cày thần  
Kiến ăn cỏ, cá thời ăn kiến
- Bưng nói ột nói liền

- Chờ cà riềng, cà tỏi  
 — Nát giở hũy còn tre  
 Rán sành sao ra mỡ.
- Giận rận nữ nào đối áo  
 Bút bề đánh con sọ lảnh.
- Mìnny dựng thuyền nhũ vó cửa  
 Lơ chi sira nhảy khỏi đũng.
- Nói ra khoai lại vó khoai  
 Bút quá độn thời nẫu độn.
- Nặng tiếng chày, nhẹ tiếng thớt  
 Máu lòng trước, được lòng sau.
- Cáo mượn oai hùm lấy tiếng  
 Ruồi bu dưới ngựa nhờ hơi
- Xưa đóng lúa, nay đóng lác  
 Đất là quế ế là rền.
- Bút trong chén còn động thay  
 Cờ về tay cho dễ phất.
- Thuốc linh thời đã lại  
 Nước lã khuấy nên hồ.
- Chậu úp ỷ khôn soi  
 Bút sa đà khó gỡ.
- Chấu chống xe chẳng nổi  
 Cờ lưng nước phải thua
- Ba mươi đời cóc nhảy chẳng khỏi mương  
 Tám mươi kiếp gò đi đâu cho khỏi ồ.
- Muốn ghe thắng vo vòm chằng sái  
 Phải chèo xuôi theo nước mới êm.



*Đốt một phen mà lòng sắt chưa mềm  
Gỗn nhiều chuyển thời mà cây phải dịu.*

Vân vân . . .

Đặc điểm sử dụng phương ngôn, tục ngữ của Bùi Hữu Nghĩa trong *Kim Thạch kỳ duyên* là ông ghép câu này với câu khác thành hai vế đối với nhau rất giỏi, tạo sự hứng thú đặc biệt đối với người đọc.

Có những thành ngữ được cắt ra làm đôi nên nghe rất sống như: *Mình ốc mình ốc, mang rêu mang rêu*, qua đó thấy rõ tình cách, tâm lý cũng như thái độ của người nói

Những tình từ được dùng rất sát như: ở tình đã *mốc đầu, việc quan thời nhạy miệng* và những hư từ được dùng rất sắc.

*Thành khéo tro mặt khi*

*Nó lại đổ chứng dè*

*Nhân tao dọy mi cắn lại đây*

*Chờ con đó nó đi đâu đó*

Những kiểu chơi chữ rất điêu luyện:

Như chứng nó là: *Vặng bẻ hơu chờ không phải  
bơm dưng hơu*

Còn có m: *Muốn trao ngọc mà chẳng ai mua  
ngọc.*

Nhân vật Thạch Đạo Toàn (thầy thuốc) còn ghép toàn lên các vị thuốc — chữ Hán vào lời nói mà vẫn có nghĩa. Chẳng hạn như:

*Rầy mừng lão Ký sanh*

*Nhờ có con Cam thảo*

*Con ơi! Thương nhi tử, thảo cha đá trọn đạo*

*Bạch đầu ông nhớ trẻ chàng người lòng  
Thời Trường Hiệp hoan bĩa lưỡng ngóng trông  
Tình Phụ tử ngày lo tan tác*

Kỳ sinh là còn sống dặng, giống tên vị *Tang kỳ sinh* (chùm gởi đóng cây dầu) trị phong tê. *Thương nhi tử* là thương con trẻ, vị *Thương nhi tử* (cây ké dầu ngựa) trị nhức đầu. bịnh sảy bằng cách nấu xông. *Bạch đầu ông* là ông già đầu bạc, vị *Bạch đầu ông* dùng để trục huyết. *Hiệp hoan* là vui sướng trong cảnh sum họp. vị *Hiệp hoan* là thuốc bổ lao, *Phụ tử* là cha con, cũng tên vị thuốc.

Cứ như thế, mỗi lần nhân vật Thạch Đạo Toàn xuất hiện, đều lấy tên các vị thuốc thay cho lời nói bình thường. Tâm sự về việc bị hãm oan, do kẻ thiếu trung thực gây ra, ông nói :

*Bởi vì ai khiếm thiết, xui cho mỗ kiến sầu  
Á thời, nề dặng thả vong tru tại gia nên phòng kỹ  
Nhu ta, lành dữ phải lời sán quán tử  
Phải chăng đã có cửa oai linh.*

Kiểu chơi chữ thế này phải biết chữ Hán và biết nghề thuốc. Người viết rất thú vị nhưng người đọc gặp khó khăn.

Ngoài những phần đã kể, vốn ngôn ngữ dân gian, lời nói hàng ngày mà người bình dân hay sử dụng trong giao tiếp đều được Bùi Hữu Nghĩa đưa vào tác phẩm có chọn lọc, làm tăng thêm giá trị của vở tuồng. Trong thơ đối liên, văn tế, người đọc cũng cảm nhận phong vị ấy chừng lo tác giả, tuy rất giỏi chữ Hán, nhưng dọ quả trành sống gần gũi với quần chúng đồng thời có lòng yêu chuộng văn học dân gian nên vốn liếng

tích lũy của một người cầm bút như ông thật là phong phú, ít ai sánh kịp. Về mặt này, Nguyễn Đình Chiểu cũng là một ngôi bút có công lớn trong lúc chữ Hán tuy không còn chiếm vị trí như trước, nhưng Quốc ngữ vừa mới ra đời chưa gây được tác dụng lớn trong phạm vi toàn xã hội.

Có thể nói, Bùi Hữu Nghĩa là một trong những bậc thầy về nghệ thuật ngôn ngữ. Đọc thơ, văn của Bùi Hữu Nghĩa, nhất là *Kim, Thạch kỳ duyên*, ta thấy rõ điều đó. Ngoài *Kim, Thạch kỳ duyên*, các nhà văn tiền bối còn nhắc đến các vở tuồng *Túy Du, Mậu Tông* và một số thơ, văn khác của ông. Rất tiếc là, cho tới nay chúng ta chịu thiệt thòi và sự mất mát những tác phẩm này.

Tao đàn Bà Đò nơi lui tới của nhiều cây bút nổi tiếng những người đồng tâm, đồng chí; cũng là nơi Bùi Hữu Nghĩa hằng ngày đi dưỡng tinh thần luyện thêm bút pháp. Vùng quê Long Xuyên — miền sông nước thơ mộng — nơi sinh ra nhà thơ, cũng là nơi ông trở về, sau những tháng năm dong ruổi, Bùi Hữu Nghĩa đã vĩnh viễn nằm xuống yên nghỉ nơi đây, chấm dứt cuộc đời lặn lội kéo dài. Ngày 21 tháng giêng năm Nhâm Thân, niên hiệu Tự Đức thứ 26, (1872) nhà văn Bùi Hữu Nghĩa từ trần, thọ 65 tuổi. Trước khi thở hơi cuối cùng, ông có để lại câu đối liên:

*Lịch lịch đóng bài tây chỉ, huyền trường trứ  
mình :*

*Phân phân vắn kết châu liên, dữ tiên vi thể.*

(Vi không có nguyên văn chữ Hán để đối chiếu, chúng tôi chỉ hiểu đại ý là :



Long đông xuôi ngược khắp nơi reo mản dạy học, viết sách;

Rời bời lấm lũng uân kết như chuỗi ngọc, về với (cõi liên).

Có người ở trong vùng viết bài này đề thờ ông:

*Thịnh danh cứu vị đạt đơn tri  
Khởi thủ văn chương hải nội tri  
Ngọa bình du thần do tiên uyển  
Lâm chung dị bút thượng ngàm thi  
Kỳ tinh quy khứ huỳnh vân dạn  
Quá nạc lai thời thanh thảo bi  
Trung,thồ tri âm giai tái mệnh  
Nghĩ dung chỉ xích vĩnh tương ly*

(Tiếng lấm lũng lầy tuy chưa thấu đến tai vua  
Nhưng văn chương bậc thủ khoa bốn biển đều biết tiếng

Tinh thần còn lại khi dưỡng bệnh xem sách  
khuây khỏa

Bút lịch còn đây lúc sắp mất vẫn ngàm thi  
Cưỡi cá kinh bay khuấy dạn trong đám mây vàng

Khi chim hạc bay về thì cỏ xanh ủ rữ  
Bạn tri âm ở Trung thồ muốn tìm gặp lại  
Nghĩ dung chỉ trong gang tấc mà vĩnh viễn xa lìa)

Trong số những con trai của ông có Bùi Hữu Tú là người làm thơ. Mượn chuyện con chồn lên vào chùa ăn trộm hoa quả, nghe tiếng động, chạy hoảng lẫn gậy đầu trượng Ngọc hoàng thượng đế, Bùi Hữu Tú

lăm bài thơ trào phúng sau đây, ngụ ý chỉ trích sự bất lực của vua quan triều Nguyễn trước nạn ngoại xâm. Với ý tứ và lời văn dễ hiểu, bài thơ được người đời truyền tụng:

*Hồ ly mi ở rất vô nghi  
Ngọc để rơi đầu bởi tại mi  
Hiền hích Trung lớn ngồi ngủ gục  
Linh thiêng Hộ pháp đứng từ bi  
Ông Tiều lè lưỡi coi nên lạ  
Chú Ác vĩnh táy ngộ rất kỳ  
Bắc Đẩu ở kè không liếp cừu  
Nam Tào hữu cận chẳng linh chi*

Tư cách và đạo đức của nhà thơ họ Bùi, tư tưởng yêu nước, yêu dân, tình cảm gắn bó của ông với quê hương, xứ sở thể hiện trong cuộc sống (trong lúc ông làm quan cũng như khi thất thế) và trong những tác phẩm của ông khiến người đồng thời và các thế hệ về sau rất tôn trọng và yêu quý. Ông là một trong những nhà văn liệu-hồi được nhiều người nhắc nhở nhất.

Năm 1941, khi tôi làm ở Hội Khuyến học Mỹ Tho, do luật sư Trần Công Tường làm Hội trưởng, được biết thầy giáo Nguyễn Văn Nghĩa rất say mê nghiên cứu cuộc đời và thơ văn của Bùi Hữu Nghĩa, chúng tôi có mời ông về nói chuyện tại tỉnh nhà. Tình hình chính trị trong nước lúc bấy giờ có nhiều điều phức tạp, thế mà, đêm trình bày về Bùi Hữu Nghĩa có trên 300 tri thức ở tỉnh lỵ đến nghe, hết chấp sự dóm ngó của bọn mật thám. Những buổi nói chuyện khác cũng do Hội Khuyến học tổ chức — không lời cuốn được người đến nghe đông như vậy.

Ngoài các cuộc nói chuyện, viết bài giới thiệu thân thế và sự nghiệp ông, năm 1943, Hội Khuyến học Cần Thơ — quê sinh và nơi mất của ông cũng tổ chức trọng thể lễ truy điệu và góp tiền tu sửa mộ phần ông.

Trí thức và các nhà văn ở Cần Thơ dành cho tác giả *Kim, Thạch kỷ duyên* một tình cảm quý. Xem đó đủ thấy uy tín của Bùi Hữu Nghĩa đối với trí thức ở Nam Bộ trong suốt thời kỳ Pháp thuộc như thế nào. Nhân dịp lễ truy điệu, giáo sư Nguyễn Văn Kiết, lúc bấy giờ đang dạy học ở Cần Thơ cũng có làm bài thơ viếng người xưa.

Tôi trích một số đoạn :

*Một vùng cây cỏ vẻ liêu sơ  
Dò bước đường quanh cảnh lặng tờ  
Giữa đám lau già, bên khóm chuối  
Mơ ai nằm đất lấm bìa mờ ?*

*Phải lớp rêu xanh đọc nét lờ  
Thương ôi số kiếp một tài hoa !  
Trải bao mưa nắng người qua lại  
Ai nhớ Long Xuyên cụ Thủ khoa !*

*Ai nhớ thi nhân với bản tường  
Lạ lòng « Kim - Thạch » mối tơ vương !  
Cần văn phạ lẫn lời tám sự  
Tao khách còn mơ khúc đoạn trường !*

*Giọt lệ khôn đem hết sự tình  
Muôn trùng giải tỏ đến cao xanh  
Kính dâng chén suối vài câu điệu*



*Cầu nguyện hồn thiêng chứng tá thành!*

*Hiu hắt phòng vắng một bóng đèn*

*Nhớ ai làn gió tập « Kỳ Duyên »:*

*Lặng nghe canh vắng đêm u tịch*

*Như thoảng bên thềm trời tiếng quyền!*

Tiếng quyền là tiếng kêu gọi nổi nhớ nước! Thơ văn Bùi Hữu Nghĩa là ngọn lửa hun đốt trái tim người trong cái « đêm trường dạ tối tăm trời đất » của cảnh mất nước, thúc giục người ta vùng lên đuổi giặc cứu nước để mang về ánh bình minh cho Tổ quốc và cho mỗi con người.

Vấn đề sau cùng cần nêu ra trước khi kết thúc phần nói về vở tuồng *Kim, Thạch kỳ duyên* là: vở tuồng này do Bùi Hữu Nghĩa hoàn toàn sáng tạo hay dựa vào một cốt chuyện cũ?

Trong bài, «Tiểu tự» của Bùi Quang Nhơn, trong lần in thứ nhất (1895) có câu:

*Ta từng xem cổ tịch diễn ca*

*Lòng chạnh cảm Giải nguyên Bùi Thại*

Qua đó, ta thoáng thấy Bùi Quang Nhơn cho là Bùi Hữu Nghĩa diễn ca một cổ tịch. Sau đó nhiều sách khác cũng cho rằng Bùi Hữu Nghĩa lấy sự tích ở Trung Hoa. Gần đây, có người bạn nghiên cứu văn học gặp tôi cũng nêu vấn đề này. Tôi rất mong có ngày sự việc được sáng tỏ để các công trình nghiên cứu về Bùi Hữu Nghĩa sau này được ánh sáng của thực tiễn soi rọi thêm. Cho đến nay ý kiến của tôi vẫn là: dù có dựa trên một cốt chuyện có sẵn hay không, vở tuồng *Kim, Thạch kỳ duyên* không vì thế mà lãng hay giảm giá



t. i. Đối chiếu với tình hình xã hội Việt Nam thời đại Bùi Hữu Nghĩa, chúng ta thấy *Kim, Thạch kỳ duyên* trên căn bản là một tác phẩm hiện thực, ở đó, thông qua hàng loạt nhân vật, tác giả muốn trình bày giữa công chúng quan điểm, nhận thức và tình cảm của mình trên hàng loạt vấn đề do thực tiễn đặt ra. Có những nhân vật và sự việc xét thấy không liên dụng lên, nói toạc ra một cách lộ liễu về bày lang sói cướp nước và bán nước đang câu kết chặt chẽ với nhau, nhưng người đọc Bùi Hữu Nghĩa vẫn hiểu mọi dụng ý của tác giả trên những trang tác phẩm: Hai tiếng «thằng Tây» trong bài thơ «Ai xui Tây đến» cũng với hai tiếng «Tây khẫu» trong *Kim, Thạch kỳ duyên*, khi nói về giặc Tây an có khác gì nhau? Những gương mặt cứu nước sáng ngời và những lòng dạ đen tối được phơi ra qua nhiều màn, lớp của vở, nếu không phải là hai tuyến đối lập giữa những con người có thật trong xã hội Việt Nam giữa và nửa sau thế kỷ XIX thì là ai? Dựa vào một cốt chuyện có sẵn để nói lên ý chí của mình bắt nguồn từ một tình cảm yêu nước, yêu dân sâu đậm và chính tác phẩm ấy cố sức thuyết phục lớn bởi giá trị nghệ thuật mà nó mang lại, đó là một đóng góp tích cực, có ý nghĩa lớn. Vì vậy, nhận định của tôi quanh vấn đề đã nêu, không có gì thay đổi. *Kim, Thạch kỳ duyên* vẫn là tác phẩm lớn của tác giả; một tác phẩm có giá trị của thế kỷ trước và còn giá trị lâu dài. Thời thế dù đổi thay, mọi giá trị của xã hội cũ được thẩm định dưới ánh sáng của cách mạng, nhưng con người, với phẩm chất cao đẹp mà cuộc đời luôn đòi hỏi ở nó — khoảng cách giữa chúng ta và tiền nhân thế kỷ qua không có gì có thể nói là quá cách biệt. Nếu có, là sự tiếp thu gia tài tinh thần, sự tiếp nối đi lên độ dài của lịch sử theo yêu cầu của xã hội mới.

Đánh giá cao con người và sự nghiệp văn học của Bùi Hữu Nghĩa, chúng ta rất biết ơn ông về tất cả những gì ông để lại cho chúng ta.

Được sinh ra và lớn lên trong thời đại Hồ Chí Minh, dù còn gặp nhiều khó khăn trên đường cách mạng, nhưng đôi cánh chúng ta được chắp giữa khoảng đất trời cao rộng, chim mặc sức bay, không như cuộc sống của thời Bùi Hữu Nghĩa. Chẳng những vua chúa thời đó là tội nhân gây ra thảm họa mất nước mà còn là tội nhân dày ải con người, đẩy con người vào con đường cùng. Vượt lên những khó khăn chồng chất, Bùi Hữu Nghĩa là một trong những cánh chim đại bàng có sức bay ngàn dặm, những kẻ đại diện cho chế độ phong kiến bủ lậu, suy tàn không thể nào giam hãm được dù chúng cố tình vật lộn lông cánh không để cho chim trời cất cánh bay cao.

Tự hào về Bùi Hữu Nghĩa, mọi người tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, một ngôi bút tài hoa của đất nước chúng ta nguyện noi gương ông làm người có ích đối với xã hội ngày nay với tư cách người làm chủ.

*Thành phố Hồ Chí Minh mùa Thu 1987,  
nhân dịp kỷ niệm lần thứ 180, Năm sinh  
Bùi Hữu Nghĩa.*

**BẢO ĐỊNH GIANG**

**PHẦN II**  
**THƠ VÀ VĂN TẾ**



## ĐI THUYỀN QUA NÚI SẬP

Một thuyền cầm hạc (1) một mình ta  
Đường hiểm gian nan (2) khắp trải qua.  
Núi Sập sấm rền vang tiếng muỗi  
Vàm Nao nước chảy đút đuôi xà (3).  
Văn chương mới thử năm (4) hay bảy (5)  
Võ lược chưa truyền sáu với ba (6).  
Gà gáy học đòi người dậy mùa (7).  
Luống e năm tháng đề ta đà. (8)

(1) Tích: Triệu Biện, thụy là Thanh Hiếu, làm quan thanh liêm khi đi phó nhậm chỉ đem một cây đờu và một con hạc mà thôi, không có vợ con, đầy tớ đi theo.

(2) Có bản chép gian nan.

(3) Xà: rắn — Tục ngữ: «nước chảy đút đuôi rắn», chỉ nước chảy xiết, chảy mạnh.

(4) Năm, do câu: học phủ ngũ xa, nghĩa là: học rộng năm xe. Cổ thi có câu: Yếu thông kim cổ sự, tu đọc ngũ xa thư: muốn biết việc xưa nay, nên đọc năm xe sách.

(5) Bảy, tức là bảy bước làm xong bài thơ: Ca ngợi người có tài văn chương.

(6) Tức là sáu thao, ba lược: Ca ngợi người có tài võ nghệ.

(7) Tồ Địch và Lưu Côn là hai chiến sĩ đời Tấn, đem nghe gà gáy trở dậy mùa gươm.

(8) Ta đà: Bỏ qua đi một cách vô ích.



## THU CẢM

Nguyên tác:

Thu vô liên hà giúp ngạn phần  
Ngư ca ái ái nào liên thôn.  
Thiên biên nhất nhất hoành không lộ  
Giang thượng song song phá lãng đôn.  
Cao tho loạn diêu, phong tự chiến  
Lạc hoa bất tự thủy như hôn.  
Biên châu nhĩ trạo tri hà vãng  
Thấp thượng đàm tâm tửu mãn tôn.

Dịch nghĩa:

Mưa thu sen mọc giáp tận bờ chân núi  
Tiếng hát dân chài vang dội ở trước thôn.  
Bên trời bay ngang lưng con nhạn  
Trên sông cá nước lướt sóng song song.  
Cây cao gió thổi loạn như đánh nhau  
Hoa rụng nước chảy xiết không tự được  
Xuống con mọt mồi biết về đâu  
Trên giường bàn luận sự rượu đã cạn.

..

## CẢM MÙA THU

Dịch thơ:

Mưa thu sen mọc giáp bờ  
Dân chài trước xóm hát hò inh tai.  
Từng con nhạn liệng ngang trời  
Sóng đôi cá nước đua bơi giữa dòng.  
Đánh nhau cành lá gió rừng

Hồn rơi nước cuốn khôn mong tự vào.  
Xuồng con một mũi về đâu  
Trên giường tâm sự rượu bầu đã vơi.

Bảo Định Giang



## CẢM TÁC KHU QUA HÀ ÂM

Mịt mịt mây đen kéo lối sầm (1)  
Đau lòng thuở nọ chốn Hà Âm.  
Đống xương vô định sương phơi trắng  
Vũng máu phi thường cỏ nhuộm thắm.  
Gió trời (2) dật dờ nơi chiến lũy  
Đèn trời (3) leo lét dặm u lam (4).  
Nghĩ thương con tạo sao đời đời  
Dằng dỗi (5) đêm trường liếng đẽ ngâm.

### Tiêu đề:

Dưới triều Minh Mạng, vị Bất phục lòng triều đình, người thiếu số Khơ-me ở các tỉnh miền Tây Nam Bộ thường nổi dậy chống. Mỗi lần nổi dậy, là mỗi lần họ bị tàn sát dữ dội.

Nhân đi ngang qua huyện Hà Âm (thuộc phủ Tịnh Biên, tỉnh An Giang, tức Hà Tiên ngày nay) Bùi Hữu Nghĩa chạnh nghĩ đến cảnh chiến trường ngày trước, nơi đó biết bao xương máu của người thiếu số Khơ-me đã đổ ra, bởi các cuộc thảm sát của triều đình.

### Chú thích

(1) Tối sầm: tối đen, tối mù mịt.

(2) Gió trời: tức gọi con trời. Một thứ gió xoáy cuốn thành ống rồi hút lên cao, có thể cuốn theo cả nhà cửa, trâu bò và làm chết người.

(3) Đèn trời: ở những bãi tha ma, khi mưa xuống, ban



đêm thường thấy những ánh sáng lập lờ bay lơ lửng do chất lân tinh ở xương cốt chôn dưới đất bốc lên. Ý hai câu ba và bốn nói : Những người chết oan ức ngày đêm còn hiện hồn về ở bãi chiến trường cũ.

(4) U làm : rừag âm u, lịch mịch.

(5) Dăng dôi : Tiếng kêu nối tiếp nhau, trời tiếng (Để kêu dăng dôi, sương gico lạnh lũng). Lục-Vân Tiên.

..

## BỊ GIAM Ở VĨNH LONG

(theo vãn Từ Thứ)

Nhượng chẳng là nhượng kẻ cày voi (1)  
Lúc lục thường tài (2) cũng một mòi.  
Mù mịt bởi mây che bóng nguyệt  
Âm thầm vì trống lấp hơi còi.  
Kìa câu ích kỷ kinh còn tạc  
Nọ kẻ khi nhân (4) thánh hỡi roi.  
Lần thân hết suy rồi đến thối (5)  
Ngày qua, tháng lại bước đường thối (6).

**Tiền dẫn :**

Sau vụ xô xát đẫm máu giữa nông dân người thiểu số Kơ-me và bọn cường hào (được các quan đầu tỉnh Vĩnh Long ủng hộ) đến cướp nguồn lợi cá của nông dân Kơ-me ở Láng Thè (Trà Vinh), Bùi Hữu Nghĩa đứng về phía chính nghĩa, trước sau vẫn tỏ rõ thái độ bênh vực những người nghèo khổ, nên bị bọn quan lại phong kiến đầu sỏ oán ghét, vu cáo ông cầm đầu vụ này. Thế là Bùi Hữu Nghĩa bị chúng bắt giam và bị lên án tử hình ; chỉ còn chờ sự chuyển ý của triều đình.

Bài thơ này Bùi Hữu Nghĩa làm trong lúc bị giam. Hai câu : « Mờ mịt bởi mây che bóng nguyệt, âm thầm vì trống lấp hơi còi », trong bài thơ nổi lên cái ý tố cáo Tổng đốc Trương Văn Uyên và Bố chánh Truyện, cậy có quyền lực trong tay làm biết bao điều ám muội che lấp cả sự thật, át cả tiếng nói phải lẽ trên đời.

Chú thích :

(1) Kể cây voi : Vua Thuấn trước khi làm vua đã từng dùng voi cày ruộng. Ý cả câu muốn nói : nếu có nhường chẳng là nhường đối với người có tài đức như vua Thuấn.

(2) Lục lục thường tài : tài tầm thường, không có tài gì đáng kể.

(3) Ích kỷ : chỉ biết lợi ích riêng mình.

(4) Khai nhân : lừa dối người.

(5) Thoi : Ở miền Bắc gọi là thái. Ý cả câu : hết hồi cực khổ sẽ đến hồi sung sướng.

(6) Ý cả câu : thời gian đi qua mau, như thoi đưa.

## VĨNH THÔNG ĐỒN TRẦN

Nguyên tác :

Độc tọa cao lâu tứ tiểu nhiên  
Thiên không, dã khoáng, thảo thiên thiên.  
Giang biên phàm quả có thôn vũ  
Lĩnh ngoại xa hồi vĩnh thọ yên.  
Mộ sắc sở gian y trúc lũy  
Ca thanh nhất đạo tái bồ thuyền.  
Tu mi tự đắc bách phu trưởng  
Tài thượng ta đà niên hựu niên.

Có bản chép :

Câu 5 : Mộ sắc sở gian y trúc xá.

Chú thích :

Tiểu nhiên : tiểu : lặng yên.

Bách phu trưởng : Nghĩa là : đứng đầu trăm người. Cụ Bùi Hữu Nghĩa bấy giờ bị giáng chức làm phó quản cơ trấn đồn Vĩnh Thông nên mới xưng là bách phu trưởng.

Ta đà : Cũng đọc là sa đà nghĩa là lẩn lữa, bỏ qua.

## TRẤN ĐỒN VĨNH THÔNG

**Dịch nghĩa :**

Một mình ngồi trên lầu cao hàng khung <sup>nghe</sup>  
ngồi

Trời trong đồng rộng cỏ lên xanh tốt.

Bên sông, một cánh buồm qua thôn vắng <sup>đưa</sup>  
đưa

Ngoài chân núi xa về, hàng cây xa khói phủ.

Có mấy gian nhà nương lũy tre buổi chiều tà  
Từ con thuyền mũi tranh, tiếng hát vang lên  
trên sông.

Râu mày mà lại lợt bằng lòng được « cầm đầu  
trăm người »

Thế mà phải ở lầu lữ hết năm này sang năm  
khác trên biên ải !

**Dịch thơ :**

Bâng khuâng lầu vắng riêng ngồi

Xanh xanh một dải đất trời mênh mông.

Xóm mựa thuyền lướt bên sông

Xa về chân núi khói lồng cây xa.

Lũy tre bọc lũy mấy nhà

Thuyền mũi tranh cất tiếng ca giữa chiều.

Đứng đầu trăm gã tự kiêu

Mây râu ngoài ải qua đều thặng năm

Bảo Định Giang





## TỰ THUẬT

**Nguyên tác:**

Tu mi thời ngã lão  
Càn phủ lương thủy trần.  
Vọng tri đồng xuân nhật  
Đoan cư lại bắc thần.  
Hôn mai phong kỷ độ  
Bành bãi vô kinh tuần.  
Thế lộ né đồ thậm  
Cuồng ca thả âm lân.

Vô như thiên lộ lận  
Triều trường thủy như hôn.  
Thế lộ né đồ thậm  
Viên trung thảo mãn phần.  
Mãn lời huyền châm điểm  
Oa cổ nào hoàng hôn.  
Sương mãn thương tri mộ  
Tiêu sầu tưu nhất lân.

**Có bản chép:**

Câu 13: Mãn lời tuyên châm điểm.

Câu 15: Sương mãn thương tri mộ.

**Chú thích:**

Bắc thần : Ngôi sao ở ngay hướng bắc, tức là sao Bắc Đẩu.

Bành bãi : Nước ngập mênh mông.

Điểm : Gai nhọn, cái nhọn.

Tôn : Chén uống rượu.



## THUẬT VIỆC MÌNH

**Dịch nghĩa :**

Rầu rầu thúc cái già tôi gấp  
Gan ruột biết ngổ cùng ai.  
Mong cuộc trị bình, chờ đợi với ngày xuân.  
Ở yên một chỗ, nương nhờ sao Bắc đẩu.  
Mấy trận gió to bụi tung mũi mũi  
Cả tuần mưa lớn nước ngập tràn trời.  
Đường đời lầy lội lắm  
Cứ hát tràn và uống rượu cho say.

Mưa xối xả trời như bị thủng  
Thủy triều lên, nước chảy xiết.  
Đường đời lầy lội lắm  
Trong vườn tranh cỏ mọc um tùm.  
Quanh gối đệm muỗi kêu như sấm  
Tiếng ếch như trống vắng cả chiều hôm.  
Tóc đã điểm sương thương tuổi già  
Chỉ mượn chén rượu tiêu sầu.

**Dịch thơ :**

Rầu rầu thúc già gấp  
Cùng ai bày ruột gan.  
Mong đời được bình trị  
Ở yên cây Bắc đẩu.  
Gió to bụi mũi mũi  
Mưa lớn nước dâng tràn.

Đường đời lấy lợi làm  
Cống mãi và gào khan.

Mưa luôn trời như thùng  
Triều lên nước cuốn nhanh.  
Đường đời lấy lợi làm  
Dầy vườn rậm cỏ tranh.  
Quanh gối muối như sấm  
Tiếng ếch trống nghe inh.  
Tóc bạc thương tuổi tác  
Mượn rượu quên nỗi mình.

Bảo Định Giang



### CÁU CÁ (x)

Danh lợi mằng bao chốn cửa hầu  
Thanh nhàn quen thú một căn cầu.  
Chứng (1) đường chi mãnh (2) dòng khơi rộng (3)  
Thả miếng mồi thơm (4) vực cạn sâu.  
Khỏi nước năm hồ (5) tình cũ đẹp  
Gió trăng kho cũ (6) cảnh riêng màu.  
Bà vương lợi cả (7) dầu chưa gặp  
Tân lực này ai biết đứng đầu!

(x) Trong cuốn « Thơ vấp yếu nước Nam Bộ nửa cuối thế kỷ XIX » căn cứ vào những sách viết về Bùi Hữu Nghĩa và ý kiến của cụ Ca Văn Thỉnh, chúng tôi coi bài này là của Bùi Hữu Nghĩa. Nay có người cho là không phải, chúng tôi cứ xếp vào đây coi như phần « còn nghi ».

**Chú thích :**

(1) Chãng : giăng

(2) Mảnh : hé nhỏ, mỏng manh.

(3) Dòng khơi rộng ; dòng sông rộng để ra giữa bề khơi.

(4) Thả miếng nôi thơm : Thả mồi câu, suy ngẫm cuộc đời.

(5) Năm hồ : Đông Hồ, Thái Hồ, Tây Hồ, Sào Hồ và Bà Phan Dương hồ (thông cân ở Trung Hoa). Phạm Lãi chán ngán danh lợi, cùng người con gái đẹp nổi tiếng là Tây Thi thả thuyền dạo chơi khắp năm hồ (Tác giả mượn chuyện Phạm Lãi để nói tâm trạng, ngao ngán làm quan của mình).

(6) Gió trăng kho cũ : « Phú Tiền Xích bạch » của Tô Đông Pha có câu : « Duy giang thượng chi thanh phong, dĩ sơn gian chi minh nguyệt... thị tạo vật giả chi vô tận dã », nghĩa là : chỉ có gió mát ở trên sông. Trăng sáng ở trong khoảng núi là kho vô tận của trời đất.

(7) Bá vương hội cẩu : Dịp hội ngộ của Tây Bá là Văn Vương nhà Chu với Khương Thượng (Thái Công Vọng) 80 tuổi, ngồi câu cá ở bên sông Vị. Vua Văn Vương đi săn, gặp Khương Thượng hội chuyện; biết là người có tài lớn bên cho đón lên xe đem về, sau làm tể tướng giúp Võ Vương (con Văn Vương) đánh giết vua Trụ, dựng lên cơ nghiệp nhà Chu.



## KHUYẾN HỌC

Ẩn ngữ làm chi hối học trò  
Có công đi học phải toan lo.  
Chơi bời hoa nguyệt đừng mơ tưởng  
Học hỏi rừng nhu (1) phải dẫn đo.  
Dẫn có ruộng nương, năm bảy mẫu  
Sao bưng kính sử một vài pho.  
Trời xanh đàu phụ người văn học  
Bằng hồ (2) đề danh mới sướng cho.

**Chú thích :**

(1) Rừng nhu : do chữ nhu làm, chỉ việc học rộng như rừng.

(2) Đàng hồ : chỉ thi đậu. Xưa bãng xưng danh thi đậu  
thần sĩ có khắc in bên đầu hồ.



## **THỢ BẠC**

Lò tạo nghe ra thứ cũng nhân  
Chơi bởi quên những khách giàu sang.  
Đặt hẳn theo thể hình long hổ  
Đậu chạm đầu ai cách phụng loan.  
Lắm thuở cầm cung dạy mũi bạc  
Từng phen lên ngựa trải gan vàng.  
Ra tài búa vớt oai lừng lẫy  
Nghề nghiệp lâu dài vững đặt an.

## **TỨC SỰ**

**Nguyên tác :**

Dinh hư thế sự nữ kham cùng  
Lậu hạng thế tri lại thử trung.  
Kỷ khúc ca tàn liên dạ võ  
Nhất hồ chước bãi mẫn giang phong.  
Kính môn ngăn đối tu thêm bạch  
Hoa cảnh nhân khan diện đối hồng.  
An đắc san hà y cự nhật  
Cần khôn tụy lý nhất tao ông.



Có bản chép :

Câu 1 : Dinh hư thế cuộc nã kham cùng.

Câu 3 : Kỳ khắc ca tàn liên dạ vũ.

Câu 6 : Hoa kinh nhàn khan diện đài hồng.

Câu 8 : Càn khôn túy lý.

## TỨC SỰ

Dịch nghĩa :

Hết đây lại vui, việc đời cứ xoay quanh mãi  
Tháng ngày nướng nấu quanh trong ngõ hẹp này.  
Khúc ca đã tàn qua mấy khúc mà đêm vẫn  
mưa to liên tiếp.

Bầu rượu đã cạn, gió lộng trên sông vừa tan.  
Chợt tới gương soi thấy râu thêm bạc  
Dạo xem vườn hoa mặt thấy ánh vẽ hồng hào.  
Mong được non sông nguyên vẹn như cũ  
Giữa đất trời say khướt một thi ông.

Dịch thơ :

Đây vui thế sự thưở nào xong  
Ngõ hẹp chầy ngày vẫn ở trong.  
Mấy khúc ca tàn mưa suốt lối  
Một bầu rượu cạn gió đầy sông.  
Gương soi chợt thấy râu thêm bạc  
Hoa nở xem ra mặt ánh hồng.  
Mong được non sông như lúc trước  
Đất trời say khướt một tao ông.

Bảo Định Giang



## KHỐC VỢ

Đã chầu ba năm mới dựng thăm  
Màn loan (1) dàu vắng hắt hơi lấm.  
Gió đưa dâu thấy linh dương liễu (2)  
Đêm vắng ai hoài liếng sắt cầm.  
Chồng nhớ vợ lòng tơ bối rối  
Con thương mẹ lụy ngọc luôn đầm.  
Cổ linh chín tuổi đừng xao lãng  
Thỉnh thoảng về thăm lúc tối lấm.

Chú thích :

(1) Màn loan : Xưa màn của phụ nữ thường thêu blab chim loan. Nói màn loan là nói phòng ngủ dành riêng cho phụ nữ.

(2) Dương liễu : Cây dương liễu có dáng mảnh khảnh, xưa thường dùng chữ dương liễu để nói về phụ nữ.



## ĐƯA BẾP

(theo vận Từ Thứ)

Đeo đã không nên cán búa voi  
Đề làm đưa bếp nhấm ra môi.  
Sơ là ngũ hành (1) chỉ sơn hồng  
Khuyến vạc tam thái (2) chàng sợ còi.  
Gập cục than hồng rả sẵn gập  
Giận cơn đói đại khỏi quơ roi  
Xong cơn nước lửa dư trăm trận  
Công nghiệp nay đã đáng mấy thôi !

**Chú thích :**

(1) Lò ngũ đẳng : Lò bếp kê năm cái vạc để nấu thức ăn cho nhà vua.

(2) Vạc tam thái : Cái vạc nấu thức ăn cho các quan toại

. . .

## HỌA NGUYÊN VẬN BÀI TỰ THUẬT CỦA TÔN THỌ TƯỜNG

Anh hùng sáu lĩnh (1) thiếu chi đây !  
Đâu đề giang sơn đến thế này.  
Ngọn lửa Tam Tần (2) phừng đất cháy  
Chòm mây Ngũ Quý (3) lấp trời bay.  
Hàn vương non rậm loau chờ thuở.  
Cáo loạn vườn hoang thức có ngày.  
Một góc (4) cảm thương dân nước, lửa (5)  
Đền Nam trụ cả dễ lung lay.

**Tiền dẫn :**

Đứng trên lập trường phản nghĩa tấn công những người yêu nước, Tôn Thọ Tường vấp phải sức phản công kịch liệt của đồng đảng các nhà văn yêu nước. Bài thơ trên đây của Hội Hữu Nghĩa là bài « họa » nhằm chống lại luận điệu bán nước của Tôn Thọ Tường.

**Chú thích :**

(1) Sáu lĩnh : Ngày trước Năm Bộ chia làm 6 lĩnh.

(2) Ngọn lửa Tam Tần : đất cũ của nhà Tần có ba viên tướng là Hàn, Hàn, Ế coi giữ. Hán vương sai Hàn Tín lời binh định, ba viên tướng xin hàng.

(3) Ngũ Quý : cuối đời Đường có loạn Ngũ Quý. Năm triều là Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán, Hậu Châu nổi dậy kế tiếp nhau tranh chiến làm vua, gây cuộc loạn ly làm cho nhân dân khổ sở điêu đứng.

(4) Mọi góc : một phần trong toàn bộ đất nước ; chỉ Nam kỳ lục tỉnh.

(5) Nước, lửa : Chính sách của Tần Thủy Hoàng tàn bạo-vì như lửa bỏng, nước sôi, nhân dân không sao chịu được. Tác giả muốn nói Nam kỳ lục tỉnh đang bị giặc Pháp giày xéo.



## AI XUI TÂY ĐẾN

Ai khiến thằng Tây lời vạy à ?  
Đất bằng bỗng chốc nổi phong ba.  
Hỏi hỏi ít nhất đến ơn nước  
Nhạc nhác nhiều tay bạn nội nhà.  
Sạt đi ôm lòng cam với trê  
Nước non có mắt thấy cho già.  
Nam kỳ chỉ thiếu người trung nghĩa  
Báo quốc cần vương há một ta.



## GỬI ĐỖ HỮU PHƯƠNG

Cửa rồng (1) mừng được một phen lên  
Trần trọng cầm bằng khách bực trên.  
Mặt mặt chẳng từng non nước lạ  
Bàn mây sánh với ruộng vườn quen.  
Riêng vui mây trắng (2) hiền khôn lặn  
Chung đội trời xanh dễ dấn quên.  
Người tớ hỏi còn khi gặp gỡ  
Dặn lòng vàng đá : « hãy cho bền ! »



**Chú thích :**

Bàii Hữu Nghĩa bị tình nghi có dính lòa vào các cuộc nổi dậy chống Pháp nên bị bắt và bị giải về Gia Định.

Đỗ Hữu Phương và Tôn Thọ Tường đã giả nhân, giả nghĩa bảo lãnh cho cụ được trả lại tự do. Trước khi rời nhà Đỗ Hữu Phương, cụ có làm một bài thơ để bày tỏ ý chí của mình đồng thời cũng đề răn đe kẻ đi làm đường, lạc lối.

(1) Cửa rồng : Chỉ cửa nhà vua, ở đây chỉ dinh Tổng đốc Phương.

(2) Mây trắng : Chỉ cảnh ăn dật, lấy từ câu thơ của Mạnh Hạo "Nhiên đời Đường « Bắc Sơn bạch vân lý ».

..

## QUAN CÔNG THẤT THỦ HẠ BÌ

Hạ Bì (1) ngày nọ chẳng màng nào  
Gương sáng chi làm chước lúng thao.  
Chén rượu anh em keo gắn chặt (2)  
Tắm son tôi chúa đuốc chong cao (3)  
Tiếng rồng dộc nhóm mây trời Hán (4)  
Xuống ngựa đàn tham bạc đất Tào (5).  
Hai mối can thường gồm dựng cả  
Ngàn năm thom để miệng người rao.

**Tiêu đề**

Sau khi thất thủ thành Hạ Bì, Quan Công bị Tào Tháo bắt giữ và ra sức mua chuộc, nhưng trước sau Quan Công vẫn một lòng, một dạ đối với Lưu Bị, đối với nhà Hán. Mượn tích cũ, tác giả khẳng định lập trường yêu nước không hàng giặc của mình dù chúng có giở trò gì chăng nữa.

**Chú thích :**

(1) Hạ Bì: tên thành, do lương của nhà Hán là Quan Công giữ.

(2) Keo gắn chặt : Lưu Bị, Quan Công và Trương Phi ba người kết nghĩa làm anh em ở vườn đào, tâm tình gắn chặt như keo sơn, không bao giờ rời ra được.

(3) Huốc chong cao : Quan Công gọi Lưu Bị là anh, gọi hai người vợ của Lưu Bị là chị dâu. Khi Tào Tháo bắt được Quan Công và hai chị dâu, hắn bèn giam giữ cả ba chung trong một gian buồng. Quan Công cầm đuốc đứng canh suốt đêm, tỏ ra một lòng trung chính.

(4) Theo rồng dõc nhóm mây trời Hán: bầy tôi theo vua, mây theo rồng, gió theo hồ. Ý nói Quan Công vị như quyết phò Lưu Bị gây dựng cơ đồ nhà Hán (Khi kết nghĩa ở vườn đào, ba anh em Lưu, Quan, Trương, có thề với nhau, quyết : « Chung vận nhà Hán, nhất thống non sông »)

(5) Xuống ngựa đầu tham bạc đất Tào : Lúc Quan Công bị giữ, Tào Tháo khoản đãi rất hậu, cứ ba ngày một yến tiệc nhỏ, năm ngày một yến tiệc to. Khi lên ngựa đi đâu thì đưa vàng, khi xuống ngựa về thì đưa bạc. Ý câu này nói : Không vì sự khoản đãi rất hậu của Tào Tháo mà Quan Công quên tình nghĩa anh em cũ.



## THÂN DAO TỬ TIỄN NGŨ TỬ TỬ

(Theo vận Tử Tử)

Vì ai nên nổi mực xa voi  
Vườn Sở hoang lương đã thấy mòi.  
Vách yến khìon trông rường cột cả  
Hè nghiêng gương chổng cột cây còi  
Thù nhà dõc báo vai con vác  
Nợ nước lâm đền giữ ngọn roi.  
Nửa phận thương vua, phận mền bại  
Chia lòng vẫn vlt giống dưa thoi.



## NGŨ TỬ TƯ THỜI SÁO

Lạc loài nước bước dạ trăm chiều  
Ngơ ngần quê người một ống tiêu.  
Trời Sở oán theo mây cuộn cuộn  
Đất Ngô buồn giục gió hiu hiu.  
Chín ơn (1) tơ tóc số dày mỏng  
Ngàn dặm non sông cảm ít nhiều.  
Các bạn tri âm chưa gặp gỡ  
Thẹn cùng cúi, ngửa (2) biết bao nhiêu.

### Chú thích :

(1) Chín ơn tơ tóc : Ra từ câu « chín chữ cù lao », nghĩa là con, đối với cha mẹ có chín điều mang ơn.

(2) Thẹn cùng cúi, ngửa : Sách Mạnh Tử có câu : « Ngưỡng bất quý ư thiên, phú bất lạc ư địa ». « Làm thế nào để ngửa trông lên chẳng thẹn với trời, cúi trông xuống chẳng thẹn với đất ».

## CÂY BẦN

Cao lớn làm chi bần hỡi bần ?  
Uổng sanh trong thế đứng chần ngần (1).  
Lá xanh tơ liễu nhanh thưa thớt  
Bông bạc đường mai nhụy sượng sần.  
Quyển luyến bầy cò bay sập sần  
Chiều quy (2) đàn khỉ tới dần dần.  
Rừng soi cột trở chưa nên mặt (3)  
Cao lớn làm chi bần hỡi bần !



Tiêu dẫn :

Cũng như bài « cây vông » tác giả ngụ ý châm biếm bọn có địa vị, nhưng thiếu đức tài trong xã hội cũ. Cây bần mới xem qua thì rất có thể lầm là liễu hay mai. Nhưng nhành thì thưa, nhụy thì rụng, làm sao sánh được với liễu và mai.

Kẻ tiểu nhân trong xã hội, dù về mặt hình thức nó có « đồ sộ » như thế nào, chung quy lại, nó vẫn là kẻ tiểu nhân. Nó chỉ có tác dụng là chỗ dựa cho bọn cận bã trong xã hội.

Chú thích :

- (1) Đứng chân ngấn: đứng trợ ra.
- (2) Chiêu quy: quy tụ.
- (3) Câu này giống câu năm trong bài « Cây vông ».

### CÂY VÔNG (x)

Uồng sanh trên thế mấy thu đông.  
Cao lớn làm chi vông hỡi vông?  
Da thịt càng già, càng lộp xộp,  
Ruột gan chẳng có, có gai chông.  
Rường soi cột trở chưa nên mặt (2)  
Giàu mỏng rào thưa phải rụng lòng.  
Mới biết cây nào sanh giống nấy.  
Xuân qua bốn tón (3) cũng đem bông.

(x) Trong cuốn « Thơ văn yêu nước Nam Bộ nửa cuối thế kỷ XIX » cụ Ca Văn Thỉnh cũng cho bài này là của Bùi Hữu Nghĩa. Nay chúng tôi vẫn đưa vào đây coi như phần « còn nghi ».

Tiêu dẫn :

Ở Nam Bộ có hai loại vông: vông đồng và vông nem (lá dòn, dễ gói nem). Cây vông tả trong bài thơ này không rõ là loại vông nào, vì tính chất hai loại vông rất giống nhau. Loại nào thịt cũng « lộp xộp » và da cũng đầy gai. Chỉ có một điều đáng chú



ý là: tác giả mượn cây vông để chỉ trich bọn có địa vị lớn, nhưng bất tài, vô dụng trong xã hội.

Chú thích:

(2) Rường... mặt: ý nói: vông không thể sánh với các loại lanh mọo dùng làm rường cột được.

(3) Dồn lên: đưa đòi một cách hấp tấp.

•••

## NGÂM THƠ TRÊN GIƯỜNG BỆNH

Ngàn vàng khôn dễ sánh mình này

Sánh có ngày đau thác có ngày.

Non nước hỡi còn đang bấy bá (1)

Đất trời sao nữ khiến lay vay (2).

Kho phong nguyệt (3) hỡi chan chan đó

Vườn cúc tổng (4) còn thời thời đây.

Bệnh cũ vừn an đành lại đây

Mặc dầu ngâm ngợi mặc dầu say.

Tiêu dẫn:

Bài thơ trên, Bùi Hữu Nghĩa làm trước khi chết. Theo người nhà của cụ kể lại, tuy ốm nặng, nhưng tình thần của cụ vẫn tỉnh táo. Trước giờ chết, cụ vẫn còn ngâm thơ và trần trối với học trò của mình.

Chú thích:

(1) Bấy bá: tan nát, lộn xộn.

(2) Lay vay: lè lay trôi trôi.

(3) Kho phong nguyệt: Xin xem chú thích trong bài « câu cá ».

(4) Vườn cúc tổng: Bài « Quy khứ lai từ » của Đèo Uyên Minh câu: « Ba luống vườn bỏ hoang, duy cộ cây lũng, cây cúc vẫn còn sót lại ».

## TỰ CHÍ LẬP THÂN (x)

Bá trác quần nhân chi kỹ nhân  
Cổ kim học đạo quân thâm nan.  
Khổng môn Trùng ngạc ba phong chiến  
Lê tự Nguyễn dài nhật nguyệt quan.  
Thiên hạ hữu tài tiên hữu chí  
Thế trung vong phẩm hậu vong thân.  
Lộc danh vọng tựa tri hà vãng  
Vinh hiển lai thù kiện dĩ can.

### Dịch thơ :

Người giỏi phải chẳng vượt thế nhân  
Xưa nay đường học thấy gian nan.  
Sân Trùng, cửa Khổng dù lay lắt  
Tượng Nguyễn, đền Lê chẳng lổi lăm.  
Thiên hạ có tài nguyên có chí  
Người đời hư nết lắt hư thân.  
Lợi danh ngồi đợi bao giờ tới  
Vinh hiển cho người khỏe lớn gan.  
(Phạm Huy Tò)

---

## KÝ THÁC

Tích thân bất đắc chi bình sinh  
Thất thế vong nô khởi tử vinh.  
Văn uyển trùng mai ba thống độ  
Đan lâm ký thác thốn ân tình.  
Văn quyền phở hưởng ư hoài bản  
Thị thụ thiên chiêu vọng cứu linh.

Xã tắc hà thời hồi cổ quốc  
Cảm hương tiếp báo kỷ vong linh.

Dịch thơ

Tiếc thân chưa đạt chí bình sinh  
Nô lệ nước tan chết cố vinh.  
Vườn chữ đành chôn bao sóng hận  
Lòng son xin gửi chút ân tình.  
Nghe quyên khắc khoải buồn thường tỏ  
Nhìn bóng vầy vùng ước cứu linh.  
Xử sở bao giờ về cổ quốc  
Trần hương xin báo bá vọng linh.

Phạm Duy Từ

(x) Hai bài thơ chữ Hán phiên âm « Tự chỉ lập thân » v. « Ký thác » đưa vào tập sách này tôi đã khai thác ở Cần Thơ, do cụ Ngô Sùng Anh được Lão Thái, Nguyễn Giác Nguyễn truyền lại. Vì chưa được đọc nguyên văn bản chữ Hán nên tôi chỉ dựa vào phần dịch thơ của ông Phạm Huy Từ, không có phần dịch nghĩa. Chưa có cơ sở vững chắc để liệt hai bài thơ này là của Bửu Nghĩa Tôi chép vào đây để chờ sự xác minh sau này.

..

## VĂN TẾ VỢ

Hỡi ơi!

Xưa nay đang mấy người lặn vụn phận sắc  
tài bằng phải lụy cái thân;

Vợ chồng mà nghe nổi mặn nồng; con sanh tử  
ý khôn ngăn giọt lệ.

Từ thuở bậu vầy duyên cang lệ, may mắn nhờ

đủ mẹ đủ cha, thời em nằng nịu dâng quỳ, xẻ tóc,  
thảo mẹ cha không nữa khác lãng sao;

Từ ngày anh mắc chốn giam truân, tôi bởi có  
một vợ một chồng thời em dâng đợt bước tào, bán  
lần, niềm chồng vợ ấy cũng đã phụ phỉ.

Rất họ hàng còn cũng biết thương;

Ilương trời đất có đều chẳng nghĩ.

Ơn vũ trụ rộng khơi mà bữa sống, tay chống  
chở đời làm đồng vác, khi ấy hãy mang con trong  
dạ, bần bịu xin theo chốn sa trường;

Cuộc phong lôi tin tức hãy chưa thông, quế  
phỉ đang lóng chèo nắng mưa, cơn chèo dành bỗng  
trở xuống thuyền lặn mọc quyết tâm nơi chiến địa.

Diệp tán khi ấy rất gay go;

Ăn ai đoạn này thêm thức thà.

Hãy dần nối dây oán thù lại kết, anh vờ thử  
tay con tạo hóa, dần những cánh trùng gan chuột,  
một chút nào nghĩ dạ Tráng sanh;

Bỗng phút chốc buồm tình ái kip buồm, anh  
tò vò giành nặng cang thương, chỉ sồn vuốt biều,  
nhanh trời, chín tầng quyết trắng mình Trương Thị.

Nơi kinh quốc ba hồi trống gióng, biện bạch  
này oan, nợ ừc, dấng hiên lương mắt thấy thấy  
đau lòng;

Chốn tỉnh đường một liếng thét vang, hẳn bởi  
lẽ chánh lời nghiêm, lũ bằng đảng lại nghe đều  
hết vta.

Lưu lo luy cuộc thế chưa xong;

Trợn vện ý vì chồng khôn vi.

Lúc anh vụt về thăm cha mẹ, đề lời dặn em



đường rùn chít, việc ở ăn lo đã sẵn cả, trở lưng xuống bên sụt sùi ;

Nay sao đành bỏ cả chồng con, nghe dặng lìn anh xiết kinh hoàng, nổi lời lui không biết đường bao, hống ngửa mặt lên trời van vãn.

Cây dương liễu là tên ly biệt, trời dành cho em những điều tai sắc, mà mong sửa cuộc đoan viên ;

Huê phù dung là giống đoan trang, trời sắm cho em những miếng thanh danh, mà nữ nào báo nền phước lý.

Anh dể nàng chẳng bằng tiền bưng cửa, mà bằng cái tư lương ;

Anh giết nàng chẳng bằng gươm bằng đao, mà bằng cái khổ lụy.

Ôi !

Gươm ăn ai không mài mà lem lém, người ta mướn nông chổng vợ, bao đành dứt mối tình duyên ?

Ngựa quang âm không dậm bỗng dùng dùng, người ta mắc cuộc tai nạn, bao nữ dứt đường sinh tử

Phụng lìa đôi chéch mào, đừng nói sửa sang giếng mối, khi lúng thiếu manh quần lấm áo, biết lấy ai mà cậy nhờ ;

Gà mất mẹ chít chịu, đừng nói nhắc biều học hành, khi lại thêm miếng bánh đồng hàng, biết theo ai mà tỏ thể.

Máy nhờ có ngoại gia nương cậy, sống dặng nhờ bác cũng dặng nhờ ;

Luống trông cuộc thế xong xuôi, sớm chẳng thấy, mai đến chẳng thấy.

Phải chi em chuẩn thoát nơi trần tục, nổi oan thù sớm dặng sạch chùi ;

Phải chi em chưa lên chôn non tiên, đưa bằng  
đăng dạm đầu lừng lẫy!

☉ Phước nhà đăng rảnh mình cao sĩ, vượt mấy  
sông em dất chút mẹ già:

Màn loan sao vắng dạng tiên nga, vầy một ngõ  
anh khóc cùng ba trẻ.

Thơ tử biệt anh ngâm vài chập, đăng tỏ qua  
lắm dạ bi thương;

Rượu chung tình anh rót vài ly, ngõ cùng hậu  
tắc lòng chung thủy.

Chú thích:

Che: nhiều

Đàng dạm: xỏm xáo.

Phu phi: đầy đủ

Vũ lộ: mưa móc.

Phong lối: gió và sớm

Bằng đăng: chung việc là bằng, chung phe là đăng;  
bè đăng.

Tư lương: lo lắng.

..

## VĂN TẾ CON GÁI

Hỡi ôi!

Phải căn số ít duyên ít phước, thì không phút  
cho rồi;

Ưởng thân mình nên vế nên vai, mà mất như  
vây dặng.

Giận bấy lão kiên khôn bạc ác, chòng chọc  
hắn không vì;

Hiềm thay con tạo hóa trở trêu, mon men la  
muốn mắng.

Nhớ linh xưa:

Tánh rất thật thà;

Tình nên ngay thẳng.

Ăn chời ở lở vốn không;

Đòi mách ngồi lê cũng chẳng.

Thảo với cha, lành với mẹ, như bát nước ý không xao;

Ra cùng xóm ở cùng giềng, ước hẹn cơm dĩa chẳng cần.

Chị hay niềm em hay nữ, ai mà chẳng dấu chẳng yêu;

Ăn bữa trước lo bữa sau, mẹ dĩa khỏi dò hỏi dạn.

Tại quái bãi buổi trời kệ, khôn lanh chẳng quá thật thà;

Lẳng lơ thừa thiếu mặc ai, khéo léo không bằng ngay thẳng.

Khi nào biết làm giọng ảnh giọng e mà dứt lờ, có giận thì la cái giọng nọ lộn rờng;

Đời nào hay cầm cái roi cái vọt mà đánh em, có giận thì mắng cái thẳng sao nó rắn.

Hề là con từ ấy nhân nầy;

Đi dàu mát một đàng thẳng rằng.

Oi!

Nước chảy hoa trôi;

Sao đời nguyệt lặn.

Nghiep trăm năm từ ấy mà thôi;

Vàng ngàn lạng dễ mà cho dặng.

Nhớ lời tiếng con cười, lời con thối, càng thêm  
chua, thêm xót đời con ;

Nhớ đến cách con đứng, dáng con ngồi, luống  
đề nhớ đề thương từng chặng.

Đường ra, ngã vào còn dò, con đi đâu cho rêu  
cỏ mọc xanh ;

Thùng may, rổ vá còn đây, con đi đâu cho  
mồ meo đóng trảng.

Thấy con dễ cha mừng đã hết lớn, mừng thì  
mừng mà dạ hãy băng sương ;

Nghe con rên mẹ sợ một tiếng hôn, sợ thì  
chạy trời sao khỏi nắng.

Nỗi con phận đã rui ro

Chút cháu lại không may mắn.

Nay mẹ còn lắt lẻo, e khi khói lạnh nhang tàn ;

Mãi mẹ có rụng rời, lấy ai giữ mờ hoạn cỏ  
loang.

Chưa có dâu, nhờ một chút con ;

Còn chàng rể kể chi cái thẳng.

Dần dặt kẻ được bao lâu ;

Giáp lại liền năm năm chẵn.

Có con biết không con cũng biết, đĩa muối dưa  
tạm đặt lưng voi ;

Sống cho khôn thác cũng cho khôn, tình sông  
biển dễ từ lại mặn.

Nước mắt không khi nào ráo, mạch sầu này ai  
mức cho hao ;

Đoàn lòn dễ biết mấy chiu, đây thắm nợ ai  
lề cho vẫn.



Hỡi ôi! thương thay!  
Phục duy thương hưởng!

Chú thích:

Cần khôn: trời đất.

Bãi buôi: ăn nói dịu dàng, lịch sự.

Lộn rông: lộn dầu, rắc rối.

Nó rần: nó cứng đầu cứng cổ, khó bảo.

Hàng sương: thể trở bức, lo nhiều phía.

Đồanh lũng: vấn vít trong lòng.

Tề: cất.



### VĂN TẾ VỢ

Hỡi ôi!

Giò Nũ (1) phất phơ;

Mưa Ngâu lúc đặc.

Duyên bình thủy (3) sum vầy đã tan rã, ngạt  
ngào bọt nước sóng xao;

Đuốc loan phòng tỏ rạng phất kêu lờ, sáng suốt  
ngọn đèn gió lạt!

Nhớ linh xưa:

Tánh đức son vàng;

Tình không đen bạc.

Chen dưới nguyệt vóc tròn hơn nguyệt, phòng  
khuyết đã rọi rõ gương trong;

Ở trên trần mà chẳng nhuộm trần, vườn dâu (4)  
khỏi lấm như bụi cát.

Trong vấy máu hùn chẳng dục, những sự sang  
giàu, của trăm xe (5) đưa rước nào màng;

Nghèo mảnh áo vải mà thanh, phải duyên đành  
thắm, cầu mấy nhịp (6) xa xuôi đành gác.

Ở với mẹ đã trọn niềm hiếu hạnh, chiều lòn  
theo lân lý (7) với anh em ;

Lúc theo chồng dư biết chữ xương tủy (8) đẹp  
dẽ với xóm giềng cùng chủ húc.

Ưa mũi đạo khuyên chồng nấu sữ nam tử may  
nợ nước dền bồi ;

Thác thờ thân vẹn chữ chung lễ (9), nữ công  
trọn giềng nhà gấm vóc.

Trường khoa mục qua nông chi cả, ít nhiều  
đá mở mặt với non sông.

Nhà bàn vi bậu đốc tay nung, may mãi dệt  
cải đầu cùng bạn lúc.

Chồng vợ thắm đều không cha mẹ em huân  
than phận khéo lẽ loi.

Cậu cô hòa một cửa anh em, tình vui thuận lời  
không chích mác.

Công danh lỡ vì mang bịnh quỷ, em chẳng phải  
như vợ Mãi Thần (10), ngày trước, thời chưa thông  
làm thói dễ dãi ;

Khó hèn cam nào dám trách trời, bậu chẳng  
phải như vợ Tô Tần (11) thuở nọ, vận chưa đại  
đem lòng khi bạc.

Phận khó khăn yếu đuối vóc liễu bồ (12) dầu  
dãi nắng mưa ;

Con nhỏ đại thơ ngây, tay chử quỹ (13) không  
rời thước tắc.

Ở theo thì, làm theo thế, qua khỏi luân sấm đất  
tan bìa (14) ;

Bảy kíp chúng nhảy kíp thì mới dặng hưởng  
gió thần đưa cúc (15).

Ăn cần ở kiếm, giàu không khoe, khó cũng  
không đũa ;

Mua nghĩa (16) chắc nhân, trước chẳng phai,  
sau cũng chẳng lạt.

Chữ thề từng phu qút (17), em nạt thun (18)  
không nhớ cũng nhờ công ;

Câu phụ tức tử thừa (19), hậu nong nã chưa  
nên vai dĩa nên vóc.

Nghiệp tiên thế (20) anh lo gây dựng, mừng  
thăm đã mở mặt với hương lân (21) ;

Hạo thành hiền hậu đốc khuyến dương, gần vó  
đã phải gương cùng hậu giáo (22).

Tưởng thời đã hết lúc gian truân (23) ;

Hay đâu chữa lời chứng hạnh đạt (24).

Hồng phúc khiến gió day mưa lạt, non hoa hạc  
lặn trần trần (25) ;

Nào hay đâu vật đổi sao dời (26), cửa sổ ngựa  
qua thoát thoát (27).

Ôi !

Sóng Lẻ vàng chim (28) ;

Non Côn - ngọc nải (29).

Cảnh giai lão (30) trách lòng trời đất, khó có  
nhau, giàu cũng có nhau ;

Quý vô thường gây cuộc bề dàu (31), vật tráo  
chắc người sao tráo thác.

Con sáu luôi thơ ngày một bóng, em bao dành  
nhắm mắt qui tiên (32) ;

Chồng trăm bề lo lắng một mình, bậu bao nỗi  
sấp lưng cỡi bạc (33).

Ai mượn lão Diêm phù rước khách, mẹ lia con  
vì gâ khiến ức oan ;

Ai mượn người quỉ bá đưa nàng, chồng xa vợ  
ở người nên bạc úc.

Chữ đại đức tất đắc kỳ thọ (34), động tới  
phát buồn ;

Câu ước phước tắc hữu dư khương (35), nghe  
càng thêm chát.

Qua đề bậu chẳng bằng tiền của, phản phản  
gương (36) chẳng kịp nửa giờ ;

Trời giết người chi sá gươm đao, chừng nghèo  
ngặt không đầy một lát.

Đêm khuya liấy nung niu một trẽ, nghĩ từ cơn  
ruột tợ kim châm ;

Ngày dài thêm vắng vẻ không em, nhớ từ chặng  
gan đường mới xát.

Cuộc long hồ lấp rồi ba thước đất, ôi thôi rồi  
mà phần hồng nhan ;

Bạn phụng loan phản, rẽ một phương trời, lo  
đáo dễ duyên đơn phận bạc.

Đã biết kiếp thác là kiếp mất, tấm lòng thành  
đủ bấy tuần chay ;

Cho hay người mất nghĩa còn, phò lẽ lẽ vài  
màn đặm bạc.

Hỡi ôi ! thương thay

Phục duy thượng hưởng



Tiền dẫn :

Nhiều sách chép bài này cho là của Bùi Hữu Nghĩa khước bà Nguyễn Thị Tồn, nhưng chắc chắn là không phải. Có thể là bài của Bùi Hữu Nghĩa làm giúp người khác ?

Chú thích :

(1) (2) : Ngưu, Nữ là tên hai vì sao.

(3) Đinh thủy : do cấu bình thủy tương phùng : bèo với nước gặp nhau nhưng lại ngụ ý cuộc gặp gỡ không bền.

(4) Vườn dâu do chữ lang trung : chỉ chỗ trai gái hẹn hò với nhau.

(5) « Trăm xe đưa rước » lấy điển trong kinh Thi : « chí lữ vu qui, bách lương nha chi ». Nghĩa là : cô ấy về nhà chồng, trăm xe đón rước. Đó là bài thơ tả đám cưới của các vị vương hầu sang cả.

(6) Nhịp là chỉ nhịp cầu ở thước, đây dùng để chỉ duyên vợ chồng.

(7) Lân lý : người trong làng xóm.

(8) Do câu : phu xương phụ tủy : chồng xương ra, thối vợ phải ngả theo.

(9) Tăng Tử là học trò giỏi của Khổng Tử, thờ cha mẹ rất hiếu thảo.

(10) Tích — Đời Hán, ông Châu Mãi Thần, người huyện An Nhạc, phủ Đồng Xuyên, tỉnh Tứ Xuyên, nhà rất nghèo mà rất ham học. Vợ ông là Thôi Thị thấy ông nghèo khó nên đòi thôi ra kiếm chồng khác ông bèn bảo rằng : « số tôi tới năm mười tuổi mới được sang giàu xin nàng nhẫn nại chờ lâu, sẽ được vinh hiển » Thôi Thị không nghe theo, quyết xin đi.

(11) Tô Tần đời Chiến quốc, học được du thuyết của Quỷ Cốc Tiểu Sanh, về nhà bán cả gia tài, sắm ngựa xe, có kẻ hầu hạ đi châu du các nước để cầu công danh.

(12) Vì người đàn bà yếu ớt.

(13) Chủ quỹ : người giữ túi cất tiền bạc ; xuất phát tiền bạc trong nhà.

(14) Do câu : vận khứ lộc oanh tẩn phước bi : vận cùng sốm đánh bể bể tẩn phước.

(15) Thời lai phong tống Đẳng vương cáo : thời đến, gió.

thần đưa lại gác Đẳng vương, nghĩa là thời đến thì gặp dịp may mắn.

(16) Tích - Đời Chiến quốc, Mạnh Thường Quân phải bãi quan, trở về đất Tiết, dân chúng nghe tin đi đón chào đường. Mạnh Thường Quân ngoảnh lại bảo Phùng Hoan rằng : « người vì ta mua nghĩa nay mới thấy đó »

(17) Thổ lung phu quý; vợ nhờ chồng mà nên sang cả.

(18) Nam thân : vất vả, cực khổ.

(19) Phu tác tử thừa : cha làm con nối.

(20) Nghiệp tiền thế : nghiệp đời trước, chỉ sự nghiệp của ông bà để lại.

(21) Hương lân : làng xóm.

(22) Hậu giác : kẻ biết sau.

(23) Gian truân : lúc khó khăn vất vả.

(24) Hanh đạt : vận hội tốt.

(25) Độ câu : Nguyệt minh hoa biểu hạc quy tri : trăng soi sáng nơi hoa biểu con hạc về chạ; chỉ sự chết mất.

(26) Thơ của Vương Bột : vật hoàn linh di kỷ độ thu, nghĩa là : vật đổi sao dời trải mấy năm.

(27) Do câu nói của Tống Thái Tổ : Người ta sanh ra trong đời như bóng ngựa trắng qua khe cửa. Ý nói, thì giờ qua mau chóng.

(28) Trên sông Lệ Thủy, tại Ích Châu, vàng nổi trên mặt nước như cảm.

(29) Núi Côn Lôn sản xuất rất nhiều ngọc quý.

(30) Do câu bá niên giai lão : trăm năm cùng già.

(31) Do câu thương hải biền vĩ tang điền : bể xanh hóa ra ruộng dâu, chỉ nghĩa cuộc đời biến đổi.

(32) Qui tiên : trở về cảnh tiên, chỉ nghĩa là chết.

(33) Cỗi bạc : cõi bạc về cõi liền tức là chết.

(34) Người có đức lớn tất sống lâu.

(35) Làm phước đức nhiều thời được nhiều việc an vui.

(36) Phàm gương chi cảnh vợ chồng phản rã, kẻ mất người còn.

### **PHẦN III**

**TUỒNG: KIM, THẠCH KỲ DUYÊN**  
(Tóm tắt, trích đoạn)

## A. TÓM TẮT NỘI DUNG VỞ TUỒNG KIM, THẠCH KỶ DUYÊN

### HỒI THỨ NHẤT

— Ngạc Yên Hinh chiếu chỉ đi trấn Bồ Châu. Vợ chồng Lâm Vương kết nghĩa sui gia cùng quan huyện, gả Ái Châu cho Kim Ngọc.

— Hóa Long, chủ trại lâu la, cướp ghé quan phủ Đinh Quý, lấy ép Giải thị làm vợ. Giải thị muốn tự tử theo chồng nhưng phải nhận nhục mà nuôi thai.

— Bạch thị nhuộm bệnh. Lợi Đồ rước thầy thuốc Thạch Đạo Toàn đến chữa. Đạo Toàn mắc họa. Thiệu Cơ mìn bạc cho Đạo Toàn, Vô Hà ở đợ lấy tiền chuộc cha.

— Vô Hà ở đợ với Ái Châu. Lâm Vương rước thầy coi tướng. Ái Châu đánh Thiết Chi và Vô Hà.

— Ngạc Yên đi trấn Bồ Châu, giữa đường Hóa Long cướp đánh bắt làm thầy dạy (con ghê) học.

— Kim Ngọc nhảy xuống biển, may có Thái thượng cứu sống.

— Giải thị nói với Thuần Cương rằng Hóa Long không phải cha đẻ — ấy là người thù — dạy con toan mưu với thầy báo thù cho cha.

— Thầy chùa xử tệ Kim Ngọc và Vũ Đức phản hồi quê hương.

— Thành Trại cưới vợ cho cháu, Ái Châu nghe tin Kim Ngọc mắc bệnh đơn phong, không ưng. Trương thị cậy Vô Hà trả hôn.

— Đạo Toàn khám bệnh Kim Ngọc. Vô Hà hết dạ nuôi chồng.

— Ái Châu mơ tưởng nguyệt hoa. Ái Long gắp gở Ái Châu làm phép cha cưới về làm vợ.

— Thiệu Cơ (thầy học Hữu Quang) được thăng Lãng binh đi trấn Đài Loan, Kim tử Thành Trại được phong ngự sử



## HỒI THỨ HAI

— Kim Ngọc lành bệnh, lo sôi kinh nấu sũ.

— Lâm Vương nghe tin Kim Ngọc đồ trạng nguyên, Trương thị đem y phục đồ đặc dâng cho Vô Hà lại cấp theo vài đũa tì dất. Vũ Đức đem tin cho Vô Hà hay rằng Kim Ngọc đồ trạng nguyên và rước hết gia quyến ra kinh.

— Lư Khải Phong muốn gả con gái cho Kim Ngọc, mà Kim Ngọc không khứng chịu, lại không ưa kẻ ninh thần.

— Hóa Long rước Thiết Hoan (thầy đạo sĩ) về làm quân sư dạy giặc đánh Tây An.

— Quân Tử Tuấn Kiệt (Tổng đốc Tây An) giáp chiến với quân Hóa Long, Thiết Hoan hóa phép trợ binh, giết chết quân nghịch, Tuấn Kiệt tự vẫn. Thiết Hoan lấy hết nhùng phục mặc cho quân lính giả làm quân của Tuấn Kiệt kéo vào thành đánh giết quân trong thành rất nhiều. Hóa Long xưng vương.

— Khải Phong tâu với Tống đế sai Kim Ngọc đi dẹp giặc Tây An.

— Khải Phong thông tình với giặc. Kim Ngọc đem binh phạt Hóa Long. Hữu Quang bị bắt gặp Ngạn Yêm và Thuần Cường.

— Thiết Hoan bị tiên y của Kim Ngọc nên biến thần binh không hiệu, hóa ra lửa mà lửa ấy trở lại đốt binh mình.

— Hóa Long, Thiết Hoan bị thích khách. Hữu Quang mở cửa thành nghinh tiếp Kim Ngọc. Giải thị xin đem đầu Hóa Long xuống mé biển tế chồng, rồi nhẩy xuống sông tự tử.

Tống vương phong sách cho các công thần, Lư Khải Phong bị xử tam ban triều diên.

— Lợi Đồ trấn Tô Châu. Lâm vương đi viếng sũ, nhưng Ai Châu không cho rước vào.

— Quan thanh tra đến xét, tổng làng xúm kiện quan quản đạo Lợi Đồ, Ai Châu bị khảo tấn và bán mình.

— Kim Ngọc vinh qui bái tổ.

## HỒI THỨ BA

— Lúc đi về viếng quê hương, Kim Ngọc ghé lại chùa, xuất tiền bạc dạy làng xã cất chùa lại.

— Ông Đức đi tìm Lâm Vương mà tìm không ra. Ông bà đem Ái Châu đến ở với Vô Hà. Vô Hà muốn cho Ái Châu vậy duyên với Kim Ngọc.

— Kim Ngọc không chịu kết nghĩa cùng Ái Châu. Ái Châu bèn đến thư trài của Kim Ngọc có ý trêu lỉnh, nhưng Kim Ngọc không màng đến việc gió trăng. Ái Châu sai Tiểu Yến đem thư tỏ hết sự tình của mình với Kim Ngọc. Tiểu Yến bị khảo kẹp. Vô Hà đòi vào chùa đi tu. Ái Châu, Vô Hà từ biệt nhau.

— Đà Đầu (cầm Lư Khải Phong) chiêu binh mãi mã đánh Đại Loan để báo thù cho anh.

— Thiệu Cơ giáp chiến với quân Đà Đầu, quân Thiệu Cơ thua, chạy về thành cổ thủ.

— Quân gia tìm được vợ chồng Lâm Vương, Kim Ngọc cưới Tố Châu cho Hữu Quang và gả em gái cho Thuần Cường.

— Kim Ngọc được chiếu chỉ vua sai đi dẹp giặc, giữa đường Hữu Quang gặp thầy Thiết Chỉ cho phù và dạy phép điều binh. Lư Hồ, Đà Đầu vong mạng.

— Kim Ngọc lấu khải hồi triều, dọc đường ghé thăm chùa và làm chay.

— Kiên bà thấy Ái Châu có bệnh, nên đuổi không cho ở thành lâu nữa, Ái Châu đói khát, nghe dám làm chay đèn xin ăn.

— Ái Châu đến chùa, thấy Kim Ngọc và Vô Hà sang trọng từ tế nên hồ phẫn bèn lự ải.

— Kim Ngọc xuất tiền bạc dạy đức cốt Phật đề thờ, bỗng nghe quân báo có người chết treo, rõ lại là Ái Châu, Kim Ngọc dạy người chôn cất.

— Kim Ngọc hồi triều, Tống vương dạy Hàn lâm quan xét công mỗi đạo binh ban thưởng.





Khuôn Dẫu, thì trong dinh Giáp Mão sức nước mùi hương (Tống sử).

(3) *Tiến*: chỉ Trần Đoàn. *Tề*: âm cồ, tức là cỡi. Khi Trần Đoàn cỡi lừa đi đến Biện Kinh, được Lin Triệu Khuôn Dẫu đưa lên ngôi vua (Thái tổ nhà Tống sau này), ông liền xuống lừa vui cười nói: « Từ đây thếp hạ sẽ thái bình » (sách đã dẫn trên).

(4) *Diêu*: âm cồ, tức là dong ruổi. Câu này ý nói sĩ lữ dự thi khoa tiến sĩ được trúng tuyển, vua ân ban cho được dong ngựa ra Thượng uyển (vườn của nhà vua) xem hoa.

(5) *Tống lộ*: ngôi vua nhà Tống, từ Thái tổ đến Cung đế (960 — 1276) ngang với Hậu Ngô vương Xương Văn và Trần Thánh tông nước ta.

(6) *Ngạn Yem*: cha đẻ của Kim Ngọc.

(7) *Cung thiềm*: cung trăng. Câu này ý nói đi thi đỗ cao, ví như người đi thang mây lên đến tận cung trăng.

(8) *Vỗ*: dịch chữ « phủ ». Âm cồ, tức là vỗ về, sau nói là cai trị. *Côi sấm*: dịch chữ « lời phong ». Lấy nghĩa rằng liếng sấm vang đến trâm đậm, mà địa bàn của viên huyện cai trị cũng rộng ngang số ấy. *Chiến phụng*: tờ chiếu của vua, viết vào tờ giấy có vẽ hình chim phụng.

(9) *Nhất cá thư sinh*: một người học trò. *Lam dưng khoa giáp*: làm đỗ thi tiến sĩ.

(10) *Tề bách lý liên đạo vinh qui*: đi làm quan một huyện liên đường về thăm nhà để được vinh hiển.

Mần rí ni là, non sông thêm rõ mặt phi thường  
Quần ap hầu! (a)

Trước về bãi lạ gia đường, sau sẽ xuất ứng dân xã (1).

Văn viết: San sẽ xuất ứng dân xã

Cuộc đình hườn (2), về lạ non sông.

Nửa ngàn gặp hội văn long (3).

Ướm tay chế cầm, suy lòng phan tiền (4).

Hà Nam đoài đã gần miền (5)

Đầy san hêu mùa, chơi biền hê cưỡi.

Khảo dị:

a— Câu này bản B không có.



### Chú thích :

(1) *Xuất ung dân dã* : ý nói ra làm quan chịu trách nhiệm cai trị dân chúng và giữ gìn đất đai trong hạt.

(2) *Dinh huân* : tức đơn hoàn : bờ cõi đất nước.

(3) *Nửa ngàn* : tức 500 năm. *Vân long* : mây rồng. Theo sách Mạnh Tử thì trời đất biến chuyển, cứ 500 năm là một vận hội, sẽ có bậc thánh trị ra đời và có hiền tài ra giúp việc. Lúc ấy, vua tôi sẽ gặp gỡ nhau và ý hợp tâm đầu ví như rồng gặp mây vậy.

(4) *Chế cãm* : cắt cây gắm. *Phanh tiên* : mổ cá tươi. Ý nói người giữ việc cai trị cũng như người lượ cắt cây gắm để may đồ mặc, và người làm bếp mổ con cá tươi để nấu thức ăn. Nếu người thợ cắt vụng thì sẽ hỏng cây gắm, và người làm bếp nấu vụng thì làm phí con cá tươi. Người cai trị không biết đường lối thì sẽ rối loạn.

(5) *Hà Nam* : tên một tỉnh ở Trung Quốc. Đại bộ phận tỉnh này ở phía Nam sông Hoàng Hà.

### Lâm Vương viết :

Phụ họ trẻ với đời, Lâm Vương khoe danh mỗ,

Như ta, nhờ bơi kềm (1) nghiệp nên đồ sộ (a),

Còn, kết dải đồng (2) bạn cũng hẳn hoi.

Mình không trái, nghĩ đã thiệt thòi,

Ssinh những gái, á, càng thêm một nhọc.

Tổ Châu là gái út, Ái Châu thiệt (b) thứ hai.

Như con gái út tôi là (c), thiệt thà được hạnh không sai.

Sau nó có, gặp gỡ lứa đôi mặc tui.

Con đó chẳng nói làm chi (d)

Chớ như con gái lứa tôi là (e), dung mạo thì tình  
rất lịch

Lại thêm cầm kỳ thi họa đều thông

Thời gái thuyền duyên đương hãy kén chồng,

Ái ngờ là may, trái vẫn vại (3) khéo (g) xui gặp lứa.

**Khảo dị :**

— Dân A có ý : Như ta nói cho phải... nhờ hơi kềm  
nghiệp nên đỡ sợ.

b — Dân B. Ái Châu ấy thứ hai

c — Dân B : Như con Tổ Châu...

d — Câu này dân B không có

e — Dân B : Còn con Ái Châu...

g — Dân B. . . . trai văn vật khiến xui gặp lửa

**Chú thích :**

(1) *Hơi kềm* : dịch chữ « đồng xu ». Lời của Thôi Quân nói  
với cha là Thôi Liệt (Hậu Hán thư). Ý nói về tiền của.

(2) *Dải đồng* : dịch chữ « đồng tâm kết ». Dẫn đến vua  
Dương đế nhà Tùy đưa cái dải này cho vợ là Tuyên Hoa phu  
nhân (Tuy thư). Ý nói về tình gắn bó của vợ chồng. Ở đây,  
dùng để chỉ Trương thị, vợ Lâm Vượng.

(3) *Trai văn vật* : người có tài năng về văn học

Số là, có con ông thủ khoa tên thằng chí chí đây... (a)

Ở ở phải, tên nó là thằng Kim Ngọc (b).

Cái thằng mùa răng (c) mà, diện mạo phải trang  
tái tử (1).

Còn tư dung nên đừng như phong (2) :

Lại có tiếng thanh đồng (3), ai cũng nhượng văn  
học nó hết thấy mà (d) ;

Đã biết tài giỏi thời mặc lòng, nhưng mà dễ làm  
sui với ông đặng hay mình răng (e) ;

Nhờ giáo thọ mở lời mai ước (4), nên,

Một (g) cùng giải nguyên (5) kết nghĩa thồng gia ;

Sang giàu đã xứng sui gia, tài sắc lại nên dầu rề.

Nay chỉ sai ông sui tôi ngồi Bồ Châu tri huyện (b) (6)

Cho nên lời (i), bữa điếu qua đưa phở lý (7), lời  
giao sau sẽ thành thân (8)

Gặp con đã nên thân khen lão đã lối phúc đi nọ.

**Khảo d.**

a, b — Hai câu này bản B chép lược thành một câu:

*Số là, có con ông Ngạn Yêm tên là Kim Ngọc.*

c — Bản A chép: *Cái thằng làm sao mà...*

d — Bản B chép: *Lại có tiếng thần đồng, ai cũng nhường  
văn học.*

e — Câu này bản B không chép.

g — Bản C chép: *Cùng giải nguyên kết nghĩa thông gia.*

h — Bản B chép: *Nay chỉ sai ông sui tôi đi tri huyện Bồ thành*

i — Bản B chép: *Cho nên, bữa điếp...*

**Chú thích:**

(1) *Tàu tử* : người có tài ba về một phương diện nào đó.

(2) *Tư dung* : dung nhan đẹp đẽ.

*Nho phong* : phong thái đứng đắn của nhà nho.

(3) *Thần đồng* : người trẻ tuổi mà có tư chất thông minh  
như thần

(4) *Giáo thụ* : chức quan dạy học ở quận huyện. Ở đây chỉ  
Kim tổ Thành Trai bạn thân của Ngạn Yêm (bố Kim Ngọc), giữ  
chức giáo thụ Hà Nam, đã đứng ra làm媒 mối giới cho Kim Ngọc  
cùng Ai Châu kết hôn với nhau.

(5) *Giải nguyên* : đỗ đầu giải ngạch, tức là thủ khoa. Ở đây  
chỉ Ngạn Yêm.

(6) *Chỉ sai* : chiếu chỉ của nhà vua sai phái đi.

*Bồ Châu* : tên huyện; thuộc tỉnh Hà Nam (Trung Quốc), đặt  
từ đời nhà Đường, nay đã bỏ

(7) *Bữa điếp* : ăn cỗ, tức là bữa trước.

*Phó lý* : đến lý sở nhậm chức.

(8) *Thành thân* : cho trai gái hai trẻ sum họp một nhà là  
tình thân cận với nhau, tức là lễ cưới.

**Trương thị viết:**

Ông nong nả (1), tìm cho dặng ngọc,

Mu pháp phồng (2); sợ những uông châu,

Ông sui đã khoa hoạn cái đầu (3), chàng rẽ ắt trâm  
anh nối gót (a) (4)

*Làm Vương viết :*

Lời hôn cầu (5) nay đã ràng buộc, về nhân duyên  
sau ắt rõ ràng.

Như thằng Kim Ngọc, đừng nói sau nó dặng  
làm quan,

Nay mừng trước chúng kêu bằng cậu (6).

Thấy tịch thượng tướng danh dạ mụ (7)

Vậy thời, việc gia trung phải tỏ với con ;

Nghĩa thất gia hầu dĩ vương tròn,

Cổn, hề khuê khốn khả tua vẹn vẻ (8).

Khảo dị :

a — Dân A chép : ... chàng rẽ đi trăm anh nối gối.

Chú thích :

(1) *Nóng nũ* : âm cổ, lúc là nóng nảy, vội vàng.

(2) *Pháp phỏng* : trong bụng còn áy náy, chưa lấy gì làm chắc chắn.

(3) *Khou hoạn cái đầu* : ý nói thu đồ, làm quan, trên đầu đội mũ có cài hoa là chế bằng loài kim.

(4) *Trám* : cái trăm cái đầu. *Anh* : giải nữ. *Trám anh* là những thứ trang sức vào mũ của người làm quan. *Nối gối* : ý nói Kim Ngọc sau này sẽ nối được gót chân của cha.

(5) *Lời hôn cầu* : lời giao ước về việc hôn nhân.

(6) *Chúng xưng bằng cậu* : ngày trước, người ta thường gọi con của viên quan nhỏ là cậu viên và con của viên quan to là cậu ấm.

(7) *Tịch thượng* : trên chiếu. Nói tắt câu « nho hữu tịch thượng chi trần » (Lễ ký), nghĩa là người nho sĩ có cái vốn rất quý ở trên tấm chiếu. Tức là đạo đức nghĩa lý của thánh hiền chép trong Kinh Sử.

(8) *Khuê khốn* : phạm vi trong buồng thê là nhiệm vụ của phụ nữ. *Tua* : âm cổ, do chữ « tu » trong Hán văn, nghĩa là nên, cần phải.



*Lâm Ái Châu tương viết :*

Vạn ban kiều điểm vạn ban xuân,  
Băng ngọc hờn vô bán điểm trần :  
Thanh điều (1) cận lai, truyền hảo tin,  
Hồng lâu (2) ngăm vịnh uông thương thần (3).

Hựu viết :

Thiếp Ái Châu tốt bực hồng quần (4)  
Chưa Lâm Vương nên trang cự ti (5).  
Như lời là, kiều điểm Tây Thi khá ví (6),  
Còn thòng mình Đạo Huấn chi hơn (7);  
Cho nên, vì trần châu báu lạ khôn nhường,  
Cứng Kim Ngọc duyên lành mới gá.  
Như cha chẳng tôi, đồ lĩnh thi ra chấn dân xã (8),  
Còn chòng tôi, tiếng thần đồng đủ nước hương lân,  
Có phải, rõ ràng một mặt phu nhân (9), cao lớn phò  
loài phàm nữ (10).

A hườn (11)! Đồi Mồi ầu dây (12)!

Chú thích :

(1) *Thanh điều* : chim xanh, sứ giả của Tây Vương mẫu đưa tin cho Hàn Vũ đế. Ở đây chỉ người mới đến đem hỏi Ái Châu.

(2) *Hồng lâu* : cửa ở của phụ nữ con nhà quý phái đời nhà Đường.

(3) Bốn câu thơ này đại ý nói : Muốn phần tươi thắm, muốn Phần xuân xanh ; phẩm giá trong trắng như băng như ngọc, hoàn toàn không có chút bụi ; ít lâu này, có chim xanh mách tin tốt đẹp ; ở chốn lầu hồng ngăm vịnh, luống bao nỗi tình thần.

(4) *Tốt bực hồng quần* : ý nói cao quý tội bậc trong hàng phụ nữ.

(5) *Cự ti* : tay lối lạc hơn người.

(6) *Kiều điểm* : đẹp đẽ.

*Tây Thi* : người con gái đẹp nổi tiếng ở nước Việt đời Xuân Thu.

(7) *Đạo Huấn* : tức Tạ Đạo Uẩn, người con gái thông minh và tài ba đời nhà Tấn.

(8) *Chấn dân xã* : dịch chữ «mục dân». Ý nói viên tri huyện là người gần gũi với dân, có nhiệm vụ chấn dất dân chúng.

(9) *Phụ nhân* : danh từ để gọi vợ một người đã có danh phận. Ở đây dùng để tả lời Ái Châu tự khoe chồng là một cậu viên tử.

(10) *Phạm nữ* : người phụ nữ bình thường.

(11) *A kưn (hoàn)* : danh từ dùng để gọi người hầu gái.

(12) *Mối ần* : danh từ dùng để gọi người đàn bà đứng trong gian làm mối giới cho hai bên trao đổi ý kiến với nhau. Ở đây dùng để nói người mối giới về việc thuê hầu gái.

### *Mối ần viết :*

Mời lệnh lời tỷ nữ, vào dãi lệnh quý nương (1).

Đòi việc chi vốn mụ chưa lường, xin phân lại (2)  
cho già đặng rõ.

### *Ái Châu viết :*

Số là trẻ ở với lời cũng năm bảy đũa.

Nhưng mà, xem nó tỷ mấy ả, chẳng vừa mắt một  
con ;

Tôi muốn tìm một đũa cho vẽ vang mày mắt (3) (a).

Lại nhiều ít bút nghiên cho biết cách (4).

Đặng mà, khi xuất giá sửa đôn, soạn sách,

Còn, lúc tại gia bần vấn thuốc, pha trà ;

Xin đó gắng công già, thời dầy dền nghĩa trẻ.

### *Mối ần viết :*

Có đũa dận thế, tôi phải lặn mò,

Xin eo chờ có lo, đến lời thời phải đặng...

**Khảo đi :**

a — Bản B chép : Tôi muốn tìm một người mà phần mới son,  
**Chú thích :**

(1) *Đãi lệnh* : đợi mệnh lệnh, đợi lời chỉ bảo. *Qui nương* :  
lời tôn xưng người phụ nữ sang trọng. Ở đây chỉ Ai Châu.

(2) *Phân lại* : phân trần lại cho rõ ràng.

(3) *Vẽ dung mạo mặt* : ở đây ý nói mặt mũi, xinh xắn ra  
dáng con người.

(4) *Nhiều ít bút nghiên cho biết cách* ; ý nói người có học,  
có biết ít nhiều chữ nghĩa biết cách hầu hạ.

•••

Bạch thị nhuộm bệnh. Lợi Đồ rước thầy  
Thạch Đạo Toàn đến làm thuốc. Đạo Toàn  
mắc họa. Thiệu Cơ mình oan cho Đạo Toàn.  
Vô Hà búa mình ở đợ lấy tiền chuộc cha.

*Lợi Đồ viết :*

Tân thăng tri huyện, mở hiệu Lợi Đồ. Như ta,  
Đường khoa mục không ngờ (1), việc phụng thờ là  
quá kỹ (2) chứ  
Người ta thấy quan thượng ty (3), người thương  
tối, cho nên.

Thấy tình quái thì cho rừng quỷ ;

Chớ không khôn ngoan, dẫu dễ, kiếm đặng quan.

**Chú thích :**

(1) *Khoa mục không ngờ* : ý nói học dốt mà không ngờ lại  
được đỗ.

(2) *Phụng thờ* : tức là nịnh hót, bấu xén.

*Quá kỹ* : vượt quá kỹ lực, không ai theo kịp.

(3) *Thượng ty* : viên quan cấp trên mà viên tri huyện phải  
thuộc dưới quyền, như quan phủ, quan tỉnh, v.v...

Rất đổi là, đừng chức việc trong làng (1)  
 Thời cũng phải nhơn tình với tổng (2), chứ?  
 Tối a, thừa lương tiêu hưởng cảnh (3),  
 Khai thẳng tịch hiệp hoan (4).  
 Quân truyền thỉnh hai nàng, ngỏ vầy một tiệc.  
 Hai em ngồi, lễ thữ thanh phong minh nguyệt (5),  
 Lại có hai em là, đồ tư quốc sắc thiên hương (6).  
 Như ta, làm trai hai vợ đồng thương (7)  
 Ấy đó, lời thề ba bốn giúp một.

*Bạch thị viết :*

Thưa xin đừng nói tốt, lời, gấm ở không bằng (8).  
 di ông.  
 Từng thấy nhiều, tham đó bỏ dưng (9).  
 Ông đừng nói bốc lấy, hãy đề vầy, chớ tre nghe  
 lòng, đã mà.

*Diên thị viết :*

Thưa chị, nói làm chi cái giọng, chớ em cam chịu  
 thiệt là phiền.  
 Như chị em ta là, thân cội gia, gia cũng cội thân.  
 Chớ đừng, kiến ăn cá, cá thời ăn kiến, mà người  
 ta cười.

*Chú thích :*

1. Câu này ý nói : muốn lấy được của hối lộ những người lo ra làm chức dịch trong làng (như lý trưởng, phó lý, xã đoàn v.v...).

2. Ý nói phải có tình nghĩa đối với chức dịch ở làng (như chánh tổng, phó tổng, v.v...) để họ thu xếp giúp.

3. Ý nói nhân lúc mát trời phải làm thế nào để tiêu khiển cảnh hưởng thụ.



4. Ý nói đặt bữa tiệc lớn để họp mặt cùng vui.
5. Ý nói gặp lúc gió mát trăng sáng trong thế này.
6. Ý nói trông thấy những sắc nước hương trời ngồi ở đây.
7. *Đồng thương* : cùng thương yêu như nhau.
8. *Ở không bằng* : ăn ở có phần thiên lệch, không công bằng.
9. *Tham dò, bỏ dưng* : dẫn câu tục ngữ, ý nói người thương yêu vợ này, ghét bỏ vợ kia.

*Lợi Đồ viết :*

Ái thôi, khéo gây nên chuyện, nói ít xịch nhiều.  
 Mụ lớn đừng nói ột nói tiêu, di nhỏ chứ cá riêng  
 cá lớn.

*Bạch thị viết :*

Cháu ôi ! Phút chốc ngoài da nóng hổi cơ sao trên  
 ngực lúc vang ?  
 Thôi cho tôi kiểu ơ, hũy cháu ôi !  
 Lui vào trong nằm nghỉ cho an, kiểu ở đó ngồi  
 chơi kéo thiệt.

*Lợi Đồ viết*

Bệnh lai thậm nghiệt, lộng giả thành chơn (1)  
 Thề nữ, phò tướng loan an dưỡng tính (2) thần (2) .  
 Quân, phó tạo lệ nghinh y điều trị (3).

*Thạch Đạo Toán viết*

Thứ vui sanh địa, nghiệp đổi Huỳnh Kỳ (4) ;  
 Đất Tư môn từ thuở dương qui (5),  
 Dòng Thạch thị nghệ y quán chúng (6). Như ta,

An tức Thanh nang (7) vận dụng.

Thung dung đơn tảo (8) luyện thành.

Phương thang (9) tỏ hợp bệnh tình, mạch lý quyết  
minh (10) sinh tử.

Khảo di :

a— Bản B chép : Thê nữ, phò trưởng loan dưỡng *tâm* thần.

Chú thích :

1. Ý nói bệnh xảy ra rất ác nghiệt, tưởng là đùa bốn giả  
vô, ngờ đâu lại thành sự thật.

2. *Thê nữ* : người hầu gái thân thiết, lúc nào cũng ở bên  
cạnh người chủ. *Trưởng loan* : cái màn, có vẽ hoặc thêu hình  
chim loan. Câu này ý nói : người gái hầu thân tín đổ chủ vào  
yên nghĩ trong trường đề đi dưỡng *linh* thần.

3. *Tao lè* : người chịu sự sai phái và hầu hạ ở trong dinh  
thự, ta gọi là « *linh lè* ». Câu này ý nói phân phó cho *linh lè*  
mời thầy thuốc đến chữa bệnh.

4. *Sanh địa* : tên vị thuốc. Ở đây nói địa điểm có thể sinh  
nhai được. *Huỳnh* : tức Hoàng đế Hiên Viên. *Kỷ* : tức Kỷ Bà,  
bấy tôi Hoàng đế. Hai người này là tổ sư môn thuốc bắc từ  
đời thượng cổ Trung Quốc.

5. *Tư môn* : cơ nghiệp riêng. *Đương qui* : tên vị thuốc, lại  
có nghĩa là mời về. Cả câu ý nói : xây dựng nhà cửa riêng từ  
thuở bắt đầu về ở đất này.

6. *Quán chúng* : tên vị thuốc, đồng thời có nghĩa là trội  
hơn cả mọi người.

7. *An tức* : tên vị thuốc, đồng thời có nghĩa là tạng phủ  
được yên ổn. *Thanh nang* : tên sách thuốc của Hoa Đà đời  
Tam Quốc. Câu này ý nói : vận dụng lý lẽ trong sách *Thanh  
nang* để cất thuốc.

8. *Thung dung, đơn tảo* : tên hai vị thuốc. Cả câu có nghĩa  
là ngồi thông thả đốt bếp lửa luyện thuốc.

9. *Phương* : bài thuốc. *Thang* : thuốc sắc bằng nước.

*Tổ hợp* : tên vị thuốc. Câu này ý nói : bài thuốc và  
thang thuốc rất hợp với bệnh.

10. *Quyết minh* : tên vị thuốc, đồng thời có nghĩa quyết  
đoán rõ ràng. Cả câu ý nói : xem mạch có thể quyết đoán rõ  
trục sự sống chết.

**Quán nhơn viết :**

Thưa : quan huyện mời thầy sang coi mạch.

**Đạo Toàn viết :**

Đây qua đó vốn là thực địa (1), vâng lệnh đòi nguyệt  
bất lưu hành (2).

**Lợi Đồ viết :**

Mừng thầy, mình sư tăng bửu đại danh (3).  
Số là, chuyết phụ ngẫu triêm vi dạng (4).  
Chừ thời, mạch nọ coi qua cho hấn, thuốc kia đầu  
lại mới linh.

**Đạo Toàn viết :**

Như bệnh bà nay, kim anh thử bệnh linh (5).  
Chỉ thiết phi úc hậu (6). Chẳng qua là,  
Chương não (7) tri thương tạng phủ, chừ thời thời.  
Tối đầu phòng phong điều dưỡng tinh thần (8). Thưa,  
Được phương dừng lại sử quán (9), thảo thuật xin  
lui Thạch tử (10).

**Chú thích :**

1. *Thực địa* : tên vị thuốc. Ở đây dùng để nói địa hạt thuộc quan huyện cai trị.

2. *Bất lưu hành* : tên vị thuốc, đồng thời có nghĩa là đi không ngăn ngại.

3. Ý nói thầy đã từng nổi tiếng là thầy thuốc hay.

4. Ý nói người vợ vọng đại ngẫu nhiên mắc bệnh nướ.

5. *Kim anh* : tên vị thuốc, đồng thời có nghĩa nay mắc chứng bệnh này.

6. *Chỉ thiết* : tên vị thuốc. Câu này ý nói : thật ra không phải bệnh nặng.



7. *Chứng ão* : tên vị thuốc, lại có nghĩa là đau óc. Câu này ý nói : đau óc và thương tổn đến lục phủ (vị, đởm, tam tiêu, bàng quang, đại trường và tiểu trường), ngũ tạng (lâm, can, tỳ, phế và thận).

8. *Phong phong* : tên vị thuốc, lại có nghĩa là kiếng gió. Câu này ý nói : kiếng gió và điều dưỡng tinh thần.

9. *Sứ quân* : tức sứ quân tử, tên vị thuốc. Ở đây dùng làm lời lơn kính đề gọi viên huyện Lợi Đồ. Câu này ý nói : xin dâng đơn thuốc lên quan lớn.

10. *Thạch tử* : tức thạch lựu tử, tên vị thuốc. Ở đây dùng nói về họ của Đạo Toàn. Câu này ý nói người con nhà họ Thạch xin lui về nhà tranh.

### *Điều thị viết :*

Thiếp liễu thơ Điều thị, phu Chủ Lợi huyện quan.  
Chánh viên đã có hồng loan (1).

Nên là chiếu tới cam bẽ thiên hỷ (2).

Người ta nói rằng : trai năm thê bảy thiếp.

Chớ tới nghĩ lại, bảy thiếp năm thê thì nói vậy.

Một chình hai gáo gấm thêm gay,

Rất đối là, bát trong sóng còn động thay,

Tôi muốn, cớ về tay cho dễ phất.

Đã đành phận chử, phải linh mưu sáu ;

Rày nghe hấn (3) bệnh đau, có rước thầy tới chữa.

Thuốc kia đã sẵn chữa độc nọ kẹp tráo vào (4).

Ở thầy Thạch Đạo Toàn này, tao nói thiệt,

Thuốc dầu có thạch cao, gờ sao ra bã đậu (5)

Danh mi dầu mang xấu, thân tao mới dặng an.

Cơ quan đã sẵn cơ quan, tiêu tức sẽ chờ tiêu  
tức (6) a.



### *A hườn viết :*

Phu nhưn bệnh ngặt bệnh ngặt, qui thể chẳng an  
chẳng an ;

Thuốc mới uống một thang, bệnh tả liền mười thứ,

Chú thích :

1. *Chanh viên* : ý nói cung bản mệnh có ngôi sao tốt chiếu thẳng vào. *Hồng loan* : tên ngôi sao. Theo *Tử vi đẩu số*, nếu số phụ nữ được sao Hồng Loan chiếu thẳng vào cung bản mệnh, thì sẽ lấy chồng quyền quí và đứng ngôi vợ cả.

2. *Tu chiếu* : ý nói ngôi sao tốt đứng lệch về một bên chiếu vào. *Thiên hỷ* : tên ngôi sao. Nếu người nào có sao Thiên hỷ chiếu lệch vào cung bản mệnh thì lấy chồng sẽ phải làm vợ lẽ.

3. *Hán* : đại danh từ : Ở đây chỉ Thạch thị, vợ cả Lợi Đờ.

4. Hai câu này ý nói : thuốc độc đã chứa sẵn, kíp đem trộn vào thang thuốc của Bạch thị uống.

5. *Thạch cao* : thứ thuốc mát, có tác dụng làm cho trong bụng ôn hòa khoan khoái. *Bã đậu* : thuốc độc, có tác dụng làm cho người uống đi tả.

6. *Cơ quan* : mẫu chốt cần thiết. *Tiểu tức* : tin tức.

Hai câu này ý nói những thứ cần thiết đã chuẩn bị sẵn sàng, chỉ chờ có tin tức thuận liền là thi hành.

### *Lợi Đờ viết :*

Chau ơi ! Vãn lai biến sự, làm thậm kinh nghi (1)

Thống hận nề dung ý, ải ta hồ biên phụ (2) !

Phu nhân ơi ! Đau lầy lắt lờng đờ tốc dữ (3).

Ài di, thuốc lạng xằng đến nỗi quyền sanh (4).

Quân nhân ơi, vậy thời, bị mợc quan tống đảo giai  
thành (5)

Tuân cõ lệ quyền nghi thảo lãnq (6).  
Đề lại trát sở lại thí chung lĩnh trạng (7).  
Nã Đạo Toàn đảo án tra minh (8).

*Lệ mục (9) viết :*

Tôi nay cầu quán, làm việc Tô Châu (10).  
Ở lĩnh đã mốe đầu, việc quan thời nhay miệng.  
Quán ta đi hề. Vãng lời cửa huyện, tôi bắt nhà thầy  
Vi thuốc bắc quá hay nên chúng con phải đỡ.  
Quán lấy cột nhà đóng gông lãn lại

**Chú thích :**

1. Ý nói nghe biết việc tại hiễn, trong bụng rất kinh sợ và ngùi ngừ
2. Ý nói giận cay đắng đưa thầy thuốc ngu xuẩn, thương xót người vợ hiền lành.
3. *Tốc dĩ* : chóng khỏi.
4. *Quyên sinh* : bỏ mất tính mệnh.
5. Ý nói chuẩn bị áo quan đưa ra ngoài thành.
6. Ý nói theo lẽ cõ mà chõn cất một cách qua loa.
7. *Đề lại* : một viên chức đứng đầu hàng lại trong các nha môn. Câu này ý nói : viên tri huyện Lợi Đỗ bảo viên đề lại hạ trát cho bọn lỏng lý sở lại bắt khai rõ tình trạng sau trước của thầy thuốc Thạch Đạo Toàn.
8. Ý nói bắt Đạo Toàn đến nha môn giữ việc hình án để tra xét cho rõ ràng.
9. *Lệ mục* : một viên chức đứng đầu hàng tao lệ. Sau này ta thường gọi là đội lệ.
10. *Cầu quán* : bắt hỏi giam giữ người bị cáo. *Tô Chấn* : tên một huyện. Thời nhà Tống, huyện này ở phủ Bình Giang (Trung Quốc).

**Cháu thi viết :**

Ông ơi ! Điều đầu vô cớ, lụy đến thâm linh :  
Như vợ chồng ta, lòng trung phu dốc giữ một  
lành (1).  
Ơi mần răng mà, họa vô vọng bỗng rơi nửa bắc (2).

**Đạo Toàn viết :**

Ta làm thuốc đầu có căn, có cớ đó l  
Để mớ người ta lại không biết. Như việc nì là :  
Bởi vì ai khiếm thiết, xui cho mỗ kiến sâu (3).  
A thôi, nề đảng thã vong ưu, lại gia nghi phòng  
kỷ (4).  
Như ta, lành dữ phải lời sản quán tử (5) ;  
Phải chăng đã có cửa oai linh (6).  
Nỗi sự minh muốn tỏ huyền minh (7).  
Theo quán chúng trông chừng củ mạch (8).

**Chú thích :**

1.2. *Trung phu, vô vọng* : tên hai quẻ trong lục thập tứ quái (Chu dịch). *Lòng trung phu* : lòng ngay thẳng. *Họa vô vọng* : không làm việc gì cần giữ mà mắc tai vạ.

3. *Khiếm thiết* : tên vị thuốc, lại có nghĩa là gian dối, thiếu thật thà. *Kiến sâu* : tên vị thuốc, lại có nghĩa là gặp phải sâu khổ. Hai câu này ý nói : vì có người nào đó trong bụng kém thật thò (tức là Điều thi) nên làm cho ta gặp sự sâu khổ.

4. *Vong ưu* : tên vị thuốc, lại có nghĩa là quên lo. *Phòng kỷ* : tên vị thuốc, lại có nghĩa là giữ mình. Hai câu này ý nói : bọn chúng mày (chủ vợ con) hãy quên sự lo lắng, ở nhà cần phải giữ mình.

5. *Quán tử* : tức vị thuốc Sứ quán tử. *Sản quán tử* dịch chữ « quán tử đình ». Dẫn điển Ngũ và Nhuế tranh nhau ruộng:

đất, đem nhau kiện ở cửa vua Văn Vương nhà Chu. Khi đến nơi, hai người đều cảm phục đức hóa Văn Vương. Họ bảo nhau rằng: « Chúng ta là liều nhân, không dám bước chân vào sân người quân tử ». Thế là từ đó họ không kiện nhau nữa (*Sử ký*). Câu này ý nói: việc dù lành dù dữ phải tại sân người quân tử để nhờ xét xử.

6. *Oai linh*: tên vị thuốc, lại có nghĩa là oai quyền. Câu này ý nói việc phải hay trái đã do người có oai quyền xét xử.

7. *Huyền minh*: tên vị thuốc, lại có nghĩa là: u ẩn, không rõ ràng. Câu này ý nói: muốn bày tỏ sự u ẩn về việc này, để quan trên rõ.

8. *Cù mạch*: tên vị thuốc, đồng thời có nghĩa là con đường. Câu này ý nói: theo quân lính (chỉ bọn lính lệ) lên thờng đến cửa quan hầu kiện.

### *Văn viết:*

Quân chúng trông chừng cù mạch,  
Việc ở mình dám trách nhưn ngôn (1)  
Mấy trùng lách dậm thiên môn (2).  
Mưa dầm tử thảo, nắng un lộ qui (3).  
Sự tình ai kể dự tri (4).  
Trông cho tức tưng tiện bề hồi hương (5).

### *Thạch Hữu Quang viết:*

Mở nay Thạch thị Hữu Quang, thợ nghiệp Tô Châu,  
bình bị (6).  
Như ta tài cử danh Hạng Vương khá ví (7),  
Sức sử chùy Nguyên Bá lắm so (8);  
Mới vừa làm luỗi đầu, ước địch trăm quân tráng  
Cha ôi! Cảm thàn phụ mắc vòng hoạn nạn,  
Vì ô quan gây thừa họa tai (9),



**Việc ấy còn kiêng phép nước (10)**

**Tôi ngỗ thầy định đoạt, họa thương lở châu toàn (11)**

**Hề quan thời lại vị quan, lòng thế phải toan mượn  
thế**

**Chú thích :**

1. *Nhơn (nhấn) ngôn* : lên vị thuốc, đồng thời có nghĩa là lời bàn tán của người ngoài.

2. *Thiên môn* : lên vị thuốc, đồng thời có nghĩa là cửa trời, tượng trưng cho cửa nhà vua. Ở đây mượn ý để nói về nhà môn.

3. *Tử thảo lộ qui* : lên hai vị thuốc. Câu này ý nói : trong lúc đi đường bị mưa nắng nhiều. Mưa làm ướt đầm cây cỏ lìa, nắng làm nung nấu cây qui.

4. *Dự tri* : biết trước. Ý nói sự việc xảy ra (chỉ việc kiện tụng) ai là người có thể biết trước được.

5. *Tức tụng* : chấm dứt việc kiện cáo. *Hồi hương* : lên vị thuốc, đồng thời có nghĩa là về quê. Câu này ý nói : chỉ mong chấm dứt việc kiện cáo để trở về quê quán.

6. *Thạch Hữu Quang* : con Thạch Đạo Toàn. *Tập (thụ) nghiệp* : theo học. Câu này ý nói : Lý Thiệu Cơ giữ chức Hình bị ở Tô Châu, mà Thạch Hữu Quang là học trò Thiệu Cơ.

7. *Hạng vương* : tức Hạng Tịch, người thời Hán Sở. Hạng có sức khỏe phi thường (một tay có thể nhắc nổi cái đỉnh), đã từng đánh nhau với Lưu Bang nhà Hán để tranh thiên hạ.

8. *Nguyễn Bá* : người thời Xuân thu, khi ra trận thường sử dụng đôi chùy nặng hàng ngàn cân để đánh giặc.

9. *Ô quan* : viên quan tham nhũng đục khoét, ăn bẩn. Ở đây dùng để chỉ Lợi Đổ.

10. *Kiên* : kiêng ngại, kiêng nể. Câu này liên với câu trên, ý nói : sức mình muốn chống nhau với trời cũng không ngại, chứ có ngại gì viên huyện nhép, nhưng còn kiêng ngại phạm vào phép nước. Tác giả có ý đặt câu này để dẫn đến câu sau, bất đắc dĩ phải nhờ thầy dạy học đi điều đình giúp.

11. *Thần* : tức Lý Thiệu Cơ.

*Tổ* : tức là Thạch Hữu Quang tự chỉ mình.

*Châu toàn* : trọn vẹn xong xuôi

*Lý Thiệu Cơ viết :*

Quyền Tô Châu binh bị, mở nay Lý Thiệu Cơ  
Như ta, tuy xuất thân võ cử lí vi (1),  
Thời mặc lòng, thương hữu chí trượng phu lỗi lạc.

*Thạch Hữu Quang viết :*

Đa, dám bày lời kẻ hát, ngửa trông lượng hải  
hà (2),  
Cha già mắc phải tai ba, trẻ dại không lường lẽ một,  
Những tưởng thuốc linh thời đã tột.  
Hay đâu nước lũ khuấy uên hồ (3).  
Tôn sư ời! Xin quý gia thương kẻ vô cô (4),  
Qua huyện doãn giúp lời phương tiện (5).

*Thiệu Cơ viết :*

Này! Nóng ruột khéo gây nên chuyện,  
Sinh tai (6) nghe cũng thương tình,  
Nhưng vậy mà, e chòm mây dễ áng trời xanh (7),  
Dầu thầy qua đó, sợ tắc bóng khó soi hang kín,  
Vả, liễu hơn nó thừa hơn chi nguy, lợi hơn  
chi tai (8),  
Sợ cha già đau chơn bả miệng, vì nhà người, gắng  
sức giúp lời  
Vậy thời, dủ dề tử đồng lai, dáo nhà môn phòng  
vấn (9).

**Chú thích :**

1. Ý nói đỗ khoa thi võ rồi làm quan chức nhỏ.
2. *Kẻ hát* : kẻ nói. *Lời kẻ hát* : lời nói nóng cạn.  
*Lượng hải hà* : độ lượng rộng rãi như sông biển.

3. Ý nói việc không có tang chứng gì mà thành tội.

4. *Qui gia* : người cha yêu quý.

*Kẻ vô cớ* : người không có tội.

5. *Huyện doãn* : tức viên lệnh doãn của huyện (tri huyện).

*Phương tiện* : danh từ nhà Phật, nghĩa là phương pháp tiện lợi.

Câu này ý nói : đến cửa quan huyện tìm phương pháp khéo léo mà nói giúp cho công việc được ổn thỏa.

6. *Sảnh tại* : không may lắm lỡ mà mắc phải tai nạn.

7. Ý nói lòng đen tối như chòm mây che lấp mất lòng quang minh chính trực.

8. *Lợi nhưn chỉ tại* : mưu lợi cho mình nhưn người gặp tai nạn.

9. Câu này ý nói : thầy và trò cùng đi lời nhà nọn mà hỏi thăm sự việc cho rõ.

### *Lợi Đờ viết :*

Đề lại | đề lại khám tường thứ an, Đạo Toàn ngục  
qui hồ sơ (1).

Hễ là cửa nhà môn cao lễ dễ thừa,

Nhà đao bút lấy tang luận tội (2).

### *Quán báo viết :*

Bầm ông, có quan Binh bị qua thăm ông.

### *Lợi Đờ viết :*

Hửy a, quang lâm phủ nội, thỉnh nhập trường  
gian (3).

Thưa ngài, văn võ diệc đồng bàn (4)

Nay ngài qua đây chẳng hay công tư hà thạm sự (5) ?

### *Thiệu Cơ viết :*

Qui huyện trung niên táng trợ (6),

Nói rằng : Đạo Toàn ngục được sai nhân (7), uớ có a ?

## **Lợi Đồ viết : Cò mà**

### **Thiệu Cơ viết :**

**Như Đạo Toàn ni, tăng văn quốc thủ tội thần (8).**

**Mà, khởi hữu lương phương trí ngộ (9), mà rửa.**

#### **Chú thích :**

1. Ý nói để lại khám xét rõ án văn việc này, việc hình ngục Đạo Toàn là phải dựa vào các giấy tờ cung chứng.

2. *Nhà dao bút* : chỉ những người làm thơ lại giữ văn án, hồ sơ trong các nha môn (ngày xưa viết chữ vào thẻ tre, nên người thơ lại phải có con dao và ngòi bút, để lúc nào viết sai thì dùng dao cạo sạch và viết lại chữ khác). Lấy tang luận tội : căn cứ vào tang chứng để buộc tội can phạm.

3. *Quang lâm* : danh từ tôn xưng người khách vào bậc cao quý đến chơi nhà mình. Câu này ý nói : được khách quý đến nhà chơi, làm cho cửa nhà thêm phần sáng sủa, xin mời vào trong nhà.

4. *Văn* : giữ công việc hành chính — Lợi Đồ tự xưng.

*Võ* : giữ công việc quân sự — chỉ Lý Thiệu Cơ. Câu này ý nói : quan văn và quan võ cũng có thể ngồi cùng một chiếu với nhau được.

5. Câu này ý nói : không rõ ngài đến đây hỏi về việc gì, công hay tư.

6. *Trợ* : tức « nội trợ », chỉ vợ. Câu này ý nói : tuổi vừa trung niên mà vợ đã chết.

7. *Ngộ được sát nhân* : bốc Jân thuốc mà thành ra giết người.

8. *Quốc thủ* : danh từ dùng để khen người chuyên về một nghề nghiệp giỏi nhất nước. Câu này ý nói : tội lắng nghe đồn Đạo Toàn là thầy thuốc giỏi, chữa bệnh thần hiệu, hơn tất cả các danh y trong nước.

9. *Lương phương* : phương thuốc hay. Câu này ý nói : có lẽ nào phương thuốc hay mà lại đến nỗi sai lầm.



### Lợi Đổ viết :

Thưa ngài, sách có chữ : « Được năng cứu nhưn,  
y năng sát nhưn » (1)

Thuốc gã bỏ vào bã đậu, bệnh người khó nổi ký  
sinh (2) ;

Tích tang nghiệm đã đánh rành, linh lý dám đầu  
tư vị (3).

Thưa ngài, ngoại cảm khởi năng sâu tử (4),

Chẳng qua là, hạ đa tức trí vãn sinh (5).

Nhưng ngài đã qua đây, nghĩ niên cao cho đó  
thực linh (6).

Vì quí diện nên đây giảm đẳng (7). Chừ ngài phải  
biền vợ con bản :

Bạc chạy đủ ba mươi lạng, giam ngoài đỡ một  
lại ngày,

Đệ án bầm thương dài, tư sách giao Hình bộ (8).

#### Chú thích :

1. Câu này ý nói : thuốc có thể cứu sống người, nhưng thầy thuốc có thể giết chết người.

2. Ký sinh (sinh) : mong sống được.

3. Tích : dấu vết, tang : lúc tang chứng. Linh : tức linh riêng ; lý : lẽ công bằng. Câu này ý nói : xét nghiệm dấu vết đã có tang chứng rõ ràng, dám đầu lấy linh riêng mà vì nề riêng tây, để trái lẽ công lý được.

4. Khởi năng sâu tử : có lẽ nào chết một cách nhanh chóng.

5. Hạ đa tức trí vãn sinh : tất những vị thuốc tả nhiều thì người bệnh đến phải chết.

6. Niên cao : thương hại đã nhiều tuổi. Thực hình : một điển mực của hình luật cổ — dùng liền của đề chuộc tội.

7. Quí diện : nề mặt. Ý nói nề mặt quan Bính bị. Giảm đẳng : đánh từ trong hình luật cổ, nghĩa là xử nhẹ bớt đi một vài bậc.

8. *Thượng đài* : dâng lễ cử quan chức vào hàng cao cấp.  
Ở đây chủ viên quan tỉnh Giang Tô lúc bấy giờ: Vi Lợi Đồ giữ chức tri huyện Tô Châu, thuộc dưới quyền viên quan tỉnh này.  
*Hình bộ* : một đơn vị trong sáu bộ ở kinh sư, chuyên coi việc hình luật. Câu này ý nói: đem án văn việc này bẩm lên quan tỉnh sẽ gửi danh sách ấy vào bộ Hình xét định.

### *Thiện Cơ viết :*

Thưa, cảm tình chiểu cố, giả mặt phản hồi (1).  
Hữu Quang, thầy đã nói hết lời, nhưng mà,  
Cháu úp ý khôn soi (2), hùt sa đà khá gở, di con.  
Vạy thời thời, đủ mười lượng, hạc thầy tư trơ,  
Thiếu hao nhiều, của tứ du lo :  
Tời huyện đã giúp cho, về nhà mau loan lấy.

### *Cháu thị viết :*

Hà! hợn đầu, khiến nỡ với sông dầy,  
Oan này, gây sáu tháng sương bay (3).  
Đã cho con tời cây thầy, khôn biết chồng may  
khỏi tội.

### *Hữu Quang viết :*

Dạ, cháu chống xe (4) chẳng nổi, cờ tưng nước  
phải thua,  
Cátu sư gia (5) có dạ du lo, giúp Thạch thị dương  
con thất ngặt.  
Thầy cho con mười lượng bạc, thầy lại dạy rằng :  
Ba mươi lượng phải đem tận mặt,  
Một hai ngày ắt đứng rảnh chơn (6).  
Thầy đã dặn đó ần cần, con phải về đây báo đạo (7)

**Chú thích :**

1. Câu này ý nói : cảm ơn sự trông nom giúp đỡ xin từ tạ để trở về.

2. *Chậu úp* : dịch chữ « phúc bồn », dùng để tượng trưng cho tối tăm.

*Chậu úp ỷ khôn soi* : ý nói đem cái chậu úp vào một chỗ nào đó, thì chỗ đất ấy ánh sáng khó có thể soi tới được. Cũng ví như người ta khi bị lòng đen tối mù mù quáng, thì không biết được lời nói phải nữa.

3. *Sáu tháng sương bay* : dẫn điển « Trâu Diên hạ ngục, lục nguyệt phi sương » (sách *Thái bình ngự lãm*), nghĩa là người Trâu Diên bị tội oan, phải giam trong ngục, thành ra trời đất cảm động, mà tháng sáu có sương bay.

4. *Chấu chống xe* : dịch chữ « đường ti đương xa », nghĩa là con bộ ngựa giờ tay chống lại bánh xe. Ý nói không lượng sức mình bé nhỏ mà dám chống lại đối phương có sức mạnh.

5. *Sư gia* : thầy dạy học. Câu này ý nói : cảm ơn thầy học đã có lòng lo lắng giúp đỡ trong khi hoạn nạn.

6. *Rảnh chán* : Ở đây ý nói được tự do, không phải gồng cùm nữa.

7. *Báo đạo* : ý nói báo cáo cho mẹ biết.

**Cháu thi viết :**

Con ơi ! Như mẹ con ta chừ  
Nước không một gáo lửa có muôn xe (1),  
Như gia đạo người ta, nát giở hãy còn tre,  
Chớ như gia đạo mẹ con ta, rạn sành sao ra mỡ.  
Thời, việc không nên một thuở, họa ải đến ngàn đời,  
Ngóng cổ kêu, kêu chẳng thấu trời,  
Còn, óm bụng tình, tình không ra được.

### *Thạch Vô Hà viết :*

Thưa mẹ, trẻ xin dâng một chước, già ngô bở  
bạ lo (2).

Vả con chẳng chút phận liễu hồ (3),  
Thương cha luống mắc vòng giá (4) sở (4).  
Việc ni, một lú tổn của, hai nữa thiệt thân;  
Vầy thời, xin đem con kiếm chốn dợ dần,  
Ngô dặng của chước nơi ràng buộc (5).

#### **Khảo dị :**

a— Cả hai bản A và B đều chép mắc vòng hạ sở. Chúng tôi cho là cả hai bản đều phiên âm sai, vì danh từ này xuất xứ từ sách *Lễ ký*. Theo phần tiên chú trong sách ấy, từ chữ này phải đọc âm là « giá » nên chúng tôi chữa lại cho được đúng âm.

#### **Chú thích :**

1. Câu này thoát ý câu nói của Mạnh Tử : « Một gáo nước khó lòng cứu được một xe lửa ». Ở đây ý nói : nước không có một giọt, nhưng lửa lại có hàng ngàn xe, thì tình thế nguy cấp hơn.

2. *Bạ lo* : lo cho cha phải tù tội, lo cho trong nhà nghèo túng và lo cho mình là phận gái.

3. *Liễu hồ* : loài cỏ yếu ớt, xan ngon thường dùng để ví với thân hình người phụ nữ.

4. *Giá sở* : hai thứ cây, đời xưa thường dùng làm roi để đánh những người phạm tội.

5. *Nơi ràng buộc* : Nơi gông cùm trói buộc, tức nhà tù.

### *Cháu thị viết :*

Ừ! Ai lừng cật ruột, mị biều dành lòng;  
Thối, thối với nhau một cửa chung cùng,  
Nỡ khiến trẻ riêng mình lưu lạc.



*Vô Hà viết :*

Thưa mẹ, gặp con tráo chác (1), sao đặng vuông tròn  
Như con là, tóc tơ chưa trả nợ nước non.  
Son phấn quyết giầy nơi gió bụi  
Nếu lắm lời riêng tôi, thêm đau da buốt bông;  
Con nói thiệt, mẹ dầu chẳng ưng lòng,  
Con nguyện không thấy mặt (2).

*Cháu thị viết :*

À, con đã quyết chác, mẹ phải đánh liều:  
Cắt ruột rà chẳng đã phải theo, chia máu thịt nghĩ  
đau quá đôi  
Chừ, biết ai hầu đem mối, dặng kiếm chốn trao thân  
Trách lòng trời, khéo gây cuộc phân vân,  
Nhìn mặt trẻ, lưỡng đau lòng ly biệt.

*Mối ầu viết :*

Một nhà có việc, cả xóm giúp công,  
Thưa chị, gần gũi đây nghe cũng động lòng  
Thầy lay (3) phải tới nơi mách miệng.  
Có nhà Lâm Vượng, con gọi Ái Châu — Như nhà  
nở là,  
Văn chương tốt bực phong lưu, nghiên bút đương  
cầu, bạn tác  
Thiệt nhà nhiều tiền bạc, yêu người quá ngọc vàng  
Vây thời, đây về rồi cho trẻ kịp sang  
Hè đến đó mặc già biện liệu (4)



**Chú thích :**

1. *Trảo chước* : âm cổ, tức là biến cố xảy ra, không được như lúc bình thường.
2. *Nguyện không thấy mặt* : Ý nói sẽ trốn đi bản mình lấy tiền chuộc tội cho cha, thế nguyện không ở nhà để mẹ trông thấy mặt.
3. *Thầy lay* : âm cổ. Ý nói tráo lấy việc không phải việc của mình.
4. *Mặc giả biện liên* : đồ mặc giả này liên lời biện bạch.

**Cháu Thị viết :**

Ruột tâm thắt thắt, lòng kiến héo dần.

Cây đời Vượn lữ, cây tiếng gió thoi vơi,

Chim lạc ở phương trời sao xác.

Cảm chẳng cảm, chưa rời phòng thắc (1),

Thương ý thương, phút rẽ đường quan (2);

Đoạn ly kỳ nát một lá gạn, câu biệt hận rơi hai hàng lụy.

**Vô Hà viết :**

Thưa mẹ, nếu còn, bạn bậu, là khó nổi chia phôi

Nhà thời nghèo một đồng một chữ không có, lấy  
chi mà cứu cha con?

Vậy thôi, tuổi xanh đã cam phận tôi đời,

Bàn bạc mới khỏi nơi ràng rạt (3).

Xin mẹ, đoạn sầu khá gác, nỗi thâm xin người

Em (4), nghe chị dặn, cha mà có về thôi,

Ơn biển trời, em, tua khá đền bồi,

Chớ như chị là, phận bèo nước sả chi trôi nổi.

*Hữu Quang viết :*

Chị ơi ! Oan ức ầy khôn hề đòi chối,  
Còn, biệt ly ầy khó nổi phan phui (5)  
Vầy thời, dậm quan hà (6) một lạy xa xôi,  
Tinh thủ túc (7) hai phương rời rã.

**Chú thích :**

1. *Phóng thích* : buông thả.
2. *Dương quan* : do điển câu thơ của Vương Duy : « Tây xuất Dương quan vô cổ nhân », nghĩa là ra đến chốn Dương quan sẽ không gặp người cũ nữa. Ý nói nơi ly biệt phau.
3. *Ràng rạt* : cũng như nghĩa ràng buộc, xem số 5 trang 24.
4. *Em* : chỉ Thạch Hữu Quang; con trai Thạch Đạo Toàn và là em ruột Thạch Vô Hà.
5. *Phan phui* : biến âm chữ « phân phó » nghĩa là dặn dò than thở.
6. *Quan hà* : cửa ải và sông nước. Ý nói dậm đường xa xôi cách trở.
7. *Thủ túc* : tay chân, tượng trưng cho anh em, chị em.

*Cháu-thị, Hữu Quang biệt viết :*

Phủ vãn vô ngữ các tây đông.  
Chỉ thương đề quyền lụy nhiễm hồng (1).

*Vô Hà biệt viết :*

Dương liễu kiều đầu ly biệt thọ  
Lạc hơa vô ngữ oán xuân phong (2).

**Chú thích :**

1. Ý nói : trông đám mây nổi bay đi một cách im lặng, lúc bay sang tây, lúc bay sang đông, nghe tiếng chim quốc kêu trên cây nước mát nhuộm màu máu đỏ. Hai câu này tả nỗi buồn thầm sâu khổ trong lúc ly biệt.
2. Ý nói chia tay nhau ở chỗ đầu cầu có cây dương liễu ; oán trách gió xuân làm cho hoa rụng âm thầm.

*Hữu Quang vẫn viết :*

Xuân-phong lấm lũng chun xót,  
Đoạn-ly kỳ mấy giọt tuôn rơi.  
Trời làm chi cực bấy trời,  
Nào ai tráo chác, cho người hiệp tan !

*Châu thị viết :*

Khôn lớn tưởng định bề đôi lứa,  
Rủi ro xui ra phận tôi đòi ;  
Con ơi ! Nuôi mới vừa con mắt dương coi,  
Thương đau đứt lấm lòng chỗ đoạn.

*Văn viết :* Đau đứt lấm lòng cho đoạn.  
Lạc cửa người chiếc nhận bơ vơ.

Nuôi con kiếm chốn xe tơ,  
Tưởng là vậy hiệp, ai ngờ rẽ phân !

*Vô Hà viết :*

Xin mẹ chờ nhiều ngày đeo thắm,  
Liều con như trong thúng đút nôi (1).  
Giơ chơn một bước hơn mười lui, trơ mắt ba nhìn  
ra sáu giọt (2)

*Văn viết :* Trơ mắt ba nhìn sáu giọt,  
Nhận lạc bầu thánh thót đầu non.

Thà rằng liều một thân con,  
Huê dần lia cội lá còn xanh cây.  
Nước non này lừ dầy rời rã,  
Tắc cô liều lo trả ba xuân (3).



*Hữu Quang viết:*

Thưa thầy (4), bạc kia đã đủ, tội nọ xin dung,  
Nhờ thầy bầm vào trong, tha cha tôi khỏi đờ.

*Đề lại viết:*

Vậy thôi, ngân tử thâu đang khô, nể phụ phóng  
hồi trình (5).

Chú thích:

1. *Đứt nói*: âm cổ, dùng để nói về người dân phu bị xây  
Câu này nghĩa cũng như câu «cầm như chẳng đỡ những ngày  
còn xanh» (Kiều).

2. *Trơ mắt ba nhìn rã sáu giọt*: ý nói ba người (Châu thị,  
Hữu Quang và Vô Hà) nhìn nhau mà sa nước mắt.

3. Câu này thoát ý câu thơ của Mạnh Giao: tấm lòng nhỏ  
mọn như tắc cổ, khó lòng báo đáp được ân đức cao sâu của cha  
mẹ, như khi hậu ôn hòa của mùa xuân đã bồi dưỡng cho cỏ cây  
tươi tốt. *Truyện Kiều* có câu: Liệu đem tắc cổ báo đền ba xuân.

4. *Thầy*: ở đây chỉ tên đề lại.

5. Câu này ý nói: thâu nhận số bạc đem nộp vào kho và  
tha cho cha mày được lên đường trở về nhà.

*Bạo Toàn viết:*

Rày mừng lão ký sau, nhờ có con cam thảo (1)  
Con ơi! Thương nhĩ tử thảo cha đã trọn đạo (2),  
Bạch đầu ông (3) nhớ trẻ chẳng nguoi lòng.  
Thời, trường hiệp hoan bửu lưỡng nguyệt trong (4),  
Con, tình phụ tử (5), ngày lo tan tác.

*Hữu Quang viết:*

Xin cha hãy tạm lui nhà bạc (6),  
Đề cho con thẳng tới cửa son (7),  
Trước tạ thầy (8) tình nghĩa đặng tròn,  
Sau thăm chị (9) âm hao cho hần.



Chú thích:

1. *Kỷ sanh, cam thảo*: tên hai vị thuốc, *Kỷ sanh*: sống gửi; *Cam thảo*: hiệu thảo, ngọt bùi. Ý nói già này còn được sống ở trên đời là nhờ có người con hiệu thảo.

2. *Thương nhĩ tử thảo*: tên vị thuốc. Ở đây có nghĩa là thương mày là đứa con hiệu thảo.

3. *Bạch đầu ông*: tên vị thuốc. ở đây có nghĩa: ông già đầu bạc.

4. *Hiệp hoan*: tên vị thuốc. Ở đây có nghĩa: hội họp vui vẻ. Ý nói mỗi nhà thường trông mong cho cha con được hợp mặt.

5. *Phụ tử*: tên vị thuốc. Ở đây có nghĩa là cha con.

6. *Nhà bạc*: dịch chữ «bạch ốc». Ý nói cái nhà sơ sài, lợp bằng vỏ tranh trắng.

7. *Cửa son*: dịch chữ «châu môn». tượng trưng nhà sang trọng. Ở đây dùng để chỉ dinh thự quan Bình bị, chỗ đóng quân của Thạch Hưu Quang.

8. *Thầy*: chỉ Thiệu Cơ.

9. *Chị*: chỉ Thạch Vô Hà.

\*  
\*  
\*

Vô Hà ở độ với Ái Châu.

Lâm Vương rước thầy coi tướng.

Ái Châu đánh Thiết Chỉ và Vô Hà.

Lâm Ái Châu viết:

Từ đặng ả Vô Hà tảo vãn (1), đánh có người phòng  
thất sử linh (2).

Các con. Số là, nghe người đồn: «Thiết Chỉ tiên  
sinh»,

Rằng: «nọc quân ma y thần tướng» (3), nỡ có a?

*Thế nữ viết : Dạ, thưa cô.*

*Ái Châu viết :*

Vậy thôi, phó nề lai trang thượng, thỉnh tha đảo  
đường trung (4).

Vô Hà, Vô Hà tua thay đổi hình dung (5)

Tổ Châu. Tổ Châu khá sửa sang phong thể (6).

**Chú thích :**

1. *Tào vãn* : buổi sớm, buổi tối.

2. *Phóng thút sử linh* : sai khiến ở nơi buồng theo.

3. *Mơ y* : áo vải gai.

*Ma y thần tướng* : phép xem, tương thần hiệu của người  
Đạo sĩ hoặc áo vải gai (*Tương sơn dã lục*).

4. Ý nói truyền chơ máy đến nhà Thiết Chỉ tiên sinh, mời  
ông ấy đến nhà ta.

5. Ái Châu bảo Vô Hà ăn mặc làm giả Ái Châu.

6. *Phong thể* : bộ mặt mái tóc và đi đứng tỏ vẻ phong nhã.

*Tổ Châu, Vô Hà viết :*

Thưa cô, còn cộ thì tình nần rãng?

*Ái Châu viết :*

Mặc ta, ngã lự hữu chủ ý, khả thì dĩ kỳ phương (1).

Khi hỗn hào ta đánh lộn trông đen (2).

Dẫu mà lương sĩ có giới đi nữa là :

Trong biển huyễn cũng trương đòi mắt trắng.

*Lâm Vượng viết :*

Thưa mừng đạo nhơn,

Món liên hỷ kiến (3). Đường thượng cung nghinh (4).  
Cửu văn thần tướng đại danh, bệch đắc tôn nhan  
lợi kiến (5).

Vậy thời, ngũ toàn môn gia quyến, vọng thần nhân  
giám linh (6).

Vật khả ần tinh, tức đương trọng thưởng (7).  
(Vô Hà ra)

Huyền viết : Con đó (8) là con gái lớn của tôi  
Thầy coi màn rằng?

Chú thích :

1. Ý nói ta tự có ý nghĩ chủ định, có thể thi hành phương pháp kỳ dị được.

2. Ý nói ta sẽ lặn sông vào với bọn tôi Côi.

3. Ý nói tôi mừng được yết kiến đạo nhân ở trước cửa.

4. Xin mời thầy lên chơi trên nhà.

5. Ý nói đã lâu nay tôi được nghe đồn thầy nói tiếng là một người thần tướng, hôm nay lại may mắn được thầy qua bộ đến chơi nhà.

6. Ý nói tất cả gia quyến trong nhà tôi, xin thầy hãy đem con mắt thần soi thấu cho.

7. Ý nói thầy đừng giấu giếm tôi sẵn sàng thưởng công rất hậu.

8. Con đó : Làm Vương chỉ vào Ái Châu giả, tức Thạch Vô Hà

*Thiết Chi viết :*

Xinh a !

Kham hạ đại thơ qui tướng, chơn vi nhứt phẩm  
phu nhơn (1).

Song mi liệt tinh thần, lưỡng giác loan nhật  
nguyệt (2).

Thỉnh như hạc yết, nhân tợ phụng trình (3).



Trình thực tình tình, u nhân thể diện (4)

Thưa viên ngoại (5), có một điều

Hiềm sơn căn thiếu đoạn, giữ khẩu giác khiêm  
khoan (6).

Bởi rừa cho nên, sơ dẫu vị miễn gian nan (7).

Chớ, trung vận tất nhiên vinh qui (8).

Phu, chủ công hầu chi vị tử tôn thế lập chi vinh (9).

Ấy đó, bôn mặt dĩ phan minh, hảo vi chơn bất  
sáng (10).

(Tò Châu ra).

### Lâm Vương viết :

Con đó là con út thôi

Chú thích :

1. Ý nói : đáng mừng tương quý của cô gái lớn, thật là một vị nhất phẩm phu nhân.

2. Ý nói hai mí mắt lộ vẻ tình thắm, hai bên môi tròn như vòng mặt trời, mặt trăng.

3. Ý nói : liếng nói trong như liếng chim hạc, con người sáng như mồi chim phượng.

4. Ý nói : Linh linh ngay thẳng hiền hậu ; thàn thê và nét mặt đầy đặn, dịu dàng.

5. Viên ngoại : Ở đây chỉ Lâm Vương.

6. Hiềm : đáng tiếc. Sơn căn thiếu đoạn : sống mũi hơi gãy.

Giữ khẩu giác khiêm khoan : và miệng không được nở nang lắm.

7. Sơ dẫu vị miễn gian nan : lúc niên thiếu không tránh khỏi vòng gian khổ.

8. Ý nói từ thời vận giữa thê ất là vinh hiển phú quý.

9. Ý nói chồng làm đến tước công, tước hầu quyền cao chức trọng, con cháu được nối đời lập ăm làm quan

10. Ý nói đầu đuôi gốc ngọn đã rõ ràng, thật là không sai mảy may nào cả.

*Thiết Chi viết :*

Tiền thơ thơ qui trang, thị biểu biểu khả quan (1).  
Ngũ nhạc đoan trang, tam đình bình đẳng (2). Ai đi,  
Con mắt rõ ràng đen trắng, nước da nhấp nháy  
đỏ vàng;  
Nét cười nét đứng chững chàng, tiếng nói liếng cười  
kin đáo.  
Thưa viên ngoại : Như cô ni, suu có lấy chồng chắc là :  
Phu phu bách niên giai lão, hoàng phong nhị phẩm  
phu nhân ;  
Nề lương lai thức ẩm hôn thân, loán lại thử đại  
thợ nhất vị (3).

*Lâm Vương viết :*

Xin thầy coi mấy đũa li tất ra màn răng.

*Thiết Chi viết :*

Như mấy đũa ni, nhất tề chúng li, lỏng thì làm  
thường (4)  
Nhược năng y báo phu nhân, chung diệc bất khuỷ  
y thực (5).  
Hủy này lại Con kia (6), mi xê ra ta coi !

**Chú thích :**

1. *Tiền thơ* : (thư) : người con gái 11 tuổi. Câu này ý nói :  
Trạng mạo (lĩnh dáng, mặt mũi) của cô út bộc lộ rõ ràng, thật  
đáng khen là tốt.

2. *Ngũ nhạc, tam đình* : danh từ trong sách xem tướng.  
*Ngũ nhạc* : trán, hai gò má, chót cằm và chót mũi ; *tam đình* :  
thượng đình, trung đình và hạ đình. Từ chần tóc đến giáp lông

này là thượng đình từ giáp lông mày đến chót mũi là trung đình, từ chót mũi đến chót cằm là hạ đình.

3. Ý nói sau này nhờ phúc đức nhà chồng được vinh hiển, là hoàn toàn nhờ vào cô gái lớn này (chỉ Á Châu giả, tức Thạch Vô Hại).

4. Ý nói toàn là bọn phải nương nhờ vào người khác và đều là hạng người tầm thường.

5. Ý nói nếu được nương dựa vào phu nhân (chỉ Trương thị, vợ Lão Vương) thì chung qui cũng không đến nỗi đói rách.

6. Con kia: ở đây chỉ Á Châu, lúc ấy đang lộn sòng vào bọn tôi tớ gái.

Bĩ quyền trung thời xuất, duy thử nữ thậm kỳ (1);  
Diện mạo thiêu oai nghi, tinh tình đa khắc bạc (2).  
Lưỡng quyền cao sát, tất chủ hình phu (3).  
Son căn đoạn lưu, nan chiêu nữ lý (4).  
Yên như bài liễu, hân diện vô nghi (5).  
Mục tợ là huy, xú thịnh (a) nan miễn (6). Như con nít,  
Bất tác thanh lâu chi tiện, tất bạo khát cái chi phu (7).  
Thử nữ sắc bạc khí phú, nan miễn tam cửu chi số (8).  
Thưa, qui trạch đa thổ lộ, bạc ngũ kíp hồi qui (9).

**Khảo dị:**

a — Bản B chép: Mục tợ tả huy, cú thán oan miễn.

**Chú thích:**

1. Ý nói trong bọn này nảy ra một con bé rất lạ lùng.

2. Ý nói mặt mũi thiêu vẻ đoan trang, tinh tình phần nhiều ác nghiệt và tệ bạc.

3. Ý nói hai gò má cao, tất nhiên sát chồng.

4. Ý nói sống mũi gãy, bố nhà có con cái.

5. Ý nói: Lưng như cây liễu rủ, tất phải nghèo hèn.

6. Ý nói mặt như mặt (trò) tà, khó tránh được tiếng xấu.

Bốn câu trên (3 — 6), dùng toàn thành ngữ trong sách xem trước.

7. Ý nói (sau này) nếu không làm nghề để tiền ở lâu xanh, thì ai phải lấy người chồng ăn mày.

8. Ý nói con bé này sắc mặt mỏng manh, trong bụng rỗng bụng, nên đến năm 27 tuổi, khó lòng tránh khỏi tai nạn.

9. Ý nói ở nhà ngài tôi đã thế lộ lết lết, nay tôi xin trở lại nhà riêng.

*Ái Châu viết :*

Bớ Hanh ! Bớ Quế !

Bảo mấy đứa chúng bay, theo năm đầu tháng chạp (1).

*Thiệt Chỉ ban viết :*

Đàn bò hung quá ngựa quá ngựa !

Thầy tướng chạy đăm bò đăm bò !

Mau nhẹ gót cho khỏi loài khắc bạc, khắc bạc.

Nếu chạm chân mắc phải lũ hồ đồ, hồ đồ !

*Ái Châu viết :*

Thề nữ ! Lấy roi ! Bớ bà nhất phẩm phu nhân (2).

Tôi hỏi bà :

Kim đạo nhân như thử man khi (3).

Là tại cha mẹ tôi, nề gia mã chúc tha xỉ mại (4).

Xin bà nằm xuống đây.

Bất : hất phiến thông dả, nan tây liễu thâm cừu (5).

*Loan viết :* Tự nề tấn môn, hà xứ kiến ngô khuyển  
bạc- (6) ?

Giữ ngô cộng sự, vậy chớ thùy nhâm tổ ngã khinh  
khi (7) ?



**Chú thích :**

1. *Thằng chả* : thằng cha ấy. Chỉ thầy tướng Thiết Chi.
2. *Nhất phẩm phu nhân* : chỉ Thạch Vô Hà. Câu này là Ái Châu nhắc lại lời đạo sĩ đoán tướng Vô Hà. Glọng nói tỏ vẻ mỉa mai.
3. Ý nói nay người đạo sĩ mang mở khinh khi ta như thế.
4. Ý nói (là bởi) cha mẹ mày dạy nó sỉ nhục ta.
5. Ý nói nếu không đánh đòn cho mày một trận, khó mà rửa được cái thù sâu của ta.
6. Ý nói từ khi mày đến cửa nhà này mày đã thấy ta ác nghiệt ở chỗ nào.
7. Ý nói là những lúc mày cùng ta làm công việc, có thấy ai nói là ta khinh bỉ chúng mày không?

*Vô Hà viết :*

Trăm lạy cô, ngàn lạy cô, như ra cơ sự nì là ;

*Loạn viết :* Sơ thì thôi trang, là tôi,

Phụng tôn mạng hoán lại thanh phục (1)

Trung gian lộng xảo, ăn quí dung tạp bỉ tỳ nhi (2).

Bởi rửa cho nên đạo nhân người coi tướng không ra :

Cốt tướng vi vi, diện lý bất phân quí tiện (3) ;

Ý thường sờ sờ, khẩu đầu loạn đạo nghiên xuy (4).

*Ái Châu viết :*

Hèn chi người ta nói « có khôn thì có ngoan », bà  
nhất phẩm phu nhân khôn thiệt mà ! Có phải à :

*Loan viết :* Bỉ thử đồng cư, nề gia mà chúc linh  
nhục mạ (5),

Còn mi, sơ lai đường đột, thử tiện li bài chiết  
thị phí (6).

### **Trong thị viết :**

Bờ con ! Con đòi cô biết chi, lão thầy coi nói vậy :  
Cha mẹ nó có đầu rúi quấy, tôi là người há dám  
chú cao.

Con chớ khá hanh hao (7), mẹ bảo đừng láo bạo.  
Giận rận nỡ nào đốt áo, bắt bẻ đánh con sao lành.  
Thôi, con trê khá niệm tình, đem nhau vào mà nghỉ...

#### **Chú thích :**

1. Ý nói lúc đầu lên bắt phải cải trang, là tôi vắng mệnh lệnh của cô, thay đổi mặc quần áo đẹp.

2. Ý nói đến giữa chừng cô muốn về chuyện, mới ăn lấp thân thể qui bầu trả trộn vào trong đám con đòi.

3. Ý nói cốt cách và hình dáng người ta rất là nhiệm nhai, trông ngoài mặt không thể phân biệt được kẻ sang người hèn !

4. Ý nói chỉ thấy áo xiêm lộng lẫy, đưa đầu lưỡi nói bậy sự tốt xấu lòng người.

5. Ý nói nhà nó cùng nhà mày ở gần nhau, nên cha mẹ mày ghen nó chiếc mắt.

6. Ý nói đưa con đòi đời này bày vẽ ra sự phải trái, tuy mới đến đây mà dám xúc phạm đến ta.

7. Hanh hao : ăn cô, nghĩa là nóng nảy.

..

...Thầy chùa đổi thế, Kim Ngọc và  
Dữ Đức phản hồi quê hương.

### **Dữ Đức viết :**

Như cậu tôi, rúi ro lường gửi xương cho đất,  
Nhưng mà, may mắn như đánh bạc với trời.

Sống thác cây quẻ người, đời no nhờ đất khách.  
Ai đi, chưa hẳn bạc đã không bốn vách,  
Còn cậu tôi, bệnh trầm kha-(1) lại giáp ba năm.  
Đoái tư bề tổng thị thương tâm (2),  
Ấu là, thừa cùng lử tảo đồ qui kế (3), (a).

**Chú thích :**

1. *Bệnh trầm kha* : bệnh nặng, lâu ngày không khỏi.
2. *Tổng thị thương tâm* : tất cả đều là đau lòng.
3. *Tảo đồ qui kế* : sớm lo toan kế hoạch trở về.

*Kim Ngọc viết :*

Từ thuở giang tân thoát tử, bấy lâu sơn tự dung  
thần.  
Nhờ thuốc tiên cứu vãn linh thần,  
Nhưng mà, mang chứng quý (1), thẹn cùng nhân vật.  
Song thân ối hai thân khó hỏi hau miền thủy  
quốc (2).  
Một tờ nhờ nuôi dưỡng chốn vân am (3),  
Kể lần hồi tỉnh đã ba năm, mang thơ thần chưa  
lành một lật.  
Ứng ai chư phương phật, ơn chín trời mười phật,  
Cứu nạn sĩ-siêu sinh (4). Tôi nói thật,  
Sau nhẵn đầu gặp vận thái bạch (5),  
Lòng khẩn nguyện sùng tu phạm võ (6).

*Dĩ Đức viết :*

Thưa cậu, hể hể con nghèo khó, thời tới lúc hiền  
vinh.

Lời liên ông dẫn trước ăn cần.

Xin cậu, già làng chúng (7), quê xưa trở lại, cậu bè!

**Chú thích :**

1. *Chứng quỉ* : chứng bệnh đáng ghê sợ.

2. Ý nói cha mẹ khó lòng dò tìm được tung tích của con ở nơi sông nước.

3. Ý nói một người tôi tớ (chỉ Dũ Đức) nuôi dưỡng ở am mây (chỉ nhà chùa).

4. Ý nói cậu đưa học trở lại nạn thoát chết.

5. *Gặp vận thái hạnh* : gặp thời vận phát đạt.

6. *Sùng tu phạn võ* : sửa sang lại nhà chùa.

7. *Già làng chúng* : từ già các sư.

*Đạo Chuối viết :*

Quê ngụ tại Cái Cau pháp danh xưng Đạo Chuối  
Sớm lùn là Cái Muối, chiều thơ thẩn Gò Dưa ;

Như Bến Nghé ngày xưa, thêm thịt trâu nhều dãi.

Tu như tôi là, kinh cứu khổ (1) lăm rằm miệng vái,

Còn, chuối bồ đề (2) lần lựa tay mò.

Tu thời công nghiệp lắm, mà chùa thì nghèo :

Nóc thiếu thiên ngọn gió thổi lò, mái chỉ dựa mưa  
giòng ngã ló.

*Đạo Oản viết :*

Khéo dầy ngồi xó rọ, mà nói chuyện giăng xay

Ăn thật lăm biếng, cứ lần lữa lầy quày, quen lần  
bồi anh trể nải.

*Đạo Chuối viết :*

Bờ chú Oản ! Như chú là, căn tích ở khu lô (3)  
đã phải



Chớ, tài cán chi miệng chén khoe khoang.  
Đập cho bể nát tan, mình cứ hoài cứng cỏi.

*Đạo Oản viết :*

Bớ chú Chuối ! Khéo đánh phách làm người bộ giả  
Chẳng xét thân như trái chín cây  
Như anh em tu : cũng một đoàn trốn thuế làm thầy,  
Không biết phận lại ngồi nói tướng  
Phải không kiên nghiệp chương,  
Đeo hòa thứ, tao toan nhất thiết cùng đường.

*Chú thích :*

1. *Kinh Cứu khổ* : tên một bộ sách của nhà Phật, các thầy chùa thường tụng niệm để cầu mong cho chúng sinh thoát khỏi vòng khổ ải.

2. *Chuối bồ đề* : tức hạt bồ hòa. Các người theo đạo Phật dùng làm tràng hạt để lần từng hạt trong lúc tụng kinh.

3. *Khu tô* : miền Bắc gọi là trôn bát.

*Hòa thượng Hư Vô bạch viết :*

Nương cửa Phật, đổi màu tăng,  
Lăn chuỗi bồ đề để kiếm ăn.  
Nhắm (a) mắt lim dim lòng lường nhỡ,  
Mổ kinh thí thực (1) tụng lằng những.  
Như ta, nghề nghiệp ư (b) ai bằng, tu hành nhiều  
kẻ mẫn.  
Bất trị rầy nương cửa Phật, Hư Vô vốn thật lên thầy ;  
Dầm dề mùi đạo như suy, thông thả màu thiền  
dề dỗi.

Bớ các phệ, từ khi thắg Kim Ngọc về ở chùa mình,  
 đã đau và nghèo nó lại nguyện rằng :  
 sùng lự phật tợ, tổ hội kim thân (2)  
 Cha chả, thắg nói nén lớn lối, ta nghe cũng  
 chính ghê;  
 Nhà cửa đâu nó chẳng chịu về,  
 Còn, chùa chiền tới chán đúy mãi thế.

*Kim Ngọc viết :*

Phật lòa đánh lễ, phạm diện hòa nam (3)  
 Hồ ngu sinh ký lại văn nam (4),  
 Nhọc tốn lưưởng thí chung điều độ (5). Thừa thầy  
 đã biết :  
 Lưư giang mọc bứt năng hồi cổ (6)  
 Nhưng vậy mà, thủ khẩu hồ bồn thí tri nhân (7).  
 Thừa thừa, lòng kính thành bài lạ cao tăng.  
 Dăm điều viễn trông chừng làng hạnh  
*Văn viết :* điều viễn (8) trông chừng làng hạnh,  
 Cúi đầu lừ, đài kính cửa không (9).

**Khảo dị :**

- a — Bản A chép : Đôi mắt lim dim lòng lưưởng nhớ.
- b — Bản B chép : Như ta, nghề nghiệp chẳng ai bằng...

**Chú thích :**

1. *Kính Thí thực* : kính cúng cháo, bố thí thức ăn cho ma đói.
2. *Tổ hội kim thân* : lễ đắp và trang hoàng cho thân bành tượng Phật nổi lên một sắc vàng.
3. *Đánh lễ* : thỉnh đầu lay sát dưới chân tượng Phật.  
*Hòa nam* : úp hai bàn lay vào với nhau mà vái.
4. Ý nói đừa học trò ngu xuẩn này lấy làm hồ tuẹn phải ở gửi tại am mây.

5. Ý nói vị Tôn trưởng cứu chữa từ trước đến sau rất là khó nhọc

6. Ý nói cây trôi dưới dòng sông, không sao trở lại được.

7. Câu này dẫn điển Không Tử nói trong sách *Lễ ký* : « Hễ tử chính khâu thủ » nghĩa là con cáo lúc sắp chết thì quay đầu về núi. Ở đây ý nói : Kim Ngọc tỏ ra mình sắp sửa về quê hương bán quán, nhưng vẫn biết nhớ ơn người đã giúp đỡ trong khi đau ốm.

8. *Dặm diêu viễn* : dặm đường xa vắng.

9. *Đài kính* : lâu đài trong sáng như gương.

*Cửa không* : cửa thanh tịnh hư vô, không có chút trần tục.

*Hư Vô viết :*

Thôi người về nhé, bầu như dũ lấm!

*Kim Ngọc vẫn viết :*

Khuôn lnh đã đức anh hùng

Dầu ra gan chuột cánh trùng (1) quân bạo.

Cha mẹ ôi! Ngùi ngùi chih chữ cú lao (2),

Công ơn cha mẹ trời cao dất dày.

*Dũ Đức viết :*

Thưa cậu, sách có chữ rằng : Trĩ giả bất dĩ loạn  
nạn nhi dịch kỳ lảm, còn nhân giả bất dĩ bần  
tiện nhi cải kỳ tiết (3)

Rất dỗi là, trăng còn có khi tròn khi khuyết,

Hướng chi, người sao không thuở nhọc thuở vinh;

Hễ là, dù cũng biết tuổi vàng, đường dài hay sức  
ngựa (4).

*Văn viết :* Sức ngựa đường dài mới tỏ.

Đừng làm người không khôn ngoan  
 Chiều theo ống thẳng bầu tròn (5)  
 Dầu trong gian hiểm cũng còn thảo ngay.  
 Tới cậu tôi, khắp ngàn sương tỏa hãy bày  
 Phước tinh ứng hộ (6), tớ thấy đều an.

**Chú thích :**

1. *Gan chột cánh trắng* : dịch chữ «thử can trường lý» ở sách *Trang Tử*. Ý nói mình là một vật nhỏ mọn, tùy theo sự biến đổi của trời đất mà không quản ngại gì.

2. *Chín chữ cà lao* : do điền trong thơ Lục nga (*Mao thi*), nói về công ơn cha mẹ.

3. Ý nói người có trí khôn không vì sự hoạn nạn mà thay đổi tâm tư, còn người có lòng nhân thì không vì sự nghèo hèn mà thay đổi khí tiết (*Đạo đức kinh*).

4. Câu này dẫn ý hai câu tục ngữ.

5. *Phước tinh ứng hộ* : được ngôi sao lành chiếu vào bản mệnh để giúp đỡ trong khi đi đường. Mượn nghĩa câu : «nhất lộ phúc tinh».

Thành-Trai cưới vợ cho cháu.- Ái Châu nghe  
 Kim Ngọc mang bệnh đơn phung, nên không  
 ưng. Trương thị cậy Vô Hà trá hôn.

*Kim Tố Thành Trai viết :*

Quận Hà Nam giáo thụ, ngã Kim Tố Thành Trai  
 Trám anh đã sãi quan gian (1).  
 Hành xịch phải nghiêm sự phạm (2).  
 Bận ngọc (3) từ ra phó nhậm tin nhân (4) chưa  
 thấy phản hồi ;  
 Cách nhau riêng một phương trời, ta mới mất  
 trông ngàn dặm đất.



Quí hữu ôi! Ai đi, nguyệt lịch hoa thần tư  
khí chất (5).

Còn, mộ văn xuân thụ ảe dung nhan (6)

Chi uĩra, ngư hoài hữu nhất chương giải sầu linh  
vạn học (7)

Ngâm-viết nhất biệt kim bằng âm. Lữ hỷ (8).

lượng lạc nguyệt (a) lưỡng dung nghi (9)

Xuân lai yển tử thu lai nhan (10)

Lưỡng địa âm tình lồng bất tri (11).

#### Khảo dị:

→ a — Các bản in đều chép: Ốc lương dạ nguyệt lưỡng dung nghi. « Dạ nguyệt » không đúng với câu thơ của Đỗ Phủ, chúng tôi xin chữa lại cho được đúng.

#### Chú thích:

1. Trăm anh: xem chú thích 4 trang 5.

Quan giai: đẳng cấp của quan lại thời xưa.

2. Hành: cái cân. Xích: cái thước. Ý nói khuôn phép của ông thầy dạy học phải đúng như cái cân, cái thước.

3. Bạ ngọc: người bạ quý, chỉ Ngạn Yêm.

4. Tin nhân: do chữ « nhận tin », mà ra. Văn học cổ điển thường dùng danh từ này để chỉ tin tức. Câu này ý nói: từ khi Ngạn Yêm đi nhậm chức ở Đỗ Châu đến nay chưa nhận được tin tức gì gửi về cả.

5. Nguyệt lịch: trăng huồi lối. Hoa thần: hoa sớm mai. Câu này ý nói: lối nhờ đến khí lượng và phẩm chất của bạn đẹp như ánh trăng huồi lối, thơm như mùi hoa sớm mai.

6. Mộ văn xuân thụ: dẫn điển truyện bài thơ « Ngày xuân nhớ Lý Bạch » của Đỗ Phủ: « Vị bắc xuân thiên thụ, Giang đông nhất mộ văn; Hà bất nhất bôi tửu, trường đĩ lệ lữn vào » ? nghĩa là cây mùa xuân ở Vị bắc (chỗ ở của Đỗ Phủ), mây huồi chiều ở Giang đông (chỗ ở của Lý Bạch); Đến bao giờ lại dâng chén rượu, và cùng nhau bàn luận câu văn? Ở đây ý nói hai người tuy ở xa nhau, nhưng vẫn nhớ dung nhan diện mạo của nhau.

7. Ý nói làm bài thơ đề tỏ rõ tâm tình uống chén rượu đề người sự sầu não.

8. *Kim bồng* : người bạn qui như vầng Ý nói từ khi cùng người bạn qui chia tay, ít nhận được tin tức của bạn:

9. *Ốc hương lạc nguyệt* : dẫn đến câu thơ của Đỗ Phủ : « Lạc nguyệt mãn ốc hương, do nghi chiếu nhan sắc ». nghĩa là ánh trăng là soi đầy cả gương mặt trong nhà, còn ngó là ánh trăng soi vào dung nhan của người bạn ở đây ý nói nhớ bạn suốt đêm.

10. 11. Ý nói mùa xuân chim én đã bay về, mùa thu chim nhạn đã bay đến, thế mà tin tức hai bên đều không biết ra sao.

*Quản báo viết :*

Kim công lữ lai qui, khất giang đường tham yết (1).

*Kim Ngọc viết :*

Thưa, liễu diệt địa phương cứu biệt (2).

Còn mừng, đại nhân thiên tướng cát tường (3), ề!

*Thành Trai viết :*

Ủa này cháu ! nề song thân hà đẳng khang cường (4).

Sao cháu, nhữ độc lự giá ban lang bãi (5), mần rứa.

*Kim Ngọc viết :*

Bà phụ vị tướng lợi hại, diệt nhi bị thuật căn do (6).

*Thành Trai viết :* Thuyết lại

*Kim Ngọc loạn viết :*

Thưa bác, số là,

Khứ niên huê quyển phố Bồ Thành (7); ai đề là  
đáo hán lộ (8)  
Hốt đại phong lai, đả hất bình (9).

**Chú thích :**

1. Ý nói nay công tử trở về, xin vào như học để yết kiến.

2. *Tiền diệt* : cháu nhỏ. Vì Thành Trai là bạn của Ngạn Yên (cha Tũ Kim Ngọc) nên Kim Ngọc tự xưng mình là cháu.

*Địa phương cửu biệt* : ý nói ở một nơi xa cách lâu ngày.

3. *Đại nhân* : chỉ Thành Trai. Vì ông đang giữ chức giáo thụ, nên Kim Ngọc kính là đại nhân.

*Thiên hướng cát tường* : trời giúp cho điềm tốt lành.

4. Thành Trai hỏi Kim Ngọc : cha mẹ cháu thế nào có khỏe mạnh không?

5. *Lang bài* : tên hai con vật. Theo *Bác vật điều ngự*, thì con lang hai chân trước dài, hai chân sau ngắn; con bài hai chân trước ngắn, hai chân sau dài. Hai con phải dựa vào nhau mới có thể đi được, đứng được. Văn ngôn thường dùng danh từ này để tượng trưng người gặp bước gian nan. Câu này đại ý Thành Trai hỏi Kim Ngọc : sao cháu lại thất thểu một mình như thế?

6. Đại ý Kim Ngọc nói với Thành Trai : bác chưa hiểu rõ sự đau khổ, vậy xin đề cháu trình bày tường tận đầu đuôi.

7, 8. Đại ý Kim Ngọc nói : năm trước (cha tôi) đem gia quyến đến thành Hồ Châu. Nhưng, vừa đi được nửa đường (thì gặp tai họa).

9. *Hại phong* : tên một giống chim dữ, hay làm hại loài vật. (*Hoài nam từ bản kinh*). Văn ngôn dùng để tượng trưng bọn hung bạo. Câu này ý nói : chợt có bọn hung bạo đánh cướp, nên không được bình yên.

### *Thành Trai viết*

Cháu phân rằng : giang lung phùng bạo khách (1).

Vậy chờ gia mã cháu kim lại hà phương (2)?

*Kim Ngọc loan viết:*

Thưa bà phụ,

Gia mà bất tri bà xứ xứ (3), còn cháu thời nhẩy  
xuống biển

Mang mang thiên địa nhất phù sinh (4).

*Thành Trai viết:*

Nghe quá mấy đoạn thương tình, quí hữu ơi!

Nhớ tới chín chiu ruột thắt:

Bạn đã xa xôi cách mặt, cháu thêm đau đớn bực  
mình,

Chừ cháu nhất thân hầu bệnh, từ cổ vô ý (5). Vây  
thời ở đây,

Tiện nổi điều đình, về đồ ất, không phương thê  
thúc (6)

Quản! bút chỉ đây! Đem thơ qua thưa cùng làm  
viên ngoại rằng:

Kéo sơn đã hẹn trước, kim cải khá vầy sau (7).

Rày đa Hiệp phổ hoàn châu (8), nên phải lam  
diền chùng ngọc (9).

*Chú thích:*

1. Ý nói giữa sông gặp bọn hung đồ.
2. Thành Trai hỏi Kim Ngọc: cha mẹ cháu nay ở đâu?
3. Kim Ngọc trả lời Thành Trai: không rõ cha mẹ cháu xiêu bạt đi đâu.
4. Ý nói sống lãnh đénh giữa sông nước mênh mông.
5. Ý nói một mình đã nghèo lại có bệnh, bốn bề không biết trông vào đâu để nương dựa.
6. Điều đình: ngồi thân và chữa thuốc.  
Thê thúc: nương nhờ.



7. *Kim cái* : do điển câu : « Từ thạch dẫn châm, hồ phách thập giới » nghĩa là đá nam châm dẫn được cái kim ; ngọc hồ phách hút được hạt cái. Hai vật khác nhau, mà vẫn cảm ứng được với nhau. Văn học cổ thường dùng danh từ « duyên kim cái » để nói về trai gái kết thành vợ chồng. Câu này ý nói : Kim Ngọc cùng Ai Châu trước đã gắn bó với nhau như keo sơn, thì nay nên sum họp với nhau cho tròn duyên kim cái.

8. *Hợp phố hoàn châu* : dẫn điển trong *Hải Hân thư* : cửa biển Hợp phố trước vẫn là chỗ sản sinh hạt minh châu. Nhưng có một thời kỳ hạt châu tự nhiên đi hết, được ít lâu sau hạt châu lại trở về như trước. Ở đây ý nói việc Kim Ngọc đã trở về.

9. *Lam điền chứng ngọc* : dẫn điển trong *Lưu thần ký* : Dương Bá Ung được người tiên dạy cho cánh trượng ngọc ở Lam Điền sau nhờ có những viên ngọc ở Lam Điền để cưới vợ. Ở đây ý nói việc cưới Ai Châu làm vợ Kim Ngọc.

### *Quan nhưn viết :*

Quan giáo tôi dạy đem thơ qua cho ông.

### *Lâm Vương viết :*

Này, xem qua mới hẵng, nghĩ lại thêm sâu.

Ông sui quí (1) đi dầu, thẳng rề phung (2) về đó.

Mình đã mang chứng khó, vợ đòi cưới tháng này.

Ấy đó, nói cho mụ đảng hầy, ngộ cùng con bao  
nã (3).

### *Ai Châu viết :*

Thưa cha, gái lịch dầu đành rằng vợ (4).

Trại phung ai lấy làm chồng.

Còn vốn chẳng ưng lòng, cha đừng làm mà mang  
tiếng.



*Trương thị viết :*

Ông coi đó mà coi, quẻ đã muốn biến (5), thế phải  
lo lui,  
Việc đã lâu người chẳng tính xuôi,  
Còn không khứng (6) ta toan nói ngược, thế mà.

*Lâm Vương viết :*

Thiên hạ nghe đó mà coi, ai đi,  
Quan (7) làm mối găm là sự chắc, dầu nhà người  
đã có rào thưa (8)  
Bằng theo nhà nẫu, thời sợ quan dăng thúc ;  
Còn chẳng nghe nó lại ngày ngà. Chớ như tôi :  
Mình chẳng phải trâu bừa, cổ liền mang nai ách.  
Á thời, sống làm chi có xách, thác cho khỏi ngày ngà  
Mơ màng piách quẻ hồn hoa, giần giật đầu dây  
mối nợ (9).

*Chú thích :*

1. Ông sui qui : chỉ Ngạn Yên.
2. Thăng rẻ phung : chỉ Kim Ngọc (lúc này Kim Ngọc đang mắc bệnh phung).
3. Bao nã : âm cô, nghĩa là bàn định, bảo ban nhau.
4. Câu này ý nói người con gái lịch sự, thì ở đâu cũng tranh giành hỏi lấy làm vợ.
5. Quẻ đã muốn biến : nói về việc hời Dịch, mỗi quẻ có sáu hào, nếu có một hào động, thì quẻ nọ sẽ biến ra quẻ kia.
6. Không khứng : dịch chữ « bất khảng, tức không bằng lòng.
7. Quan : chỉ quan giáo thụ Thành Trai.
8. Rào thưa : Ý nói Ái Châu là dâu nhà người ta, hiện đã làm lễ « lan giai » (lễ rấp ngõ) rồi.
9. Câu này ý nói Lâm Vương thất cô tự tử.

*A hoàn viết :*

Hù sợ hú sợ ! Hồn kinh, hồn kinh ! Bờ bả bờ cò !  
Lò lổ thấy rùng mình, kìa kìa ông thất cớ !

*Trương thị viết :*

Bớ ông lai tỉnh, vật ngộ vật ngộ ! thả hừn thả  
hừn (1)

Vốn mụ đã sẵn mưu khuyên ông đừng liều mạng.  
Rất dối, vật còn hay thông biến (2) người hạ để  
chấp kinh (3).

Xưa từng nghe dĩ Lữ dịch Dinh (4).

Nay chẳng biết dĩ Ngưu dịch Mã (5). Thôi để  
mặc tôi.

Mặc lối đầu chế hóa, lòng ông chờ tru phiên.

*Làm Vương viết :*

Mụ làm sao gỡ loạn làm yên thời,  
Lũo mới dặng người sùu gác nãu, cho.

**Chú thích :**

1. *Vật ngộ* : đường ngộ đại.

*Thả hừn*, thả vui vẻ.

2. *Thông biến* : gặp lúc biến cố thì linh động cho được việc.

3. *Chấp kinh* : câu nệ thói thường.

4. *Dĩ Lữ dịch Dinh* : đem họ Lữ đổi thành họ Dinh. Lấy  
diễn Lữ Bối Vi đời Chiến quốc đem người vợ đã có mang gán  
làm vợ của Dinh Di Nhau, sau để con làm vua tức Tần Thủy  
hoàng. Vì thế, Thủy hoàng bề ngoài là họ Dinh, nhưng thực ra  
chính là dòng giống họ Lữ.

5. *Dĩ Ngưu dịch Mã* : đem họ Ngưu đổi thành họ Mã. Lấy diên vợ Tư Mã Cận (vua nhà Tấn) tư thông với lên Ngưu Kim đẻ ra con là Tư Mã Duyệt, sau làm vua Nguyên đế nhà Tấn. Vì thế, Nguyên đế bề ngoài là họ Tư Mã, nhưng thực ra chính là dòng giống họ Ngưu. Ở đây dùng hai diên này để nói về việc Trương thị lập mưu đem Vô Hà giả làm Ái Châu để gả cho Kim Ngọc.

*Trương thị viết :*

Thôi ông đừng mặc tôi, hỡi Vô Hà!

Nhà nghèo tương con thảo, nước loạn hiết tôi  
ngay (1) :

Như bà lúc nọ ngất cũng muốn tỏ bày.

Nhưng mà, mở lời e chẳng tiện, đi con.

*Vô Hà viết :*

Thưa bà, phận con là tôi tớ.

Bà hào chết thì phải chết, có can chi mà bà phòng  
ngại.

*Trương thị viết :*

Số là rày Ái Châu bội đức, cậy Thạch thị trá hôn  
Con đầu chịu quả mìn (2), bừ nhận làm ái nữ (3).

*Vô Hà viết :*

Thưa bà, việc đã nên ngất dừ gấm lại ắt khó theo  
Còng tử sau qua bệnh khỏi nghèo.

Tiền tị tội đổi ngôi thay bực, chẳng bà?

*Trương thị viết :*

Mẹ biết ý con rồi, một là thấy bản cùng rất cực,

Hai là nghe tật bệnh không nỡ

Nên con hãy đừng dằng, vốn bà đã rõ biết.



**Chú thích :**

1. Câu này dịch thơ ở câu : « Gia bản tri hiếu tử, thứ loạn thực trung thần »
2. *Quá muộn* : về làm dâu nhà người ta.
3. *Ái nữ* : con gái yêu mến, đối với ái nữ.

**Vô Hà viết :**

Như công tử là : gia thế tương truyền phiệt duyệt (1).  
Bệnh căn chỉ tại hi phu (2) ;  
Tuy văn lạc nạn chi thu,  
Định hữu xuất đầu chi nhật (3), chờ chẳng không.

**Ái Châu viết :**

Em ơi ! Chị một lời đã chắc em muôn việc chờ kinh.  
Lên không tin thì chị thề cho em nghe,  
Kim Ngọc dầu tốt đừng hiền vinh chị nói thiệt,  
Ái Châu quyết không lòng phiến hối (4) em à,

**Trương thị viết :**

Chị mi thề đó, chẳng phải thề mắt thối đổi.  
Khuynh đang ý sợ tình nghi. Chừ con về thừa cùng  
anh chị (4)  
Dầu trong dạ xương lủy, ngổ kiến cơ chế hóa à.

**Hựu viết :** Mừng dựng thuyền đà vô cửa.

Lo chi sửa nhây khối đặng (5). Cha mẹ hấn mà  
không bằng lòng là :  
Dầu bát cạy màu răng (6), của ít nhiều ta trăm  
niệm, thế (7)

**Chú thích :**

1. *Phiệt* : lập nhiều chiến công. *Duyệt* : lòng trải việc nguy hiểm. Văn cô thường dùng danh từ này nói về già đình có công giúp vua. Ở đây ý nói gia đình Kim Ngọc đã nhiều đời làm quan.

2. *Bi phụ* : ngoài da. Câu này ý nói : Kim Ngọc cũng bệnh chỉ ở ngoài da.

3. Câu này và câu trên ý nói : dầu rằng gặp lúc hoạn nạn phải phiêu lưu, nhưng nhất định một ngày kia sẽ được ngừng dầu dấy.

4. *Phiền hối* : lộn lọng, không giữ lời hứa.

4.— b. *Anh chị* : chỉ bố mẹ Vô Hà. Lời nói tỏ rõ tình thân ruột thịt.

5. Câu này dẫn câu tục ngữ cổ.

6. *Bát, cay* : danh từ chuyên môn của những người chèo thuyền dùng trong lúc điều khiển thuyền.

*Bát* : bẻ lái cho thuyền đi về bên phải.

*Cay* : bẻ lái cho thuyền đi về bên trái.

*Bát, cay mãi mãi* : ý nói quay trở làm sao chẳng nữa.

7. *Trám miệng* : cũng như ta nói dấn mồm. Ở đây ý nói dứt lời cho phải ngậm miệng, không tìm được lời để đổi lại nữa.

**Vô Hà viết :**

Duyên chẳng qua trời khiến, nợ bả phải người vay.  
Cha mẹ tôi dạy rằng : ông bà đã hết lời, mẹ cha  
đều đành dạ.

**Trương thị viết :**

Mấy liếng đã gán lời vàng đá, trăm việc lua chắt  
dạ sải đình  
Rắn có chun miệng biết lấy mình, ngọc ẩn đá liếng  
đừng lộn tiếng (1).  
Thế nữ ! Lừa với ông đã xong việc rồi.

*Lâm Vương viết :*

Vậy thời, ngày lam kỳ (2) đã đến, xe bạch lạng  
(3) đem ra  
Đã phải kỳ nghi thất nghi gia, tua biết chữ cổ  
ngôn cổ hạnh (4),

*Vô Hà viết :*

Chữ thiên lòng nhân nguyện, câu vật dĩ thời  
khuyên (5).  
Khăng khăng tạc dạ tin thành, khấn khấn vâng  
lời cảnh giới (6)

*Văn viết* Khấn khấn vâng lời cảnh giới,  
Ghi dạ này dám cãi (7) lời khuyên.  
Thợ trời khéo chấp cơ duyên (8)  
Tuy thay đổi mặt, dám diên đảo lòng.  
Cũng là là thắm chỉ hồng (9),  
Trăm năm phàm gửi chữ « lòng » (10) là đây.

**Chú thích :**

1. Ý nói việc này chỉ trong nhà tự biết với nhau, đừng thổ lộ cho người ngoài biết.

2. *Tam kỳ* : theo cách xem ngày của các nhà thuật số, thì hàng tháng những ngày : ất, bình, đinh trong thập can gọi là tam kỳ.

3. *Bạch-lạng* : trăm cỗ xe. Dẫn điển trong sách *Mao thi*, nói về xe để đón dâu.

4. *Ngôn và hạnh* : hai đức tốt trong bốn đức (công, dung, ngôn hạnh) của người phụ nữ.

*Cổ-ngôn* : cần thận lúc nói năng.

*Cổ hạnh* : giữ gìn nề nếp.

5. *Thiên lòng nhân nguyện* : Lòng trời theo ý muốn của người!

*Vật dĩ thời khuynh*: phẩm vật có lúc nghiêng sang bên này, lúc nghiêng sang bên kia.

6. Câu này ý nói: luôn luôn giữ vững lòng thành thực, và răn rập vâng lời khuyên răn dạy bảo.

7. *Đám cãi*: đám đầu thay đổi.

8. *Cơ duyên*: tức cơ hội, nhân duyên. Câu này ý nói: tạo hóa đã khéo xây nên cơ hội cho duyên phận vợ chồng lấy nhau.

9. *Lá thắm*: dẫn điển lá thắm đề thơ (*hồng điệp đề thi*) của Vu Hựu và Hàn Thuyên.

*Chỉ hồng*: xem chú thích xe chỉ trang trước.

10. *Chữ lòng*: ở đây là lòng phu (theo chồng), một trong bốn lòng của người phụ nữ (tam lòng: tại gia lòng phụ, xuất gia lòng phu, phu tử lòng tử, nghĩa là: còn thì theo cha, lấy chồng thì theo chồng, chồng chết thì theo con).

*Kim Ngọc, Vô Hà viết:*

Trên đã có lòng ai ốc dưới nguyên nhờ đức cập ô (1).

Trăm năm đặng sánh hảo cầm (2), bốn lạy gọi đền  
đại đức.

*Thánh Trai viết:*

Rày đã vui vầy cầm sắt, khá tua gấn chắt keo sơn.

Đầy xe nai, gái học Thiếu quân (3),

Ban bình trước, trai phen Lý thị (4).

Bác lui vào trường lý, cháu trở lại phòng vi.

*Kim Ngọc viết:*

Thương những vợ phong tư, gặp lúc chồng tại bệnh,  
Hồ bấy mặt dây may dạn, liếc thay mình ngọc  
vóc ngà.



À, tanh bời này che mũi khôn qua, cực khổ ấy  
đang lay chướng gồm.

Vô Hà viết :

Thưa phu quân, duyên đã xe chỉ thắm, phận vì  
ở trời xanh :

Đạo cương thường đầu chẳng hết linh,

Trong luân lý ai còn luận nghị (5).

Thưa phu quân số là tội có nghĩa phụ (6) quen  
nghề y lý.

Tôi rước qua đây, vì dưỡng nhi (7) lời khản bệnh  
cần,

May dầu điều trị đặc tinh (8), -thời cũng thuyên  
toàn hữu nhật (9) chớ.

Chú thích :

1. *Ái ốc* : yêu qui ngôi nhà. *Cập ô* : yêu đến cả con chim đậu  
trên nóc nhà. Câu này ý nói: cha mẹ thương yêu con gái, nên  
thương yêu đến cả chồng rề.

2. *Hảo cầu* : do chữ « quân tử hảo cầu » (Kinh Thi). Ở đây  
ý nói đẹp đôi.

3. *Xe nai* : dịch chữ « lộc xa ».

*Thiếu quân* : tức Hoàng Thiếu quân. Con gái nhà giàu, lấy  
chồng là Đào Tuyền. Khi về nhà chồng, Thiếu quân từ chối  
không nhận tu trang mà cha mẹ đã sắm cho chỉ mặc áo xiêm  
bằng vải cùng chồng đẩy xe nai về làng (*Lệch nữ truyện*).

4. *Bình tước* : bức màn có thêu hình chim công.

*Phen* : tiếng cồ, nghĩa là sánh.

*Lý thị* : tức Lý Uyên, tên của vua Cao Tổ nhà Đường. Ở  
đây dẫn điển con gái Đậu Nghị có tướng quý. Nghị rất yêu quý,  
bèn thêu hình chim công vào màn của con gái và hẹn rằng: ai  
bắn trúng mắt chim thì sẽ gả con gái cho. Về sau chỉ có Lý Uyên  
bắn trúng (*Đường thư*)

Câu này và câu trên là lời Thành Trai khuyên Thạch Vô Hà

hãy học nề nếp cần kiệm như Thiệu quân và Kim Ngọc hãy lập công danh sánh với Lý Uyên.

5. *Luận nghị*: bàn bạc cho ra phải trái.

6. Nghĩn phụ: cha nuôi. Ở đây chỉ Thạch Đạo Toàn. Vô Hà là con gái Đạo Toàn nhưng vì đồng va Á Châu giả để lấy Kim Ngọc, nên giấu chồng gọi cha đẻ là cha nuôi.

7. *Nghĩa nhi*: con nuôi; Vô Hà tự xưng mình. Câu này là lời Vô Hà nói: người cha nuôi của tôi sẽ vì tôi mà đến đây xem căn bệnh của chàng.

8. **Điều trị đặc tính:** bốc thuốc chữa bệnh được công hiệu.

**Ø Truyền toàn hữu nhứt:** có ngày khởi bệnh.



**Đạo Toàn khấn bệnh Kim Ngọc,  
Vô Hà hết dạ nuôi chồng.**

Đạo Toán viết :

Huyền a, mừng trẻ gặp hùng hoàng phối thất (1):

Con lai, rước cha cầu sơn được điều v (2).

Để chẩn sát mạch khám chứng thử nào. Như bệnh  
này là:

Thấp phong cầm tại cột bi (3), còn nhiễm độc chứng  
do huyết kiệt (4).

**Chữ thời, độc hoai thang đầu nội phục (5).**

Hồng đơn phương dụng ngoại y (6), thời mà.

Con nhai lúc cầm vi (7), cha dương qui thảo xa (8).

**Vô Hà viết :**

**Thuốc thang đã sẵn sàng dùng cả.**

**Thưa, vợ chồng dầu khó nhọc nài bao.**

**Thiếp đương tự phục lao, quán vật tu giới ý (9).**

*Ngâm viết :*

**Tượng mẩn căn duyên mới vợ chồng (10)**

**Chồng đau vợ dễ tiếc chi công?**

**Thuốc linh may đặng an mình ngọc,**

**Gặp nước nhờ khi cá hóa rồng.**

*Kim Ngọc viết :*

**Hồ phận chồng khó nổi cầm lòng,**

**Thương thân vợ càng thêm nề mặt,**

**Chứng ấy dầu an vóc ngọc, ơn kia đáng đức nhà  
vàng (11)**

**(Giăng tay trở lại phòng loan, chung gối ngỗ an  
giấc điệp (12)...**

**Chú thích :**

1. *Trẻ* : chủ Vô Hà.

*Hùng Hoàng* : tên vị thuốc, đồng thời là chim phượng  
trùng.

*Hàng hoàng phối thất* : sánh đôi với người trai đẹp như  
chim phượng hoàng.

2. *Sơn dược* : tên vị thuốc, lúc Cát căn, có công dụng giải  
nhiệt, đồng thời có nghĩa là thầy thuốc nhà quê. *Điều g* : chữa  
bệnh.

3. *Cốt bì* : tên vị thuốc lúc Địa cốt bì, lại có nghĩa là gương và  
da. Câu này ý nói : bị gió độc, và khi ẩm thấp chắm vào gương thịt.

4. *Huyết kiệt* : tên vị thuốc, lại có nghĩa là thiếu máu.

5. *Độc hoạt thang* : tên bài thuốc. Câu này ý nói : bốc theo  
« bài Độc hoạt » sắc nước uống bên trong.

6. *Hồng đơn phương* : phương thuốc mắt và sát trùng. Câu  
này ý nói : ngoài ra thì dùng phương thuốc mắt để xoa.

7. *An tức* : tên vị thuốc, đồng thời có nghĩa là dẫn nghĩ yên  
tĩnh.

*Cần vi* : cần trượng, nổi chung.

8. *Đương qui* : lên vị thuốc. Đồng thời có nghĩa là cần trở về.

*Thảo xá* : nhà tranh. Lời nói nhủ.

9. Câu này ý nói : tự bản phận của thiếp cần phải hết sức lo toan, chẳng đưng có áy náy trong lòng.

10. *Tường* : dịch nghĩa chữ « cái », nghĩa là có lẽ.

Câu này ý nói : có lẽ do căn duyên may mắn mới kết duyên vợ chồng.

11. *Nhà vàng* : do điển « kim ốc trữ kiều », đức nhà bằng vàng cho người yếu ở. Ở đây dùng để tả Kim Ngọc hàm ơn Vô Hò đến tới bậc.

12. *Giấc điệp* : dịch chữ « hồ điệp mộng », lúc giấc ngủ. Dân Điền Trung Chu nằm ngủ mộng thấy nưêh hóa ra con bướm.

## HỒI THỨ HAI

Lợi Đờ, trấn Tô quận,  
Lâu Vương đi viếng suối,  
Ái Chân không cho rước vào.

*Lợi Đờ viết :*

Tân-thăng quân đạo, mỗ hiệu Lợi Đờ.

Như ta, quan đã đứng làm to, con lại thêm có phúc,  
Ta đã nhẹ chân quan lộc, trể thêm đẹp khoản  
thất gia (1)

Giàu sang đã họp một nhà, sung sướng tình đã  
đủ nước



Họ thấy lời làm vậy : Miếng thiên hạ thấy khen  
là phúc.

Mắt nhìn gian dễ thấy động tài ; ở nhà chẳng những  
làm quan, mà lại có tài làm sui  
nữa, như anh sui lời (2) là :

Của trăm ngàn mà chẳng có con trai, sau muốn...  
một út về tay chàng rể (3).

Chuyện nhà đã chậm trễ, việc nước phải âu lo.

Quần ! Chính bị thuyền sư :

Cấp từ giã Hàng Châu, ngộ trông chừng Tô quận.

*Văn viết* : Hàng Châu trông chừng Tô quận,

Danh lợi nhiều lần dân phải theo,

Kìa ai bia lạc, bằng treo (4)

Nguồn tham chẳng gọi dặng bao nhiêu đời (5) ?

Mãng còn bàn bạc đồng dài,

Khúc sông quanh quất gần với Tô Châu.

Chú thích :

1. *Trẻ thêm... thất gia* : con trai đủ xây dựng gia đình đẹp đẽ, vui vẻ. Chỉ Ái Lang (con trai Lợi Đờ) kết duyên với Ái Châu (con gái Lâm Vương).

2. *Anh sui lời* : người thông gia với mình. Ở đây chỉ Lâm Vương.

3. *Muốn một* : danh từ tượng trưng cho sự chết.

*Chàng rể* : ở đây chỉ Ái Lang. Câu này ý nói : Lâm Vương giàu có mà chỉ hai con gái là Ái Châu và Tố Châu nên về sau khi Lâm Vương chết, Ái Lang tất nhiên sẽ được hưởng gia tài ấy.

4. *Bia lạc* : tượng trưng cho viên quan lo có công lao với vua, nên được lạc bia để lại đời sau.

*Bằng treo* : tượng trưng cho người thi đỗ làm quan nên được ghi tên trên bảng vàng.

5. *Nguồn tham* : dịch chữ « tham luyến ». Suối Tham luyến ở địa phận huyện Nam Hải về phía tây bắc thị xã Quảng Châu; thuộc tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc). Tương truyền hễ ai uống

nước Tham tuyển thì dần dần khiết đến dần, rồi cũng sẽ trở nên tham ô.

Ngô Ân Cối nhà Tấn làm quan ở địa phương này, nổi tiếng là liêm khiết, ông để mặc nước suối Tham uống và làm bài thơ, có câu: «Thí sử Di, Tề kham, chung đương bất dịch tâm đại nói: nếu các ông Bá Di, Thúc Tề có uống nước suối này, thì cũng không bao giờ thay đổi được lòng liêm khiết của các ông. Câu này và câu trên ý nói: những ông quan có danh tiếng sẽ sống mãi ở đời được hay sao, việc gì mà không tham của?

### *Lâm Vượng viết:*

Quê ngụ Tô Châu, danh xưng Lâm Vượng. Như  
con gái tôi,

Tưởng không nơi sung sướng, ai ngờ cũng ra trò:  
Gẫm lão có phúc to, ông sui làm quan lớn.

Xưa ông ở bên kia chẳng nói làm chi,

Nay ông ngồi xứ mình cũng nhờ cái tiếng.

Cáo mượn oai hùm lấy miếng, ruồi bu đuôi ngựa  
nhờ hơi;

Oai phong đá lớn mặt ông sui, thẻ điện lại rưng  
danh'chàng rề

Chừ thời lời nhớn nhờ lấy thế, về khoe khoe  
với làng.

Gia đình! Áo quần cho tử tế nghe! Chi nữa.

Gay chèo quế khoan khoan, tách dòng la phời phời.

*Văn viết:* Chèo quế dòng la phời phời,

Mặc dầu lòng chắc lợi mua danh

Bầy ăn (1) theo khóm rêu xanh,

Thấp cao mặt nước lênh đênh giữa dòng;

Lần theo khúc thẳng khúc vòng.

Giang thành nghe trông thùng thùng đình quân.

**Họn viết :** Đây đủ lời quan tân, ta lần lên  
dinh thứ (2).

**Môn quân viết :**

Sinh ra quân giữ cửa, phải đủ thói khôn nhà (3),  
mới dũng:

Ai muốn gởi (4) vào ra, ta kiếm chơi nhiều il,  
thối mà.

**Chú thích :**

1. *Đây đủ* : đàn cò, nói riêng đàn chim, nói chung. Câu này cùng với câu trên và câu dưới, ý tác giả ~~h~~ bài đồ ngã nghiêng của Lâm Vương, ví như đàn cò lênh đênh giữa dòng sông, bơi theo dòng nước, cốt sao chèo được danh lợi về cho mình.

2. *Quan tân* : hén đồ công. *Dinh thứ* : nơi đóng-dinh.

3. *Khôn nhà* : ý nói khôn nhà nghề, khôn nhà nòi, đủ mọi mảnh khoe.

4. *Gởi* : tiếng đàng tròng, tức là thừa trình một cách gián tiếp.

**Lâm Vương viết :**

Ờ, cậu cai này !

Rày lão dâng một thiệp nhờ người bầm vài lời :  
Rằng Lâm Vương nhà sui, hầu thông gia quan  
củ, vậy.

**Quan môn viết :**

Thế ông ở xa ông không biết đó thôi,  
Quan lớn lời là : không kỳ quen kỳ lạ, miễn nhiều  
quả nhiều mà.

Dầu llob nghĩa cho thắm, không lẽ văn cũng bạc.  
Chẳng những là quan lớn lời, chứ còn trong ty (1).  
Ai lời nọt không với chúng tôi cũng không dặng mà.

*Lâm Vượng viết :*

Trẻ hay ! Đem lễ vật lại đây, tôi cũng có phải chẳng  
với cậu, dám không ở đâu !

*Môn quán viết :*

Cha chả bác thật phải thế lắm !  
Thưa, không mấy khi gặp bác, để tôi bẩm vào  
ông (2) cho

*Hưu xuất viết :* Không xong rồi bác,  
Bồn quan thời dạy rước vào trong  
Nhưng mà đại nương (3) lại không cho vô thủng.  
Mợ (4) nói rằng: Viên ngoại vốn trọng làng áo  
trắng (5)

Làm gia là dưới hạt dân đen (6);  
Phận hàng có dưới trên phép dân trợn vàng đá (7)  
Đồ lễ vật bao nhiêu thần cả, bạc trình ngli hai  
lượng phat cho.  
Mợ lại hiểu bác: Về an phận thôn phụ (8) chớ học  
đòi du thủ (9)  
Thôi bác đi ra quán uống nước, rồi về cho sớm bác.

**Chú thích :**

1. *Ty* : cũng gọi là tư. Một đơn vị nhỏ của nha môn hành  
chính. Nhân viên trong ty chuyên giữ việc canh cửa và sai phái.

2. *Ông* : chỉ viên quản đạo Lợi Đờ. Trước đây bọn lính lệ  
thường dùng danh từ này để xưng hô viên tri phủ, tri huyện,  
hoặc quản đạo v.v..., họ không dùng tiếng «quản», vì danh từ  
này quá thông thường. Họ dùng tiếng «ông» để tỏ cho người  
ngoài biết viên quan của họ là bậc «ông lớn» có oai quyền.  
Còn có ý nghĩa nữa là để tỏ ra rằng viên quan ấy đối với họ  
như ông với cháu, rất thân thiết.



3. *Đại nương* : con dâu cả, chỉ Ái Chân, con gái Lâm Vương và là vợ Ái Lang.

4. *Mợ* : Ái Lang là con trai viên quản đạo, lính phải gọi là cậu nên gọi vợ hắn là mợ.

5. *Áo trắng* : dịch chữ « bạch y », tượng trưng cho người không có chức vụ gì.

6. *Dân đen* : dịch chữ « kình thủ ». Ý nói người dân không được đội mũ chỉ dùng mảnh vải trùm đầu. Danh từ này có từ đời nhà Tần. Ở đây dùng để nói gín đình Lâm Vương là người đen đầu, dưới quyền cai trị của viên quản đạo.

7. *Phận hàng* : danh phận thông thường. Cậu này ý nói : danh phận phải có người trên kẻ dưới, không có phép nào lại đem đá trộn với vàng được. Vì vậy, nên dân không được làm hạn với quan.

S và 9. *Thôn phu* : người dân phu nơi thôn dã. *Đa thủ* : tay ăn chơi. Ý nói hơi biếng, không mót tay làm việc gì cả.

### *Trương thị viết :*

Mình ông đi mời về.

### *Lâm Vương viết :*

Bớ mẹ ! Xấu hổ đã nên xấu hổ, sợ sùng quá  
đội sợ sùng sùng :

Lễ vật dâng chầu chầu vào trong.

Trình nghi phát bát ngồi ngoài cửa. Lấ tại con  
gái mẹ

Nó nổi mình áo trắng dân đen, nên nó không cho vô.

### *Trương thị viết :*

Ái đi, con làm sao, mình coi nó như vàng như ngọc,  
bây giờ nó trả ơn cho mình đó thể.

Sáng hẳn lại rày đã tỏ rõ, khem trở ra mới thật  
 chán chường.  
 Ba mươi đời cóc nhảy chắt chỏi mương, tám  
 mươi kiếp gà đi đầu cho khỏi ỏ.  
 Nghĩ lại con Vô Hổ chổng nó làm quan, nó mới  
 ra mà cộng hưởng phù qui cùng nó.  
 Còn con Ái Châu thì nhân rứa, hèn chi thầy tướng  
 nói nó khắc bạc (1) phải mà.  
 Khắc bạc nay đã tỏ rõ, hèn cùng sau hãy mơ màng  
 Bớ Ái Châu này! Giàu sang mi giữ mặt giàu sang  
 Còn hèn hạ tạo cam hề bèn hạ, đây mi à.

Chú thích :

1. *Khắc bạc* : ác nghiệt, khe khắt.

..

Quan thanh tra đến xét, đồng, làng  
 xóm kiện quan quản đạo Lợi Đờ  
 Ái Châu bị khảo tấu và bị bán mình.

*Trùm Việt xưng viết :*

Quản cư ấp nội bảo bình an (1),  
 Đình lều văn danh mạc cảm đang (2),  
 Cầm cán thôn trung kham đẳng sự (3),  
 Tịnh vô hà lạm chúng dân nhân (4).

*Hạ viết :* Lãnh tờ cử giữa làng, trùm ấp xưng  
 chức mở

Như ta, nghe quan đòi rúc cò, thấy lệ tới lắc đầu ;

Điền linh (5) thời tôi già mới đau, đóng thuế lại  
 mở rằng chưa mạnh  
 Linh nói chẳng dám ừ, lệ kêu thời tôi phải dạ (6).  
 Ấy là việc quan, chớ việc ve tôi thời giới thời mà :  
 Chẳng chừa con mẹ gón, náo loạn gái có chồng.  
 Chứng máu đẻ (7) người đã lỗ lòng.  
 Sinh bụng chó (8) chúng đều biết mặt.  
 Còn việc xử kiện tôi thời : Dạn phân thừa vật, nhát  
 xử kiện lo.  
 Sợ những kẻ cu cò (9), khiếp mấy người gấu  
 ngựa (10).  
 Thấy nọc bịch vậy thêm lần lữa, nghĩ rồi rằm cũng  
 chẳng đưa hơi (11)  
 Nghèo ngặt phải ráng với người,  
 Túng rối làng không dụng mỗ, mới bắt tôi vào  
 làm trâu mà.  
 (Lệ lời trình trát, nỗi khổ, v.v...)-

**Chú thích :**

1. *Quản cư ắp nội* : quản lý công việc trong làng. Ngày trước, ta thường gọi là ông trùm, hoặc ông trưởng.
2. *Đinh lậu* : ăn lậu số đinh. Trước kia, dưới thời phong kiến, nhân dân phải chịu thuế khóa và tạp dịch nặng nề, nên những người trùm trưởng trong làng phải ăn lậu số đinh, không khai hết số đinh với bọn quan lại. Họ làm như vậy không phải để kiếm lợi riêng, mà để nhằm lợi chung cho cả làng. Những người ăn lậu không khai tên vào sổ đinh, cũng cùng với những người đã có khai tên vào sổ đinh sao sẽ nhau gánh vác sưu thuế, tạp dịch cho nhẹ nhàng hơn.
3. *Cần cạo* : siêng năng, nhanh nhẹn.  
*Kham dǎng sự* : làm công việc trong làng được thanh thỏa.
4. *Hà lạm* : phiền nhiễu, dân, những lạm của dân.  
 Bốn câu thơ này xin tạm dịch :

Trong thôn cai quản giữ yên vui,  
Khét tiếng lậu đình dễ mấy ai?  
Chăm chỉ việc dân đều trót lọt,  
Không hề hà lạm xóm vui chơi.

5. *Điền lính*: ngày trước, các làng tùy theo số đình nhiều hay ít mà đóng góp số lính (đã có thể lệ nhất định). Nếu có làng nào chưa đủ, thì người trùm, người trưởng phải làm người khỏe mạnh điền vào cho đủ.

6. *Ý nói rụt rè, nhút nhát*.

7. *Máu để*: dành từ dùng để chế riễu người đa dâm.

8. *Bụng chèo*: nói bụng dạ hằn thù.

9. *Cu cò*: chỉ những giống chim nhỏ nói chung, hay bởi lối nhặt nhanh các thứ nhỏ mọn. Ở đây tượng trưng cho người hay bởi nước những việc vặt vãnh, xui người nọ kiện người kia. Ngày xưa, ta thường gọi «thầy cú, thầy cò» tức là thầy kiện.

10. *Gấu ngựa*: tên riêng của loài gấu to lớn, dữ tợn hơn gấu chó, gấu lợn. Ở đây tượng trưng cho người lão bạo không sợ hãi.

11. *Nọc bịch*: tức vồ nọc. *Roi ram*: tức tài roi. Hai loại dụng cụ về việc hình dùng để trừng trị người có tội.

### *Thôn trưởng viết:*

Dữ quá dữ quá, đánh hoài đánh hoài,

Mỗ hồi một lại hồi hai, từ ấp nhì qua ấp nhất.

Các chủ dữ hay, có việc chỉ dí nữa cũng:

Trình báo cho đủ mặt, sao các chủ, tư hành (1)  
dám cả gan

Thế các chủ này, mấy thuở đặt làm làng, đánh  
mỗ nghe ỏi xóm.

### *Trùm Viết viết:*

Thưa cậu, có việc lo lại gấp lắm,



Số là: quan ngoài kinh (2) đã đến, từ trên tỉnh  
lống về:  
Trong từ nói ông quan thanh tra này thanh liêm  
lắm: nên  
Cầu lễ mừng chẳng đặng theo lễ, rồi ai ức thì  
cho qui trạng (3).

*Thôn trưởng viết:*

Từ coi đã hân, lòng rất đổi mừng.  
Từ khi cha con ông quân đạo từ trị hạt ta cho  
đến này là:  
Hương sư hết một sở vườn, thủ hôn mỗi mười  
mẫu ruộng (4)  
Bắt một gái của con thôn trưởng, ăn hai thoi bạc  
chủ câu đương (5)  
Cha con quân đạo thật ngang, chừ chừ việc các  
lạng xum kiện.

**Chú thích:**

1. *Tư hành*: đi làm việc riêng không do quan trên sai phái.
2. *Quan ngoài kinh*: viên quan ở kinh đô, vâng mệnh vua đi thanh tra công việc các quan ở trấn tỉnh đạo và phủ huyện.
3. *Theo lễ*: theo lễ lối cũ, mỗi khi quan trên đi thanh tra địa phương nào, thì từ quan đến dân sở tại phải đưa lễ chào mừng. *Trạng*: đơn kiện. *Tờ giấy viết đơn tố bày tình trạng bị oan ức của mình* *Qui trạng*: ý nói qui gối xuống đất và đội đơn lên đầu để dâng trình viên quan có quyền xét xử.
4. *Hương sư*: thầy giáo dạy học trong làng, do làng cấp lương bổng. *Thủ hôn*: danh hiệu một viên chức nhỏ trong làng như thủ lộ, thủ cố hoặc khăn thủ v.v.,
5. *Câu đương*: danh phận nhỏ nhất trong hàng tao lệ. Câu này và ba câu trên, tác giả tả lời thôn trưởng nói về tội tham lam của viên quân đạo Lợi Đồ.

*Tăng Sư Vọng viết :*

Phụng Giang Tô luân án (1), Tăng Sư Vọng lĩnh  
danh. Như ta :  
Cư quan (2) giữ đức công bình, thỉnh tụng lo cầu  
xuất nhập (3)  
Trị lại từng bực thượng lập, phát gian tự kinh  
trung hành (4)  
Vô tình bất đắc lạn, từ (5), thỉnh tụng sử ký vô  
lặng (6), mà

*Dân cáo viết :*

Bầm quan lớn : quấy đạo cướp hiếp chúng dân lắm.

*Sư Vọng viết :*

Tô Châu phủ hạt dân đầu khố (7)  
Kỳ hải quân ! Nã Lợi Đồ phụ tử tra mình (8), à

*Lợi Đồ phụ tử viết :*

Bầm quan lớn : Oan cha con tôi lắm.

*Sư Vọng viết :*

Người còn kêu oan. Như người là :  
Nhữ hành chính mà đem lòng bất chính (9),  
Dân thụ oan thời phải lới mình oan (10),  
Tham tâm bạo hạnh rõ ràng (11)  
Nên tổng lang, thiết xỉ ta nha lắm lúc (12). Kỳ hải  
quân !

**Phụ tử Lợi Đồ hạ ngục (13), còn gia lai quản đạo  
tịch phong (14)**

**Truyền nguyên cáo khai xong, cho bỏ quan kết  
án (15).**

**Chú thích :**

1. *Giang Tô* : một tỉnh ở ven biển thuộc miền đông nam Trung Quốc. Tỉnh này lấy hai chữ đầu của hai phủ trong tỉnh là Giang Ninh và Tô Châu để đặt tên. *Tuần án* : tên một chức quan giữ trách nhiệm tuần hành các địa phương để trông coi công việc của quan lại và tình hình nhân dân.

2. *Cư quan* : làm quan.

3. *Thính tụng* : xét kiện. *Câu xuất nhập* : do câu « xuất nhân vu tội, nhập nhân vu tội » chép trong luật hình. Câu này ý nói : làm quan xử kiện là phải công bằng, sao cho tránh khỏi câu đã đề ra trong luật hình, là tha người trái lý ra, mà buộc người đúng lý vào tội.

4. *Trị lại* : giữ chức trách quan lại. *Băng thượng lập* : đứng trên hàng tuyết, ý nói lo sợ. *Phát gian* : ý nói phát hiện việc làm trái với pháp luật, trái với công lý. *Tư kính trung hành* : như soi vào gương. Ý nói rõ ràng sáng suốt, kẻ gian không thể ẩn giấu vào đâu được.

5. Ý nói người không có tình ngay thực, không dám giữ hết mảnh khước ra để lòng nói dối trả được.

6. Ý nói xử kiện công bằng, cốt lắm cho dân không ai còn dám kiêu gian nữa.

7. *Đầu không* : đệ đơn cáo tố.

8. *Tra minh* : tra xét rõ ràng.

9. *Nhữ* : mây hoặc người. Lời nói của kẻ trên đối với kẻ dưới.

10. *Thụ oan* : chịu sự oan uổng. *Minh oan* : bày tỏ tình trạng oan uổng.

11. *Tham lam, bạo hạnh* : ý nói bụng dạ tham lam, hành vi tàn bạo.

12. *Thiết xi, ta nha* : nghiêng chặt hàm răng, mở miệng than thở. Ý nói dân oán đến cực độ.

13. *Kỳ bát* : là cờ và thẻ bài. Phủ kiện dùng cho lính mang

đi bắt người phạm tội về xét hỏi. Vì thế nên gọi là « kỳ bái  
quần ». Hạ ngục : đem xuống giam giữ trong nhà giam kín.

14. Gia tài : của cải trong nhà.

Tịch phong : ghi vào sổ sách và niêm phong giao cho  
người canh giữ, tài chủ không có quyền sử dụng nữa.

15. Nguyên cáo : danh từ gọi người đứng ra đệ đơn kêu kiện  
vấn đề gì. Trái lại với danh từ bị cáo, người bị người khác  
kiện.

Đồn quan : ở đây là viên quan tuần án tự xưng mình.

### *Ái Châu viết :*

Sợ đã quá sợ, mừng rất đối mừng :

May làng xã cáo mình, thế cha con phải chết.

Nghĩ cũng không can chi đến mình mà. Như tôi,  
Hết chỗ này xây chỗ khác, đừng phòng nợ bỏ  
phòng này,

Đoàn gia môn tử ân tình với la mã lâu (1), vậy thời,  
Lẽ nào buồng vắng khoanh tay (2), àu là lên lời  
chợ đông hợp mặt.

### *Thôn trưởng viết :*

Điều nên quá ngặt, sự găm fất ngang. Như con  
Ái Châu,

Mình cũng liếng dàu quan (3), lấy những thắng  
con lính.

Tịch ký tang bồi chưa (4), ai đi, dăm hôn (1) nó  
dăm cả gan ;

Quyết bất lữ hòa gian (5), may kiếm tiền bồi lộ.

### *Thơ lại (6) viết :*

Tổng làng đã biệp đủ, tài vật khá nhận biên



Ủa của cái sao mà thiếu đi, gia tài này ắt có người  
chuyên

Trong thế, thân thích đó hãy còn nhà trư (7) chứ  
chẳng không.

*Thôn trưởng viết :*

Thưa, việc này ngặt dữ, lẽ dăm giấu dẫu ;

Dẫu như người Lâm thị Ái Châu, hòa gian với  
Đoàn gia môn tử

Hồi lối dân di canh giữ, ban khuya thắp nọ tròn  
ngay.

Còn cầm nợ lại đây, phải bầm thày hay đó (8).

**Chú thích :**

1. *Món tử* : tức con trưởng. Vì người con ấy sẽ thay cha, để làm chủ cửa nhà về sau này. *Đoàn gia môn tử* : con trai cả họ Đoàn. Câu này ý nói : Ái Châu nghĩ đến người con cả họ Đoàn đã lẳng lự với nàng từ lâu.

2. Ý nói không lẽ nào lại chịu khoanh tay ngồi một mình trong buồng vắng vẻ.

3. *Dầu quan* : tức dầu quan quân đạo.

4. *Dám bốn* : trai gái giao hợp vụng trộm, trái với lễ giáo.

5. *Hợp gian* : trai gái hò hẹn cùng nhau tìm cách giao hợp.

6. *Thư lại* : một viên chức nhỏ trong hàng quan lại, giữ việc văn thư, như thông lại, đề lại hoặc thừa phái sau này. Ở đây chỉ người theo viên tuần án đi thanh tra đề thảo các giấy tờ văn án.

7. *Nhà trư* : chỉ nhà nào đó chứa chấp, giấu giếm gia tài của viên quan đạo Lợi Đồ.

8. *Nợ* : tức con nợ, của nợ. Cách nói tỏ vẻ khinh bỉ, chỉ dùng khi nào đối với người làm điều gì xấu xa, mất cả nhân cách. *Cầm nợ lại đây* : bắt được con nợ này đem đến đây. *Thày* ở đây chỉ viên thư lại.

*Thơ lại viết :*

Dám bôn đả khỏi lỗ, tang tài thiếu khó han (1).

Quân ! Khá tua giữ lấy nàng, tra ra thời té chuyện (2)

*Hạ viết :* Dậ (3), tôi từ vâng lệnh, phép phải  
cứ công

Giữ lòng xã hội đồng, tịch gia tài lặn số (4).

Con rứa chứ thấy các làng xuất thù, bắt một gái  
câu tù (5),

Hỏi xưng rằng tặc phụ (6) Ái Châu, hòa gian với  
Đoàn gia môn tử

Khâm phạm tra thân bắt khởi, tang tài quái khảm  
thộm gia (7)

Thế nào, của ấy có người on (8), nên con này  
toan thoát vòng (9).

*Sĩ Vọng viết :*

Dám phụ pháp nạn dung túng, tư tang tình khả  
thực khai (10) đi

*Ái Châu viết :*

Bầm tôi có biết tang tài chi ở mô.

*Sĩ Vọng viết :*

Hủy này, tiện lý bất khảng thuyết lai (11)

Quân ! Đem tra nó hình cụ tặc hành nghiêm  
vấn (12), à.

**Chú thích :**

*Khỏi lỗ :* tức khỏi chỗ. *Han :* tức hỏi han. Câu này phải hiểu rằng : viên thơ lại dùng lý luật để bắt giữ Ái Châu, xét hỏi

về việc thiếu hụt tang vật tài sản, chứ không phải xét hỏi về việc đàm hôn. Về việc đàm hôn nếu không bắt được cả hai người ngay tại chỗ, mà chỉ giữ một mình đàm phụ thì trái với tắc lệ trong luật-pháp.

2. *Tạ* : tống cổ, nghĩa là nên phải.

*Tê* : tống cổ, nghĩa là rõ ra, sáng ra.

3. Đoạn này là lời viên thư lại tịnh bày với quan thanh tra, nên bắt đầu bằng tống « dạ ».

4. Ý nói hội đồng với chức dịch hàng tổng, hàng xã, đem tài sản nhà phạm nhân ghi hết vào sổ.

5. *Xuất thú* : ra mặt tố cáo. *Câu tù* : bắt giam giữ.

6. *Tức phụ* : con dâu.

7. *Khâm* : kính cần. Ở đây nghĩa bóng là chỉ triều đình.

*Khâm phạm* : người phạm tội với triều đình. *Quãi* : treo. *Quãi khiếm* : thiếu hiện vật, chỉ biên tên treo vào sổ mà thôi. Câu này ý nói : đã tra hỏi người can phạm để thu lại hiện vật, nhưng phạm nhân không chịu trình bày, tang vật tài sản rất nhiều thứ thiếu không có hiện vật, chỉ biên tên treo vào sổ mà thôi.

8. *Oa* : do danh từ « oa trữ » nói tắt, nghĩa là chứa chấp giấu giếm đồ vật.

9. *Thoát võng* : lọt lưới. Ở đây nói Ái Châu toàn thoát khỏi lưới pháp luật.

10. Ý nói theo pháp luật thì đàm phụ kia khó có thể buông tha được. Vậy thời tình hình tang vật giấu giếm như thế nào phải khai dịch xác.

11. *Ti* : đời xưa dùng danh từ này để gọi người phụ nữ mất hết tự do, bị người ta mua bán, làm mọi việc sai trái như đi tĩ, đi thiếp v.v... *Tiền ti* : người đi tĩ làm những việc thất tha như nhuộm, không còn tư cách một người phụ nữ nữa. Câu này ý nói : con liện ti không chịu khai rõ sự việc.

12. *Hình cụ* : đồ dùng để tra khảo người phạm tội hình như vồ, hộc roi v.v... Theo pháp luật đời xưa, mỗi khi tra khảo phụ nữ chỉ được phép đánh bằng roi, không được dùng trượng. Vì roi là một thứ hình phạt nhẹ nhất trong « ngũ hình ». Câu này là lời viên thanh tra truyền cho quản lĩnh đem ngay vồ hộc và roi ra để tra hỏi một cách nghiêm ngặt.

*Ái Châu viết :*

Xin ông đừng khảo tẩn, để tôi chịu cung chiêu  
Số là cha chồng tôi, gửi nhà sui trán hầu của nhiều  
Trông gia lão hải hà lượng cả, xuống phúc cho  
tôi nhờ (1)

*Sư Vọng viết :*

Tang kia đã quả, tội nợ khôn dung  
Pho các gã lại phòng (2), tịch Lâm gia tài sản.

*Thơ lại viết :*

Khảm thừa giáo mệnh tịch tẩn gia tài,  
Nhập tổng bộ kê khai, đặc tang tài nhất vạn (3).

*Sư Vọng viết :*

Này ! Bộ thơ tướng khản, tang số thừa trừ (4)  
Cùng thiếu Lâm Vương vạn dư, nhưng còn thiếu  
ba chục nữa  
Nên phải, phát mãi Ái Châu tam thập  
Quản ! Đem giao hẩn cho làng sở tại, rồi qua bẩm  
cùng quan án (5) vậy

**Chú thích :**

1. *Gia lão* : chính chữ là « lão gia », nghĩa là cha già. Danh từ này vừa có vẻ tôn kính, vừa có vẻ tăng bốc.

*Xuống phúc* : định chữ « giảng phúc » nghĩa là sinh phúc hoặc làm phúc. Câu này ý nói : mong cha già độ lượng rộng như sông bể mà sinh phúc cho.

2. *Gã* : ngày xưa, người trên dùng tiếng này để gọi người dưới quyền mình. *Lại phòng* : phòng văn thư giữ về việc quan



lại. Vì Lâm Vương không bị dấn kiện, nên không phải viên thư lại ở phòng Hình đi tịch biên. (Câu này ý nói : giao phó cho các người giữ công việc phòng quan lại.

3. Ý nói đem toàn bộ tang vật và tài sản đã kê khai cộng với nhau được một vạn.

4. Ý nói xem kỹ toàn bộ giấy tờ, đem sổ tang vật tính nhân với nhau.

5. *Quan án* : tức quan, án sát tỉnh Giang Tô. Vì Lợi Đò giữ chức quản đạo Tô Châu, thuộc dưới quyền viên án sát này.

Án viên nhà môn thiện tập (1), rồi thôi.

Tang tài đúng khổ tấu văn (2)

Chúng dùn ! Khá trở về an nghiệp làm ăn.

Rồi ta, lâu lại dặng trư loài tham trá.

### *Thôn trưởng viết :*

Mụ kia, quan đã cắt giá (3), mụ phải vâng lời

Giao thầy ló và hai (4), bàn bạc kìa ba chục,

Quan kỳ nửa tháng (5) bán không xong thì có tội đó.

### *Trám bá viết :*

Mình ốc mình ốc, mang rêu mang rêu,

Như Ái Châu là : chẳng phải mặt quán lều, hóa  
ra tuồng dĩ điểm (6)

Mình làm không giấu giếm, người hết thấy chê bới

Cha chả ! Quan hạn kỳ cấp tợ hỏa bài (7) ;

Ơn ai cho tiên sư xui, ai linh thoát ắt mừng châu  
hái (8)....

*Chú thích :*

1. Ý nói nhà môn án sát thảo biện tập án văn rìeng. Vì hổ con Lâm Vương không phải là quan chức, nên về tội oa trư

lang vật nhà Lợi Đồi không thuộc thẩm quyền quan thanh tra, mà do quan án sát Giang Tô kết án.

2. Ý nói lang vật và tài sản đã tịch biên đem nộp vào kho công và tiêu lên triều đình biết.

3. *Cát giá* : cũng nói là đặt giá, tức là giá ba chục.

4. *Và hai* : tiếng cổ, nay ta thường nói « vài ba », tức là số lượng ít không nhất định.

5. *Quan kỳ* : kỳ hạn do quan trên định.

6. *Mặt quân lều* : người lữ bước, người lưu lạc, không nơi nương nhờ, phải nằm lều, nằm quán.

7. *Bài* : thường gọi là thẻ bài, làm bằng gỗ, hình chữ nhật có chuôi cầm. Mặt sơn trắng để tiện viết chữ. Khi sai lính đi làm việc gì thì quan phôi chữ vào (thẻ bài và giao cho lính mang đi để làm phù hiệu. Việc nào cần gấp (thời dùng thẻ bài có khắc chữ « hỏa » (việc nóng như lửa).

8. *Ấn mừng châu hát* : ngày xưa, người nào gặp việc khó khăn, mà có người ngoài giúp đỡ làm được xong xuôi, thì người chủ sự mời người giúp mình đi hát một châu để mừng lại. Câu này ý nói: Trâu Bà cầu khẩn lên sư sãi khiến người nào đến nhận lệnh Ái Châu đem đi cho rảnh, thì sẽ mừng một châu hát.



## HỒI THƯ BA

**Ồn bà đem Ái Châu đến ở với Vô Hà. Vô Hà muốn cho Ái Châu vậy duyên với Kim Ngạo**

*Ồn bà viết :*

Tờnra cô, số là :  
Cò một người, chất ngàn vàng xinh quá, bạc tám  
nén giá cao  
Lại có một con thể nữ nữa, lời e thương quạu ngài  
Thấy hươ nguyệt lại yêu, chuyện bươm ong thêm  
bực, chẳng ?

*Vô Hà viết :*

Quân tử vốn lòng chánh trực,Ồn bà chớ dạ tru nghi,  
Giá thấp cao cũng chẳng nài chi, người giùm đỡ  
miễn là cho có  
Dũ Đức, lấy bạc đưa cho bà.

*Dũ Đức viết :*

Quân ! TheoỒn bà qua đó, đem phụ nữ về đây.

*Quân viết :*

Nhị nữ đã tấn lai (1)  
Vậy thời, hậu thương nghi an trí (2), à.

*Ái Châu viết :*

Phương đông trời ló thấy, lâu bắc trống nhặt lan.  
Bỏ chị em

Ai có lược còng gương, cho tôi mượn, dặng gờ  
dầu soi mặt.  
Thượng hạp ẻ! Phấn mai đã lem luốc, mày liễu  
càng sửa sang  
Đủ đồ cha chả, đã đủ món diêm trang phái ra  
tay tu lý (3) à

*Ngâm thơ viết:* Cỏ bụi từng quen lúc đôi thay  
Nét mày như nguyệt, tóc như mây  
Sơ gương mình lại yêu mình bấy  
Chấp mối tơ duyên thế cũng ngày.

(Chú thích)

1. *Nhị nữ*: hai người con gái, ở đây chỉ Ai Châu và người hầu gái của nàng.

2. Ý nói đến cho được yên nghỉ ở khoang thuyền phía sau lái.

3. *Tu lý*: sửa sang, tô điểm mặt mày cho xinh xắn.

*Hạnh, Quế (1) viết:*

Ủa này! Kìa là Tiểu Yến, nọ chẳng Đại thơ (2);  
Tôi đây những bao giờ, làm sao ra thế ấy?

*Ai Châu viết:*

Trời đã khiến vậy, nói chẳng xiết bao.  
Hay ở với bà nào? Chớ tao thời tôi đây ban lồi  
(3). đó.

*Hạnh, Quế viết:*

Thưa cô, ông Ngọc chức làm nguyên soái, bà Hà  
phước đẻ con trai.



*Ái Châu viết :*

À, nghe thội đường tình đường say, nghĩ lại lỡ  
cười, lỡ khóc.  
Xấu hổ cha chả này ! Dầu mượn nước sông trong  
mấy khúc  
Rửa sao phai mặt thẹn muôn đời.

*Hạnh, Quế viết :*

Thưa cô, phụ nhân tôi cho mời cô.

*Ái Châu viết :*

À hay, bĩ nhất thời, thử nhất thời (4),  
Có mời thời tao đi thế, tri diệc lãn, loạn hề diệc  
lãn (5).

**Chú thích :**

1. *Hạnh, Quế* : tên hai người hầu gái ở với Vô Hà đã từ lâu.
2. *Tiền Yển* : tên người hầu gái của Ái Châu. *Đại thơ* : chỉ Ái Châu.
3. Câu này ý nói : Ái Châu lúc nào cũng giữ giọng kiêu căng. Mời đến ở để nuôi con cho chủ nhà mà đã gọi các người hầu gái cũ của chủ là « bầy » và tự xưng mình là « tao ».
4. Ý nói trước kia là một thời thế, bây giờ là một thời thế.
5. *Tri diệc lãn, loạn diệc lãn* : đời thái bình cũng tiến thân, đời loạn lạc cũng tiến thân. Câu này là lời của Mạnh Tử nhận xét hành động của Y Doãn nhà Ân Thương. Ở đây có nghĩa hay cũng ở, dở cũng ở.

*Vô Hà viết :*

Thưa tôi non ngày non tháng, xin cô miễn tội,  
Mỗi mặt lòng cầm khôn vững, lối lữn mặt nhận  
chưa lường  
Cô nghĩ lại mà thương, lữ dãm đầu có khác (1).



Tôi muốn nắn răng mà hai gói dặng chồng chung.  
Còn, ba bà về giúp một, ước cô có đành cùng  
không?

Ngôi chánh thất nhường cô cho số,  
Phận thiên phòng (1) để lữ cũng đành,  
Chờ cho công sự hoàn thành, thời sẽ tư tình hội  
hiệp (2)

*Hạ viết:* Đờn đã lựa nhằm nhịp (3), buồn  
màu trở xuôi lèo.

Giã Tô Châu quán kíp gay chèo,  
về Tây quận ta loan xe chỉ.

*Văn viết:*

Tây quận ta loan xe chỉ.  
Họa may nhờ một cửa chung vai.  
Đục trong ai cũng như ai (4)  
Tuy thay duyên cũ còn dài tình xưa.  
Cánh bướm phôi nhẹ gió đưa.  
Tây thành tới đó, trao lữ lộ lời.

**Chú thích:**

1. *Thiên phòng*: buồng xếp, ở đây chỉ người vợ lẽ.
2. Ý nói chờ khi Kim Ngọc đã lo tnh xong việc công, lúc ấy vợ chồng mới sum họp để bày tỏ sự tình riêng.
3. Ý nói lời của Vô Hà đã nhằm đúng vào nguyện vọng của Ái Châu.
4. Ý nói người vãi vãi gian truân, người phong lưu phú quí, nhưng về danh phận thì ai cũng là phụ nữ cả.



Kim Ngọc không chịu kết nghĩa cùng Ái Châu. Ái Châu bèn đến thư trai của Kim Ngọc có ý trêu tình, nhưng Kim Ngọc không màng đến việc gió trăng. Ái Châu sai Tiều Yến đem thư tỏ hết sự tình của mình với Kim Ngọc. Tiều Yến bị khảo kẹp. Vô Hà đi vào chùa để tu. Ái Châu, Vô Hà từ biệt nhau.

*Kim Ngọc viết:*

Biển đã thanh lăm ngọc, thành lại bặt khói lang (1),  
Chánh thanh dân ngự cam đường, phước hậu nhà  
roi đơn quế.

*Vô Hà viết:*

Thưa, có một việc tôi tình đã lâu;  
Dám bày lời tỷ tỷ, lại e hóa ra chuyện dần dần;  
Thưa, người cũng đã nên thân, tôi nhẩm đã nhẩm mọ.  
Hễ nhà quan thời phải có cơ thiệp mới dặng, nên tôi.  
Tình ngài nhà còn thiếu, nhờ lộc nước cũng thừa.  
Số là tôi, hạn với gái dương lơ, nàng cùng tôi kết lóc.  
Như nàng, quả độc trung mỹ ngọc, thiệt nhan  
thượng luân hoa (3)  
Em, muốn cho bốn biển hiệp một nhà.  
Tướng công đường đường nhứt vị chư hầu, mà  
Lệ háng có ba cung hòa sáu viện (4).

**Chú thích:**

1. *Tầm ngọc*: cá sấu vẫy vùng ở đáy biển làm cho nước nổi lăm. Văn học cổ thường dùng danh từ này để tượng trưng cho những cuộc bạo động ngoài biển.



*Khởi lang* : dịch chữ « lang yên ». Đời xưa nơi biên cảnh xa xăm có lập « phong hỏa đài » ở trên một cao đồi, bề khi có biến động về giặc giã, thì đốt phân chó sói (lang) lên báo hiệu cho các đồn lũy gần biết mà đem quân đến cứu viện. Câu này ý nói : trên rừng, dưới biển đều bình an vô sự.

2. *Đơn quốc* : do điển Đậu Quân đời nhà Tống có năm người con đều hiền đạt, nên người ta gọi là năm cành đơn quốc.

3. *Độc trung mỹ ngọc* : hạt ngọc quý ở trong rương.

*Nhan thượng thuấn hoa* : nét mặt đẹp như hoa cây mọp càn.

Câu này phỏng theo một câu trong thơ Hữu nữ đồng xa ở sách Mao thi.

4. *Lệ hằng* : tục lệ thông thường. Câu này và câu trên ý nói : Kim Ngọc được vua phong tước hầu, đương hoàng như là vua một nước nhỏ. Theo lệ thường sẽ có ba vợ và sáu nàng hầu.

### *Kim Ngọc viết :*

Phu nhân! thời,

Công danh như bão ảnh, còn phù quý tợ phù vân (1).  
nữa ma.

Niệm hạ quan bản bịnh chi thân (2), ai ngờ may  
còn lại đây là :

Tạ hiền phu thành toàn chi lực (3).

Nay hạ quan đã lập thệ rồi chằm tịch thệ vô nhị  
dức (4).

### *Vô Hà viết :*

Thưa, nay khác xưa khác má.

### *Kim Ngọc viết :*

Ái thôi, khuê môn bình vật hư đấm (5) ;

Phu nhân dấu phạm sự tất lắm, hạ quan cũng xuất  
ngôn bất tái (6).

### Vô Hà viết :

Khó cha chú ! Mà không can chi.

Muốn ghe thẳng vô vàm không sai (7).

Thời, phải chèo xuôi theo nước mới êm.

Đốt một phen mà lòng sắt ohư mềm.

Chừ ta phải chờ đã, uốn nhiều chuyễn mới cây  
phải dịu (8).

#### Chú thích :

1. *Bào* : cái bọt trên mặt nước. *Ánh* : cái bóng ở trong gương  
*Phủ vẩn* : đám mây lơ lửng trên không. Câu này ý nói :  
công danh phú quý giống như cái bọt, cái bóng và đám mây nổi  
mà thôi. Nó không phải là cái gì bền vững cả.

2. *Niệm* : nghĩ, tự xét mình. *Hạ quan* : quan nhỏ giữ chức  
thấp kém (lời nói nhún). Câu này tả lời Kim Ngọc nói với vợ :  
tôi tự nghĩ thân tôi vừa nghèo vừa đau ốm.

3. *Tạ* : nhờ, nương tựa. Câu này ý nói : nhờ được công  
sức người vợ hiền sẵn sóc chu đáo

4. *Ukhum tích* : gói và chiu. Ở đây tượng trưng cho tình  
vợ chồng.

*Vô nhị dục* : không ăn ở hai lòng.

5. Ý nói việc hưởng thọ xin chờ bần luận viễn vông

6. *Phạm sự tất tam* : gặp việc gì cũng suy nghĩ kỹ lưỡng  
đến ba lần.

*Xuất ngôn bất tái* : đã nói ra là một mực không thay  
đổi lại nữa.

7. *Vàm* : cửa sông. Câu này liên nghĩa với câu dưới ý nói :  
muốn cho ghe vào vàm một cách thuận lợi, thì phải dựa theo  
dòng nước chảy mà bỏ chèo xuôi.

8. Ý nói cây tre vẹo, muốn cho thẳng thì phải uốn lại.  
Nhưng khi uốn phải dần dần, thì đầu mắt cây tre mới không  
nở mà dịu lại.

*Ái Châu viết :*

Đã biết mình làm mình chịu trách vi ai khiến ai xui ;  
Tiếc thân phận vô hồi, nghĩ nhân duyên thêm bức.  
Như Kim Ngọc ni : Dòm xem thấy mặt, thăm tui  
cho mình.

Cái người màu răng đã khỏi ngó mà lại cò tái nữa.  
Quả Kim Ngọc tai linh, đề Vô Hà hân thọ dụng (1).  
Gặp phận mình lúng lúng, cây tay nó mở mang.  
Sau đầu kết hạn loan, nó sẽ kiếm lời sọc ôc (2).  
Mình về đây lời này không thấy nó (3) nói chi đến  
mình.

Nghĩ chẳng ra cái cóc, còn vợ chồng nó, cứ đeo  
mãi như sam.

Vậy thời con này nó cắt mình giữ con cho nó  
đầy má.

Mình nghĩ giận cầm gan, dứa thiệt nên treo lưối (4);  
Tao biết rồi, chẳng đủ miệng mo, có đầu cho bỏ  
đài (5);

Ta nghe Kim Ngọc ở tại hoa viên, ầu là :

Hoa viên kịp tới, mặt ngọc tỏ trình,

Cơn rưn chữ, đồng đưa một chiếc thuyền tình,

Dần mà Kim Ngọc là phải Bồ tát đi nữa, là cũng  
phải,

Chim dầm mấy con sóng sắc (6) chờ.

Tốt a ! Đồ thư doanh kỷ trác, còn chằm bị liệt văn  
phòng (7).

Thế chỗ ni là chỗ Kim Lang nắm đây má, vậy thời.

Ấu tam giấc hải dương ngò khoe màu thực  
được (8)

**Chú thích :**

1. *Thọ dụng* : nhận lấy làm của sở hữu của mình để sử dụng riêng.

2. *Lời xóc ố* : lời qua tiếng lại, làm đắc cử tại; chẳng khác nào người xóc cái rô có dụng vô ố.

3. *Nó* : chỉ riêng Kim Ngọc, khác với chữ « nó » ở câu dưới là chỉ chung Vô Hà và Kim Ngọc.

4. *Trạo lười* : ý nói giọng lười trạo trạo, nói không thật, mỗi lúc nói một cách.

5. Câu này dẫn câu tục ngữ cổ.

6. *Sóng sắc* : nhan sắc người con gái tuy không phải là sóng nước, nhưng có thể làm chìm đắm người ta. Câu này thoát ý câu : « Sắc bất ba đào di nịch nhân ».

7. *Hồ thư doanh ký trát* : sách vở xếp đầy trên ghế trên bàn.

*Châm bị liệt văn phòng* : gối chân đề in liệt ở trong phòng.

8. *Giấc hải đường* : do điển vua Minh Hoàng nhà Đường thấy Dương Quý Phi ngủ, nói bỡn rằng : « Hoa Hải đường ngủ chưa đầy giấc à ? » *Màu thực được* : hoa thực được có màu sắc lộng lẫy, như muốn trêu ghẹo người ta. Ngày trước, một số trai gái dân lãng nước Trinh hay dùng hoa này lộng lẩn cho nhau (Mai thi).

***Kim Ngọc viết :***

Ừa này ! Hà xir lai yêu nghiệt, cảm loạn nhập hoa  
đình (1).

Nhược phi hoa nguyệt chi linh, tất thị tiên tương  
chi họa (2).

***Ái Châu viết :***

Tôi là người ta, có phải yêu linh chi

Vốn thiệt người dân giả (3); chẳng qua, tôi tỏ nỗi  
bất bình;

Quyết phi hoa nguyệt chi linh, vị hữu thủy bình  
chi cò (4)

*Kim Ngọc viết :*

Đó lời bày tình khỏ chờ đây vốn thiết chỗ nhân.

*A hoàn viết :*

Bầm phu nhân cho mời ông.

*Ái Châu viết :*

Một đà giao mặt, lòng rất mừng lòng :

Ái di, dắt chàng Ngọc vào vòng, mà bị con Hoàn  
phá đám.

Ái Có phải chi nơi con Hoàn, tại Vô Hà nó ghen  
đó thể,

Tại Vô Hà lắm lắm, hân bữa thi nữ giăng giăng (5).

Nói thiết, lao dầu lỗ hội gió trăng, mây cũng mang  
lại sấm sét.

Một, lắm lòng vàng gia giết, năm canh mặt ngọc  
mơ màng,

Nhấn dầu cổng tử Ái Lang, cùng với Đoàn gia  
môn tử :

Hân cũng là, đừng phong lưu một thuở, đó mà thời,

Sao cho bằng Kim lang đáng tài mạo đủ điều,

Phải chi, đừng một bữa ếp yêu, mới phải tấm tình  
mơ ước.

Hừ a, canh lầu đa nhất thức, túi trì (6) lại sẵn đây.

Ấu là, kip mau về nga my (7), lời trao lời hồ hoặc (8).

**Chú thích :**

1. Ý nói: giúng yêu quái ở đầu đến đây mà dám xông xáo vào vườn hoa này?

2. Ý nói nếu không phải là yêu tinh hoa nguyệt, tất nhiên vào dóm ngó chực gây tai họa trong nhà.



3. *Dân giả* : người dân thường.

4. *Thủy bình* : cảnh bèo trên mặt nước, tượng trưng cho cảnh trời giạt. Câu này ý nói : chưa có chứng cứ gì mà bảo là bị trời giạt, bạ đâu vào đấy.

5. *Bủa thi nữ giồng giồng* : ý nói Vô Hà tung những gài hầu đi dò la hành động của Ái Châu, chẳng khác gì người đánh chài bủa lưới khắp sông để bắt cá.

6. *Túi tri* : dịch chữ « tri nang » (do điển Tiêu Thố nhà Hán), ý nói có nhiều mưu mẹo khôn khéo, lúc nào cũng dụng sẵn sàng dây túi.

7. *Vẽ nọ nọ* : vẽ mây ngai. Dùng điển Trương Sưởng nhà Hán tô điểm lông mi cho vợ, để được ra nhìn.

8. *Ilh hoặc* : theo Ngoại sử thi giống cáo có đặc tính giao quyết. tu luyện nhiều năm sau thành yêu tinh (cũng gọi là « bô tinh ») biến hóa thiên binh vạn trạng để làm mê hoặc người ta.

### *Quan nhơn viết :*

Khoan đã! Bất hứa nhập bất hứa nhập! thả xuất  
lại thả xuất lại (1)

Quan lớn đương trong trường nghĩ ngợi.

Có à chớ ngoài mình không lướt, mà lợi đến ta chừ.

### *Ái Châu viết :*

Thằng sao lúc lác, ai mượn thấy lay (2);

Cấm là cấm ai té, chớ mi không biết lao đây sao?

### *Quan nhơn viết :*

Không biết, chớ không nghe người ta nói à.

Với phu nhơn kết chị em này (3), là thuở nào kia,

Chớ bây chừ là : eung Tiều Yến đòi thầy ló xác (4),  
đó mà.

*Ái Châu viết :*

Thằng kia tao nói cho mày biết  
Kim Ngọc vốn là chồng trước, còn Vô là hân  
thiệt lở xưa.  
Giữ hồn lấy, đừng nghe tiếng lăm phơ, ắt mang  
tai chết hụt.

*Quán nhơn viết :*

Cấp trac cấp trục, xuất lai xuất lai.  
Cứ giữ thế lùm hoai, đừng chọc dầy mắng hủy (5).

*Ái Châu viết :*

Ờ! thằng khéo tro mặt khỉ, nó lại dờ chừng dè:  
Tao hỏi, nhẩn tao dầy mi cần lại dầy, chớ con đó  
nó đi đâu đó?

**Chú thích :**

1. *Bất hien nhập* : không cho vào. *Thả xuất lai* : thả ra ngoài kia. Đây tác giả tả người lính canh cửa đuổi Ái Châu ra, không cho vào chỗ Kim Ngọc nghỉ.

2. *Lắc lắc* : tiếng miền Trung, nghĩa là «lắc lắc» tiếng ngoài Bắc.

*Thầy tay* : can thiệp vào việc không dính dáng đến mình.

3. *Mày* : tiếng cổ nghĩa là nuôi. Tiếng này hiện nay một số địa phương ở Phú Thọ, Tuyên Quang, Thái Nguyên... vẫn còn dùng trong trường hợp nuôi súc vật, hoặc con nuôi (mày trâu, mày bò, hoặc con mày).

4. *Xác* : lức xác xơ, đói rách, không còn màu mè gì.

5. *Đừng chọc dầy mắng hủy* : ý nói đừng chệch chọc lời mà sẽ rước lấy lời mắng nhiếc.

*Quán nhơn viết:*

Khéo nói không.

Ai cấm chi chúng nó, bởi vì có linh bà chớ.

Như chúng nó là: Vững bề hoa chớ không phải  
bơm (1) đáng hoa

‘ òn cô mi, muốn trao ngọc mà chẳng ai mua ngọc (a)

Thôi kiếm chỗ khác mà đi đi cho rồi sao? (b)

*Ái Châu viết:*

Lóng (2) canh gà trần trọc, nường gối phụng ngựa  
nghiêng.

Nghĩ lại, chẳng phải lỗi cơ duyên, xui chi điều  
giải cấu (3).

Có chữ rằng: Ái lai như ái mạng (4). Kim Ngọc  
chưa biết lai lá:

Đạo Uẩn lai kia còn giấu, chớ Văn Quán sắc nọ  
đã nhường (5).

Ta không gặp Kim Ngọc đặng, phải viết thơ nói  
mời lặn từ (6).

Àu là « tuyết diệu » mau kíp thảo một chương.

Còn « bảo từ » trước tỏ rồi bốn vận (7).

Ta phải, dạy Tiên Yến ngược xuôi tương lặn,

Kim Ngọc có hỏi thời, sứ Tùy là (8). đưa đây  
cho liền mới đặng.

Xin cho chuốc ngọt lười Thuyền, ắt đặng say sưa  
lòng Đồng (9).

Khảo đi

(a) Bản B chép: ... mà chẳng ai mua ngọc, *thôi đi ra*.

(b) Bản B chép không có câu này.

**Chú thích :**

1. *Bơm* : tức đĩ bơm, lời nói nhểc móc.
2. *Lóng* : cũng nói là ngóng, nghĩa là mong đợi.
3. *Giải oã* : gặp nhau bất ngờ, không có sự hẹn trước.
4. Ý nói yêu người tài hoa như yêu một mạng của mình.
5. *Đạo Uân* : tức Tạ Đạo Uân, con gái Tạ Dịch đời Tấn, là một người tài hoa, ăn nói hoạt bát, văn thơ bóng bẩy.

*Vân Quân* : tức Trác Vân Quân, con gái Trác Vương Tôn, người huyện Lâm Cùng nhà Hán. Một hôm Tư mã Tương Như đến chơi nhà Vương Tôn, thấy Vân Quân đẹp mà gón chồng, bèn gảy khúc đàn « Phụng cầu kỳ hoàng » để gheo, đến đêm Vân Quân trốn theo Tương Như. Câu này tác giả tả Ái Châu tự cho mình là tài hoa và nhan sắc, không kém gì Đạo Uân và Vân Quân.

6. *Nói mới tận từ* : mới nói hết được lời lẽ.
7. *Tuyệt diệu* : tức thần diệu tuyệt vời.

*Hào từ* : lời văn tươi đẹp.

8. *Tùy Hà* : một viên sử thần của Lưu Bang nhà Hán thạo về khoa ngôn ngữ. Tùy Hà đã khuyên dụ được vua Cỗ Giang là Kinh Bồ phân bội Hạng Vũ nước Sở mà về với Lưu Bang. Ở đây Ái Châu có ý vì Tiểu Yến là Tùy Hà, gái khéo mồm để quyến rũ Kim Ngạc.

9. *Chuồn ngọt* : tiếng cồ, nghĩa là khuyên mời ngọt ngào.

*Lưỡi Thuyền* : giọng lưỡi của Diêu Thuyền.

*Lòng Đồng* : bụng dạ của Đồng Trác.

Do diên Diêu Thuyền đã chuốc rượu và dùng những lời ngon ngọt làm cho Đồng Trác xiêu lòng (Tam quốc chí).

**Tiểu Yến viết :**

Thưa cô, bảo từ trước vốn đã nằm bụng.

Còn tuyệt diệu nay chưa trải con người (1). Thưa cô,  
Đọc qua sẽ bỏ vào tai, đừng, tôi đó nói cho in-  
miệng (2).

*Ái Châu ngâm viết:*

Vậy thời con nín mà nghe (3) à,  
Thiếp vốn nhà Lâm hiệu Ái Châu.  
Vi chàng trực tiết bấy nhiều lâu;  
Ngồi thầy, lờ chuyện vầy loan phụng (4)  
Miêu để trông chân, dèp để đầu (5).

*Hựu viết:* Nghe dặn, vườn lê lừa nép bóng,  
thơ ngọc sẽ trao chàng;  
Thưa thốt khà vừng vàng, còn  
đứng ngồi đứng trảng đú (6), nghe.

*Tiêu Yến viết:*

Trông ơn các hạ, tỏ nỗi hung trung (7),  
Coi toi dạy: gửi bức thơ phong, cúi dằng qua công  
phủ.

*Kim Ngọc viết:*

Mi nay mấy tuổi?

*Tiêu Yến viết:*

Thưa, tôi mười lăm tuổi.

*Đã thích:*

1. Câu này và câu trên ý nói: thơ trước vẫn còn nằm trong bụng này, thì thơ này chưa thể đưa đến được.
2. *Nói cho in miệng*: nói đúng như in những lời chủ đã dặn.
3. *Nín mà nghe*: im lặng để ý mà nghe.
4. *Ngồi*: ở đây tức ngồi vợ cũ. *Ngồi thầy, lờ chuyện*: ngồi vợ cũ chính là của thầy (chỉ Ái Châu) mà nay lại chuyển cho đây lờ (chỉ Vô Hà).



5. Ý nói mũ và dép để ngược, mất cả thứ tự trên dưới.

6. *Đứng ngồi trắng đá* : ý nói đứng ngồi phải ngay ngắn, nghiêm trang.

7. *Các hạ* : danh từ tôn xưng các viên đại thần, cũng như danh từ « bệ hạ » để tôn xưng vua chúa và danh từ « điện hạ » để tôn xưng thái tử. *Tỏ nỗi hung trung* : bày tỏ về mọi sự việc vẫn còn đè trong bụng.

*Kim Ngọc viết :*

Đứa coi thời khờ lú, mà hấn chịu những việc trở  
trình (1).

Ta vốn không bà con chi với cô mi, mi lại đem  
thơ đem từ.

Con này thế, lãnh mối với Oanh Oanh, đem mối  
cho Quán Thụy (2) đây mà.

*Tiểu Yến viết :*

Bầm không phải mà, chẳng qua cô tôi :

Dốc tỏ bày nhưn ngãi, ai thấy đặng can tràng,

Nói không hết nguồn cơn, nên viết thơ, coi thời  
tường tự sự (3).

*Kim Ngọc viết :*

Có mi hay chữ, ta phải coi thơ — Đọc thơ vân vân.

Thơ ni, tuy có tốt văn từ, nhưng mà còn chưa  
thông nghĩa lý (4).

Ta hỏi, bé dại ở cùng Lâm thị, hay là lớn khôn  
theo với Ái Châu.

Nói cho thiệt, mi khá tỏ đuôi đầu, la ngỗ (5) tường  
cối rề.

*Tiền Yên viết :*

Bầm thương quan thuở lọt lòng cha mẹ. lười theo  
cũng ông bà :  
Ông ba coi tôi, thiệt chẳng khác ruột rà, dám biết  
chỉ tơ tóc.

*Kim Ngọc viết :*

Cô ả nói trong thơ ngọc, vợ ta chẳng phải tên  
Châu (6) ?  
Vợ con đã mấy năm lâu, mần rảnh, tên họ có hai  
người giống (7) ?

**Chú thích :**

*Khờ lủ :* khờ khạo lủ lủ, ý nói ngờ nghệch, thiếu lanh lẹn, tháo vát. *Trở trình :* từ cở, nghĩa là khó khăn học búa. Danh từ này ngày nay chỉ còn một số địa phương ở Tuyên Quang, Phú Thọ ... vẫn còn dùng, nhưng họ nói chệch là « trở trảng ».

2. *Oanh oanh :* tức Thôi Oanh Oanh. *Quân Thụy :* tức Trương Quân Thụy. Hai người này ở đời nhà Đường, say mê nhau, thơ từ qua lại đều do người đây từ gái là Hồng nương làm trung gian, đề hai bên cùng nhau chẵn gối vụng trộm. (Tây sương ký). Ở đây tác giả mượn điển này để tả lời Kim Ngọc nói Tiền Yên của Ái Châu không khác gì Hồng nương của Oanh Oanh, chỉ làm việc môi giới cho hai bên trai gái gặp nhau.

3. *Tương tự sự :* rõ được việc riêng.

4. *Nghĩa lý :* ý nói đạo nghĩa của trời đất, luân lý của loài người.

5. *Ngô :* nói tắt tiếng « ngô hầu », tiếng cở, nghĩa là may ra mới có thể, họa chăng.

6. Ý nói vợ ta chẳng phải tên là Ái Châu đó ư ?

7. *Tên họ có hai người giống :* câu này tác giả tả Kim Ngọc vẫn chưa biết rõ tên thật của vợ là Thạch Vô Hà, nên cứ tưởng là hai người trùng tên nhau.

*Tiểu Yến viết :*

Dạ, việc ấy tại ông bà tôi :

Là nghe đại gia hưng tin, cùng hầu phủ bịnh cũn (1).  
Nên ông bà tôi không ưng, thôi hôn mới mượn  
kê trả hôn.

Còn bắt giá lại kiếm nơi cải giá (2), nữa mà.

*Kim Ngọc viết :*

Cải giá rồi, còn tiếc chi nữa mà nói.

*Tiểu Yến viết :*

Nhưng mà không, tiểu thơ không khứng dạ.

Tam thứ tôi liễu mình (3), ai ngờ may,

Gặp Trần hầu cứu sinh (4), về Giang Châu bảo dưỡng.

Bởi vậy sau bà bán cả thầy cả tớ cho phu nhưn (5) đó.

*Kim Ngọc viết :*

Nghe qua rất chường (6), nghĩ lại nực cười,

Nếu ông bà mà có biếp cô mi, thời,

Liều mình vốn có một người, theo thác làm chi  
hai mạng

Còn Trần hầu đã cứu người ta làm phước, ai đi,

Nuôi chẳng nuôi mấy tháng, có đâu bán đặng bán  
hai người?

Như mi là, giấu đầu đã bày đuôi, quân! Lấy kẹp,  
kẹp nó.

Đau chơn thì hủ miệng, nói cho thiệt kéo chết, chứ.

Chú thích :

1. *Hung tin* : tin dữ, chỉ việc Ngạn Yâm bị Tiêu Hóa Long bắt.  
*Bệnh cũn* : gốc rễ của bệnh, chỉ việc Kim Ngọc mắc bệnh phong.
2. *Thoui hôn* : phản bội việc gả con. *Mượn kẻ trả hôn* : mượn người khác để gả bằng cách giả trá. *Kiểm nơi cải giá* : tìm nơi để gả cho người khác.
3. *Khằng* : dịch chữ « khằng ». *Khổng khằng da* : không bằng lòng, không chịu theo. *Tam thứ* : bến sông.
4. *Trần ầu cứu sinh* : bà gả họ Trần cứu cho được sống. Ở đây tác giả tả lời Tiêu Yến nói quanh co, thực ra Trần ầu đã mua Ai Châu bằng giá ba chục rưỡi.
5. *Phu nhơn* : ở đây chỉ vợ Kim Ngọc.
6. *Chướng* : tức chướng tai, khó nghe.

### *Tiêu Yến viết*

Đau lắm đề tôi khai thiệt.

Quan giáo tử đem tin nhận, tiểu thơ quyết nhả  
keo loan (1).

Viên ngoại mới dầu hoàn; phu nhơn hèn đại  
vãng (2).

### *Kim Ngọc viết :*

Lấy gương cửa cỏ hân, hiều khai cho thiệt.

### *Tiêu Yến viết :*

Lạ dạ, đề lời nói hể.

Cò tôi, Hà đình từ lánh nể, Ai Lang lời trở;  
hương (3) :

Yến anh trước đã chán chường, loan phụng sau  
bền vầy hiệp (4).

Đến khi Lợi công (5) ngồi quán đạo Tô Châu.  
 Ông tôi (6) đem lễ vật lời mừng, cô tôi không ho  
 vô, lại dạy rằng:  
 Lễ vật bao nhiêu thâu thập, quan dân không đứng  
 làn dân (7).  
 Sau lại đơn không đủ tổng làng, quan kinh bèn  
 bắt lợi.  
 Phu tử bèn bị trói, tang tã phải giam tra,  
 Thơ lại tịch hết nhà, liều thơ ra khỏi cửa (8);  
 Hòa gian cùng mòn tử, tróc hoạch nộp Hình  
 quan (9).  
 Trói trai gái một sào, lột trần truồng như nhộng (10).

**Chú thích :**

1. *Quan giáo* : chỉ Thành Trai, lúc ấy đang giữ chức giáo thụ.

*Keo loan* : dịch chữ « loan giáo » một thứ keo dùng để  
 gắn dây đàn đứt. Văn học cổ thường dùng danh từ này để nói  
 về vợ chồng gắn bó với nhau. Ở đây nói việc Thành Trai xin  
 cưới Ái Châu cho Kim Ngọc, nhưng Ái Châu lại không bằng  
 lòng lấy Kim Ngọc.

2. *Viên ngọc mới dầu hoàn* : chỉ việc Lâm Vương loan  
 chui đầu vào vòng để lự tử.

*Phu nhân bèn đại vãng* : chỉ việc Vô Hà về với Kim  
 Ngọc thay cho Ái Châu.

3. *Hà đình* : nhà làm trên hồ sen. Đây chỉ chỗ Ái Châu  
 nghỉ mát.

*Trộm hương* : dịch chữ « thâu hương ». Do điển con gái  
 Giã Sung đời Tấn, tư thông với Hàn Thọ, lấy trộm thứ hương  
 quý của Sung cho Hàn Thọ (Tấn thư).

4. Ý nói, trai gái trước đã chung chạ với nhau chề chán,  
 mới kết thành vợ chồng.

5. *Lợi công* : tức Lợi Đờ, bố chồng Ái Châu.

6. *Ông tôi* : chỉ Lâm Vương, người chủ nuôi Tiêu Yến.

7. *Làn dân* : tiếng cò, nghĩa là trò chuyện, bặt bẽ thân thiết.



8. *Tiểu thơ ra khỏi cửa* : ý nói đuổi Ái Châu ra khỏi đình thự Quán đạo.

9. *Hình quan* : viên quan giữ về việc hình luật, kiện tụng.

10. Theo đoạn văn đã trình bày ở trên thì khi lồng lộng đến bất, chỉ bắt được gian phụ là Ái Châu, còn gian phụ đã trốn thoát. Ở đây, có lẽ tác giả muốn dùng những lời chua cay nhẹ nhả để đã kích thói dâm tà thối.

Khiếm lạng nên quá trọng, hình lý phải nghiêm  
thâu (1).

Tiểu thơ lại vu chiêu, nên viên ngoại bèn lạng  
sâu (2).

Nhưng mà bạc còn thiếu :

Bạc thiếu còn lám nên, phát mãi cả hai người.

Trần Âu phải vâng lời, Giang Châu về cắt giá.

Cơn rứa chừ, gặp ông bà kinh quá, mựa thầy, lờ  
phản hồi (3).

Dạ dạ, lời thiệt tỏ đầu đuôi, lượng cao xin tỏ xét.

*Ái Châu viết :*

Lành dĩ nghe chưa sát, còn quở phạt thấy hết hồn  
Ồi thôi ! Việc dẫu những nứt niền, nó đổ sao cho  
chạy ăn.

*Kim Ngọc viết :*

Quân mở hân ra.

Giáo ty thời kẹp cẳng, dâm phụ lời dăng đầu (4).

Àu là, thủ phát nợ tay thâu, hữu đao kia lưởi  
xuống (5).

### *Vô Hà viết :*

À này! Tương công chi đến đổi dề đao lộng kiếm  
vậy (6).

Xin tương công mở lượng, tha phụ nữ làm ăn nào.

Dầu người lỗi trăm phần, xin vì lời dung một thác (7).

#### **Chú thích :**

1. Ý nói vì thiếu tang vật nên tội lại nặng thêm, và theo lý lẽ trong luật Hiaa thì phải tịch thu nghiêm ngặt.

2. *Vu chiêu* : chiêu xưng nạp trả. *Viên ngoạt bên từng sản* : tài sản nhà Lâm Vương mất hết.

3. *Ông bửu kinh quá* : vợ chồng Kim Ngọc đi qua. Mưa từ cổ (mặc cho thầy lờ phản hồi).

4. *Giáo lý* : đưa hầu gái giũo quyết. Câu này ý nói : Tha kẹp cho Tiểu Yến và đòi À. Chầu đến để hành lunh.

5. *Thủ pùat* : tóc tròn đầu. *Bừu đao* : thanh gươm báu. Câu này ý nói gọt tóc và chắm đầu.

6. *Đề đao lộng kiếm* : khoa trương đao kiếm.

7. *Dung một thác* : tha cho khỏi chết.

### *Kim Ngọc viết :*

Như bản xử bá đao cũng đúng (1).

Đã nên bằm nêu xắt (2), sao còn gián còn can.

Phải trước nghe lời phu nhưn, nhưc từng chằm  
tịch chi ngón.

Có phải à, chung bão khuê phòng chi Lối (3), rồi.

### *Ái Châu viết :*

Thưa tương công,

Tiện thiếp hữu hà đại lợi? tương công tu khả lịch  
trần (4).

Dầu trăm thác cũng ưng, xin một lời cho bạch  
(5), đã mà.

*Kim Ngọc viết :*

Như mi là

Nước hiền bắc, rửa như mi khôn sạch,

Còn tre non Nam ghi tội ả cũng khôn cùng (6).

Đề vậy chẳng ưng lòng, kẻ ra cho biết mặt.

Hề con gái phải theo thiên duyên làm trọng (7),  
ai đi.

Thấy mình ta lứt bệnh, bèn đem dạ phụ mình (8).

Viên ngoại quyết hủy mình, phụ nhưn bèn thay gả.

Mi lại, tác xảo ngôn khi ngã, rằng thủ tiết dầu hà (9)

Nhữ danh giá tận ma (10), thử thì nhất tội dã (11).

Chú thích :

1. *Bì đao cũng đáng* : dùng trăm đao để xử cũng đáng tội.

2. *Bào* : băm vụn cho nát vụn ra. *Xử* : chặt cho rời ra từng khúc. Ý nói làm cho thân thể rời nát ra từng mảnh.

3. *Nhược từng chữn lịch chi ngôn* : nếu nghe theo lời nói trong lúc cùng chung chẵn gối. *Chung bảo khuê phòng chi hối* : suốt đời mang sự hối hận trong chốn buồng thê. Câu này và câu trên ý nói : nếu Kim Ngọc mà nghe theo lời Vô Hà lấy Ái Châu làm vợ, thì suốt đời sẽ mang hối hận.

4. *Tiền thiếp tửu hà đại tội* : kẻ phụ nữ đề tiền này có tội lớn như thế nào? *Tướng công tu khả lịch trần* : quan lớn phải bày tỏ tình việc.

5. Ý nói dầu phải chết trăm phần cũng đành lòng, nhưng hãy xin ngài nói một vài lời cho tôi được rõ.

6. *Nam Nam* : tức Nam sơn, một ngọn núi mọc nhiều tre nhất ở Trung Quốc. Ngày trước, lúc chưa biết dùng giấy đề viết, gặp việc gì chỉ ghi chép vào thẻ tre chẻ mỏng. Ở đây ý nói nếu chặt hết tre ở núi Nam cũng không thể ghi hết tội của Ái Châu.

Câu này dịch thoát ý câu : « khánh nam sơn chi trúc, thử tội vô cùng » trong bài Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi.

7. *Thiên duyên* : duyên số vợ chồng do trời định sẵn.
8. *Phụ minh* : phản bội lời thề nguyện.
9. *Tác xảo ngôn khí ngã* : đặt ra lời giả dối để đánh lừa ta.  
*Thủ tiết đàn hà* : giữ tiết ngưỡn giec mình xuống sông.
10. Ý nói mai sẽ mất hết danh giá người phụ nữ.
11. Ý nói đây là một tội vậy.

### *Ái Châu viết :*

Thưa tướng công cho lời nói một hai điều :

*Loạn viết* : Khởi thị lương duyên do túc đế (1),  
Vì trời khiến lời với lương công không gặp nhau,  
cho nên,  
Phiên giao tiện thiệp hỏi hôn kỳ (2).

### *Kim Ngọc viết :*

Ấy là tội thứ nhất (a). Hễ chọn thân đàn bà, lấy  
trinh tiết làm trọng.  
Ôi mần răn g mà, nễ viên trung độc xử, dữ Lợi th  
tư hoan (3)  
Nhữ vị thú liên gian (4), thử thị nhị tội dã.

### *Ái Châu viết :*

Tướng tội chi tẻ, như tội nớ là (b).

*Loạn viết* : Độc xử viên trung, thích Lợi th  
đột lai điệu lý (5)  
Con rĩa chừ, đã dĩ lữ (6) đi rồi thời,  
Tùng quyền thế cố, kết tư hoan thứ miễn cơ đàm (7).

*Kim Ngọc viết :*

Người ta nói có khôn thời có ngoan.

Tao kể tội thứ ba cho mi nghe (c) :

Đã theo người làm vợ, phải trọn đạo thờ chồng,

Mi thấy cha chồng mi cùng chồng mi tham tài hại  
dân,

Thời đã, không một lời tận trung nạp gián thi thời,  
lại hằng thói trợ là vì ác (8) nữa mà.

**Khảo dị :**

a— Câu này ở bản A không có.

b— Câu này ở bản A không có.

c— Câu này và câu trên ở bản A không có.

**Chú thích :**

1. *Khởi thi* : là phải. *Lương duyên* : duyên số tốt lành.

*Tức đẽ* : cỗi rễ cũ. Câu này ý nói : duyên số tốt lành ấy phải do ở cỗi rễ đã có sẵn.

2. Ý nói thành ra xui khiến cho kẻ đề tiện này phản bội lời giao ước việc đính hôn.

3. Ý nói mi ở một mình trong vườn hoa, thông dân vụn trộm với con nhà họ Lợi (tức Ái Lang, con Lợi Đờ).

4. Ý nói chưa lấy nhau đã gian dâm trước.

5. Ý nói ở một mình trong vườn hoa, chợt có nhà họ Lợi thỉnh Linh đến trêu ghẹo.

6. *Dĩ lỗ* : trót lỗ.

7. Ý nói theo sự tạm bợ đề đỡ lòng mơ tưởng, mới gây ra mối khoái lạc riêng, may khỏi hồ hang.

8. *Tận trung nạp gián* : hết lòng trung thực dâng nộp lời can.

*Hằng thói* : quon thói.

*Trợ là vì ác* : giúp kẻ gian tà làm việc dữ.



Một nhà bầy khắc bạc, trăm họ chứng thắm sâu (1).  
 Nhơn tâm mị ở đầu, thử thị tam tội dã.  
 Vạn ác dâm vi thủ, bá hạnh hiếu vi tuen (2) :  
 Quản đạo vừa thụ khuyết, Viên ngoại tới hạ thân (3).  
 Mị xui cha chồng mị, phân biệt lễ quan dân. bị  
 bạc tình qua cái (4).  
 Lễ trình nghi đem phát, chốn môn hộ đón ngăn (5).  
 Bất hiếu thấy rõ ràng thử thị tứ tội dã.

*Vô Hà viết :*

Cô răn mà đề cho khỏi hai tội đó (6).

*Ái Châu viết :*

Hai tội nì cũng dễ đề mà.

*Loạn viết :* Thừa số là, Lợi thị toàn gia giai bạo  
 ngược (7)

Dẫu mà tôi có can gián đi mấy nữa là :

Trung ngôn nghịch nhĩ, tự tạo thân (8).

Còn sự hờng công nói tôi đuổi xò chĩa mẹ tôi là  
 Đại đức đại ân niệm phụ mẫu nguyên phi bản  
 bực (9) ;

Tôi ngăn đón là sợ cha chồng tôi khi (10) cha tôi  
 đó mà

Tần lai tần vãng, khủng hôn như hữu ý mạng  
 khinh (11).

**Chú thích :**

1. Qua câu này, chúng ta thấy tác giả rất ghét bọn tham quan ở lại hung ác, bóc lột nhân dân một cách tàn tệ, làm cho nhân dân phải lâm vào cảnh thắm sâu.

2. Ý nói muốn tội ác thì tội « dâm » nặng nhất, trăm nét tội thì nét « hiếp » đứng hàng đầu.

3. *Thư khuyết*: quyền làm chức quan khuyết ngạch, chứ chưa được thực sự bổ giữ chức.

*Hạ thân*: mừng người thân gia.

4. *Qua cát*: loài cây có dây bò lan man, quấn quít vào cây khác. Văn học cổ thường dùng để tượng trưng cho hai bên có quan hệ dính liền với nhau. Ta có thành ngữ « dây mơ rễ má » là do ý của danh từ này. Ở đây ý nói Lợi Đều và Lâm Vương là tình thông gia.

5. *Món hộp đón ngõn*: đóng cửa không cho vào.

6. Kim Ngọc kể tội Ái Châu, có mười tội, nhưng Vô Hà chú ý nhất vào hai tội: vào lửa với Lâm Vương để bóc lột nhân dân, và tội dâm dăng là mất phẩm chất người phụ nữ.

7. Ý nói cả nhì họ Lợi Đều là bọn ác.

8. *Trung ngôn nghịch nhĩ*: lời nói thật nghe trái tai.

*Tự tao thân*: tự mình lại rước lấy tai vạ vào thân.

9. Ý nói nghĩ cha mẹ vốn không phải là người nghèo túng.

10. *Khi*: khinh rẻ.

11. *Tần lai tần vãng*: đi lại luôn luôn. Câu này ý nói: Đi lại luôn luôn, chỉ sợ rằng người thông gia có ý khinh rẻ.

### *Kim Ngọc viết:*

Con già lắm thiệt, ta kể qua tội thứ năm cho mi  
nghe:

Lời cô ngữ nói rằng: « Nhất dạ phu thê bá dạ ưu »  
(1), mi cùng Ái Lang là:

Tuy tiền dăm bậu thú thời mặc lòng, cũng nghĩa  
trọng tình thâm (2).

Ai đi, chồng đương bị hãm cầm, mi tư giơn cùng  
hạ liện (3).

Quen theo người đã chiến, chẳng nhờ nghĩa đồng  
khâm (1);

Quả bội đức tham dâm. Thử tội ngũ tội đã.

### **Ái Châu viết :**

Tôi tưởng tội thứ năm là tội chi lệ chớ mà (a)

*Loạn viết :* Cáo tiếp tư gian, chỉ thị hương thôn  
vu khống ngữ (5).

Nên tướng công nói lời mằn rứa là :

Tính tha đồ thuyết, chỉ vì lang Bộc tổng nghinh  
tình (6).

### **Kim Ngọc viết :**

Con rứa chừ, thừa nhơn lại nã phạm, lý hình hạ  
truy lang (7)

Đã điểm nhục môn lang, lại vu chiến cho gia mã (8)

Tài sản đã tan phá, phu phụ bấy phiêu lưu.

Có phải, bần bạc lão thân sầu (9), thử thị lục tội dã.

**Giải dị :**

a- Câu này ở bản A không có.

**Chú thích :**

1. Ý nói tình nghĩa vợ chồng với nhau, dầu chỉ có một hôm ngắn ngủi, nhưng cũng phải giữ vững mối tình ấy suốt đời. Câu này do câu « nhất nhật phu thê bách nhật ân » của Trương Hồng Tiệm nói với Thi Thu Thuấn (Liều trai chí dị).

2. *Nghĩa trọng tình thâm :* nghĩa nặng tình sâu.

3. *Cùng hạ tiện :* cùng người hèn hạ. Ở đây chỉ Đoàn gia môn tử, con người lính. Dưới thời phong kiến, lính tráng không có quyền tự lập, chỉ theo người chỉ huy sai phải làm những việc thấp hèn.

4. *Dã chiến :* ý chỉ trai gái giao hợp vùng trộm ở nơi bờ bụi.

*Đồng khám :* cùng đắp chung chăn, ý nói tình vợ chồng.

5. Ý nói tố cáo tội về tội gian dân vùng trộm, chỉ là lời vu oan của người ngoài mà thôi.

6. *Đồ thuyết :* câu nói bịa đặt ở đầu đường.

*Tang Bộc* : đa câu « lang giang Bộc thượng » nói tắt, nghĩa là bãi dãi trên sông lớn, nơi trai gái đắm đuối của nước Triệu hò hẹn nhau gặp gỡ (Mao thĩ). Câu này ý nói : nghe những lời đầu đường ngõ chợ của bọn kia (chỉ người làng xóm nói ở cầu lớn), chẳng qua thấy tôi có tình đưa đón chào mời người con trai trong lúc gặp ở bãi dãi trên sông Bộc.

7. Ý nói người thừa hành đến bắt can phạm, giao xuống sở lý hình (bộ phận giữ việc hình ngục) truy hỏi lang vật.

8. Ý nói đã làm như nước chảy xuôi cả gia đình, lại còn chiều chuộng vu cho cha mẹ.

9. Ý nói cha mẹ già phải sầu khổ vì nỗi nghèo túng.

### *Ái Châu viết :*

Tội thứ sáu lời nghĩ cũng phải, nhưng mà còn oan  
lời lắm (a).

*Loạn viết* : Khâm mạng thanh tra, trong bình  
dung lương lại khảo vấn (1).

Bắt đức dĩ cho nên tôi.

Như đi lán cốt, tạm chiêu khai dĩ bảo cơ phù (2).

### *Kim Ngọc viết :*

Tao kể luôn qua tội thứ bảy cho mi nghe (b) :

Trần ầu đem về bán, địa phương chẳng chịu mua.

Phu nhưn mới rước đưa, lại dãi mị.

Thượng khách thêm ghá trọng (3)

Phu nhưn lại, khiến bọn quan sung dụng, lòng tối  
hiếp ăn cần (4).

Mi lại gia tiếng bất nghĩa cho người ta, là :

Quá dĩ can báo ân (5), thử thì thất tội dã.

*Ái Châu viết :*

Còn tội chi kè đủ chực đi mà nghe (c).

*Kim Ngọc viết :*

Muốn kè đủ chực, thời lao kè cho mi nghe.

Mình đã thất thân vì liện, lý thời an phận (b)  
thường (6)

Lại đánh phấn soi gương, dốc trêu hoa ghẹo nguyệt.

Nhắn bao nhiêu danh liệt, dò theo bọt dòng lưu (7);

Nề bất cổ tâm tu (8), thử thị bất tội dã.

**Khảo dị :**

a, b, c— Bản A cả ba câu đều không có.

**Chú thích :**

1. *Khám mạng thanh tra* : kinh vàng mệnh lệnh tra xét, đề cho việc kiện tụng được rõ ràng.

*Trong hình... khảo vấn* : dùng hình cụ hạng nặng đem đến tra hỏi.

2. *Như di lân cốt* : nằm xương lân như ngọn cỏ yếu ớt.

*Tạm chiêu... cơ phu* : cung khai tạm đề giữ lấy da thịt.  
Ý nói khiêu bị đánh đập, dể lòn thương đến da thịt.

3. *Thương khách thêm quá trọng* : ý nói đối đãi long trọng hơn người khách quý nhất trong nhà.

4. *Bồn quan* : ở đây Kim Ngọc tự xưng mình.

*Sủng dụng* : yêu quý lấy làm vợ.

*Lòng tởi hiệp ăn cần* : ý nói bụng dạ Vô Hà rất vui vẻ ăn cần.

5. *Dĩ oán báo oán* : đem lòng oán thù đề đến đáp lại người có ơn huệ với mình.

6. *Thất thân* : cũng như chữ « thất liết ».



*Thất thân di tiên* : làm việc xấu xa hèn hạ mất hết Upr  
trình tiết của người đàn bà.

*Yên phận thủ thường* : yên thân phận, giữ lễ thường không  
thay đổi.

7. *Nhẫn* : liếng cô, nghĩa là nữ lòng nào, đến nay.

*Bọt* : bọt nước. *Đóng lưu* : chảy xuống biển đông, ý nói  
không bao giờ trở lại.

8. *Nề bứt cổ làm tu* : mi không thêm nghĩ gì đến hồ thẹn.

Như phu nhân ta là trung, nghĩa, tiết, hiếu làm  
vậy, là :

Trước vì cha cứu nạn, sau vì chủ đổi hôn (1).

Khi về với ta, ngã lật hệnh, bần cùng, vô lắng,  
hiền yếm bạc (2)

Mi lại, gia những điều bạc ác, loạn bẻ gánh cương  
thường (3);

Nề táng tận thiên lương (4), thử thị cứu tội đã.

Mi là một đứa hư, mà phu nhơn ta đem mi về.

Đã hết tình tôn trọng, lại đem dạ yêu thương.

Phu nhơn ta, dầu có chút chẳng thường (5), tình  
cũng nên giấu giếm.

Mi lại, viết chữ bày lời hung hiểm, đưa thơ khiến  
mở điển trừ (6).

Nề ký độc thả ngu (7), thử thị thập tội đã.

Ấy, mười tội đã kể cả, một đao xuống cho rồi.

*Vô Hà viết :*

Thưa, quân thỉnh khả sát lai, bình bất khả phục  
thục (8)

Như liễu thơ, tội đã ưng đến chực, mà lùn chẳng  
thỏa có ba (9).

Vả thượng quan kim chãng là : Vốn oai khí hoàng  
gia.

Đề mà, răn tham ô quan lại (10), kia chớ.

**Chú thích :**

1. *Trước vì cha cứu nạn* : Thạch Đạo Toàn bị tội oan, Vô Hà phải bán mình lấy tiền chuộc tội cho cha.

*Sau vì chủ đổi hôn* : Vô Hà giả làm Ái Châu để lấy Kim Ngọc.

2. *Ngã lại bệnh bầm cang* : ta ốm đau lại nghèo kiệt.

*Vô lẳng hiêm, yếm bạc* : không oán trách, phàn nàn. chán nản, bạc bẽo.

3. *Ý nói Ái Châu toàn làm cho Kim Ngọc và Vô Hà giữa đường đứt gánh.*

4. *Tàng tận thiên lương* : mất hết lòng lành sẵn có do trời phú cho từ lúc còn nhỏ.

5. *Có chút chẵng thương* : ý nói có một chút nhỏ mọn nào đó không được hình thường.

6. *Lời hung hiêm* : lời độc ác, thâm hiểm. *Điền trư* : trư bỏ, đốn tận gốc rễ. Câu này ý nói : Ái Châu đưa thư xúi Kim Ngọc tuyệt tình với Vô Hà.

Có đầu, đem triều đình đánh khi, mà xử thua phần  
nữ lưu (1)

Cái kẻ yên dụng ngưi đao, còn xạ tước chấ lu  
châu đụn (2).

Lợi liễu thơ đã đáng, nhưng mà tương công cùng  
liều thơ vốn là nguyên phối, bởi vậy tình  
giải ngục nên tha (3).

Huống chi, tương công từ thuở dăng khoa,

Viên ngoại cũng hết tình chiều cổ :

Kinh đình ra công phủ (4) là vì duyên cố có liễu thơ.

Nay tương công giận một việc tư tà, nỡ quên tình  
như ngãi



người trổng tuyển là bao nhiêu. Ở đây tác giả mượn danh từ này để nói số phụ nữ được trổng tuyển vào tam cung lục viện của vua chúa.

4. Ý nói Lâm Vương xây dựng phủ đệ cho Kim Ngọc ở.

5. *Phiêu lưu nơi quận ngoại*: ý nói trôi giạt ở ngoài thành.

*Qui tập lại gia trung*: ý nói đem về tập hợp ở trong một nhà.

6. *Khởi đoan*: bắt đầu mới.

*Tiện thiếp*: người vợ hèn, lời nói nhún.

7. *Nghiêm trang*: trịnh bày một cách nghiêm trang.

*Chưa thỏa sát*: giết người chưa thỏa đáng.

8. Ý nói xin cứ tự nhiên, không phải đề tâm nghĩ ngợi.

9. Ý nói e rằng có hại đến hòa khí trong gia đình.

### *Vô Hà viết:*

Tôi xin điều chi không dặng, vả tôi là xuất thân  
vi liên (1);

Bại tích (2) nay đã rõ thấy, hoàng phong đầu dầm  
đeo mang (3);

Vậy thời, xin kiếm người trổng chủ gia cương (4).

Đề cho thiếp không môn tiếp hạn (5), lạy kính  
niệm phết mũ thối.

### *Kim Ngọc viết:*

Á hay, phụ nhưn phân chi tiếng ấy, như phụ nhưn  
không bán mình sao thấy là hiền,  
còn ta không tật bệnh sao thấy là nghĩa (6);

Có phải à, kiêu lòng có sượng nghiêm mới lữn (7).

Còn kinh thảo không gió bão ai khen (8);

Rất đổi là, Từ Từ xưa còn khuất tiết ra Ngô  
trung (9).

Hàn Tín trước cũng nhục thân ở khóa họ (10)

Đến nay, lúc vinh danh chư họ (11), có phải thêm  
rõ tiết thiên thu

Huống chí gia thế phu nhơn,

Tuy không nên Vương, Tạ phong lưu (12), thì  
mặc lòng.

Song cũng liếng Hiên, Kỳ (13) thế đại, đó mà

**Chú thích :**

1. *Xuất thân vi tiện* : con nhà nghèo hèn.

2. *Bại tích* : thua kém, không có công lao gì.

3. *Hoàng phong... đeo xung* : ý nói có đám đầu đội mũ mặc áo mạng phụ (nhất phẩm phu nhân) do thiên tử ban cho.

4. *Trương chủ* : do chữ «chủ trương» đưa vị cho hợp niêm luật.

*Gia oang* : giếng nước trong nhà. Câu này ý nói : tìm người cầm cương này mực trong gia đình.

5. *Không môn* : cửa Phật. *Tiếp bạn* : tiếp thu sách kinh nhà Phật, làm bạn học với sư ni.

6. *Phân chi tiếng ăy* : ý nói phân trần làm gì những lời ấy.

*Ta không... là nghĩa* : nếu như tôi không ốm đau thì làm sao mà biết được phu nhân là người có nghĩa.

7. *Kiều tưng* : cây gỗ thông cao lớn. *Sương nghiêm* : sương tuyết buổi xương thịt. Câu này thoát ý câu «luế hân nhiên hậu trí tưng bách chi hậu điều», nghĩa là hàng năm đến mùa rét, mới biết cây thông, cây bách xơ xác sau cùng (Luận ngữ).

8. *Kính thảo* : màn cỏ cứng. Câu này thoát ý câu «lập phong tri kính thảo» nghĩa là gặp gió bão mới biết màn cỏ nào cứng (Hàn thư).

9. *Tử Tư* : tức Ngũ Tử Tư. lên là Viên. người nước Sở, đời Xuân thu.

*Ngô Trung* : tên một địa phương, xưa gọi là Cối-kê, bây giờ thuộc địa phận tỉnh Giang Tô (Trung Quốc).

*Khất tiết vu Ngô Trung* : ăn náu khi tiết ở Ngô Trung. Câu này dẫn điển cha và anh Ngũ Tử Tư bị vua nước Sở giết.



Từ Từ sang nước Ngô xin quân về giết vua nước Sở để báo thù. Trong thời gian ở nước Ngô, không có gì ăn, Từ Từ đã phải đi thổi sáo ở chợ Ngô Trung để xin ăn (Xuân thu ngũ truyện).

10. *Hàn Tín*: người đất Hoài Âm thời Hán Sở một trong ba người tài giỏi giúp Hán Cao tổ. *Khỏa hạ*: dưới bụng quần.

*Nhục thân ư khỏa hạ*: chịu nhục thân mình chui dưới bụng quần. Câu này diễn diễn Hán Tín nhà nghèo, phải làm nghề cừu cá đem ra chợ bán, để kiếm ăn. Một hôm, có anh hàng thịt hiếp buộc Hán Tín phải chui dưới bụng quần của anh ta (Hán thư).

11. *Hạ*: rộng lớn. Jo chữ « hoa hạ » nói tắt.

*Chư hạ*: các nước lớn. Ngay xưa, đất đai Trung Quốc chia thành nhiều nước chư hầu, nước nào cũng có vua cai trị, nhưng cùng tôn thờ một vị thiên tử trung ương. Các nước ấy có vinh dự được coi là « hoa hạ »: ý nói các nước có văn hóa, lễ nghi và đất đai rộng rãi.

*Vinh danh chư hạ*: tiếng lớn vang đến các nước lớn (Trung Quốc).

12. *Vương Tả*: tôn hai họ. Nôn Vương Tả: chủ dòng dõi Vương Thấn Chi và Tả An. Hai họ này kế tiếp nhau làm quan to trong triều về thời nhà Tần.

13. *Hiền Kỳ*: tức Hoàng đế Hiền Viên và Kỳ Bá.

*Hiền, Kỳ thế đại*: ý nói dòng dõi nhà danh y (chủ Thạch Đạo Toàn).

Phu nhơn xin thi hạ quan cho nhưng mà phải  
đuổi nó đi.

Phu nhơn chờ lưu linh quyển úi (1),

Bộ thần l Bộ thần mau truyền dữ địa phương (2).

Nghe dặn: giải hẩn lời địa phương quan nói rằng  
con nó là

Quả thiệt loài cầm độc y thường (3) chờ cho ở  
nhận hồng trạch cảnh (4).

(Nhập văn viên)

*Vô Hà viết :*

Ôi cô ôi !

Phiến thời nan hồi diện, thiên lý bất thăng thanh (5).

Ngờ một nhà đẹp phàn Hoàng Anh (6).

Hay hai ngả phàn nhau nam bắc.

*Ái Châu viết :*

Phu nhân ôi !

Bao dung vô cực vô cực, lu xú vô cùng vô cùng (7).

Ruy mới biết căng lòng, thời lại không thấy mặt.

Như tôi lữ đưng cánh hồng phiêu lạc,

Lữ đưng, chiếc bách lữ lữ (8), vậy thời,

Đầu từ già trường loan, mặt trông chừng dấu thỏ (9).

*Văn viết :* Trường loan trông chừng dấu thỏ,

Thần bao núi đập gió dày sương.

**Chú thích :**

1. *Lưu tình quyến ái* : giữ tình thương yêu quyến luyến.

2. *Bộ thân* : bầy tôi trong hủn bộ.

*Truyền dữ địa phương* : truyền bảo với chức dịch địa phương.

3. *Cầm độc ỵ thương* : loài thú mà dơi mồi đeo xiêm.

4. *Nhạn hồng* : tức là « hồng nhạn » đảo vị cho hợp niêm luật. Ở đây ý nói không cho Ái Châu ở lẫn vào chỗ đàn lữ đưng thiện.

5. *Phiến thời nan hồi diện* : thời gian ngắn ngủi khó lòng được gặp mặt.

6. *Thiên lý bất thăng thanh* : xa xôi ngàn dặm không hề biết tình thương nhớ.

7. *Hoàng Anh* : tức Nga Hoàng và Nữ Anh, hai người con gái Đế Nghiêu cùng lấy chung một chồng là Đế Thuấn.

8. Ý nói Vô Hà bao dung không biết thế nào là cùng cực và Ái Châu thơ xấu hồ vô cùng.

8. *Chiếc bách* : chiếc thuyền đóng bằng gỗ cây bách. *Lỡ lòn* : lúe lờ lòn nước chảy.

9. *Đuối thổ* : vết chân con thú. Giống thổ có đặc tính là thoát thân rất nhanh.

*Vô Hà viết :*

Cô ôi ! Vạy thời,  
Bạc trăm lượng đáng cô hành lý, vàng ngàn năm  
bụng lờ nỏ sai (1)

Cám thương cô thân gái lạc loài.

Còn đất khách muôn trùng diệu vợi,

*Văn viết* : Đất khách muôn trùng diệu vợi,

Cò đi mạnh giỏi nghe, ghi lấm lòng  
nhơn nghĩa thủy chung.

*Ái Châu viết :*

Phu nhơn đà trở lại trường trung.

Ấu ta kíp trông chừng dạm liễu.

*Văn viết* : Ta kíp trông chừng dạm liễu

Xui hỡi trời phải chịu gian nan

Còn xuân còn lúc tình tang

Không nơi Tống Ngọc. cũng phượng  
Tràng Khanh (2).

Lao xao kia yến nọ anh,

Xa xem lối thủy lâu xanh một lờn...

**Chú thích :**

1. Ý nói người đầy tớ giữ lấm lòng vàng mãi mãi không bao giờ phai lạt.

2. *Tống Ngọc* : người nước Sở thời Xuân thu. học trò của Khuất Nguyên. *Tràng Khanh* : tên tự của Tư mã Tương Như. người đất Thành Đô, làm quan thời nhà Hán. Hai người này là tay phong tình. Tống Ngọc đã làm bài phú « Đằng đồ tử hiếu sắc » và Tràng Khanh đã gảy khúc « Phượng cầu hoàng » quyến rũ được người gái góa là Trác Văn Quân.

## TÀI LIỆU THAM NHẢO

Trương Vĩnh Ký di tập. (Dân chép tay).

Paulus Cũn — Quốc âm thi tập.

Đào Văn Hội — Danh nhân nước nhà.

Lê Quang Chiêu — Quốc âm thi hiệp tuyển.

Nguyễn Văn Nghĩa — Văn chương và lịch sử cụ Thủ khoa Nghĩa và con là Bùi Hữu Tú, Văn hóa thơ xá, 1936.

Vũ Ngọc Phan — Tục ngữ và dân ca Việt Nam, Nhà xuất bản Sĩ học 1963.

Trần Văn Giàu — Nam Kỳ kháng Pháp — Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội, 1956.

Nhất Tâm — Huỳnh Mẫn Đạt (phụ lục Bùi Hữu Nghĩa và Thủ khoa Huân), Nhà xuất bản Tân Việt, Sài Gòn, 1956.

Bùi Quang Nhơn — Kinh Thạch kỳ duyên, phiên âm lần đầu tiên, 1895.

Nam Cư, Bùi Hữu Nghĩa thi văn và võ tướng, An Giang thơ xá, 1953.

Phạm Văn Đồng — Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ dân tộc, tạp chí Văn học, Hà Nội, 1963.

Trần Văn Giàu — Trong dòng chủ lưu của Văn học Việt Nam, tư tưởng yêu nước, Nhà xuất bản Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh, 1983.

Nguyễn Phan Quang — Phong trào nông dân Việt Nam, nửa đầu thế kỷ XIX, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1986.

Ca Vầu Trùng — Hào khí Đồng Nai, Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh, 1983.

Bảo Định Giang — Thơ văn yêu nước Nam Bộ nửa sau thế kỷ XIX, Nhà xuất bản Văn hóa, Hà Nội, 1962.

Phong Châu, Nguyễn Văn Phú, Phú Việt Nam cổ và kim, Nhà xuất bản Văn hóa, Hà Nội, 1960.

Phong Châu, Nguyễn Văn Phú, Văn-tố Việt Nam cổ và kim, Nhà xuất bản Văn hóa, Hà Nội, 1960.

Sơn Nam, Cá tính của miền Nam, Nhà xuất bản Đồng phố, 1974

## MỤC LỤC

|                                                     | Trang |
|-----------------------------------------------------|-------|
| Lời Nhà xuất bản . . . . .                          | 5     |
| 1. Cùng bạn đọc . . . . .                           | 7     |
| 2. PHẦN I                                           |       |
| Con người và tác phẩm . . . . .                     | 11    |
| 3. PHẦN II                                          |       |
| Thơ và văn lễ . . . . .                             | 111   |
| 4. PHẦN III                                         |       |
| Luồng: Kim, Thạch kỳ duyên<br>(tóm tắt, trích đoạn) | 147   |
| A. Tóm tắt nội dung vở luồng                        |       |
| «Kim, Thạch kỳ duyên» . . . . .                     | 149   |
| B. Hồi thứ nhất . . . . .                           | 152   |
| C. Hồi thứ hai . . . . .                            | 213   |
| — Tài liệu tham khảo. . . . .                       | 271   |



**BÙI HỮU NGHĨA — CON NGƯỜI VÀ TÁC PHẨM**  
của  
**BÀO ĐỊNH GIANG**

*Chịu trách nhiệm xuất bản* : TÀN ĐỨC  
*Biên tập* : HUỖNH TẮM  
*Sửa bản in* : NGUYỄN BÌNH  
*Trình bày mỹ thuật* : MINH HẰNG  
*Vẽ bìa* : TRẦN TRUNG TÍN

**NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**62 Xô Viết Nghệ Tĩnh — Quận 1**

|                     |                                  |       |       |
|---------------------|----------------------------------|-------|-------|
| Dãy số              | <i>Phòng Hành chính</i>          | }     | 25340 |
|                     | <i>Phòng Trị sự</i>              |       |       |
|                     | <i>Phòng Tài vụ</i>              |       |       |
|                     | <i>Phòng Chính trị</i>           | }     | 96764 |
|                     | <i>Phòng Kinh tế</i>             |       |       |
|                     | <i>Phòng Khoa học — Kỹ thuật</i> |       |       |
|                     | <i>Phòng Văn hóa</i>             | :     | 22726 |
| <i>Hạn Giám đốc</i> | :                                | 96713 |       |

---

In 2.000 cuốn. Kích 13 x 19cm,  
In tại Xi nghiệp In số 6 — TP. Hồ Chí Minh,  
In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 1988.

# TÌM ĐỌC



0000443942

- Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân HỒ CHÍ MINH
- Thêm một số tư liệu về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc thời gian ở Pháp 1917 — 1923 Giáo sư NGUYỄN PHAN QUANG
- Nâng cao chất lượng đảng viên HỒNG MINH
- Đề làm tốt công tác kiểm tra của Đảng HỒNG MINH
- Tìm hiểu chính sách của Đảng và Nhà nước đối với đạo Thiên chúa NGUYỄN VĂN ĐÔNG
- Nghiệp đoàn Sài Gòn và phong trào công nhân LÊ THỊ QUY
- Đổi mới và chính sách xã hội, văn hóa TRẦN ĐỘ
- Triết học và tư tưởng Giáo sư TRẦN VĂN GIÀU
- Địa chí văn hóa (Tập 2) Giáo sư TRẦN VĂN GIÀU



— NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ



Gía : 1.400 đ